



CARMEN


COLOMBA

Prosper Mérimée



HOA GIANG BANG HONH VON

Carmen & Columba

Prosper Merimee

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Mục lục](#)

[LỜI GIỚI THIỆU](#)

[Chương 1. TAMANGÔ](#)

[Chương 2. HAI SỰ HIỂU LẦM](#)

[Chương 3. VÊ NỮ THÀNH ILO](#)

[Chương 4. ARXEN GUYÔ](#)

[Chương 5. CARMEN](#)

Mục lục

[LỜI GIỚI THIỆU](#)

[Chương 1. TAMANGÔ](#)

[Chương 2. HAI SỰ HIỂU LẦM](#)

[Chương 3. VÊ NỮ THÀNH ILO](#)

[Chương 4. ARXEN GUYÔ](#)

[Chương 5. CARMEN](#)

LỜI GIỚI THIỆU

Prôxpe Mêrimê (1803 - 1890) sinh ở Pari trong một gia đình nghệ sĩ. Cha ông vừa là họa sĩ vừa là nhà bác học. Mẹ đẻ ông đã nuôi ông bằng cả những bài ca, những câu chuyện cổ khi còn bồng bế trên tay. Nhờ có tài kể chuyện dân gian, bà đã gây cho cậu con trai những tình cảm hào hứng, đồng thời bằng những nhận xét sâu sắc và châm biếm bà cũng sớm tạo ra trong trí ngây thơ sự tự kiềm chế và óc phân tích chớm nở.

Sau khi tốt nghiệp trường luật, Prôxpe Mêrimê vào công tác ngay trong ngạch hành chính và đã giữ những chức vụ cao, song con người nghệ sĩ được vun trồng từ tấm bé vẫn sống mạnh mẽ và vươn lên trên cuộc đời công chức. Sau này công tác bảo tàng và khảo cổ lại là phương tiện giúp ông đi khắp đó đây, đến những miền đất lạ, tìm hiểu, sưu tập những kho tàng văn hóa và đời sống của nhân dân để xây dựng nên những tác phẩm độc đáo.

Tình bạn của Xtăng đan lúc Mêrimê mới mười chín tuổi đã ảnh hưởng nhiều đến tư tưởng và nghệ thuật của ông theo chiều hướng lãng mạn.

Trong tác phẩm đầu tay mà Mêrimê gán cho một nữ kịch sĩ Tây Ban Nha là Kịch của Clara Gazuyl gồm sáu vở kịch ngắn bằng văn xuôi, với ngòi bút trào phúng ông đã bắt đầu chống lại tầng lớp tăng lữ và nền quân chủ và cũng đã thể hiện một lối viết đặc biệt chặt chẽ và thanh đậm.

Năm 1827 ông xuất bản La Guzla gồm hai mươi tám bài hát và cũng nói là sưu tập những bài dân ca vùng Iliri (một vùng ven biển Adriatic). Mêrimê đã từng ca tụng nhà đại văn hào Nga Putskin về tính hiện thực và đại chúng, thì ngược lại Putskin cũng đã cùng với nhà thơ Ba-lan Mickiêvic dựa vào La Guyzla để viết nên "Những bài hát của người Tây Xlavor".

Rất say mê Sêchxpia, Mêrimê đã dành công sức cho một số đề tài lịch sử như kịch Khởi nghĩa nông dân (1828) miêu tả với đầy thiện cảm phong trào khởi nghĩa của nông dân Pháp hồi thế kỷ thứ XVI, tỏ thái độ rõ ràng với những cuộc cách mạng dân chủ, và tiếp theo đó là vở Cácvagian.

Như nhiều nhà văn thời bấy giờ chịu ảnh hưởng của Oantơ Xcốt, Mêrimê cũng viết tiểu thuyết lịch sử; ông cho ra tập Biên niên thời Sác-lơ IX, gồm nhiều truyện dựng lại những cuộc chiến tranh tôn giáo ở thế kỷ XVI, tố cáo những sự tàn ác của những cuộc chém giết lẫn nhau rất dã man chỉ vì những nguyên nhân vô nghĩa. Tác giả cho rằng tôn giáo chẳng qua là một trò dối trá mà bọn tăng lữ và vua chúa bày đặt ra. Tập truyện ấy có tiếng vang mạnh mẽ và làm cho Mêrimê nổi lên như một người đại diện dũng cảm của nền văn học tiến bộ Pháp, một người kế tục xứng đáng của Vonte và Đidôrô.

Song từ năm 1829, hình như sau một thời gian thử nghiệm, Prôxpe Mêrimê đã tìm ra một thể loại thích hợp với phong cách của mình và cũng phù hợp với việc thể hiện những chủ đề tư tưởng mà ông hằng nung nấu. Đó là thể loại những truyện ngắn và truyện vừa hết sức độc đáo đã làm cho Mêrimê nổi tiếng.

Mêrimê không dựng những tác phẩm lịch sử lớn mà đối tượng chủ yếu là xã hội phong kiến nữa. Ông bắt đầu chuyển hướng sang miêu tả những mẫu người, những tính cách, những đấu tranh nội tâm sâu sắc, những bi kịch tinh thần... nhằm lột tả một xã hội chứa đầy những mâu thuẫn không thể điều hòa giữa một bên là cả một chế độ mà đồng tiền và lợi ích vị kỷ ngự trị trên hết, một xã hội giả dối, bất lương, chà đạp và bóp nghẹt nhân phẩm, ngăn cản sự phát triển mọi giá trị chân chính, với một bên là những bản chất tốt đẹp, những tình cảm trong sáng, những khát vọng chính đáng và tinh thần vươn lên của con người.

Từ năm 1829 đến năm 1833, Mêrimê viết một loạt truyện ngắn đăng rải rác trên các tạp chí như Matêô Fancôn, Đánh chiếm đồn lẻ, Chiếc lọ cổ, Những trận đấu bò tót, Một cuộc xử tội, Ván toric - tờ rắc, Tamangô v.v... Một số truyện được xuất bản lại trong tập La Môdaich. Tiếp sau đó cho đến năm 1845, ông viết những truyện Hai sự hiểu lầm, Những linh hồn trong luyện ngục, Vẻ nữ thành I-lơ, Côlôm-ba, Arxen Guyô, Carmen v.v... Ngoài ra, trong những chuyến đi ra nước

ngoài ông còn viết Những bức thư từ Tây Ban Nha, Tùy bút về lịch sử La Mã...

Lên án chủ nghĩa thực dân - nô lệ, Mêrimê đã tạo ra một nhân vật điển hình của văn minh tư sản phương Tây là viên thuyền trưởng Lơ đư chuyên đi buôn nô lệ da đen. Đối với hắn mục đích cao nhất là lợi nhuận biện giải cho mọi phương tiện và thủ đoạn. Chiếc tàu mang cái tên thơ mộng "Hy Vọng" được trang bị những dụng cụ hiện đại như còng xích sơn véc-ni chống rỉ, những kết sắt đựng nước ngọt để đi biển dài ngày, thiết kế khoang tầng sao cho gọn nhất mà lại chứa được nhiều người nhất, dù tầng đã cao đến tám mươi phân để những nô lệ có tầm vóc vừa phải có thể ngồi thoải mái! Tamangô, một thủ lĩnh da đen nhưng lại câu kết với Lơ đư, cam tâm làm trung gian tàn nhẫn đổi mạng đồng bào mình lấy mấy cốc rượu và sẵn sàng bắn chết một người mẹ để dễ bán ba đứa con nhỏ. Nhưng cuối cùng Tamangô cũng rơi vào một chế độ nô lệ kiểu mới - chế độ nô lệ trả lương.

Trong tác phẩm của Mêrimê vai trò và cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội tư sản chiếm một vị trí đặc biệt. Ngay trong giới thượng lưu, người phụ nữ cũng là nạn nhân của những sự giả dối của những cuộc buôn bán ái tình và hôn nhân.

Bi kịch tình thần đó thể hiện sâu sắc trong Hai sự hiểu lầm mà Putskin cho là một trong những truyện đạt nhất của Mêrimê.

Trong tác phẩm này, Mêrimê vạch mặt tính ích kỷ và chủ nghĩa cá nhân cao độ của bọn tư sản. Chồng Giuyli là một tên ích kỷ đến tận xương tủy, thô tục, khiếm nhã trong quan hệ xã hội cũng như đối với người vợ xinh đẹp và tinh tế của mình. Phương châm sống của hắn là hưởng lạc, và chỉ cần có đồng tiền và thế lực là có thể mua được tất. Hắn quan niệm về vợ mình cũng như vậy. Hắn chẳng mong vợ yêu mình như ngày mới cưới, và luôn nghĩ rằng một khi đã để cho vợ sống tự do tùy ý thì ắt vợ cũng sẽ dung thứ cho những cái bậy bạ của hắn, kể cả kiểu "chồng ăn chả, vợ ăn nem".

Còn Giuyli vì đã trót đành cứ phải sống và thấy "không gì ghê tởm hơn những cái vuốt ve mà mình tránh cũng dở mà nhận cũng dở". Và nàng vẫn phải sống trong cái bể ngoài hạnh phúc giả tạo và danh dự hão huyền.

Nhưng rồi Giuyli đâu có thể tự ngăn cản được lòng mình trước tiếng gọi của tình yêu. Đã vội vã khi chọn một người chồng, nàng lại bỗng bật khi gửi gắm trái tim cho một kẻ mà nàng tưởng rằng yêu nàng tha thiết. Những nỗi thất vọng và những trận bão lòng dữ dội đã xô đẩy nàng từ giả dối đời một cách thâm hiểm.

Ngòi bút hiện thực của Mêrimê không chỉ coi Giuyli như một nạn nhân của cái xã hội xấu xa ấy. Nàng còn là một kẻ có trách nhiệm trong cuộc đời của chính mình. Những Anna Karênina ấy là sản phẩm của những xã hội phương Tây và mãi mãi gây trong lòng ta những niềm xót xa, cay đắng.

Vệ nữ thành Ilo là một trong những tác phẩm đặc sắc của Prôxpe Mêrimê. Trong khuôn khổ câu chuyện có tính chất huyền bí ấy, tác giả đã đề cập đến một vấn đề sâu sắc hơn, đó là cái ác nằm trong cái đẹp. Cái đẹp phải đi đôi với cái thiện. Và cái đẹp càng ác bao nhiêu thì tác hại càng lớn lao bấy nhiêu.

Arxen Guyô đánh dấu một sự chuyển hướng mới của Mêrimê đi sâu vào những tầng lớp "cặn bã" trong nhân dân thành thị.

Nghèo túng, phải sống bằng nghề mãi dâm, Arxen Guyô vẫn mang bản chất chân thật, thủy chung. Sau cái chết của người mẹ đáng thương, Arxen nhảy từ gác cao xuống đường nhưng không chết.

Đờ Piên phu nhân, một người giàu có mộ đạo đem lòng từ thiện cứu chữa, cứu mang, và muốn đem đạo giáo để cải tạo linh hồn cho nàng. Nhưng khi Xalinhì, người yêu của Arxen (và cũng là người trước đã từng yêu Đờ Piên phu nhân) xuất hiện, thì phu nhân tìm mọi cách ngăn cản hai người gặp nhau với lý do để

Arxen có thể yên tâm xám hối, và cố tin rằng nàng đã thấy rõ "tu là cội phúc tình là giây oan".

Arxen chỉ con biết phục tùng, nằm nghe những bài kinh tụng nhằm tai của cổ đạo và những lời thuyết giáo giả dối của "ân nhân". Arxen chờ đợi một niềm an ủi cuối cùng cho cả cuộc đời đau khổ của nàng là gặp lại người yêu mà nàng vẫn chung thủy. Nhưng lòng ích kỷ tàn nhẫn núp dưới cái vỏ đạo đức của Đờ Piên phu nhân đã cướp mất của nàng chút hạnh phúc nhỏ nhoi ấy và giết chết luôn cả con người tội nghiệp.

Tính hiện thực sâu sắc và chua cay trong câu chuyện thương tâm ấy đã gây nên những phản ứng điên cuồng của giới thượng lưu. Họ kêu gào đó là một chuyện dối trá, vô luân phi đạo và những đại diện xứng đáng của họ trong giới trí thức văn nghệ đã nhao nhao phản đối việc bầu Mêrimê vào Viện hàn lâm Văn học.

Những năm làm công tác khảo cổ, nghiên cứu về di tích lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ, phong tục, Prôxpe Mêrimê đã có nhiều dịp đi thăm các vùng hoang dã ở đảo Corxơ và các vùng lân cận ở Ý, Tây Ban Nha, đi sâu vào thực tế nhân dân và sưu tầm được nhiều vốn quý. Ông đã phát hiện ở những con người còn hoang dã và "lạc hậu" những bản chất tốt lành và đẹp đẽ mà ông ít tìm thấy trong những xã hội được tiếng là văn minh.

Ông tỏ ra đồng cảm, mến phục, yêu thương họ và chính vì thế mà ông đã viết nên những tác phẩm độc đáo, tuyệt vời với những hình tượng kỳ diệu. Ngay đối với bọn lục lâm, tướng cướp ở đó, ông cũng thấy rằng phần đông là do những hoàn cảnh rủi ro, những nỗi bất công mà bị gạt ra khỏi vòng pháp luật. Những con người khốn khổ ấy cũng biết trọng danh dự theo lối riêng của họ. Chính thành kiến tàn nhẫn chứ không phải lòng tham lam đã xô đẩy họ vào cuộc sống như hiện nay và họ không đến nỗi xấu như những người không ở rừng rậm.

Nhưng Mêrimê không sa vào những thị hiếu kỳ lạ, những chuyện ly kỳ rùng rợn, không lý tưởng hóa một cách tuyệt đối những con người hoang dã, trái lại đã thể hiện đúng đắn những vẻ đẹp tự nhiên đồng thời nêu lên những mặt lạc hậu, tiêu cực và những thói xấu của xã hội cũ và của nền văn minh tư sản.

Chỉ với hơn chục trang, Mêrimê đã khắc họa một cách vô cùng sâu sắc và mạnh mẽ tập quán và tính cách của những người dân Corxơ chất phác, chân thật, rất tôn trọng danh dự qua nhân vật Matêô Fancôn. Đứa con trai nhỏ duy nhất mà ông quý hơn vàng đã tham một chiếc đồng hồ vàng mà chỉ cho cảnh binh bắt một gã lục lâm lẩn trốn ở sân nhà mình. Đau xót, phẫn uất và lạnh lùng, nhà thiện xạ Matêô Fancôn đang tâm dùng mũi súng sẵn để trừng phạt con mình. Người đọc cảm thương, nhưng không hề cảm giận hay khinh ghét người cha, mà còn thấy kính phục, tuy vẫn thấy trong lòng ngậm ngùi, day dứt...

Truyện nổi bật nhất về đề tài Corxơ là Côlômba, một bản anh hùng ca bằng văn xuôi vừa trữ tình, vừa đậm đà hùng tráng.

Côlômba hiện lên như một hình tượng tuyệt vời của những người con gái Corxơ: đẹp đẽ từ nhan sắc đến tâm hồn và nghị lực, cái đẹp của những bông hoa rừng. Đảo Corxơ nổi tiếng về "Văng đétta", những truyền bá thù truyền kiếp, triệt để và khốc liệt. Cha của Côlômba là một anh hùng trong cuộc chiến tranh, một con người trung trực và dũng cảm đã bị những kẻ thù hèn nhát ám sát ngay quê nhà. Orxô, anh trai nàng, giải ngũ trở về không phải với mục đích trả thù. Nhưng Côlômba, mồ côi, lẻ loi, đau khổ không một phút nguôi chí báo thù cha, Cô gái xinh đẹp và thông minh ấy còn là một nhà thơ dân gian. Trái tim đa cảm ấy đã giúp cô phát huy được hết lòng dũng cảm, trí thông minh và cả những thủ đoạn để đấu tranh với kẻ thù, động viên và thuyết phục anh mình, Côlômba, đại diện của chính nghĩa, đạo lý và trí tuệ, đã dẫn dắt câu truyện, tháo gỡ nút mối và kết thúc tấn bi kịch cùng món nợ truyền kiếp bằng kỳ tích của anh nàng. Orxô bị phục kích bất ngờ, bị thương một tay vẫn một mình một súng diệt hai kẻ thù.

Một đỉnh cao nghệ thuật của Mêrimê là Carmen, một tác phẩm mà nhiều văn nghệ sĩ các nước đã dựa vào để sáng tác thành những vở ca kịch và vũ kịch.

Là một người bôhêmiêng, Carmen mang nhiều tính chất phức tạp và mâu thuẫn. Bên cạnh những thói xấu, cô gái đẹp đó rất thông minh và quyến rũ, có sức hấp dẫn khó mà cưỡng lại. Người ta biết nàng nói dối mà vẫn tin và tuân theo cả cái tính tùy hứng đổi thay hơn cả thời

tiết trên đỉnh núi của nàng. Song nét nổi bật trong Carmen là một tình cảm, một dục vọng mãnh liệt phi thường đi đôi với một nghị lực, một tinh thần cứng cỏi không kém, tinh thần độc lập, tôn trọng danh dự, bảo vệ tính tự do trong cuộc sống cũng như trong tình cảm mà nàng coi như thiêng liêng bất khả xâm phạm và có thể trả với bất cứ giá nào. Nàng là một kẻ sẵn sàng đốt cháy cả kinh thành để tránh một ngày tù tội và sẵn sàng đi thẳng đến cái chết, nhận một mũi dao của người yêu chứ không thay đổi ý chí.

Trong đời sống tinh thần của mình, Mêrimê mang nặng truyền thống của thế kỷ ánh sáng nên ông có thái độ thù địch đối với Giáo hội. Khuynh hướng này biểu hiện rõ trong nhiều tác phẩm mà tiêu biểu là "Những linh hồn trong luyện ngục".

Cốt truyện có vẻ như được xây dựng dưới ngòi bút của một người ngoan đạo, bất bình trước những hành động xúc phạm đến chúa của Đông Gioăng và hoan nghênh việc anh ta ăn năn sám hối trở về với Chúa. Nhưng kỳ thực đó chỉ là một thủ thuật mà Mêrimê đã sử dụng tài tình để phơi bày trước công chúng mặt trái đen tối của giáo hội.

Đông Gioăng là đứa con trai độc nhất của một gia đình thuộc dòng dõi quý tộc. Thuở bé cha anh thường kể cho anh nghe những chiến công tàn ác của mình để kích thích trí tưởng tượng của con. Bà mẹ lại là người ngoan đạo, thường đem những hình ảnh của những linh hồn trong luyện ngục bị hành hạ để răn đe và chuẩn bị cho đứa con mình sau này biết tìm về với Chúa.

Lớn lên được gia đình gửi đi du học, Đông Gioăng kết bạn với Đông Gacxia, một sinh viên ăn chơi hư hỏng, xảo quyệt tàn nhẫn và anh nhiễm ngay tính xấu của bạn. Họ cùng nhau lao vào con đường ăn chơi trác táng, con đường đi tìm những khát vọng yếu hèn nhục dục, không xứng danh Chúa. Họ lường gạt, quyến rũ và hủy hoại đời tư của nhiều phụ nữ, phản bội người yêu, can tội giết người. Để trốn tránh pháp luật, họ vào lính ở một nơi xa xôi. Nhưng trong quân ngũ họ tiếp tục phạm nhiều tội lỗi. Sau khi Đông Gacxia bị một đồng ngũ ám hại, Đông Gioăng xuất ngũ và tiếp tục con đường ăn chơi ngày xưa. Hình ảnh những linh hồn trong luyện ngục anh được nghe kể trước đây và hiện nay anh được ngắm lại trong bức họa tại ngôi nhà cũ anh trở về thăm, tuy có làm anh kinh hoàng nhưng không làm anh thức tỉnh. Thế rồi nhân dịp tìm thấy trong một tu viện dấu vết của người yêu cũ là Têrêxa mà cả gia đình bị anh làm cho tan nát,

Đông Gioăng tìm mưu tính kế dụ dỗ cô và đánh tháo cô ra khỏi tu viện. Nhưng việc không thành. Bấy giờ anh mới tìm đến một tu viện khác quyết tâm ở hẳn đó để tu khổ hạnh, chịu mọi cực hình hành xác để chuộc tội cũ và trở về với Chúa. Nhưng chính trong chốn thánh đường tôn nghiêm này anh lại phạm tội giết người: trong một cuộc đấu kiếm, anh đã hạ sát địch thủ ngay tại tu viện. Nhưng hành động của anh đã được vị linh mục ở tu viện bao che và đánh lạc hướng để câu chuyện không bị vỡ lở và nhà tu khỏi mang tiếng...

Những linh hồn trong luyện ngục với tình tiết hấp dẫn ly kỳ đã vạch trần bản chất xấu xa của những người giả danh mộ đạo để che dấu cái thực chất "tâm xà" của họ, do đó có tác dụng tố cáo danh thép giáo hội thiên chúa giáo.

Có người cho rằng Prôxpe Mêrimê chưa biết tìm những hình tượng đẹp để trong các tầng lớp nhân dân cực khổ ở ngay thành thị, trong các phong trào cách mạng vô sản đã bắt đầu bùng nổ để xây dựng nên những điển hình tiêu biểu cho những sức mạnh đang lên của lịch sử. Điều đó phản ánh sự hạn chế về quan điểm lịch sử và ý thức giác ngộ của nhiều nhà văn thời bấy giờ và đó cũng là một thực tế xã hội khác nhau. Ngay Mêrimê về sau cũng xa rời quan điểm sáng tác của mình, viết một số truyện không đạt thậm chí còn kém cả về tư tưởng và nghệ thuật. Nhưng điều đó không hề làm giảm sút giá trị của những tác phẩm hay mà

Mêrimê đã thể hiện một cách sâu sắc tính hiện thực phê phán và tinh thần nhân đạo chủ nghĩa.

Mêrimê chịu ảnh hưởng nhiều của những trào lưu tiến bộ và những nhà văn tiến bộ trong nước và nước ngoài. Sau này ông sáng tác ít đi và cũng đã mang nhiệt tình dịch một số tác phẩm của các văn hào Nga như Putskin, Gôgôn, Tuốcghêniép.

Prôxpe Mêrimê đã đóng góp một phần đáng kể vào kho tàng văn học Pháp và góp phần mở

đường cho nhiều nhà văn hiện thực nổi tiếng sau này như Guy de Môpatxăng, Anatôn Frăngxơ v.v...

Nội dung tư tưởng tiến bộ và tính hiện thực sâu sắc trong các tác phẩm của Prôxpe Mêrimê gắn liền với phong cách và nghệ thuật viết của ông cũng như với những thể loại mà ông sử dụng.

Mêrimê nổi tiếng không phải vì những vở kịch hay tiểu thuyết mà vì những truyện ngắn của ông.

Nếu trước kia Mêrimê chọn đề tài cho tiểu thuyết những bối cảnh lịch sử rộng lớn cả về không gian và thời gian, thì sau này ông đã chọn cho những truyện ngắn của ông những sự kiện nhỏ, những hoạt động nhỏ của xã hội đương thời, những con người bình thường với tính cách, tình cảm và diễn biến nội tâm, những bi kịch tinh thần, những vấn đề tưởng như nhỏ nhặt vô nghĩa lấy ngay trong thực tế cuộc sống để thể hiện một cách cô đọng nhất, sâu sắc nhất.

Như một nhà nghiên cứu văn học Pháp ví, người viết tiểu thuyết nhảy xuống nước, bơi suốt dòng sông với tất cả cảnh vật bao la bát ngát của nó, còn người viết truyện ngắn đứng trên bờ sông với chiếc giá vẽ và tấm lụa. Anh ta rình chớp lấy một pha đẹp nhất cả về bố cục, ánh sáng, kỹ thuật lẫn biểu hiện của tình cảm và tâm hồn. Người viết truyện ngắn ngắt một bông hoa trong cả một lùm cây...

Mêrimê đã thành công trong kỹ xảo đó. Bằng con mắt quan sát sắc bén, tâm hồn nhạy cảm và bút pháp kỳ diệu, Mêrimê đã biết chọn những hình ảnh, những hoạt động điển hình nhất, đồng thời đi vào chiều sâu của những tình cảm thầm kín nhất của con người để vẽ lên một bức họa, một bức chân dung với cận cảnh rõ nét nhưng vẫn toát lên cả một tấm nền mệnh mông, thăm thẳm.

Với quy mô hạn chế của truyện ngắn, Mêrimê đã sử dụng ngòi bút một cách chặt chẽ nhất, cô đọng và xúc tích nhất, không để một chi tiết thừa và gần như đi đến chỗ thanh đạm khô khan.

Văn tức là người, điều đó rất đúng với Mêrimê. Trong thế kỷ thứ XIX một số nhà văn Pháp quen mặc tả tâm hồn chơi vơi bi lụy, trải dài hàng chương hàng tập, thì cách viết như Mêrimê thật là hiếm và quý vậy.

Nhưng chớ tưởng lầm rằng Mêrimê khô cằn với lối viết của mình. Từng câu từng chữ, từng chi tiết chọn lọc kỹ càng và không thiếu mài dũa chứa đựng bao nhiêu tình cảm, suy nghĩ và đạo lý sâu xa. Đúng như Bandắc và Xanh-tơ Bơ vợ nhận xét, ở Prôxpe Mêrimê là một tài năng sâu sắc và tuyệt diệu với một chút gì nghiêm khắc và chua cay.

Phong cách thanh đạm, khô khan của Mêrimê vừa mang tính chất cổ điển, hiện thực và khoa học của những thế kỷ trước, vừa có tính lãng mạn, trữ tình của thế kỷ ông. Có thể nói tính chất ấy đã "bảo quản" tác phẩm của Mêrimê và khiến nó bền vững.

Matêô Famcôn với hơn chục trang là một ví dụ điển hình.

Một nhà phê bình đã nói không ngoa rằng nếu như Mêrimê chỉ viết có một truyện đó thì có lẽ cũng đủ chiếm một vị trí xuất sắc trong lịch sử văn học nước Pháp, bởi vì từng ấy trang chữ của tác phẩm không tính theo số lượng mà tính bằng trọng lượng.

Côlômba và Carmen là những bài thơ, những bản trường ca sâu đậm hiện thực và chan chứa trữ tình. Những điển hình ấy vừa mang tính cách chung của xứ sở, của dân tộc, vừa mang tính cách riêng độc đáo đến nỗi khó trở thành như những nhân vật có thật, và người ta coi đảo Corxơ như của Côlômba, cũng như coi Carmen là những người bôhêmiêng.

Tình cảm con người đã được Mêrimê khơi dậy với tất cả sức sống mãnh liệt của nó và Tibôđê đã phải thốt lên rằng "Những truyện ngắn của Mêrimê là một bảo tàng của những tình cảm và khát vọng con người".

Anatôn Franxơ cũng nhận xét: "Dưới nụ cười châm biếm của Mêrimê bạn không thấy một tình cảm nồng nhiệt sao? Tác giả của Côlômba luôn luôn bị thuyết phục một cách chân thành

vì những tình cảm chính đáng. Ông chỉ đòi hỏi những tình cảm đó phải thật sự và mạnh mẽ".

Tác phẩm của Prôxpe Mêrimê, quả như Emin Faghê nói, là "... những câu truyện thật trong sáng, thật súc tích, thật chứa chan, người ta đọc trong một giờ, người ta đọc lại trong một ngày,, và rồi chúng tràn ngập cả trí nhớ, buộc người ta phải ngẫm nghĩ mãi không thôi...".

ANH VŨ

Chương 1. TAMANGÔ

Viên thuyền trưởng Lơđu là một tay giỏi nghề đi biển. Hắn xuất thân là một thủy thủ thường, sau lên làm phụ lái. Trong trận Trafanga(1) bị một mảnh gỗ bắn trúng làm dập bàn tay trái, hắn phải cưa tay, sau đó bị thải hồi và được cấp chứng chỉ tốt. Ngồi không là một việc không thích hợp với hắn chút nào, nên chợt có dịp lại được đi biển nên hắn liền đi ngay và làm phó thuyền trưởng thứ hai trên một chiếc tàu cướp. Nhờ có tiền kiếm được sau mấy chuyến cướp, hắn mua sách học lý thuyết về nghề hàng hải là nghề hắn vốn đã hết sức thông thạo về mặt thực tiễn. Dần dà hắn trở thành thuyền trưởng một chiếc tàu cướp hai cột buồm có ba đại bác và sáu mươi thủy thủ; những người buôn bán dọc bờ biển vùng Gierxây(2) ngày nay hãy còn nhớ những vũ công của hắn. Hắn rất lấy làm buồn khi hòa bình được lập lại(3); hồi chiến tranh, hắn đã kiếm được một số tiền khá lớn mà hắn hy vọng còn làm tăng thêm nhiều nữa bằng cách đi ăn cướp của người Anh. Hắn buộc lòng phải đến xin làm việc cho những nhà buôn lớn kinh doanh một cách hòa bình; vì hắn được tiếng là tay quả cảm và có kinh nghiệm nên người ta không ngần ngại giao cho hắn một chiếc tàu. Khi việc buôn bán người da đen bị cấm và muốn làm nghề đó không những phải đánh lừa được sự cảnh giác của nhân viên thuế quan Pháp - điều đó kể ra cũng không lấy gì làm khó lắm, - mà còn phải - và điều này mới thật là bất trắc hơn cả - lẩn tránh được những tuần dương hạm Anh, viên thuyền trưởng Lơđu trở thành con người rất quý đối với bọn con buôn gỗ mun(4).

Khác hẳn với phần lớn những tay đi biển đã sống quá lâu như hắn trong những chức vụ thấp kém, Lơđu không hề sợ những cái mới và không có đầu óc bảo thủ như người ta thường thấy ở những người được giữ những chức vụ cao. Trái lại, viên thuyền trưởng Lơđu là người đầu tiên đã đưa ra ý kiến với chủ tàu nên dùng những két sắt để chứa và để dành nước ngọt. Trên tàu của Lơđu, còng và xích - những thứ mà các tàu buôn người da đen thường dự trữ - đều chế tạo theo kiểu mới và sơn vecni rất cẩn thận cho khỏi rỉ. Nhưng điều vinh dự nhất cho Lơđu trước mắt bọn con buôn nô lệ là việc hắn đã đích thân điều khiển đóng một chiếc tàu hai cột buồm dùng để buôn người, một chiếc tàu buồm xinh xắn, thon dài như tàu chiến, và có thể chứa được rất nhiều người da đen. Hắn đặt tên là tàu HY VONG. Hắn muốn các boong giữa chật hẹp và thụt vào phía trong, chỉ cao ba pi-ê bốn pu-xơ(5). Với chiều cao như vậy, hắn cho rằng những tên nô lệ tầm vóc vừa phải cũng có thể ngồi một cách thoải mái rồi; vả lại chúng cần gì phải đứng dậy?

- Đến thuộc địa, Lơđu nói, chúng sẽ tha hồ đứng!

Những người da đen, lưng tựa vào thành tàu, ngồi làm hai hàng, ở giữa có một khoảng trống mà ở các tàu buôn người khác chỉ dùng làm lối đi lại, nhưng Lơđu nghĩ ra cách xếp thêm ở đó một số người da đen nữa nằm vuông góc với những người kia. Như vậy, tàu của hắn, so với những tàu khác cùng một trọng tải, có thể chứa thêm được hơn chục người nữa. Kể cổ ra còn có thể chất nhiều hơn nữa; nhưng phải có lòng nhân đạo một chút và dành cho mỗi tên da đen một khoảng dọc năm pi-ê, ngang hai pi-ê, để có chỗ co duỗi trong cả một chuyến vượt biển lâu tới sáu tuần lễ và có khi hơn nữa. "Vì dù sao, Lơđu nói để giải thích với chủ tàu về cách đối xử rộng rãi đó, người da đen cũng là người như người da trắng".

Tàu HY VONG khởi hành từ Năngtơ(6) vào một hôm thứ sáu, nhiều người mê tín về sau có chú ý đến điều này. Nhân viên kiểm tra xuống khám xét chiếc tàu hai cột buồm rất kỹ lưỡng, nhưng không phát hiện được sáu chiếc hòm lớn chứa đầy xích sắt, còng tay và những chiếc cùm sắt mà không hiểu tại sao gọi là "cùm công lý". Họ cũng không hề ngạc nhiên về số nước dự trữ rất lớn chở trên tàu HY VONG, theo giấy tờ chỉ đi đến Xê-nê-gan(7) để buôn gỗ và ngà voi. Đánh rằng chuyến đi không xa lắm, nhưng dù sao đề phòng cẩn thận cũng không hại gì. Nhớ lúc trời lặng gió, không có nước thì sẽ ra sao?

Vậy tàu HY VONG khởi hành vào một hôm thứ sáu, mọi thứ đều sẵn sửa trang bị đầy đủ. Có lẽ Lơđu muốn có những cột buồm vững chắc hơn tí nữa, nhưng có hắn chỉ huy tàu, thì không ngại gì điều ấy. Chuyến đi rất may mắn và chóng vánh cho tới bờ biển Châu Phi. Hắn cho tàu bỏ

neo trên sông Giôan (hình như thế) vào lúc các tuần dương hạm của Anh không đi tuần trong vùng bờ biển đó. Bọn mỗi lái hàng ở trong xứ vội lên ngay tàu. Thời cơ hết sức thuận lợi, Tamangô, một chiến tướng nổi tiếng và chuyên làm việc bán người, vừa mới giải đến bờ biển rất nhiều nô lệ muốn bán rẻ cho xong tay, như một con người biết mình có đủ khả năng và phương tiện cung cấp hàng cho nơi này, một khi món hàng của gã trở nên khan hiếm.

Viên thuyền trưởng Lơđu sai người dẫn mình lên bờ rồi đến thăm Tamangô. Hắn gặp Tamangô trong một túp lều rơm người ta vừa mới vội dựng lên cho gã, bên cạnh hai vợ gã cùng mấy tay giúp việc bán và áp giải nô lệ.

Tamangô ăn mặc đẹp đẽ để tiếp viên thuyền trưởng da trắng. Gã mặc một chiếc áo quân nhân cũ màu xanh, hấy còn dính bộ lon cai; nhưng trên mỗi vai, lòng thông hai chiếc ngù vàng gài vào cùng một khuy, lủng lẳng một chiếc đằng trước, một chiếc đằng sau. Gã không mặc sơ mi, chiếc áo lại hơi ngắn đối với thân hình cao lớn của gã, nên người ta thấy lộ ra giữa hai vế áo trắng và cái quần lót bằng vải Ghinê một vệt da đen rất lớn trông chẳng khác gì một cái thắt lưng rộng. Ở bên sườn, lủng lẳng một thanh kiếm lớn của kỵ binh đeo bằng một sợi dây thừng, còn tay gã thì cầm một khẩu súng Anh hai nòng rất đẹp. Trang bị như vậy, gã chiến tướng người Phi kia tưởng mình diện sang hơn cả những tay công tử diện nhất ở Pari hay ở Luân-đôn.

Viên thuyền trưởng Tôđu im lặng nhìn Tamangô một lát, trong khi đó gã uốn thẳng người lên như một vệ binh khi diễu qua trước mặt một viên tướng người nước ngoài.

Trong lòng gã rất khoái trá về cái ấn tượng mà gã tưởng đã gây ra được đối với người da trắng kia. Lơđu sau khi nhìn kỹ Tamangô bằng con mắt sành sỏi, quay lại bảo viên phụ tá:

- Thằng này ta có thể bán được ít nhất nghìn ê-quy(8) nếu đưa được đến Martinich(9) khỏe mạnh và không sút mẻ.

Mọi người ngồi xuống, và một thủy thủ biết đôi chút tiếng Vô lô phơ (10) làm phiên dịch. Sau những lời chào hỏi xã giao đầu tiên, một thủy thủ nhỏ tuổi mang một giảnh rượu mạnh lại; mọi người uống rượu, và để làm cho Tamangô vui vẻ, viên thuyền trưởng tặng gã một lọ đựng thuốc súng bằng đồng có chạm nổi hình Napôlêông. Chủ nhân nhận tặng phẩm và cảm ơn tươm tất xong, mọi người bước ra khỏi nhà, ngồi xuống dưới bóng cây, những chai rượu mạnh để cả trước mặt, rồi Tamangô ra hiệu cho dẫn những nô lệ gã định bán đến.

Họ đi thành một hàng dài, vừa mệt vừa sợ, mình cúi lom khom, người nào cổ cũng có một cái chạc dài hơn sáu pi-ê, đầu hai nhánh buộc liền vào một thanh gỗ ở đằng sau gáy. Khi đi, tên áp giải đặt lên vai mình cán chạc của người nô lệ đi đầu; người này lại vác cán chạc của người đi liền ngay sau, người nô lệ thứ hai mang cái cán chạc của người thứ ba và người khác cũng cứ như thế. Khi cần đứng lại, người đi đầu cầm đầu nhọn của cái chạc của mình xuống đất, thế là cả đoàn người đứng lại. Người ta có thể thấy ngay rằng không ai dám nghĩ đến chuyện trốn khi ở cổ có buộc một cái gậy dài tới sáu pi-ê.

Mỗi người nô lệ, nam hay nữ, đi quá trước mặt, viên thuyền trưởng lại nhún vai, cho rằng đàn ông thì yếu ớt quá, còn đàn bà thì già quá hay ít tuổi quá, và kêu giống người da đen ngày càng suy đồi. Hắn nói:

- Ngày nay cái gì cũng thoái hóa cả, trước kia khác xa. Đàn bà ngày xưa cao năm pi-ê sáu pu-xơ, còn đàn ông thì bốn người cũng quay nổi cái tời cuộn xích để nhổ chiếc neo cái trên tàu buồm lớn.

Tuy vậy, hắn cũng vừa chê bai vừa chọn riêng ra một lứa đầu tiên những người da đen khỏe mạnh và đẹp nhất. Những người đó, hắn có thể trả theo giá thường; còn những người khác hắn đòi bớt rất nhiều. Về phía Tamangô, gã cũng bênh vực quyền lợi và tán dương hàng của mình, nói đến tình hình khan hiếm người, đến những nguy hiểm trong việc buôn người. Kết luận, Tamangô đòi một giá nào đó, tôi không rõ, về những người nô lệ mà viên thuyền trưởng da trắng định chất xuống tàu.

Người phiên dịch vừa dịch xong đề nghị của Tamangô ra tiếng Pháp, Lơđu ngạc nhiên và giận quá xuýt ngã ngửa người; rồi miệng lẩm bẩm văng mấy câu chữ rửa rủa rất tục, hấn đứng dậy làm như định cắt đứt việc mua bán với một con người không biết điều như vậy. Thấy thế, Tamangô vội giữ lại và khó khăn lắm mới kéo được hấn ngồi xuống. Một chai rượu nữa lại được mở ra và cuộc thảo luận lại tiếp tục. Bây giờ đến lượt gã da đen cho những đề nghị của người da trắng kia là điên rồ và quá quắt. Hai bên la hét, tranh cãi rất lâu, uống không biết bao nhiêu rượu mạnh nhưng rượu mạnh đối với hai bên giao dịch có một tác dụng khác hẳn nhau. Gã người Pháp càng uống càng dìm giá; gã người Phi càng uống càng nhượng bộ. Cứ như thế cho đến khi hết giành rượu thì hai bên đi đến chỗ ngã giá. Một số vải xấu, thuốc súng, đá lửa, ba thùng rượu mạnh, năm mươi khẩu súng cũ sửa chữa qua loa được đem trao đổi lấy một trăm sáu mươi người nô lệ. Để công nhận giao kèo, viên thuyền trưởng vỗ vào tay gã da đen lúc ấy đã gần say bí tỉ, rồi ngay sau đó số nô lệ được trao cho bọn thủy thủ Pháp. Họ vội vã tháo những chiếc chạc gỗ ra rồi đóng gông và lấy khóa sắt còng tay những người nô lệ lại; xem vậy mới thấy rõ tính ưu việt của nền văn minh Châu Âu.

Còn lại độ ba mươi người nô lệ nữa, toàn là trẻ con người già và phụ nữ tàn tật, Tàu đã chất đầy mất rồi.

Tamangô không biết làm gì với số người thừa ế kia, bèn nói với viên thuyền trưởng xin bán nốt lấy mỗi đầu người một chai rượu mạnh. Giá có vẻ hời lắm. Lơđu chợt nhớ trong một buổi diễn vở "Buổi lễ chào ở Xixilơ" [\(11\)](#) ở Nangtơ, hấn thấy khối người vừa to vừa béo vắn lên vào ngồi được ở tầng dưới nhà hát đã chật ních vì lẽ thân thể con người là một vật dễ nén ép. Hấn bèn nhận hai mươi người thân hình thon mảnh nhất trong số ba mươi nô lệ còn lại.

Tamangô lúc đó chỉ đòi trả một cốc rượu mạnh về mỗi người trong số mười người còn lại; Lơđu suy nghĩ thấy trẻ con chỉ phải trả nửa vé và ngồi nửa chỗ trên các xe công cộng. Hấn bèn lấy thêm ba đứa trẻ; nhưng hấn tuyên bố nhất định không lấy thêm một tên da đen nào nữa. Tamangô thấy mình hãy còn phải gánh bảy tên nô lệ nữa, bèn lấy súng nhắm vào người đàn bà đứng đầu; người đó là mẹ ba đứa trẻ kia.

- Mua đi, gã nói với tên da trắng, không thì tôi bắn chết nó. Một cốc rượu nhỏ thôi, không thì tôi bắn.

- Mà bảo tao mua nó làm cái quái gì, Lơđu đáp.

Tamangô nổ cò, người nô lệ kia vật xuống đất chết.

- Nào đến lượt đứa khác! Tamangô vừa lớn tiếng quát vừa giơ súng nhắm vào một cụ già còm nhom tàn tật.

Một cốc rượu mạnh không thì...

Một người vợ của Tamangô hất cánh tay gã về phía trước, phát đạn nổ vu vơ. Người vợ đó vừa nhận thấy ông già sắp bị chòng giết kia là một ghiriô, tức là phù thủy, lão ta trước có xem tướng số cho chị nói chị một ngày kia sẽ được làm hoàng hậu.

Tamangô đã trở nên hung dữ vì say rượu, khi thấy có người dám cưỡng lại ý mình thì không tự chủ được nữa. Gã lấy báng súng đánh vợ rất tàn nhẫn, rồi quay lại phía Lơđu:

- Này, tôi cho ông con mẹ này đây!

Chị kia trông xinh xắn. Lơđu nhìn chị ta mỉm cười, rồi cầm tay nói:

- Thế nào ta cũng tìm được chỗ cho cô ả.

Người phiên dịch vốn có lòng thương người. Anh ta cho Tamangô một cái hộp đựng thuốc lá sợi bằng bìa cứng và xin gã sáu người nô lệ còn lại. Anh ta tháo chạc cho họ rồi để cho họ tùy ý muốn đi đâu thì đi. Lập tức họ chạy trốn, người về phía này, người về phía kia, rất lúng túng, không biết làm thế nào tìm về được quê hương cách bờ biển đến hai trăm dặm.

Trong khi đó, viên thuyền trưởng từ biệt Tamangô và lo xếp hàng xuống tàu cho thật nhanh.

Ở lâu quá trong sông là một việc không nên; các tuần dương hạm có thể xuất hiện và hắt muốn sửa soạn nhổ neo vào ngày hôm sau. Còn Tamangô say rượu nằm ngủ như chết trên bãi cỏ dưới bóng mát.

Khi gã tỉnh dậy thì tàu đã giương buồm xuôi theo dòng sông.

Tamangô đầu hầy còn nặng vì bữa quá chén hôm trước, hỏi đến vợ là Aysê đâu. Người ta nói Aysê đã bắt hạnh làm cho gã giận nên đã bị gã đem cho viên thuyền trưởng da trắng và tên này đã đưa lên tàu mất rồi. Được tin ấy, Tamangô sùng sốt, đập đầu đập tai, rồi vớ lấy cây súng. Vì con sông chảy quanh co nhiều khúc trước khi đổ ra biển, nên gã theo đường sắt chạy thẳng đến một cái vũng nhỏ cách cửa sông chừng nửa dặm. Tới đó gã hy vọng tìm được xuồng và có thể đuổi kịp chiếc tàu vì các khúc sông ngoằn ngoèo chắc thể nào cũng làm cho tàu đi chậm lại. Gã đã không lầm; gã đã kịp nhảy xuống một chiếc xuồng và đuổi kịp chiếc tàu buôn người da đen.

Lơđu rất ngạc nhiên khi trông thấy gã, và ngạc nhiên hơn nữa khi nghe thấy gã đòi lại vợ.

- Cửa đã cho không đòi lại được, Lơđu đáp.

Nói rồi hắt quay lưng đi. Gã da đen vẫn cứ nằng nặc đòi và xin trả lại một phần của cái Lơđu đã đổi cho gã lấy những người nô lệ. Viên thuyền trưởng phá lên cười và nói Aysê là một người đàn bà rất tốt và hắt muốn giữ lại. Thế là anh chàng Tamangô tội nghiệp kia, nước mắt chảy dòng dòng, rú lên những tiếng kêu đau xót như tiếng kêu của một con người khốn khổ nào đó đang bị mổ xẻ. Khi thì gã lăn lộn trên boong tàu, miệng gọi em Aysê thân yêu, khi thì đập đầu xuống ván sàn như định tự tử. Viên thuyền trưởng mắt vẫn lạnh như tiền, chỉ lên bờ ra hiệu cho gã là đã đến lúc phải xéo ngay đi nhưng Tamangô vẫn cố vật nài. Gã xin đổi đến cả bộ ngũ vàng, cây súng và thanh kiếm của gã, nhưng đều vô ích.

Trong khi hai bên tranh luận, viên phó thuyền trưởng tàu HY VỌNG bảo Lơđu:

- Đêm qua ta chết mất ba tên nô lệ; ta hầy còn chỗ. Tại sao ta lại không bắt lấy thằng cha lực lưỡng này, một mình nó cũng đáng giá hơn cả ba tên mới chết kia?

Lơđu suy nghĩ thấy rằng Tamangô rất có thể bán được tới nghìn ê-quy; chuyến đi này đối với hắt khởi đầu đã có vẻ lãi lớn, chắc có lẽ là chuyến cuối cùng của hắt; sau hết hắt đã kiếm được một cái vốn to rồi và sẽ thôi không làm cái nghề buôn nô lệ này nữa thì hắt cần gì đến việc để lại tiếng tốt hay không tốt trên bờ biển Ghinê kia. Vả lại trên bờ không có một ai và gã chiến tướng người Phi kia hoàn toàn nằm trong tay hắt. Bây giờ chỉ còn vấn đề là tước vũ khí của Tamangô vì trong khi hắt còn vũ khí ở trong tay mà bắt hắt là một việc rất nguy hiểm. Lơđu bèn bảo Tamangô đưa súng, làm như để xem khẩu súng có thật đáng đổi nàng Aysê xinh đẹp kia không. Trong khi kéo ra kéo vào các lò xo, hắt cố ý để cho thuốc ở kíp rơi ra. Còn viên phó thuyền trưởng cũng mân mê thanh kiếm; khi Tamangô không còn vũ khí nữa, hai thủy thủ lực lưỡng liền xông vào vật ngửa hắt ra định trói gô lại. Gã da đen chống cự lại rất anh dũng. Qua cơn kinh ngạc lúc đầu và tuy ở vào một tình thế bất lợi, hắt vật lộn với hai thủy thủ rất lâu. Nhờ có sức khỏe phi thường, hắt đứng dậy được, cho tên thủy thủ đang nắm cổ mình một quả tổng ngã lăn quay; bị tên thủy thủ kia túm áo, hắt giằng ra, để lại một mảnh áo toạc rách trong tay tên này; rồi tức như điên, hắt lao mình vào tên phó thuyền trưởng để giành lại thanh kiếm. Tên này cầm kiếm chém vào đầu hắt gây một vết thương rộng nhưng không sâu lắm. Tamangô lại ngã một lần nữa. Lập tức chúng trói chặt chân tay hắt lại. Trong khi chống cự, hắt tức giận điên cuồng, găm hết và giẫy giụa như lợn mắc lưới; nhưng khi thấy có chống cự mấy cũng vô ích, hắt liền nhắm mắt lại nằm im không cử động nữa. Chỉ có hơi thở mạnh và dồn dập chứng tỏ hắt vẫn còn sống.

- Mẹ kiếp! Viên thuyền trưởng Lơđu nói, bọn da đen bị nó bán đi phen này hắt được một mẻ cười khoái trá khi thấy đến lượt nó cũng thành nô lệ nốt. Có thể chúng nó mới thấy rõ là Trời có mắt.

Trong khi đó gã Tamangô khốn khổ kia đang mất hết máu. Người phiên dịch có lòng nhân từ, hôm trước đã cứu sống sáu người nô lệ, đến bên cạnh băng bó vết thương cho hắt và nói mấy lời an ủi. Người ấy nói với hắt những gì tôi cũng không rõ. Gã da đen nằm yên không cự quậy,

như một xác chết. Phải cho hai thủy thủ khiêng hắt như khiêng một kiện hàng xuống boong giữa đặt vào chỗ dành cho hắt. Hai ngày liền, hắt không chịu ăn uống gì cả, chỉ thỉnh thoảng mở mắt ra một tí. Những người cùng bị giam trước kia là tù nhân của hắt, nay thấy hắt cùng chung số phận với họ thì ngạc nhiên ngơ ngác nhìn. Hắt hãy còn làm cho họ sợ đến nỗi không một ai dám lên tiếng sỉ nhục sự khốn cùng của kẻ đã đưa họ đến cảnh đau khổ này.

Nhờ gió thuận thổi từ đất liền ra, con tàu rời bờ biển Châu Phi đi rất nhanh. Bây giờ không còn sợ tàu tuần tiểu Anh nữa, viên thuyền trưởng chỉ còn nghĩ đến những món lãi kếch xù đang chờ đợi hắt ở những thuộc địa hắt đang đi tới. Món gỗ mun của hắt giữ được nguyên vẹn, không bị hư hỏng gì. Không hề xảy ra bệnh truyền nhiễm. Chỉ có mười hai tên da đen trong số những đứa yếu nhất đã chết vì nóng. Chuyện không đáng kể. Để món hàng người đỡ tổn thương vì đi tàu nhọc mệt, hắt đã có ý chăm sóc, ngày nào cũng cho các nô lệ lên boong chơi; lần lượt một phần ba những kẻ khốn khổ kia được phép lên một giờ lấy không khí dự trữ cho cả ngày. Một số thủy thủ giữ việc trông coi, vũ trang rất đầy đủ vì sợ nổi loạn, hơn nữa người ta cẩn thận không bao giờ tháo hắt xiềng xích ra cả. Đôi khi một thủy thủ biết chơi vĩ cầm biểu diễn cho họ nghe. Thật là ngộ nghĩnh khi tất cả những bộ mặt đen xit kia quay về phía người kéo đàn, dần dần mất hết vẻ tuyệt vọng ngây ngô, cười hềnh hếch và vỗ tay khi không vướng xiềng xích quá. Vận động thân thể vốn cần thiết cho sức khỏe; vì vậy một trong những việc làm bổ ích của viên thuyền trưởng là thường bắt số nô lệ nhảy múa cũng như người ta bắt ngựa dậm chân tại chỗ trên tàu trong những chuyến đi biển lâu.

- Nào, thôi các con, nhảy múa đi, vui đùa đi, viên thuyền trưởng nói, giọng như sấm, vừa đi vừa vút chiếc roi ngựa to kêu đen đét.

Thế là những người da đen tội nghiệp lập tức nhảy múa.

Vết thương của Tamangô làm gã phải nằm bẹp dưới cửa boong mất một thời gian. Rồi sau gã cũng lên. Thoạt tiên gã ngẩng cao đầu, hiên ngang giữa đám người nô lệ sợ sệt, gã đưa con mắt buồn rầu nhưng bình thản, nhìn làn nước mênh mông chung quanh tàu rồi ngả mình nằm dài, hay đúng hơn là gieo người xuống sàn gỗ trên boong, không thèm để ý kéo lại xiềng xích cho khỏi vướng.

Lơđu ngồi ở đằng sân lái, ung dung phì phèo cái tẩu. Gần chỗ hắt, Aysê tay chân không xiềng xích, mặc một chiếc áo vải màu xanh rất lịch sự, chân đi đôi giày păng-túp rất xinh bằng da dê, tay bụng một cái khay trên để đầy các thứ rượu mùi, sẵn sàng hầu rượu. Rõ ràng là cô ả giữ chức vụ cao bên cạnh thuyền trưởng. Một người da đen vốn ghét Tamangô, ra hiệu bảo gã nhìn về phía ấy. Tamangô quay đầu lại, nhìn thấy Aysê liền thét lên một tiếng; rồi đứng phắt dậy chạy lại phía sân lái, làm cho mấy người thủy thủ đứng cạnh không kịp ngăn chặn một việc vi phạm nghiêm trọng đối với kỷ luật trên tàu như vậy.

- Aysê! gã thét một tiếng như sét và Aysê sợ không còn hồn vía, rú lên; con kia mày tưởng ở xứ sở quân da trắng không làm gì có Mama Giumbô phải không?

Bọn thủy thủ đã giơ cao gậy đồ xô lại; nhưng Tamangô tay khoanh trước ngực, thản nhiên như không, yên lặng quay về chỗ cũ, còn Aysê nước mắt dàn dụa đứng đờ ra như tượng đá, trước những lời bí hiểm kia.

Người phiên dịch giải thích Mama Giumbô là gì mà chỉ cái tên cũng đủ gây khủng khiếp như vậy.

- Nó là con ngoáo ộp của người da đen, hắt nói. Khi có anh chàng nào sợ vợ mình làm mất cái việc mà rất nhiều phụ nữ ở Pháp cũng như ở châu Phi thường làm, thì anh ta lại lấy Mama Giumbô ra dọa vợ. Chính tôi đây đã được trông thấy Mama Giumbô và hiểu rõ mưu mẹo của họ; nhưng người da đen... vốn chất phác quá chẳng hiểu gì hết. Ông thử tưởng tượng, một buổi tối, trong khi đám phụ nữ chơi đùa nhảy múa, chơi trò phon-ga(12), như họ thường nói, bỗng nhiên từ trong một khu rừng nhỏ cây cối rậm rạp âm u có tiếng nhạc rất kỳ lạ mà không thấy người chơi nhạc đâu cả; nhạc công đều nấp trong rừng. Có tiếng sáo sậy, tiếng trống ếch, tiếng đàn ba-la-phốt(13) và đàn lục huyền làm bằng nửa quả bầu nậm. Tất cả những cái đó hòa thành

một điệu nhạc đến ma quỷ cũng phải sợ chạy. Bọn phụ nữ vừa nghe điệu nhạc đó đã run như cây sậy, định chạy trốn nhưng bị chồng giữ lại: các cô ả biết cái gì đang đe dọa mình. Bỗng có một bóng trắng từ trong rừng đi ra, cao như cột buồm, đầu to bằng cái đầu, mắt to như lỗ dây neo, miệng như miệng quỷ sứ, trong có lửa cháy. Cái bóng trắng cứ lừ lừ tiến lại, nhưng không đi ra khỏi rừng quá nửa phần mười hải lý. Đám phụ nữ hét:

- Mama Giumbô kia kìa!

Họ kêu oai oái như những mụ bán hàng. Những đức ông chồng kia bấy giờ mới nói:

- Nào, những con ranh kia, thú thật đi có lang chạ với ai không? Đối trá thì Mama Giumbô đây kia sẽ ăn sống nuốt tươi ngay. Có những cô ả ngây thơ thú thật tất cả. Thế là bị chồng đánh cho một trận toại bời.

- Thế cái bóng trắng Mama Giumbô kia là cái gì thế? viên thuyền trưởng hỏi.

- À, chỉ là một thằng cha nghịch tình khoác một cái khăn trải giường trắng to, lấy một quả bí khô khoét ruột trong thắp một ngọn nến, cắm ở đầu một cái gậy dài, giả làm đầu. Có gì lạ lắm đâu: và chẳng phải vất óc nghĩ mưu tìm kế mới đánh lừa được tụi da đen. Cái trò Mama Giumbô thế mà hay, và tôi cũng muốn mẹ đỡ nhà tôi tin có Mama Giumbô như vậy.

- Còn vợ tao ấy à, Lơđu nói, nó không sợ lão Mama Giumbô thì cũng sợ Martanh Batông(14), vả lại nó cũng biết nếu giờ trò gì ra với tao thì sẽ như tử với tao ngay. Dòng họ Lơđu nhà tao không phải là những người tốt nhin, và tuy tao chỉ còn một bàn tay, nhưng sử dụng roi thùng(15) vẫn giỏi chán. Còn cái thằng đã nói đến Mama Giumbô ở đằng kia, bảo nó hãy liệu hồn đừng có dọa con bé này, không tao lại dằn cho một trận khiến da nó đang đen sẽ biến thành đỏ như miếng thăn bò sống cho mà xem.

Nói xong viên thuyền trưởng đi xuống phòng riêng cho gọi Aysê đến, tìm cách dỗ dành; những vuốt ve và cả đòn vọt - vì mãi người ta cũng phải sốt tiết - cũng không làm chuyển được lòng cô gái da đen xinh đẹp, cô ả cứ khóc như mưa như gió. Viên thuyền trưởng lại trở lên boong, vẻ bức tức, gây sự với viên quan đương trực điều khiển tàu chạy lúc bấy giờ.

Đến đêm khi hầu hết thủy thủ trên tàu đã ngủ say, những người gác thoát đầu nghe thấy một giọng hát trầm trầm, trang nghiêm, ảo não từ trong boong giữa vọng lại, rồi tiếp đó có tiếng đàn bà kêu rú lên nghe rất khủng khiếp. Lập tức sau đó có tiếng Lơđu, giọng oang oang, chửi rủa, đe dọa, và tiếng cái roi ghê gớm của hắn kêu vun vút vang lên khắp tàu. Một lát sau, tất cả lại trở lại yên lặng như cũ. Ngay hôm sau, Tamangô hiện ra trên boong, mặt mày thâm tím, nhưng vẻ mặt vẫn hiên ngang và quả cảm như trước.

Aysê đang ngồi ở sân lái bên cạnh viên thuyền trưởng, vừa thoáng trông thấy Tamangô liền vội chạy nhanh lại trước mặt chồng cũ, quỳ xuống và nói bằng một giọng hết sức tuyệt vọng:

- Anh tha tội cho em, anh Tamangô! Anh tha tội cho em!

Tamangô trừng trừng nhìn Aysê một phút, rồi nhận thấy người phiên dịch đã đi xa, liền nói:

- Cho tao một cái giũa!

Nói xong gã lại ngã mình nằm dài xuống boong tàu, quay lưng đi. Viên thuyền trưởng mắng Aysê tàn tệ, thậm chí còn cho cô ả mấy cái tát và cấm từ rày không được nói chuyện với chồng cũ nữa; nhưng hắn không hề nghi ngờ gì về ý nghĩa những lời vắn tắt hai người vừa mới trao đổi với nhau, và cũng không cần vắn gì về việc ấy cả.

Trong khi đó, Tamangô bị nhốt chung với những người nô lệ khác, ngày đêm thúc giục họ phải cố gắng dùng mọi cách giành lại tự do. Gã nói với họ rằng người da trắng trên tàu chỉ có ít và chỉ cho họ thấy rõ bọn thủy thủ giữ việc canh gác ngày càng chênh mảng; rồi tuy không nói rõ ý định của mình ra sao, gã cũng nói cho họ biết gã sẽ có cách đưa họ trở về quê hương, gã khoe mình có phép thần thông, điều mà người da đen vốn rất mê tín, và dọa ma quỷ sẽ trả thù những kẻ nào không chịu giúp gã trong việc này. Trong lời hô hào vận động, Tamangô chỉ dùng tiếng địa phương của người Pơ-lơ (16), mà phần lớn nô lệ đều biết nhưng người phiên

dịch không hiểu. Uy tín của Tamangô và thói quen của những người nô lệ vẫn thường sợ và nghe theo lời gã, lại càng giúp thêm một cách tuyệt diệu cho tài hùng biện của gã. Bọn da đen thúc giục gã ấn định ngày giải phóng họ, mặc dầu chính bản thân gã chưa chắc đã có thể làm được việc đó. Gã trả lời những người cùng âm mưu khởi nghịch một cách lửng lơ rằng thời cơ chưa đến, hẳn có nằm mơ thấy cái ma nhưng cái ma chưa báo ngày nào, họ phải chuẩn bị sẵn sàng để hễ có hiệu lệnh là khởi sự ngay. Trong khi đó gã không bỏ qua một cơ hội nào để thử sự cảnh giác của những người canh gác gã. Một lần có một thủy thủ dựng cây súng vào thành tàu, đang thích thú xem một đàn cá bay bơi theo tàu: Tamangô cầm lấy cây súng mân mê, bắt chước một cách vụng về những động tác mà gã thấy thủy thủ vẫn làm khi luyện tập. lát sau, người đó lấy lại súng, nhưng gã nghiệm được rằng mình có thể sờ vào vũ khí mà không làm cho người ta lập tức nghi ngờ; và khi nào đến lúc phải dùng nó, thì kẻ nào liều mạng lắm mới dám xông vào giằng lại vũ khí đã ở trong tay gã.

Một hôm Aysê vớt cho Tamangô một cái bánh bích-quy, vừa vớt vừa ra hiệu, chỉ có mình gã hiểu. Trong chiếc bánh có một cái giữa con; cuộc âm mưu khởi nghịch thành hay bại là trông cả vào dụng cụ đó. Mới đầu Tamangô tránh không đưa cho các bạn cùng bị giam xem cái giữa đó; nhưng đêm đến, gã lẩm rầm nói những câu gì rất khó hiểu, kèm theo những điệu bộ hết sức kỳ quặc. Dần dần gã hăng lên đi đến chỗ hò hét quát tháo, cứ nghe giọng nói của gã khi lên khi xuống, người ta tưởng chừng như gã đang rít nói chuyện với một nhân vật vô hình nào đó. Bọn người nô lệ đều run sợ, tin chắc rằng cái ma đang đứng trước mặt họ. Tamangô vui sướng thét lên một tiếng để chấm dứt lớp kịch đó.

- Hỡi các bạn, Tamangô lớn tiếng nói, ta cầu cái ma nay đã được cái ma ban cho điều cái ma đã hứa, và nay ta đã cầm trong tay công cụ để giải phóng cho chúng ta. Bây giờ các bạn chỉ còn cần đôi chút dũng cảm là được tự do.

Gã đưa cho những người bên cạnh sờ xem cái giữa, và mưu mẹo bịp bợm đó tuy hết sức thô thiển vẫn được những con người còn thô thiển hơn kia tin ngay.

Sau khi chờ đợi một thời gian khá lâu, ngày báo thù và tự do trọng đại kia đã đến. Bọn người mưu phản cấu kết với nhau bằng một lời thề long trọng, sau khi cùng nhau bàn tính đã định xong mưu kế.

Những người quyết tâm nhất, đứng đầu là Tamangô, khi nào đến lượt lên boong phải cướp súng của bọn gác; vài người khác sẽ chạy thẳng vào phòng thuyền trưởng cướp lấy số súng để ở đó. Những người nào đã giữa được xiềng xích phải bắt đầu tấn công ngay; nhưng tuy đã kiên trì làm việc trong mấy đêm liền, một số lớn người nô lệ vẫn chưa thể tham gia hành động một cách mạnh mẽ được. Vì vậy ba người da đen lực lưỡng có nhiệm vụ phải hạ thủ tên giữ chìa khóa xiềng trong túi, và lập tức đi cứu ngay những bạn còn bị xích.

Ngày hôm đó, viên thuyền trưởng tỏ ra rất vui vẻ đáng yêu. Trái với thường lệ hắn đã tha tội cho một thủy thủ nhỏ tuổi đáng đánh đòn. Hắn khen ngợi viên sĩ quan đương trực về cách điều khiển con tàu, tuyên bố với thủ thủy rằng hắn rất bằng lòng và báo cáo cho họ biết đến Martinich, nơi chẳng bao lâu nữa họ sẽ tới, mỗi người sẽ được lĩnh một món tiền thưởng. Thủy thủ người nào người nấy đều ôm ấp ý nghĩ khoái trá đó, tính nhăm trong đầu những việc sẽ dùng đến món tiền thưởng kia. Họ đang nghĩ đến rượu mạnh, đến những cô gái da màu ở đảo Martinich, thì người ta cho Tamangô và những người mưu phản khác lên boong.

Họ đã cố ý giữa xiềng xích thế nào cho người ta không trông thấy xích đã bị đứt, nhưng chỉ cựa mạnh là đủ làm cho nó gãy. Hơn nữa họ lại còn làm cho xiềng xích kêu loảng xoảng để ai nghe thấy cũng tưởng như họ mang những xiềng xích nặng gấp đôi. Sau khi đã thở hít không khí được một lúc, họ cầm tay nhau nhảy múa, trong khi đó Tamangô cất tiếng hát bài chiến ca của dòng họ mình⁽¹⁷⁾, bài hát mà xưa kia gã thường hát trước khi ra trận. Nhảy múa được một lát, Tamangô làm như mệt quá, ngã nằm dài dưới chân một thủy thủ đang uể oải dựa người vào thành tàu: tất cả những người mưu phản khác đều làm như Tamangô. Thành ra cứ mỗi thủy thủ lại có mấy người da đen vây quanh.

Sau khi nhẹ nhàng bẻ gãy xiềng xích của mình, bỗng nhiên, Tamangô thét lên một tiếng lớn

để làm hiệu, giật mạnh chân người thủ thủ đứng ở gần mình cho ngã lặn xuống sàn rồi dẫm chân lên bụng, giằng lấy súng của hắn và lấy súng đó hạ thủ viên sĩ quan đương trực. Cùng lúc ấy, mọi người thủy thủ đứng gác đều bị đánh, tước vũ khí và đâm chết ngay. Bốn bề tiếng hò reo vang dậy. Tên coi giữ chìa khóa xiềng là một trong những người bị giết chết trước tiên. Thế là cả một đám đông người da đen tràn lên boong tàu. Người nào không kiếm được vũ khí thì vớ lấy những tay còng ở cái tời cuốn xích neo hay những bơi chèo ở cái xuồng. Từ lúc đó bọn thủy thủ người Âu đã lâm vào cảnh tuyệt vọng. Tuy vậy cũng có vài thủy thủ vẫn chống cự ở đằng sân lái; nhưng bọn họ không có vũ khí và thiếu kiên quyết. Lơdu hãy còn sống, tinh thần dũng cảm không hề bị nhụt đi chút nào. Nhận thấy Tamangô là linh hồn của cuộc nổi loạn, hắn tính nếu giết được Tamangô thì sẽ chẳng còn sợ gì bọn tông đảng nữa. Hắn liền nhảy bổ lại phía Tamangô, tay cầm kiếm, miệng hét gọi Tamangô. Lập tức Tamangô xông tới trước mặt hắn. Gã cầm đầu nòng súng dùng làm trùy để đánh. Hai tay thủ lĩnh gặp nhau trên một lối đi hẹp, chỗ đi lại giữa sân mũi với sân lái. Tamangô đánh trước. Tên da trắng khê né người tránh được. Báng súng giáng xuống sàn ván vỡ tan, làm cái súng bật lại mạnh quá tuột khỏi tay Tamangô. Thế là Tamangô không còn có gì để tự vệ; Lơdu nở một nụ cười ma quái, giờ tay sắp sửa đâm. Nhưng Tamangô nhanh nhẹn như giống beo ở quê hương gã, lao mình vào trong tay đối phương, tóm lấy bàn tay cầm kiếm. Một bên thì cố giữ chặt lấy kiếm, một bên thì cố giăng ra. Trong cuộc vật lộn điên cuồng đó, cả hai cùng ngã, nhưng gã người Phi bị nằm dưới, Không ngả lòng, Tamangô lấy hết sức ghì chặt đối phương, cắn vào cổ họng mạnh đến nỗi máu phọt ra như dưới nanh sư tử. Viên thuyền trưởng bủn rủn để tuột thanh kiếm. Tamangô vớ ngay lấy kiếm đứng dậy, miệng nhoe nhoét máu, hét vang tiếng kêu chiến thắng, cứ thế đâm lấy đâm để vào mình địch thủ lúc bấy giờ đã ngắc ngoải.

Thắng lợi không còn nghi ngờ gì nữa. Mấy thủy thủ còn sống sót, xin tha mạng, nhưng tất cả đều bị tàn sát không một chút thương hại, kể cả người phiên dịch là người không hề làm gì họ cả. Viên phó thuyền trưởng đã hy sinh một cách vẻ vang. Hắn rút lui về phía đằng lái, tới bên một khẩu đại bác thuộc loại nhỏ quay trên một cái trụ và bắn bằng đạn ria. Tay trái điều khiển đại bác, tay phải cầm kiếm, hắn chống cự rất hăng, làm những người da đen xô lại xung quanh rất đông. Bấy giờ hắn bèn bấm cò đại bác làm một số đông trong đám người chen chúc đó ngã xuống thành một dãy dài xác chết và người bị thương ngắc ngoải ngổn ngang kín cả mặt sàn tàu. Một lát sau hắn cũng bị xả ra từng mảnh.

Xác người da trắng cuối cùng bị băm nát và chặt ra từng mảnh đã vớt xuống biển rồi, bọn người da đen báo thù đã hả bấy giờ mới ngược nhìn những cánh buồm tàu vẫn căng thẳng trước ngọn gió mát hình như hãy còn vâng theo ý muốn của những kẻ đã áp bức họ, và không kể gì họ đã chiến thắng, vẫn cứ thẳng đường đưa họ đến đất nô lệ.

- Ra vẫn chưa đâu vào đâu cả, họ buồn rầu nghĩ thầm, và vật thần to lớn của bọn da trắng này không biết có chịu đưa chúng ta, những người đã làm đổ máu bọn chủ của nó, trở về quê hương xứ sở chúng ta không?

Có một vài người nói Tamangô nhất định sẽ có cách bắt nó phải vâng theo ý muốn của mình. Lập tức người ta lớn tiếng gọi Tamangô.

Gọi mãi cũng không thấy đâu cả. Cuối cùng người ta tìm thấy gã ở buồng lái đang đứng một tay chống thanh kiếm vấy máu của viên thuyền trưởng, một tay thờ thần giờ cho vợ là Aysê đang quỳ trước mặt gã hôn. Nổi mừng chiến thắng không làm giảm được nỗi lo lắng u uất biểu lộ trong từng nét mặt, từng cử chỉ của gã. Không quá thô thiển như những người da đen khác, gã cảm thấy rõ rệt hơn những khó khăn trong tình thế của mình.

Sau đó gã lên boong, làm ra vẻ bình tĩnh, nhưng thật ra trong lòng chẳng bình tĩnh chút nào. Bị hàng trăm tiếng lao xao thúc giục gã đứng ra điều khiển con tàu, Tamangô tiến lại gần bánh lái, thông thả từng bước như để làm chậm thêm đôi chút giây phút quyết định, đối với gã cũng như đối với người khác, mức độ quyền lực của gã.

Khắp trên tàu không một người da đen nào, dù ngu ngốc đến đâu lại không nhận thấy tác dụng của một cái bánh xe và cái hộp để trước mặt đối với mọi chuyển động của con tàu: nhưng

đối với họ, trong bộ máy đó vẫn có cái gì thần bí cao siêu. Tamangô ngắm nghía cái la bàn rất lâu, đôi môi mấp máy làm như đang đọc những chữ kẻ ở trên; rồi gã đưa tay lên trán ra dáng suy nghĩ như một người làm tính nhẩm trong đầu. Tất cả đám người da đen đứng xúm xung quanh, miệng há hốc, mắt giương thao láo, hồi hộp theo dõi từng cử chỉ của gã. Cuối cùng với tâm trạng vừa lo sợ vừa tin tưởng của một người ngu dốt, gã đưa tay lên bánh lái xoay mạnh một cái.

Như một con tuấn mã chồm lên khi bị mũi đinh thúc ngựa của một kỵ sĩ đại đột thúc vào sườn, chiếc tàu buồm HY VONG rất đẹp kia nhảy vọt trên mặt sóng do sự điều khiển quái gở đó. Người ta tưởng chừng như con tàu căm phần quá, định trằm mình xuống nước cùng với viên hoa tiêu ngu dốt. Mỗi quan hệ cần thiết giữa hướng buồm và chiều bánh lái bị phá vỡ đột ngột, con tàu nghiêng hẳn đi tưởng như sắp chìm xuống biển sâu. Những trục buồm dài đâm cả xuống nước. Nhiều người ngã, một số văng xuống biển. Một lát sau, con tàu chống lại với sóng, hiên ngang đứng thẳng lên, như để một lần nữa chống lại sự diệt vong. Gió càng thổi dữ, rồi bất thành linh hai cột buồm đổ xuống đánh rầm một tiếng rất khủng khiếp, gây cách boong tàu chừng vài pi-ê, làm boong tàu phủ đầy mảnh vụn và như bị trùm trong một màng lưới dây thừng.

Bọn người da đen kinh hãi chạy trốn xuống các cửa boong và hét lên những tiếng khủng khiếp; nhưng vì gió không còn đập vào chỗ nào nữa, nên con tàu lại đứng thẳng lên rồi nhẹ lắc lư theo làn sóng vỗ. Bấy giờ những người da đen gan dạ nhất lại trèo lên boong dọn dẹp những mảnh vụn làm nghẽn lối đi. Tamangô đứng yên lặng, khuỷu tay tì vào hộp la bàn, úp mặt vào cánh tay gấp lại. Aysê đứng bên cạnh, nhưng không dám nói năng gì với chồng. Bọn người da đen mon men lại gần; tiếng xì xào lại nổi lên chẳng mấy chốc đã biến thành những lời trách móc chửi rủa đổ xuống như bão táp.

- Đồ gian giáo! Đồ lừa lọc! Chỉ tại mày chúng tao mới đến nỗi khổ sở như thế này. Chính mày đã bán chúng tao cho những tên da trắng, chính mày đã bắt chúng tao phải nổi dậy chống lại chúng nó. Trước mày khoe mày tài giỏi, mày hứa sẽ đưa chúng tao về quê hương xứ sở. Chúng tao đã đại đột tin mày, thế là xuýt nữa thì chết mất xác cả, chỉ vì mày đã xúc phạm đến thần thánh của người da trắng.

Tamangô kiêu hãnh ngừng đầu lên, bọn người da đen đứng chung quanh sợ hãi lùi ra. Gã nhặt hai cây súng, ra hiệu cho vợ đi theo, vượt qua đám đông đi về phía mũi tàu; gã đi đến đâu, đám người rẽ ra đến đấy. Tới mũi tàu, gã lấy ván và vỏ thùng rượu xếp thành một cái lũy rồi ngồi vào giữa, lưỡi lê của hai khẩu súng chĩa ra, trông rất ghê sợ. Người ta để mặc gã ở đó. Đám người nổi loạn, kẻ thì khóc lóc kẻ thì giơ tay lên trời, kêu cầu những thần thánh của mình và của người da trắng; một số quỳ trước la-bàn, thấy nó luôn luôn chuyển động rất lấy làm thần phục, khẩn xin nó đưa mình về quê hương; còn một số nằm dài trên boong tàu chán nản âu sầu. Giữa đám đông người tuyệt vọng đó, ta thử tưởng tượng nào đàn bà, nào trẻ con sợ hãi khóc thét và độ hai chục người bị thương cầu cứu mà không một ai nghĩ đến chuyện cứu giúp họ cả.

Bỗng nhiên có một gã da đen mặt mày hớn hờ hiện ra trên boong tàu; hắn báo tin hắn mới tìm thấy chỗ người da trắng cất rượu mạnh, cứ trông vẻ vui mừng và điệu bộ của hắn cũng đủ biết hắn vừa mới nếm thử xong.

Tin đó làm cho những người tội nghiệp kia ngừng kêu khóc được chốc lát. Họ đổ xô lại chỗ kho lương thực, lấy rượu ra nốc lấy nốc để. Một giờ sau đã thấy họ nhảy múa, cười đùa trên boong, làm đủ mọi trò quái gở của một cuộc say sưa hết sức thô bạo. Đi đôi với những lời ca điệu múa của họ là những tiếng rên rỉ nức nở của những người bị thương, cứ như thế cho mãi đến tối và suốt cả đêm.

Sáng ra, lúc thức dậy lại càng tuyệt vọng. Đêm hôm trước một số lớn những người bị thương đã chết. Con tàu trôi lênh đênh, xung quanh toàn là xác chết. Biển động, trời lại sương mù. Họ họp nhau lại bàn, vài người mới học nghề phù thủy, trước đây trước mặt Tamangô không dám nói đến tài nghệ của mình, nay lần lượt xin ra tay giúp. Người ta thử mấy phép hô thần kỳ đảo

rất thiêng, nhưng mỗi lần làm thử thấy không có kết quả họ lại càng ngã lòng. Cuối cùng người ta lại nhắc đến Tamangô lúc bấy giờ vẫn chưa chịu ra khỏi thành lũy của mình. Dù sao Tamangô cũng vẫn là người hiểu biết hơn nhiều cả, và chỉ có Tamangô mới có thể cứu được họ thoát cảnh khủng khiếp mà gã đã đẩy họ vào. Một ông già tiến lại gần Tamangô mang theo đề nghị giảng hòa và yêu cầu gã đến cho biết ý kiến, nhưng Tamangô cũng như Côriôlan(18) không hề lay chuyển, nhất định làm ngơ trước những lời cầu khẩn đó. Ban đêm, giữa lúc hỗn độn, Tamangô đã đi lấy bích quy, thịt muối để dự trữ. Gã có vẻ nhất quyết sống riêng rẽ ở nơi ẩn náu của mình.

Rượu mạnh hãy còn. Ít nhất nó cũng làm ta quên biến cả, cảnh nô lệ và cái chết sắp tới. Người ta ngủ, người ta mơ đến Châu Phi, người ta trông thấy những rừng cây gôm, những túp lều lợp rơm, những cây bao-báp to lớn, bóng che rợp cả một làng. Rồi lại uống rượu say túy lúy như hôm trước. Mấy ngày liền như vậy. Kêu gào, khóc lóc, bứt tóc bứt tai, rồi lại uống say và ngủ. Họ cứ sống kéo dài như vậy. Có nhiều người chết vì uống rượu nhiều quá, có người nhảy xuống biển hay đâm cổ lẫn nhau.

Một buổi sáng, Tamangô ra khỏi thành lũy của mình, tiến mãi tới chỗ gần chân cột buồm lớn.

- Hỡi những người nô lệ kia! Tamangô nói, ta đã nằm mơ thấy cái ma hiện về chỉ cho ta biết cách cứu các người ra khỏi chốn này, đưa các người về quê hương xứ sở. Vong ân bội nghĩa như các người, thì đáng lẽ ta mặc kệ mới phải; nhưng ta thương hại đám đàn bà con trẻ đang kêu khóc kia. Thôi ta tha thứ cho các người. Hãy nghe ta nói đây.

Bọn người da đen ai nấy đều cúi đầu, kính cẩn xúm lại xung quanh.

- Chỉ có những người da trắng, Tamangô nói tiếp, mới biết được những lời có phép màu nhiệm làm cho những tòa nhà gỗ to lớn này chuyển động. Nhưng chúng ta có thể tùy theo ý mình điều khiển những chiếc thuyền nhẹ kia giống như những thuyền ở quê hương chúng ta.

Tamangô chỉ cái sà-lúp và những chiếc xuồng khác ở trên tàu.

- Chúng ta hãy mang lương thực đầy các xuồng rồi chúng ta xuống xuồng, bơi theo chiều gió; Chúa của ta và cũng là Chúa của các người sẽ bắt gió thổi xuồng về phía quê hương chúng ta.

Người ta tin gã. Thật chưa bao giờ có một việc mưu tính điên rồ hơn. Không biết cách sử dụng la bàn và dưới một bầu trời xa lạ, gã chỉ có thể lênhênh phiêu bạt. Gã tưởng cứ bơi thẳng về phía trước mặt là cuối cùng thế nào cũng tới một nơi nào đó trên đất liền có người da đen ở, vì người da đen sống trên đất, còn người da trắng sống trên tàu của họ, đó là điều trước kia gã vẫn được nghe mẹ kể.

Chẳng bao lâu mọi việc chuẩn bị xuống thuyền đã xong xuôi, nhưng chỉ có cái sà-lúp và một chiếc xuồng đi biển có thể dùng được. Như vậy ít quá, không đủ chứa nổi tám mươi người da đen còn sống sót. đành phải bỏ lại tất cả những người ốm và người bị thương. Phần lớn đều xin được giết đi trước khi bị bỏ lại.

Chiếc sà-lúp và chiếc xuồng, hì hục mãi mới hạ được xuống nước, và chở quá đầy, rồi chiếc tàu vào lúc biển động, sóng vỗ bập bênh, lúc nào cũng chỉ chực đắm. Chiếc xuồng tiến lên trước. Tamangô cùng Aysê xuống chiếc sà-lúp, vừa nặng hơn lại chở nhiều hơn, nên đi chậm tụt lại đằng sau một quãng khá xa. Người ta hãy còn văng vẳng nghe thấy tiếng kêu rên của mấy người tội nghiệp bị bỏ lại trên chiếc tàu buồm, thì chợt một đợt sóng khá to tràn ngang qua chiếc sà-lúp làm nước hắt vào đầy thuyền. Không đầy một phút, sà-lúp đắm. Chiếc xuồng trông thấy tai nạn, những người trên xuồng càng ra sức chèo, sợ phải vớt một vài người bị đắm lên xuồng. Những người đi sà-lúp bị chết đuối gần hết. Chỉ có chừng mười mười hai người lại trở về tàu được. Trong số này có Tamangô và Aysê. Mặt trời lặn, họ trông thấy chiếc xuồng đi khuất dưới chân trời, sau ra sao không ai rõ.

Làm bạn đọc phải mệt óc với những chuyện miêu tả kinh tởm về những nỗi cực hình của cái đói làm gì? Chừng hai mươi người dồn trong một khoảng chật hẹp, khi thì bị biển động sóng to

dồi lên dập xuống, khi thì bị mặt trời nắng gắt thiêu đốt cháy da, ngày nào cũng tranh nhau chỗ lương thực ít ỏi còn lại. Mỗi miếng bích quy là một cuộc đấu đá, kẻ yếu bị chết không phải vì bị kẻ mạnh giết, mà là vì bị bỏ mặc cho chết. Mấy hôm sau, trên chiếc tàu buồm HY VỌNG chỉ còn lại có Tamangô và Aysê.

Một đêm, biển động sóng to, gió nổi rất dữ, trời tối quá đến nỗi ở đằng lái cũng không trông thấy rõ đằng mũi. Aysê nằm trên một chiếc đệm trong buồng thuyền trưởng, Tamangô ngồi ở dưới chân nạng.

Hai người yên lặng từ lâu.

Cuối cùng Aysê nói:

- Anh Tamangô, tất cả những đau khổ của anh đều tại em.
- Anh không đau khổ gì cả, Tamangô xằng giọng đáp.

Nói rồi, gã ném xuống đệm một nửa cái bánh bích quy còn lại.

- Anh giữ lấy mà ăn, Aysê vừa nói vừa nhẹ nhàng đẩy trả lại miếng bánh; em không đói nữa. Mà em ăn làm gì nữa, em chẳng đã đến giờ tận số rồi sao?

Tamangô đứng dậy không đáp, loạng choạng đi lên boong ngồi xuống chân một cột buồm gãy. Đầu gục xuống ngực, gã huyết sáo bài ca của dòng họ mình. Bỗng nhiên Tamangô nghe thấy một tiếng kêu thét át cả tiếng gió và tiếng sóng; một ánh sáng hiện ra. Sau gã lại nghe thấy nhiều tiếng kêu nữa, rồi một chiếc tàu lớn, đen lù lù đi rất nhanh gần sát chiếc tàu HY VỌNG, gần đến nỗi trục buồm lướt qua cả đầu gã. Gã chỉ thấy hai người do một ngọn đèn ló treo ở cột buồm chiếu sáng. Hai người đó lại hét to lên một tiếng rồi liền ngay lúc đó tàu của họ bị gió cuốn đi khuất vào đêm tối. Chắc hẳn những người canh trên chiếc tàu kia đã trông thấy con tàu bị nạn, nhưng vì trời phong ba bão táp nên họ không trở buồm được. Một lát sau, Tamangô trông thấy một khẩu đại bác lòe lửa rồi nghe thấy tiếng nổ; sau đó lại thấy một khẩu đại bác nữa lòe lửa, nhưng không nghe thấy gì cả; rồi sau đó không trông thấy gì nữa. Ngày hôm sau, không thấy bóng một cánh buồm nào hiện ra ở chân trời. Tamangô lại nằm xuống đệm, nhắm mắt lại. Aysê, vợ gã, chết đêm hôm đó.

Tôi không rõ bao nhiêu lâu sau đó chiếc tàu buồm Anh La Benlon trông thấy một chiếc tàu gãy cột buồm, thủy thủ trên tàu hình như đã bỏ mặc. Họ bèn cho một chiếc sà-lúp sang xem thì thấy trên tàu có một phụ nữ da đen đã chết, và một người đàn ông da đen gầy còm chỉ còn nắm xương trông như một cái xác chết ướp khô. Người da đen ấy nằm bất tỉnh nhân sự, nhưng hãy còn thoi thóp thở. Viên bác sĩ giải phẫu trên tàu vội đón và chạy chữa, và khi tàu La Benlon cập bến Kinhxton⁽¹⁹⁾ thì Tamangô đã hoàn toàn bình phục. Người ta hỏi chuyện gã. Gã biết những gì kể lại hết. Bọn chủ đồn điền trên đảo muốn người ta đem gã ra xử treo cổ về tội là một tên da đen phiến loạn; nhưng viên thống đốc trên đảo vốn là người nhân từ, chú ý đến gã, cho rằng trường hợp của gã có thể biện bạch được, vì dù sao gã chỉ sử dụng quyền tự vệ chính đáng của mình, và chẳng những người bị gã giết chỉ là người Pháp. Người ta đối xử với gã như đối với tất cả mọi người da đen bắt được trên một chiếc tàu buôn nô lệ bị tịch thu. Người ta trả lại tự do cho gã, nghĩa là bắt gã làm việc cho chính phủ; nhưng mỗi ngày gã được sáu xu và được nuôi ăn. Gã là một người cao lớn đẹp đẽ. Viên đại tá Trung đoàn 75 trông thấy bèn lấy gã vào làm chân đánh chũm chọe trong ban quân nhạc trung đoàn. Gã học được một ít tiếng Anh, nhưng rất ít nói. Trái lại gã uống rượu rem⁽²⁰⁾ và rượu ta-phi-a⁽²¹⁾ quá độ, sau chết ở nhà thương về bệnh sung phổi.

Chương 2. HAI SỰ HIỂU LẦM

Hỡi cô gái tóc vàng, mắt biếc

Và làn da trắng muốt hơn hoa

Khi đã quyết trước ái tình quy phục

Thì hãy hy sinh đến cùng, vì cô sẽ chết(22).

I

Giuyli Đơ Saverni lấy chồng đã được gần sáu năm, và từ gần năm năm sáu tháng nay nàng nhận thấy không những không thể yêu chồng mà còn khó lòng coi trọng chồng đôi chút.

Chồng nàng không phải là một người bất lương, không phải thằng ngu ngốc cũng chẳng phải thằng rồ. Tuy vậy ở chàng hình như rõ ràng có cái gì thuộc về tất cả những thứ đó. Tìm trong ký ức nàng có thể nhớ lại rằng xưa kia nàng đã thấy chàng cũng dễ thương; nhưng bây giờ thì chàng làm cho nàng chán ngấy. Mọi cái ở chàng, nàng đều thấy ghê tởm. Cách chàng ăn, cách chàng uống cà phê, cách chàng nói năng đều làm cho thần kinh nàng bức bối khó chịu. Hai người hầu như chỉ trông thấy nhau và nói chuyện với nhau vào giờ ăn; nhưng mỗi tuần lễ họ ăn với nhau nhiều lần, và thế cũng đủ để nuôi dưỡng mối ác cảm của Giuyli.

Còn Saverni là một người đàn ông khá đẹp trai, hơi béo quá so với tuổi, da dẻ tươi tốt hồng hào, tính tình không có những cái thắc mắc vẩn vơ thường ray rứt những kẻ giàu trí tưởng tượng. Chàng tin tưởng một cách sùng kính rằng vợ chàng có một mối tình thân yêu dịu dàng đối với chàng. (Chàng thì quá là hiền triết nên đâu có tưởng mình được yêu như ngày mới cưới). Và sự tin chắc ấy làm cho chàng chẳng vui mà cũng chẳng buồn; ví bằng tình hình trái ngược, thì chàng cũng vui lòng chịu. Chàng đã phục vụ nhiều năm trong một trung đoàn kỵ binh; nhưng sau khi được thừa hưởng một gia tài kếch sù, chàng chán cuộc đời doanh trại, bèn xin giải ngũ và cưới vợ. Cắt nghĩa cuộc hôn nhân của hai nhân vật không có một ý nghĩ giống nhau xem chừng khá khó khăn đây. Một mặt, có những bà con danh giá và những người sốt sắng giúp đỡ, như Frôđinơ (23) sẵn sàng gả nước Cộng hòa Vonidơ cho Hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ, những người đó đã bỏ nhiều công sức vận động để giải quyết những vấn đề lợi ích. Mặt khác, Saverni là con nhà giòng dõi; hồi đó chàng chưa béo quá; chàng vui vẻ và là một người dễ tính dễ nết như người ta thường nói với đầy đủ cái nghĩa của danh từ đó. Giuyli vui thích thấy chàng tới nhà mẹ mình, vì chàng làm cho nàng cười về những câu chuyện trong trung đoàn của chàng, với một cách khôi hài không phải bao giờ cũng tao nhã. Nàng thấy chàng dễ thương, vì chàng nháy với nàng trong mọi cuộc khiêu vũ, và chàng không bao giờ thiếu những lý do chính đáng để thuyết phục mẹ nàng ở lại khiêu vũ đến khuya, đi xem hát hoặc đi chơi trong rừng Bulônơ. Sau hết, Giuyli tin rằng chàng là một người anh hùng, vì chàng đã đôi ba lần đấu súng một cách vinh dự. Nhưng Saverni đạt được thắng lợi hoàn toàn khi chàng miêu tả một chiếc xe ngựa nào đó mà chàng sẽ thuê đóng theo kiểu riêng của chàng, và sẽ đích thân cầm cương cho Giuyli đi khi nào nàng nhận lời lấy chàng.

Sau lễ cưới được vài tháng, tất cả những nét tốt của Saverni đã mất phần lớn giá trị của nó. Chàng không khiêu vũ với vợ nữa - cái đó là dĩ nhiên. Các chuyện vui, chàng đã kể hết tới ba bốn lần. Bây giờ chàng kêu các cuộc khiêu vũ kéo dài quá khuya. Đi xem hát thì chàng ngáp và thấy tục lệ phải mặc lễ phục buổi tối là một sự bó buộc không tài nào chịu nổi. Khuyết điểm chủ yếu của chàng là bệnh lười; nếu chàng muốn làm đẹp lòng người khác, có lẽ chàng sẽ thành công; nhưng sự gò bó phiền toái là một hình phạt đối với chàng: về điểm này chàng giống phần lớn những người to béo. Xã hội thượng lưu làm cho chàng chán, vì ở đó người ta chỉ được tiếp đón tử tế tùy theo mức cố gắng của mình để làm đẹp lòng kẻ khác. Đối với chàng, cái vui thô lỗ đáng ưa gấp mấy lần tất cả mọi thú vui tao nhã hơn; vì rằng muốn nổi bật lên giữa đám người hợp sở thích của chàng, chàng không phải tốn công sức nào khác ngoài việc kêu to hơn người khác, điều này đối với chàng không khó khăn gì nhờ có bộ phổi rất khỏe khoắn. Ngoài ra, chàng còn tự phụ có tài uống sâm banh hơn người thường, và phóng ngựa nháy qua một bức rào cao

bốn pi-ê một cách hoàn hảo. Do đó chàng thu phục được sự kính nể chính đáng trong bọn người khó định nghĩa mà người ta gọi là những người trẻ trung, đầy rẫy trong các đại lộ của ta vào quãng năm giờ chiều. Săn bắn, những cuộc vui ở nông thôn, đua ngựa, tiệc trưa và tiệc tối của bọn trai trẻ, những cái đó được chàng sốt sắng tìm kiếm. Mỗi ngày có đến hai mươi lần chàng nói rằng chàng là người đàn ông sung sướng nhất; và mỗi lần Giuyli nghe thấy thế, nàng lại ngược mắt nhìn trời và cái miệng xinh xắn của nàng biểu lộ một vẻ khinh khi khốn tả.

Đẹp, trẻ và lấy một người mà nàng không ưa, người ta có thể hiểu rằng có nhiều kẻ ngưỡng mộ để cầu lợi vây quanh nàng. Nhưng, ngoài sự bảo hộ của mẹ nàng, một người đàn bà rất khôn ngoan, thì tính tự kiêu - đó là khuyết điểm của nàng - cho tới bây giờ vẫn che chở nàng khỏi bị những sự căm dỗ của xã hội thương lưu. Vả lại, sự thất vọng nảy ra sau ngày cưới đem lại cho nàng một thứ kinh nghiệm đã khiến lòng nàng khó có sự phấn hưng bùng bột. Nàng tự kiêu thấy trong xã hội người ta tỏ ý thương hại nàng và coi nàng như một kiểu mẫu về nhân nhục. Xét cho cùng, nàng hầu như sung sướng, vì nàng không yêu ai và chồng nàng để cho nàng hoàn toàn tự do về hành động. Tính làm dáng của nàng (và phải thú nhận rằng nàng hơi thích chứng minh rằng chồng nàng không biết đánh giá cái báu vật mà chàng sở hữu) - hoàn toàn do bản năng như tính làm dáng của trẻ em - hòa hợp một cách tuyệt diệu với đôi chút dè dặt cao kỳ nhưng không phải là điệu bộ quá đoan trang. Sau hết, nàng biết cách tỏ ra đáng yêu với tất cả mọi người, nhưng là với tất cả mọi người, ngang nhau. Miệng lưỡi gièm pha không tìm nổi một lời chê bai nhỏ nào để nói nàng.

II

Hai vợ chồng vừa ăn tối ở nhà Luytxăng phu nhân, mẹ của Giyuli, bà này sắp đi Nixer. Saverni tuy đến nhà mẹ vợ là thấy chán ngán cũng buộc phải ở đó cả buổi tối mặc dầu chàng rất thèm được đến với bè bạn của chàng ở đại lộ. Ăn xong chàng đặt mình vào một cái tràng kỷ để chịu, và ngồi ở đấy trong hai giờ không nói một tiếng. Lý do cũng giản dị thôi: chàng ngủ, nhưng mà ngủ một cách lịch sự, vẫn ngồi, đầu ngả về một bên và làm ra vẻ chăm chú nghe chuyện; thỉnh thoảng chàng còn thức giấc nữa, và nói chen vào một tiếng.

Sau đó, chàng lại ngồi vào bàn huyết(24), một thứ bài mà chàng ghét vì nó đòi hỏi phải tập trung tư tưởng ít nhiều. Tất cả những cái đó làm cho chàng phải ngồi lại đến khuya. Đồng hồ vừa mới điểm mười giờ rưỡi. Saverni không hẹn với ai tối nay: chàng hoàn toàn không biết làm gì. Trong khi chàng đang phân vân như thế, người ta báo tin xe ngựa của chàng đã tới. Nếu chàng về nhà, chàng sẽ phải đưa vợ về. Viễn tưởng phải ngồi cùng với vợ những hai mươi phút đồng hồ có cái gì làm cho chàng kinh hãi; nhưng chàng không có xì gà trong túi, và chàng hết sức thèm khát mở một hộp mà chàng nhận được từ Lor Havro chính vào lúc chàng ở nhà bước ra để đi dự tiệc. Chàng đành nhẫn nhục.

Trong khi chàng quần khăn quàng cho vợ, chàng không thể nhịn cười khi nhìn thấy bóng mình trong gương đang làm nhiệm vụ của một tân lang. Chàng cũng ngắm cả vợ chàng mà trước đó hầu như chàng không ngó tới. Chàng thấy vợ mình tối nay có vẻ đẹp hơn ngày thường; do đó chàng sửa sang chiếc khăn quàng trên vai vợ hơi lâu một chút. Giuyli cũng miễn cưỡng như chàng về việc hai vợ chồng sắp phải ngồi riêng với nhau. Đôi môi nàng hơi bĩu ra có vẻ dỗi, và cặp lông mày cong bắt giác nhíu lại. Tất cả những cái đó làm cho khuôn mặt của nàng lộ vẻ đáng yêu đến nỗi ngay một người chồng cũng không thể không xúc động. Hai cặp mắt gặp nhau ở trong gương, khi diễn ra cái công việc mà tôi vừa nói. Cả hai người đều lúng túng. Để thoát khỏi tình trạng đó, Saverni mỉm cười hôn bầy tay vợ chàng đang giơ lên để sửa sang chiếc khăn quàng, - Chúng yêu nhau thật! Luytxăng phu nhân nói rất khế, bà không nhận ra cả sự khinh khỉnh lạnh lùng của người vợ lẫn vẻ thờ ơ của người chồng.

Ngồi chung trong xe gần chạm vào nhau, lúc đầu hai người không nói với nhau. Saverni cảm thấy rõ ràng chàng nên nói một câu gì, nhưng đầu óc chàng không nghĩ ra cái gì cả. Ngồi bên chàng, Giuyli cũng im như tượng. Chàng ngáp ba bốn lần đến nỗi tự thấy ngượng, và khi ngáp lần cuối cùng, chàng thấy mình cần phải xin lỗi vợ. - Bữa tối kéo dài quá, chàng nói thêm để thanh minh.

Giuyli chỉ thấy trong câu đó ý định của chồng chê bai những bữa tối ở nhà mẹ nàng và nói với nàng một điều gì khó chịu. Đã từ lâu, nàng có thói quen tránh mọi cuộc tranh luận với chồng, cho nên nàng tiếp tục ngồi im.

Tối nay, Saverni cảm thấy một cách bất đắc dĩ cái thích nói chuyện, nên hai phút sau chàng nói tiếp:

- Hôm nay anh ăn ngon; nhưng anh rất muốn nói với em rằng sâm-banh của mẹ em ngọt quá.

- Sao? Giuyli hỏi, đầu quay sang phía chồng rất uể oải và làm ra vẻ không nghe rõ.

- Anh nói rằng sâm-banh của mẹ em ngọt quá. Anh quên không nói để mẹ em biết. Thật là lòng, nhưng người ta cứ tưởng dễ chọn rượu sâm-banh. Này! không có gì khó hơn đâu. Có hàng hai chục thứ tối mà chỉ có mỗi một thứ ngon thôi.

- Thế à! Sau khi đệm một tiếng như thế cho phải phép lịch sự, Giuyli quay đầu đi và nhìn qua cửa xe bên phía nàng. Saverni ngả người ra đằng sau và đặt đôi chân lên tấm đệm phía trước xe, hơi ức vì thấy mình cố tìm đủ mọi cách để bắt chuyện mà vợ cứ đứng đưng.

Tuy vậy, sau khi ngáp thêm hai ba lần nữa, chàng xích lại gần Giuyli và nói tiếp: Giuyli, em mặc chiếc áo này ăn với người em quá! Em mua ở đâu thế?

"Chắc anh ta muốn mua một chiếc giống thế cho tình nhân, Giuyli nghĩ". - Ở hàng Buyti, nàng hơi mỉm cười trả lời.

- Sao em lại cười? Saverni vừa hỏi vừa rút chân ra khỏi tấm đệm và xích lại gần vợ hơn. Đồng thời chàng cầm lấy một tay áo của vợ và sờ nó hơi theo kiểu Táctuyép(25).

- Em cười, Giuyli nói, vì anh chú ý đến phục sức của em. Cần thận, không anh làm nhàu áo của em. Và nàng rút tay áo khỏi bàn tay của Saverni.

- Anh cam đoan với em rằng anh rất chú ý đến phục sức của em, và anh đặc biệt khâm phục khiếu thẩm mỹ của em. Thật đấy, anh xin lấy danh dự mà nói rằng hôm nọ anh có nói chuyện về cái đó với... một phụ nữ ăn mặc lúc nào cũng dở.. mặc dầu người ấy chỉ tiêu kinh khủng về phục sức... Bà sẽ phá sản... anh nói với người ấy... Anh kể em ra...

Giuyli thích thú về sự lúng túng của anh chàng và không tìm cách ngắt lời để chấm dứt nó.

- Những con ngựa của em tồi quá! chúng nó không bước đi được! Anh phải thay ngựa khác cho em mới được, Saverni nói hoàn toàn luống cuống.

Trên quãng đường còn lại, câu chuyện cũng không linh hoạt hơn, cả hai người đều không vượt quá mức đáp lại câu hỏi.

Cuối cùng hai vợ chồng về tới phố... chia tay nhau sau khi chúc nhau ngủ ngon.

Giuyli đang cởi quần áo và người hầu gái của nàng vừa mới bước ra không rõ để làm gì thì cánh cửa phòng ngủ của nàng mở ra khá đột ngột và Saverni bước vào. Giuyli hấp tấp trùm áo lên vai. - Xin lỗi, chàng nói, anh rất muốn xem cuốn truyện cuối cùng của Xcốt(26) để dễ ngủ... Có phải là cuốn Quentin Durward không nhỉ?

- Nhất định là nó ở bên anh, Giuyli đáp; ở đây không có sách nào cả.

Saverni ngắm vợ trong cách ăn mặc khá trẻ nãi làm tôn sắc đẹp lên rất nhiều. Chàng thấy nàng đẹp như gai đâm vào mắt - đó là tội dùng một thành ngữ mà tôi ghét. "Quả thật là một người đàn bà rất đẹp!?", chàng nghĩ. Và nàng đứng im trước mặt chàng, không nói một tiếng, tay vẫn cầm cây đèn nền. Giuyli cũng đứng trước mặt chàng, vò nhàu cái mũ ngủ của mình và hình như sốt ruột chờ chàng ra để cho nàng ở lại một mình.

- Chao ôi! tối nay em kiêu diễm quá! cuối cùng Saverni vừa kêu lên vừa tiến một bước và đặt cây đèn nền xuống.

Anh yêu vô cùng những người đàn bà xõa tóc. Vừa nói, chàng vừa giơ tay nắm lấy những bím

tóc dài lòa xòa trên vai Giuyli và đưa một cánh tay gần như âu yếm quàng lấy người nàng.

- Trời ơi! anh sặc mùi thuốc lá đến kinh khủng! Giuyli vừa quay đi vừa kêu lên. Anh đừng động đến tóc em, anh sắp làm nó dây phải cái mùi ấy và em sẽ không còn biết làm thế nào để tẩy sạch.

- Ôi chào! em nói thế là nói bừa đấy thôi và vì em biết đôi khi anh cũng có hút thuốc. Thôi đừng làm ra vẻ khó khăn đến thế, cô vợ bé nhỏ của anh ạ. Và nàng không kịp gỡ mình ra khỏi đôi cánh tay của chàng để tránh một cái hôn lên vai nàng.

May thay cho Giuyli, người hầu gái của nàng trở vào, vì đối với một phụ nữ, không có gì ghê tởm hơn những cái vuốt ve mà mình tránh cũng dở mà nhận cũng dở.

- Mari này, Saverni phu nhân nói, cái áo lót trong chiếc áo dài xanh của tôi dài quá thể. Hôm nay tôi gặp Bêgi phu nhân, người bao giờ cũng có con mắt thẩm mỹ tuyệt diệu; áo lót của phu nhân nhất định là ngắn hơn hai đốt ngón tay. Đây, chị hãy lấy ghim gấp nó lên ngay xem thử ra sao.

Thế là giữa hầu gái và bà chủ bắt đầu một câu chuyện tay đôi thú vị nhất về kích thước chính xác cần có của áo lót. Giuyli biết rõ rằng Saverni không ghét gì bằng phải nghe chuyện thời trang và nàng sẽ làm Saverni bỏ đi. Cho nên, sau dăm phút đi đi lại lại, thấy Giuyli để hết tâm trí vào chiếc áo lót của mình, Saverni ngáp một cái kinh khủng, rồi lại cầm lấy cây đèn nến và lần này thì ra hẳn.

III

Thiếu tá Peranh đang ngồi trước một chiếc bàn nhỏ và chăm chú đọc. Chiếc áo rơ-đanh-gốt chải rất kỹ, cái mũ chào mào và nhất là cái dáng cứng đờ của bộ ngực chàng làm cho chúng ta hiểu rằng chàng là một quân nhân kỳ cựu. Trong phòng chàng, cái gì cũng sạch sẽ nhưng hết sức giản dị. Một lọ mực và hai ngòi bút gọt kỹ đặt trên bàn cạnh một tập giấy viết thư chưa được dùng đến một tờ ít nhất từ một năm nay. Tuy thiếu tá Peranh không viết, bù lại chàng đọc nhiều. Lúc đó chàng vừa đọc Những bức thư Ba-tu⁽²⁷⁾ vừa hút thuốc bằng cái tẩu bột biển, và hai công việc đó thu hút tâm trí của chàng đến nỗi lúc đầu chàng không thấy thiếu tá Satôfo bước vào phòng. Đó là một sĩ quan trẻ tuổi cùng ở một trung đoàn với chàng, mặt mũi đẹp đẽ, rất dễ thương, hơi hợm mình và rất được viên bộ trưởng chiến tranh che chở; nói tóm lại, đó là một người trái ngược với thiếu tá Peranh về hầu hết mọi phương diện. Tuy vậy hai người là bạn thân với nhau, cũng không biết vì sao, và ngày nào cũng gặp nhau.

Satôfo vỗ vai thiếu tá Peranh. Peranh quay đầu lại, miêng vẫn không rời cái tẩu. Biểu hiện tình cảm đầu tiên của chàng là vui mừng khi trông thấy bạn; thứ hai là tiếc - con người quý hóa làm sao! - vì chàng sắp phải rời cuốn sách; thứ ba là quyết định tiếp đãi bạn một cách long trọng nhất trong căn phòng của chàng. Chàng lục túi áo để tìm chìa khóa cái tủ đựng một hộp xì gà quý mà bản thân thiếu tá không hút và thường lấy từng điếu một để biếu bạn; nhưng Satôfo đã hàng trăm lần thấy Peranh có cử chỉ ấy, nên kêu lên: - Thôi thôi, bố Peranh ơi, giữ lấy xì gà; tôi cũng có đấy! Rồi, rút trong một cái bao lịch sự bằng rơm Mêchxích một điếu xì gà màu quế, hai đầu rất nhọn, Satôfo châm điếu thuốc và nằm duỗi mình trên một đi-văng nhỏ mà thiếu tá Peranh không bao giờ sử dụng, đầu đặt lên gối, chân đặt lên lưng ghế đối diện. Satôfo bắt đầu nhả khói bao kín lấy mình, rồi nhắm mắt lại, gã có vẻ suy nghĩ sâu xa về điều gã định nói. Mặt gã vui hơn hờ, và hình như khó khăn lắm gã mới giữ được trong lòng một hạnh phúc bí mật mà gã rất muốn người ta đoán ra. Còn thiếu tá Peranh sau khi kéo ghế đến trước đi-văng, yên lặng ngồi hút thuốc một lúc; rồi vì Satôfo không vội nói, Peranh hỏi: Urika có khỏe không?

Đó là tên một con ngựa ô cái mà Satôfo bắt làm việc hơi quá sức nên có nguy cơ mắc bệnh thở dốc. - Tốt lắm, Satôfo nói, không nghe câu hỏi, Peranh, Satôfo vừa kêu lên vừa duỗi về phía bạn cái chân tựa lên lưng đi-văng, anh có biết rằng anh sung sướng có một người bạn như tôi không?

Viên thiếu tá nhiều tuổi cổ moi trong đầu óc xem quen Satôfo đã có lợi ích gì, nhưng chẳng

thấy gì cả ngoài vài cuốn sách của Kanaxte do Satôfo cho và vài ngày quản chế mà chàng đã phải chịu vì dính líu vào một vụ đấu súng trong đó Satôfo đóng vai chính. Nói đúng ra, bạn chàng có nhiều dấu hiệu tỏ ra tin cậy chàng. Lần nào Satôfo cũng tìm đến chàng để nhờ thay gã khi gã đến buổi phải đi công tác hoặc cần có người trợ thủ.

Satôfo không để cho chàng tìm kiếm lâu và chìa cho chàng xem một lá thư nhỏ viết trên giấy láng Anh bằng một nét chữ li ti. Thiếu tá Peranh nhăn mặt lại; đối với chàng, cái đó tương đương với một nụ cười. Chàng đã thường thấy những bức thư viết trên giấy láng và bằng những nét nhỏ như thế gửi cho bạn chàng.

- Này, Satôfo nói, anh đọc đi. Chính tôi là người mà anh phải hàm ơn về cái đó nhé. Peranh đọc bức thư như sau:

"Thưa ông thân mến. Chúng tôi rất mong ông vui lòng đến dùng bữa tối với chúng tôi. Đáng lẽ nhà tôi đến mời ông, nhưng nhà tôi phải đi dự một cuộc đi săn. Tôi không rõ địa chỉ của thiếu tá Peranh, nên không thể viết thư để mời thiếu tá cùng đến với ông được. Ông đã khiến tôi rất ao ước được làm quen với thiếu tá, và tôi sẽ cảm ơn ông gấp bội, nếu ông đưa được thiếu tá đến nhà chúng tôi.

Giuyli Đơ Saverni.

T.B. - Tôi rất cảm ơn ông đã bỏ công chép cho tôi bản nhạc. Bản nhạc đó mê ly quá, và bao giờ người ta cũng phải khâm phục khiếu thẩm mỹ của ông. Không thấy ông đến chơi nhà chúng tôi những hôm thứ năm nữa đấy nhé! Ông cũng biết rằng được gặp ông thì chúng tôi vui sướng biết bao".

- Một nét chữ xinh, nhưng nhỏ thật, Peranh nói khi đọc xong. Nhưng mà trời đất ơi! ăn tối ở nhà bà ta làm tôi khổ đến chết mất; vì sẽ phải mang bát tất lụ và không được hút thuốc khi ăn xong.

- Thật là một tai họa hay ghê! Thích người phụ nữ xinh nhất Pari hơn cái tẩu!... Điều mà tôi khâm phục là sự vô ơn của anh. Anh không cảm ơn tôi về cái hạnh phúc mà tôi mang lại cho anh.

- Cảm ơn anh à? Nhưng không phải anh mà tôi phải chịu ơn về bữa ăn này... nếu có phải chịu ơn.

- Vậy thì ai?

- Saverni, hẳn ta trước làm đại úy trong đơn vị tôi. Chắc hẳn đã bảo vợ: Mời Peranh đi, lão ấy thế mà cũng dễ chịu đấy. Làm sao mà một phụ nữ xinh đẹp mới gặp tôi có một lần đã có thể nghĩ đến chuyện mời một thằng lính già cóc đế như tôi?

Satôfo mỉm cười, soi mình trong chiếc gương hẹp bày ở gian phòng của thiếu tá.

- Hôm nay bố không tinh tí nào cả, bố Peranh ạ. Bố hãy đọc lại cho tôi mảnh giấy này, có lẽ bố sẽ thấy điều mà bố chưa thấy.

Thiếu tá lật đi lật lại lá thư mà không thấy gì cả.

- Thế nào hở anh ngốc già! Satôfo kêu lên, anh không thấy rằng nàng mời anh để làm vui lòng tôi à, chỉ vì nàng muốn tỏ ra rằng coi trọng các bạn tôi, vì nàng muốn tỏ cho tôi thấy rằng.. là...

- Là làm sao? Peranh ngắt lời.

- Là... anh thừa biết là làm sao.

- Là nàng yêu anh phải không?

Thiếu tá hỏi vẻ nghi ngờ.

Satôfo huýt sáo không trả lời.

- Vậy ra nàng mê anh?

Satôfo vẫn huýt sáo.

- Nàng đã nói với anh như thế?

- Ồ... điều đó đã quá rõ, tôi thấy như vậy.

- Thấy thế nào?... trong lá thư này?

- Hẳn vậy.

Bây giờ đến lượt Peranh huýt sáo. Tiếng sáo của chàng cũng có ý nghĩa như khúc Lilibulorô trứ danh của chú Tôbi(28).

- Sao! Satôfo vừa kêu lên vừa giật lá thư trong tay Peranh, anh không nhìn thấy tất cả những gì... ầu yếm... phải, ầu yếm trong đó à? Anh bảo sao về mấy tiếng này: Thừa ông thân mến? Xin anh chú ý kỹ rằng trong một lá thư khác nàng chỉ viết cho tôi thưa ông, cụt lủn thế thôi. Tôi sẽ cảm ơn ông gấp bội chỗ này đích xác rồi. Anh thấy không, sau đó có một chữ bị xóa, đó là chữ nghìn; nàng đã định viết nghìn lời thân mến, nhưng nàng không dám. Nghìn câu chúc lại không đủ... Nàng chưa viết xong bức thư... Ô! ông anh của tôi ơi! hay là anh muốn một phụ nữ thế phiệt như Saverni phu nhân nhảy ngay vào lòng thằng em anh như một cô thợ lẳng lơ hạ lưu hay sao? Tôi, tôi xin nói với anh rằng bức thư của nàng rất đáng yêu, và phải là mùa mới không nhận ra mối tình say đắm trong đó... Lại còn những lời trách ở cuối thư, vì tôi vắng mặt có mỗi một hôm thứ năm, thì anh bảo sao?

- Tôi nghiệp người đàn bà bé bỏng! Peranh kêu lên, cô em đừng nên phải lòng cái thằng cha ấy. Cô em sẽ hối hận ngay đấy thôi!

Satôfo không lưu ý đến câu hoạt dụ của ông bạn, nhưng lấy giọng nói nhỏ và bóng gió, gã nói: Anh bạn thân yêu ạ, anh có biết rằng anh có thể giúp tôi một việc quan trọng không?

- Sao?

- Anh phải giúp tôi trong việc này. Tôi biết rằng chồng nàng đối xử với nàng rất tồi tệ, đó là một con vật làm cho nàng khổ sở... anh, Peranh, anh quen hẳn, anh hãy nói rõ cho vợ hẳn biết rằng hẳn là một kẻ vũ phu, một người có tiếng xấu nhất...

- Ồ...!

- Một kẻ phóng đảng... anh cũng biết đấy. Hẳn có bao nhiêu là tình nhân khi hẳn còn ở trung đoàn; và những loại tình nhân thế nào! Anh hãy nói tất cả những cái đó với vợ hẳn.

- Ồ! làm thế nào mà nói được? Chuyện gia đình nhà người ta...

- Trời ơi! Cái gì chả có cách nói! Nhất là anh phải nói tốt cho tôi.

- Về điều đó thì dễ hơn. Tuy nhiên...

- Không phải dễ lắm đâu, xin anh nghe tôi nói; vì nếu tôi để anh nói tự do, anh sẽ bốc tôi lên đến nỗi hỏng cả việc của tôi... Anh hãy nói với nàng rằng ít lâu nay anh nhận thấy tôi buồn, tôi không nói năng nữa, tôi bỏ ăn...

- Ồi chà chà! Peranh vừa kêu vừa cười ồm lên làm cho cái tẩu của chàng nảy lên nảy xuống rất buồn cười, không bao giờ tôi có thể nói như thế trước mặt bà Saverni đâu. Mới hôm qua, tí nữa người ta phải khiêng anh về sau bữa tiệc mà các bạn thiết chúng ta.

- Phải rồi, nhưng kể cái đó ra cho nàng nghe làm gì vô ích. Cần làm cho nàng biết rằng tôi mê nàng; và những tay đặt tiểu thuyết đã thuyết phục bọn phụ nữ rằng một anh đàn ông vẫn ăn vẫn uống thì không thể là người đang si mê.

- Còn tôi, tôi thấy không có gì có thể làm cho tôi bỏ ăn bỏ uống.

- Vậy là, anh Peranh thân mến, Satôfo vừa nói vừa đội mũ và sửa sang những món tóc của mình, vậy là đã thỏa thuận rồi nhé; thứ năm sau tôi sẽ đến đây tìm anh; giày không cổ và tất

lụa, lễ phục bắt buộc đấy! Nhất là anh đừng quên kể những cái đáng ghê sợ của người chồng, và nói tốt hết sức cho tôi đấy.

Gã vừa bước ra vừa vung vẩy cây cần của mình một cách duyên dáng, để Peranh ngồi bần tâm mãi về lời mời mà chàng vừa nhận được và càng phàn nàn khi nghĩ đến tất lụa và lễ phục bắt buộc.

IV

Vì có nhiều người được Saverni phu nhân mời đã xin kiếu, nên bữa tiệc hơi tẻ. Satôfo ngồi cạnh Giulyli rất sốt sắng phục vụ năng, lịch sự và nhã nhặn như thường lệ. Còn Saverni vì sáng nay vừa cưới ngựa đi chơi nên ăn hết sức ngon miệng. Cách chàng ăn uống làm cho những người đau ốm nhất cũng phải thèm.

Thiếu tá Peranh ngồi tiếp chàng, luôn luôn rót rượu cho chàng uống, và cười đến vỡ nhà mỗi khi cái vui thô lỗ của chủ nhà tạo dịp cho thiếu tá cười. Được gặp lại những quân nhân, Saverni tức khắc phục hồi sự vui tính và phong cách khi còn ở trung đoàn; vả lại, chàng có bao giờ quá khó tính trong việc lựa chọn những câu bông phèng. Vợ chàng tỏ vẻ lạnh lùng khinh khỉnh trước mỗi lời nói đùa lỗ măng của chồng. Những lúc đó nàng quay về phía Satôfo, và bắt đầu nói chuyện riêng với gã, để khỏi có vẻ nghe thấy những lời nói làm cho nàng hết sức phật ý.

Đây là một ví dụ về kiếu lịch sự của người chồng kiếu mẫu đó. Vào cuối bữa tiệc, câu chuyện nhằm vào rạp Ô-pê-ra, người ta so sánh giá trị của nhiều cô vũ nữ và trong các cô đó người ta đặc biệt ca tụng cô... Thế là Satôfo tăng bốc thêm và đặc biệt ca ngợi cái sắc đẹp, dáng điệu và vẻ người tao nhã của cô ấy.

Peranh, mà Satôfo đã dẫn đi xem Ô-pê-ra cách đó vài hôm và chỉ đi đến đó có một lần ấy, còn nhớ rất rõ cô...

- Có phải chàng nói, cái cô bé mặc màu hồng, nhảy như dê non không? Có phải cái cô có cặp đùi mà anh vẫn nói đến không, Satôfo?

- A! cặp đùi của cô ta thì còn phải nói, Saverni kêu lên; nhưng ông có biết rằng nếu ông nói quá nhiều đến nó, thì ông sẽ lòi thối với vị tướng của ông là công tước Đơ G... không? Xin ông hãy coi chừng ông bạn ạ!

- Nhưng tôi nghĩ ông ta đâu có tính cả ghen đến mức cấm người ta nhìn cặp đùi đó qua ống nhòm xem hát.

- Trái lại, vì ông ta lấy làm hãnh diện về cặp đùi ấy, y như ông ta là kẻ đã phát hiện ra nó. Này thiếu tá Peranh, thế ông bảo sao về cặp đùi đó?

- Tôi chỉ thạo có đùi ngựa, người quân nhân nhiều tuổi nhũn nhận đáp.

- Quả thực cặp đùi ấy tuyệt đẹp, Saverni nói, và ở Pari không có cặp đùi của ai đẹp hơn, trừ phi của... chàng ngừng lại và vừa vê râu mép ra vẻ chột nhả vừa nhìn vợ, khiến nàng lập tức đỏ đến tận vai.

- Trừ cặp đùi của cô D... có phải không? Satôfo ngắt lời, kể tên một vũ nữ khác.

- Không phải, Saverni đáp với giọng bi kịch của Hămlet:

Nhưng xin hãy nhìn vợ tôi.

Giulyli giận đỏ mặt tía tai. Nàng lườm chồng một cái nhanh như chớp, nhưng cái lườm đó đủ biểu lộ cả sự khinh bỉ lẫn sự phẫn nộ. Rồi cố tự kiềm chế, nàng quay ngoắt sang phía Satôfo: Chúng ta phải, nàng nói giọng hơi run run, chúng ta phải nghiên cứu khúc song tấu Maômétto(29) mới được. Chắc là khúc đó rất hợp với giọng của ông.

Saverni không dễ bị bối rối. - Satôfo, chàng nói tiếp, ông có biết rằng xưa kia tôi đã định đúc khuôn cặp đùi mà tôi vừa nói không? Nhưng người ta không bao giờ cho phép tôi làm như thế cả.

Satôfo rất vui thích trước sự tiết lộ liều lĩnh đó, nhưng làm ra vẻ không nghe thấy và nói về bản Maômétto với Saverni phu nhân.

- Cái người mà tôi muốn nói, người chồng tàn nhẫn nói tiếp, thường thường phần nộ khi người ta đánh giá đúng mình về cái mục đó, nhưng trong thâm tâm thì không giận đâu. Ông có biết rằng người đó bảo ông hàng bút-tất đo cho mình không?... Minh ạ, mình đừng giận nhé... Chỉ hàng bút-tất, tôi nói nhầm đấy. Và khi tôi đi Brúcxen, tôi mang theo ba trang giấy của người ấy viết để chỉ dẫn kẻ về vấn đề mua bút-tất.

Nhưng tha hồ cho chàng nói, Giuyli quyết không nghe nữa. Nàng nói chuyện với Satôfo, giả bộ vui vẻ và nụ cười có duyên của nàng cố làm cho gã tin tưởng rằng nàng chỉ nghe mỗi lời gã nói. Về phần mình, Satôfo ra vẻ để hết tâm trí vào khúc Maômétto; nhưng gã không bỏ sót một lời nói liều lĩnh nào của Saverni.

Sau bữa tiệc, người ta chơi âm nhạc và Giuyli hát theo tiếng dương cầm cùng với Satôfo, còn Saverni biến mất khi cây đàn dương cầm vừa mở nắp ra. Có nhiều khách chợt đến, nhưng điều đó vẫn không ngăn được Satôfo nói thầm với Giuyli rất nhiều lần. Khi ra về gã tuyên bố với Peranh rằng gã đã không phí mất buổi tối và công việc của gã đang tiến triển.

Peranh cho rằng một người chồng nói đến cặp đôi của vợ mình là một việc hoàn toàn bình thường: cho nên khi còn lại có một mình ở ngoài phố với Satôfo, chàng bảo bạn với một giọng thăm thía:

- Sao anh lại đang tâm phá rối một gia đình yên ấm như thế! Hẳn yêu quý cô vợ nhỏ của hẳn quá!

V

Từ một tháng nay, Saverni rất bận tâm về vấn đề xin làm nội thần của nhà vua.

Có lẽ người ta lấy làm lạ rằng một người to béo, lười nhác thích thoải mái tùy ý, lại có thể có một tham vọng trong đầu óc; nhưng chàng không thiếu gì lý do xác đáng để biện hộ cho tham vọng của chàng. Trước nhất, chàng nói với các bạn: "Tôi tiêu quá nhiều để mua vé lô xem hát tặng phụ nữ. Khi nào được một chức vị trong triều thì muốn có bao nhiêu vé lô trong rạp hát cũng được mà không tốn một xu. Và ai cũng biết rằng người ta có thể được những gì nhờ các lô. Ngoài ra, tôi rất thích đi săn: những cuộc đi săn của Nhà Vua sẽ là của tôi. Sau hết, bây giờ tôi không còn binh phục nữa nên tôi không biết ăn mặc thế nào để đi dự những cuộc khiêu vũ của Lệnh Bà(30); tôi không thích quần áo hầu tước; bộ quần áo nội thần ấy rất hợp với vẻ người của tôi." Do đó, chàng đi cầu cạnh. Đáng lẽ chàng muốn cả vợ chàng cũng đi. Nhưng nàng cương quyết từ chối, mặc dầu nàng có nhiều bà bạn rất thần thế. Sau khi giúp vài việc con con cho công tước Đơ H..., một người rất có thanh thế ở triều đình lúc bấy giờ, chàng rất trông đợi vào thế lực của ông bạn này. Bạn chàng là Satôfo cũng quen biết nhiều nhân vật quan trọng, gã giúp đỡ chàng một cách nhiệt tình và tận tâm mà có lẽ chúng ta sẽ thấy nếu chúng ta là chồng của một mỹ nhân.

Một cơ hội làm cho câu chuyện của Saverni tiến bộ nhiều, mặc dầu nó có thể gây ra những hậu quả khá bi thảm cho chàng. Saverni phu nhân đã kiếm được, không phải là không mất công, một vé lô ở rạp Ô-pê-ra diễn buổi đầu của một vở kịch. Lô đó có sáu chỗ ngồi. Sau khi phản đối kịch liệt, chồng nàng bằng lòng đi với nàng một cách bất thường. Thực ra Giuyli muốn biếu Satôfo một chỗ ngồi, nhưng nàng cảm thấy không thể đi Ô-pê-ra một mình với gã, nên nàng đã buộc chồng phải tới xem buổi biểu diễn đó.

Ngay khi hết hồi thứ nhất, Saverni bước ra, để vợ ngồi một mình với bạn. Lúc đầu cả hai người đều yên lặng, mặt vẻ tự nhiên: về phần Giuyli, vì từ ít lâu nay nàng cảm thấy lúng túng mỗi khi ngồi một mình với Satôfo; về phần Satôfo, vì gã có dự định của gã và thấy mình nên làm ra vẻ cảm động. Liếc trộm các khán giả, gã vui sướng thấy nhiều ống nhòm quen thuộc hướng vào lô của gã. Gã rất thỏa mãn khi nghĩ rằng có nhiều bạn gã thềm muốn hạnh phúc của gã, và xem ra họ tưởng rằng gã oai hơn thực tế rất nhiều.

Sau nhiều lần ngửi bính hương và bó hoa của mình, Giuyli nói chuyện về thời tiết oi bức, về buổi biểu diễn, về các trang phục, còn Satôfo thì nghe một cách lơ đãng, thờ dãi, cựa quậy trên ghế, nhìn Giuyli rồi lại thờ dãi. Giuyli bắt đầu lo ngại. Bỗng chốc gã kêu lên:

- Tôi thật tiếc cái thời hiệp sĩ!

- Thời hiệp sĩ à? Tại sao thế? Giuyli hỏi. Chắc vì bộ quần áo thời Trung cổ sẽ hợp với ông lắm?

- Chắc bà cho tôi là một kẻ rất hợm mình, gã nói với giọng chua chát và buồn bã. Không, tôi tiếc cái thời đó... vì người nào cảm thấy mình có lòng dũng cảm... người ấy có thể mong ước... được nhiều cái... Nói tóm lại, chỉ có vấn đề chẻ đôi đầu một tên khổng lồ là có thể làm vừa lòng một mỹ nhân... Đây này, bà có trông thấy cái tên cao lớn ở ban công kia không? Tôi mong rằng bà ra lệnh cho tôi đến lấy bộ râu của hắn... để rồi bà cho phép tôi được nói với bà ba tiếng nhỏ mà không làm bà giận.

- Ông điên thật! Giuyli kêu lên, mặt đỏ rừ, vì nàng đã đoán được ba tiếng nhỏ ấy là gì - Nhưng này ông hãy trông Xanh Hermin phu nhân: ở tuổi bà ta mà mặc quần áo khiêu vũ và hở cổ?

- Tôi chỉ trông thấy có một điều, là bà không muốn nghe tôi nói, và đã từ lâu tôi nhận thấy điều đó... Nếu bà muốn, tôi xin ngậm miệng; nhưng... gã vừa nói rất khế vừa thờ dãi, bà đã hiểu lòng tôi...

- Không, quả thực thế, Giuyli nói cộc lốc. Mà nhà tôi đi đâu rồi nhỉ?

Một người khách đến rất đúng lúc giúp nàng thoát khỏi lúng túng. Satôfo không mở miệng nữa. Gã nhọt nhọt và có vẻ đau khổ. Khi người khách bước ra, gã nói vài câu nhận xét không có nghĩa lý gì về buổi biểu diễn. Giữa hai người có những khoảng thời gian im lặng dài.

Hồi thứ hai sắp sửa bắt đầu thì cửa lô mở ra và Saverni xuất hiện, dẫn một người đàn bà rất xinh và rất diện, đầu gài những lông chim màu hồng lông lẩy. Đi sau Saverni là công tước Đơ H...

- Em thân yêu, hắn nói với vợ, tôi gặp ngài Công tước và phu nhân đây trong một cái lô tồi quá ở phía bên, ngồi ở đó người ta không thể thấy những đồ bài trí. Hai vị đã bằng lòng ngồi trong lô của chúng ta đấy!

Giuyli cúi chào một cách lãnh đạm: nàng không ưa công tước Đơ H... Công tước và bà gài lông hồng xin lỗi rồi rít, và sợ làm phiền nàng. Hai bên thi nhau tỏ lòng hào hiệp về vấn đề chỗ ngồi. Trong tình hình lộn xộn diễn ra lúc đó, Satôfo ghé vào tai Giuyli và nói với nàng rất khế và rất nhanh: "Lạy Chúa, xin bà đừng ngồi ra phía trước lô". Giuyli rất ngạc nhiên và ngồi nguyên ở chỗ của mình. Khi mọi người đã yên vị, nàng quay sang phía Satôfo và đưa con mắt hơi nghiêm khắc hỏi gã về điều bí ẩn đó. Gã ngồi cổ thẳng đờ, môi mím lại và tất cả điệu bộ của gã tỏ ra rằng gã hết sức khó chịu. Suy nghĩ về điều bộ đó, Giuyli hiểu khá sai về lời khuyên của Satôfo. Nàng cho rằng gã muốn nói thầm với nàng trong buổi biểu diễn và tiếp tục những câu nói kỳ quái của gã, điều mà gã không thể nào làm được nếu nàng vẫn ngồi ở phía trước. Khi nàng đưa mắt nhìn quanh rạp hát, nàng nhận thấy có nhiều phụ nữ chìa ống nhòm vào lô của nàng; nhưng tình hình bao giờ chả thế, khi xuất hiện một nhân vật mới: Người ta thì thảo, người ta cười nụ; nhưng lạ gì kia chứ? Ô-pê-ra cũng y như ở một thành phố nhỏ ấy mà.

Cái bà lạ mặt cúi xuống bó hoa của Giuyli, mỉm cười rất duyên dáng và nói: - Thưa bà, bà có một bó hoa đẹp quá! Tôi chắc chắn rằng vào mùa này bó hoa phải mua rất đắt: ít nhất mười quan. Nhưng bó hoa này người ta biếu bà chứ? Chắc hẳn là một tặng phẩm? Các bà có bao giờ phải mua hoa.

Giuyli giương to mắt, không hiểu mình đang ngồi với một người dân tỉnh lẻ nào thế. - Công tước ạ, bà kia nói với vẻ rầu rĩ, Công tước không tặng tôi bó hoa nào đấy nhé. Saverni nhảy bổ ra cửa. Công tước muốn ngăn chàng lại, cả bà kia cũng thế; bà ta không ao ước được bó hoa nữa. Giuyli và Satôfo đưa mắt nhìn nhau. Khóe mắt của Giuyli như muốn nói: Cảm ơn ông, nhưng đã muộn quá rồi. Tuy vậy nàng chưa đoán đúng.

Trong suốt buổi biểu diễn, cái bà gài lông mũ lấy ngón tay gõ nhịp sai và nói năng bừa bãi về âm nhạc. Bà ta hỏi Giuyli về giá mua chiếc áo dài của nàng, những đồ nữ trang và những con ngựa của nàng. Chưa bao giờ Giuyli thấy ai có phong cách như thế. Nàng kết luận rằng người lạ mặt hẳn là một người họ hàng của Công tước, mới ở vùng Hạ Brotannhơ tới. Lúc Saverni trở lại với một bó hoa cực lớn, đẹp hơn bó hoa của vợ chàng rất nhiều, thế là nào trầm trồ, nào cảm ơn, nào xin lỗi mãi không dứt.

- Thưa ông Saverni, tôi không phải là con người vô ơn, cái bà có vẻ tỉnh lẻ nói sau khi tuôn ra một tràng dài; để chứng tỏ điều đó với ông, xin ông gợi ý cho tôi nên hứa với ông một điều gì, như [Phôchiê\(31\)](#) nói. Thật đấy, tôi sẽ thêu tặng ông một cái túi đựng tiền, khi nào tôi thêu xong cái túi mà tôi đã hứa với Công tước.

Cuối cùng, buổi ca vũ kịch chấm dứt, làm Giuyli rất sung sướng vì nàng thấy khó chịu phải ngồi bên một người kỳ quái. Công tước đưa tay mời nàng vịn còn Saverni đưa tay cho bà kia. Satôfo, vẻ mặt ủ rũ và tức bực, đi sau Giuyli, chào một cách miễn cưỡng những người quen gặp trên cầu thang.

Vài người đàn bà đi gần mấy người. Giuyli quen mặt họ. Một thanh niên vừa nói nhỏ với họ vừa tùm tùm, lập tức họ quay lại nhìn Saverni và vợ chàng với vẻ tò mò, và một bà nói to: - Sao lại thế nhỉ?

Chiếc xe ngựa của công tước hiện ra; ông vừa chào Saverni phu nhân, vừa nhắc lại tất cả những lời cảm ơn nhiệt liệt về lòng tử tế của nàng. Song Saverni muốn đưa tiễn cái bà lạ mặt đến tận xe của công tước, nên chỉ còn Giuyli và Satôfo đứng lại bên nhau một lúc.

- Người đàn bà ấy là ai vậy? Giuyli hỏi.

- Tôi không nên nói để bà rõ điều đó... vì nó thực là kỳ quái!

- Sao?

- Vả chẳng tất cả những người quen bà sẽ biết nên có thái độ như thế nào... Nhưng ông Saverni!... Thật tôi không bao giờ ngờ lại có cái chuyện ấy.

- Nhưng cái gì vậy? Ông nói đi, trời đất ơi! Người đàn bà đó là ai?

Saverni đang trở lại. Satôfo khẽ đáp:

- Tình nhân của công tước Đơ H..., bà Mêlani R...

- Trời ơi! Giuyli vừa kêu lên vừa nhìn Satôfo với vẻ kinh ngạc, không thể như thế được!

Satôfo nhún vai và tiễn nàng ra xe, gã vừa nói thêm: Đó là lời của mấy bà mà chúng ta gặp trên cầu thang nói đấy. Còn đối với ông kia thì bà ta là một người tử tế, trong tầng lớp bà ta. Bà ta cần được chăm sóc, triu mến... Bà ta cũng có chồng đấy.

- Em thân yêu ạ, Saverni nói giọng vui vẻ, em không cần đến anh để đưa em về nhà. Chúc em ngủ ngon. Anh đi dự tiệc tối ở nhà công tước đây.

Giuyli không đáp.

- Ông Satôfo, Saverni nói tiếp, ông có muốn đi với tôi đến nhà công tước không? Ông được mời đấy, công tước vừa mới bảo tôi như thế. Ông được chú ý đấy. Ông đã làm vừa lòng ngài đấy, con người may mắn ạ!

Satôfo lãnh đạm cảm ơn. Gã chào Saverni phu nhân, còn nàng thì cảm tức cắn chiếc mùi xoa khi chiếc xe của nàng chuyển bánh.

- À này, ông bạn thân mến ơi, Saverni nói, ít nhất ông cũng cho tôi đi xe ông đến tận cửa nhà bà công chúa ấy chứ.

- Rất sẵn lòng, Satôfo vui vẻ trả lời, nhưng nhân tiện xin hỏi: ông có biết rằng cuối cùng vợ ông đã biết mình ngồi bên cạnh ai rồi chứ?

- Biết thế nào được.

- Xin ông tin chắc là biết, và ông không nên làm thế.

- Ồi chào! phong cách của bà ta được quá đi chứ; vả lại người ta chưa biết bà ta mấy. Công tước dẫn bà ta đi khắp nơi.

VI

Saverni phu nhân ngủ một đêm rất trần trọc. Thái độ của chồng nàng ở rạp Ô-pê-ra làm cho các tội lỗi của chàng lên tới cực độ và có vẻ bắt buộc nàng phải cắt đứt ngay lập tức. Ngày mai nàng sẽ yêu cầu chồng giải thích thái độ và nàng sẽ nói cho chồng hiểu rằng nàng không còn muốn chung sống với một người làm tổn thương danh dự của nàng một cách độc ác đến thế. Tuy vậy việc yêu cầu giải thích đó làm cho nàng hãi hùng. Chưa bao giờ nàng có một cuộc nói chuyện nghiêm túc với chồng. Từ trước đến nay, nàng chỉ tỏ thái độ bức tức bằng những sự dằn dỗi mà Saverni không hề lưu tâm đến; vì, để cho vợ được hoàn toàn tự do, chàng không bao giờ nghĩ rằng nàng lại có thể khước từ chàng một sự độ lượng mà, nếu cần, chàng sẵn sàng áp dụng đối với nàng. Nàng sợ nhất là khóc lóc trong cuộc yêu cầu giải thích đó, khiến Saverni có thể cho rằng những giọt nước mắt đó là do một mối tình bị thương tổn. Chính vì vậy nàng rất tiếc lúc này mẹ nàng đi vắng, nếu không bà có thể khuyên nàng những điều hay hoắc là bà sẽ nhận tuyên bố bản án chia cắt. Tất cả những ý nghĩ đó làm cho nàng rất phân vân, và khi nhắm mắt ngủ, nàng đã quyết định sẽ hỏi ý kiến một người bạn gái quen nàng từ thuở nhỏ và sẽ trông cậy vào sự khôn ngoan của bạn để định thái độ đối với Saverni.

Trong cơn phẫn uất, nàng không thể không vô tình so sánh chồng nàng với Satôfo. Sự khiếm nhã ghê gớm của người thứ nhất làm nổi bật cái thanh lịch của người thứ hai, và nàng có phần nào thích thú nhưng đồng thời cũng tự trách vì nhận thấy rằng người yêu nàng quan tâm đến thanh danh của nàng hơn chồng nàng. Và dù nàng không muốn, sự so sánh về mặt tinh thần đó khiến cho nàng nhận ra phong cách lịch sự của Satôfo và bộ điệu thô tục của Saverni. Nàng nhìn thấy chồng nàng, với cái bụng hơi phệ, xun xoe bên người tình nhân của công tước Đơ H..., trong khi Satôfo kính cẩn hơn cả mọi ngày, hình như tìm cách bảo tồn cho nàng cái thanh danh mà chồng nàng có thể làm mất. Cuối cùng, vì những suy nghĩ của chúng ta thường lôi cuốn chúng ta đi xa dù chúng ta không muốn, nàng mấy lần tưởng tượng rằng nàng có thể sẽ góa chồng và lúc đó thì với cái tuổi thanh xuân, với sự giàu có, sẽ không có gì ngăn trở nàng ban thưởng một cách chính đáng cho mối tình chung thủy của người thiếu tá trẻ tuổi. Một cuộc thí nghiệm đau khổ không thể đem lại một kết luận nào về vấn đề hôn nhân, và nếu sự luyến ái của Satôfo là thực tâm thì... Nhưng đến đây nàng xua đuổi những ý nghĩ làm cho nàng xấu hổ, và nàng tự hứa sẽ có thái độ dè dặt hơn bao giờ hết trong quan hệ với Satôfo.

Nàng tỉnh dậy trong đầu rất nhức nhối và còn e ngại một cuộc yêu cầu thanh minh hơn cả hôm trước. Nàng không muốn xuống ăn điểm tâm vì sợ gặp chồng, nàng bảo mang trà vào phòng nàng và gọi lấy xe để đi đến nhà bà Lambe, người bạn mà nàng định hỏi ý kiến. Bà này đang ở nông thôn tại P.

Trong lúc ăn sáng, nàng mở một tờ báo ra xem. Bài báo thứ nhất hiện ra trước mắt nàng nói thế này: "Hôm kia, ông Đarxi, bí thư thứ nhất đại sứ quán nước Pháp tại Côngxtăngtinhôp đã tới Pari, mang theo một số công văn. Ngay sau khi tới Pari, nhà ngoại giao trẻ tuổi này đã hội đàm một lúc lâu với ngài ngoại trưởng".

- Đarxi ở Pari à! nàng kêu lên. Được gặp lại anh chàng thì ta thích lắm. Không biết anh chàng có thay đổi không? Không biết anh chàng có trở thành cứng nhắc không? Nhà ngoại giao trẻ tuổi! Đarxi, nhà ngoại giao trẻ tuổi! Và nàng không thể nhịn cười một mình về mấy tiếng: nhà ngoại giao trẻ tuổi.

Chàng Đarxi này xưa kia năng lui tới những buổi dạ hội ở nhà Luytxăng phu nhân; hồi đó chàng là tùy viên bộ ngoại giao. Trước ngày cưới của Giuylit lâu, chàng đã từ giã Pari và từ đó nàng không gặp lại chàng ta nữa. Song nàng biết chàng đã đi nhiều và đã thăng chức nhanh chóng.

Nàng còn đang cầm tờ báo thì chồng nàng bước vào. Chàng có vẻ rất vui. Trông thấy chàng, nàng đứng dậy định bước ra; nhưng vì muốn vào phòng trang điểm của nàng thì phải đi qua sát chồng, nên nàng đứng nguyên tại chỗ, nhưng xúc động đến nỗi bàn tay nàng tựa trên chiếc bàn trà làm bộ đồ sứ rung lên một cách rõ rệt.

- Em thân yêu ạ, Saverni nói, anh đến từ biệt em để đi vắng vài ngày. Anh đi săn ở nhà công tước Đơ H... Anh xin nói với em rằng công tước rất cảm kích về lòng mến khách của em tối qua. Công việc của anh tiến bộ tốt, và công tước đã hứa với anh là sẽ tiến cử anh với Hoàng Thượng một cách tích cực nhất.

Nghe chàng nói, mặt Giuyli hết tái xanh lại đỏ bừng lên.

- Ngài công tước Đơ H... phải trả ơn anh như thế là đúng... nàng nói giọng run run. Ông ta không thể nào xử sự kém hơn đối với một người làm mất danh giá của vợ mình một cách bêu riếu nhất vì cô nhân ngãi của người che chở cho mình.

Rồi cố gắng một cách tuyệt vọng, nàng đi qua gian phòng một cách oai nghiêm, vào phòng trang điểm và đóng sầm cửa lại.

Saverni đứng yên một lúc, đầu cúi xuống, vẻ sượng sùng.

- Quái thật! Do đâu mà nàng biết cái đó? chàng nghĩ. Xét đến cùng, cũng chẳng quan trọng gì! Cái gì xảy ra thì đã xảy ra rồi! Và, vì chàng không quen bận tâm lâu về một ý nghĩ khó chịu, chàng bèn xoay người một cái, cầm lấy một miếng đường trong bình, và vừa nhai đầy mồm vừa nói to với chị hầu phòng đang bước vào: Chị thưa với bà rằng ta sẽ ở nhà công tước Đơ H... độ bốn năm ngày, và ta sẽ gửi chim muông săn được về cho bà.

Chàng bước ra, chỉ còn nghĩ đến những con trĩ và những con hoẵng mà chàng sắp bắn được.

VII

Giuyli lên đường đi P..., lòng càng tức giận chồng, nhưng lần này vì một nguyên nhân cũng thường thôi. Để đi đến lâu đài của công tước Đơ H..., Saverni đã lấy chiếc xe ngựa mới, để lại cho vợ một chiếc xe khác mà anh đánh xe bảo rằng cần sửa chữa.

Dọc đường, Saverni phu nhân chuẩn bị kể chuyện riêng của mình cho Lambe phu nhân nghe. Mặc dầu đang buồn, nàng không thể không nghĩ đến sự thỏa mãn của bất kỳ người kể chuyện nào khi kể được một chuyện hay, và nàng sửa soạn câu chuyện của nàng bằng cách tìm nhận đề, lúc thì định mở đầu như thế này, lúc thì định mở đầu như thế khác. Kết cục nàng nhìn thấy những cái chướng ách của chồng dưới đủ mọi vẻ, và vì thế lòng uất hận của nàng càng tăng lên.

Chúng ta đều biết rằng con đường từ Pari đi P... dài hơn bốn dặm, và dù bản luận tội của Saverni phu nhân dài đến đâu, chúng ta cũng thấy rằng có cảm uất đến điên cuồng cũng không thể trở đi trở lại một ý nghĩ duy nhất trong suốt bốn dặm đường. Cùng với những tình cảm tức bực về tội lỗi của chồng, hiện ra những kỷ niệm êm ái và buồn bã, do khả năng kỳ dị của tư tưởng con người thường kết hợp một hình ảnh tươi vui với một cảm giác nặng nề.

Nắng đẹp, bầu không khí trong lành sáng khoái, nét mặt vô tư lự của những người đi đường cũng góp phần kéo nàng ra khỏi những ý nghĩ oán hờn. Nàng nhớ lại những cảnh tượng hồi thơ ấu và những ngày nàng dạo chơi ở nông thôn với những thiếu nữ cùng lứa tuổi với nàng. Nàng thấy hiện ra trước mắt những cô bạn ở nhà tu(32), nàng dự những trò chơi, những bữa ăn với họ. Nàng tự cắt nghĩa những lời tâm sự bí mật mà hồi đó nàng nghe lỏm được ở những chị lớn tuổi và nàng không thể nhịn cười khi nghĩ tới hàng trăm nét nhỏ nhỏ tiết lộ thật sớm bản năng làm dáng ở người phụ nữ.

Rồi nàng nhớ lại lúc nàng mới ra ngoài xã hội. Nàng lại thấy mình khiêu vũ trong những cuộc dạ hội lộng lẫy nhất trong cái năm đầu sau khi ở nhà tu ra. Những cuộc dạ hội khiêu vũ khác, nàng đã quên rồi, con người thật chóng chán; nhưng những cuộc dạ hội này làm nàng nhớ lại chồng nàng. Mình lúc bấy giờ thật điên! Nàng tự nhủ. Tại sao mình không thấy ngay từ đầu rằng mình sẽ phải khổ sở với anh ta? Tất cả những cái tấp nham, tất cả những cái vô vị của một

vị hôn phu như cái anh Saverni tệ hại kia tuôn ra với nàng một cách hiên ngang một tháng trước khi lấy nhau, tất cả những cái đó được ghi nhớ cẩn thận trong ký ức của nàng. Đồng thời nàng không thể không nghĩ tới biết bao người ngưỡng mộ đã thất vọng khi nàng đi lấy chồng, nhưng không phải vì thế mà họ không lấy vợ hoặc không khuây khỏa được bằng cách khác vài tháng sau. - Giá ta lấy người khác thì liệu ta có được sung sướng không? nàng tự hỏi. A... dứt khoát là một anh ngu ngốc; nhưng anh ta không hay xúc phạm, và Amêli tha hồ chi phối anh ta. Bao giờ cũng có cách sống với một người chồng biết nghe lời. B... có tình nhân nhưng vợ anh ta có lòng tốt là lấy điều đó làm buồn. Và chẳng anh ta hết sức săn sóc vợ, và... bản thân ta cũng không đòi hỏi gì hơn. Anh bá tước trẻ tuổi Đơ C... lúc nào cũng đọc những bài châm biếm và cố sức thành một nghị sĩ cừ, có lẽ là một người chồng tốt. Đúng, nhưng tất cả những kẻ ấy đều đáng chán, xấu xí, ngu độn... Trong khi nàng điếm lại tất cả những thanh niên quen biết khi nàng còn là một tiểu thư, thì tên của Đarxi lại hiện ra lần thứ hai trong tâm trí nàng.

Xưa kia, trong đám người hay lui tới nhà Luytxăng phu nhân, Đarxi bị coi là một kẻ tầm thường nghĩa là người ta biết rằng... các bà mẹ biết rằng gia sản của chàng không cho phép chàng nghĩ tới con gái của các bà. Đối với các bà, chàng không có gì khả dĩ làm điên đảo cái đầu thanh xuân của con các bà. Và lại chàng có tiếng là người hay tán gái. Hơi yếu thế và có tính châm chọc, chàng rất thích được một mình là nam giới giữa một đám tiểu thư, để chế giễu những cái rởm và những cái hờm của những chàng thanh niên khác. Khi chàng nói thầm với một cô tiểu thư, thì các bà mẹ không hoảng hốt, vì con gái các bà cười ầm lên, và các bà mẹ của những cô có hàm răng đẹp còn nói rằng ông Đarxi là một người rất dễ thương.

Hợp nhau về sở thích và cùng sợ tài nói xấu của nhau, Giuyli và Đarxi vì thế mà xích lại gần nhau. Sau vài trận giao chiến nhỏ, hai người đã ký hòa ước với nhau, thiết lập với nhau một liên minh tấn công và phòng thủ, nương nhẹ nhau và bao giờ cũng đoàn kết với nhau để thù tiếp những người quen.

Một buổi tối, người ta đề nghị Giuyli hát một bài gì không rõ. Nàng có giọng tốt, và nàng biết như thế. Trong khi bước đến bên cây dương cầm, nàng nhìn các phụ nữ với vẻ hơi kiêu hãnh trước khi hát, như là muốn thách thức họ. Nhưng tối ấy một sự ươn mình nào đó hoặc một rủi ro bất hạnh tước mất hầu hết tài năng của nàng. Thanh âm đầu tiên thoát khỏi cái cổ họng rất du dương lúc bình thường sai một cách rõ ràng. Giuyli bối rối, hát lung tung lạc điệu hết, tóm lại, thất bại hoàn toàn. Rất kinh hoàng, gần phát khóc, nàng Giuyli tội nghiệp rời khỏi dương cầm, và khi về chỗ ngồi, nàng không thể không chú ý đến vẻ hả hê hiếm ác không giấu được của những cô bạn khi thấy tính kiêu hãnh của nàng bị hạ. Ngay bọn nam giới cũng có vẻ khó nén một nụ cười chế giễu. Nàng cúi đầu vừa hổ thẹn vừa tức giận, và hồi lâu không dám nhìn lên. Đến khi nàng ngừng đầu lên, bộ mặt thân ái đầu tiên mà nàng nhìn thấy là của Đarxi. Chàng nhọt nhọt, đôi mắt rung rung; chàng có vẻ bị xúc động về chuyện rủi ro của nàng còn hơn cả nàng. Anh ấy yêu mình! nàng nghĩ; anh ấy yêu mình thật sự. Đêm ấy, nàng thao thức và bộ mặt ủ ê của Đarxi vẫn hiện ra trước mắt nàng. Trong hai ngày trời, nàng chỉ nghĩ đến chàng và đến mối tình thầm kín mà nhất định chàng đang ôm ấp vì nàng. Thiên tình sử đã bắt đầu thì bỗng Luytxăng phu nhân nhận được một tấm danh thiếp của ông Đarxi với ba chữ: Chào tạm biệt. Ông Đarxi đi đâu vậy? Giuyli hỏi một chàng thanh niên quen chàng. - Ông ấy đi đâu? Cô không biết à? Đi Côngxtăngtinh. Ông ấy đi chuyển xe thư tối nay.

- Vậy là anh ấy không yêu mình! nàng nghĩ. Tám hôm sau, Đarxi đã bị quên. Về phần Đarxi, trong tám tháng trời chàng không quên Giuyli vì hồi đó chàng là một con người khá lãng mạn. Để biện bạch cho Giuyli và để cắt nghĩa sự khác nhau ghê gớm về lòng chung thủy, ta phải nghĩ rằng Đarxi sống giữa bọn người man rợ, còn Giuyli thì ở Pari quanh mình là những sự tôn sùng và những thú vui.

Dù sao đi nữa, sáu bảy năm sau khi hai người xa cách nhau, Giuyli ngồi trong xe trên con đường đi P... nhớ tới vẻ mặt ủ ê của Đarxi hôm nàng hát rất dở, và ta phải thú thật rằng nàng nghĩ đến mối tình mà chắc hẳn đó chàng ôm ấp đối với nàng, có lẽ cả đến những tình cảm mà chàng có thể còn giữ. Tất cả những cái đó làm bận tâm nàng khá nhiều trên nửa dặm đường. Sau đó ông Đarxi lại bị quên đi lần thứ ba.

VIII

Giuyli không khỏi bức mình khi đến P... thấy trong sân nhà Lambe phu nhân một cỗ xe mà người ta đang tháo ngựa, điều đó chứng tỏ rằng nhà có khách và khách sẽ ở chơi lâu. Như vậy là không thể nào đi vào cuộc đàm luận về những nổi bất bình của nàng đối với Saverni.

Khi Giuyli bước vào phòng khách, Lambe phu nhân đang ngồi với một người đàn bà mà Giuyli đã gặp trong xã hội thượng lưu, nhưng nàng chỉ hơi biết thôi. Nàng phải cố nén mới giấu được vẻ bức tức vì đã uống công đi P...

- Ô! Chào em, em xinh đẹp thân yêu! Lambe phu nhân vừa kêu lên vừa ôm hôn nàng; chị rất vui sướng thấy em không quên chị! em đến đúng lúc quá, vì hôm nay chị chờ không biết bao nhiêu người yêu mến em vô cùng.

Giuyli trả lời với vẻ hơi ngượng nghịu rằng nàng tưởng bà Lambe ở nhà có một mình.

- Được gặp lại em thì họ sẽ sung sướng tuyệt trần, bà Lambe nói tiếp. Từ khi cháu nó đi ở riêng, chị ở nhà buồn quá cho nên chị rất vui sướng khi có bạn hữu sẵn lòng đến họp mặt ở đây. Nhưng em thân yêu, em để đâu nước da hồng hào rồi, chị thấy em hôm nay xanh lăm.

Giuyli bịa ra một câu dối trá nhỏ: đường dài... bụi... nắng.

- Đúng hôm nay có một người rất ngưỡng mộ em sẽ ăn cơm ở đây, chị sẽ đem đến cho ông ta một sự bất ngờ sung sướng, ông Satôfo ấy mà, và chắc chắn là có cả chàng Akator [\(33\)](#) trung thành của ông ta nữa là thiếu tá Peranh.

Gần đây em đã có hân hạnh được đón tiếp thiếu tá Peranh, Giuyli trả lời hơi đỏ mặt vì nàng nghĩ đến Satôfo.

- Sẽ có cả ông Đô Xanh Lêgiê nữa. Nhất định ta phải tổ chức ở đây một tối diễn kịch phương ngôn [\(34\)](#) vào tháng sau; và em sẽ phải đóng một vai đấy, nàng tiên nga của chị ạ: cách đây hai năm, em vẫn đóng vai chính trong các vở kịch phương ngôn của chúng ta đấy thôi.

- Trời ơi! thưa chị, đã lâu quá em không đóng kịch phương ngôn nữa nên chắc em sẽ đóng không vững như ngày xưa đâu. Em sẽ phải cầu cứu đến câu: "Tôi nghe thấy có tiếng người nào" [\(35\)](#).

- A! Giuyli, em bé của tôi ơi, em thử đoán xem hôm nay chúng tôi còn đợi ai nữa. Nhưng người này thì, em thân yêu ạ, em cần phải có trí nhớ giỏi mới nghĩ ra tên được.

Tên Đarxi lập tức hiện ra trong tâm trí Giuyli. "Anh ta quả thực ám ảnh ta", nàng nghĩ. - Trí nhớ à, thưa chị?... Em nhớ lâu lắm.

- Nhưng đây chị muốn nói rằng phải nhớ lâu tới sáu bảy năm... Em có còn nhớ một người rất chú ý đến em khi em hãy còn là cô gái nhỏ, tóc chải rẽ sang hai bên trán không?

"Quả thật em không đoán ra."

- Ghê chưa! em thân yêu ạ... Quên cả một người rất dễ thương như thế, một người nếu chị không nhầm thì khi xưa vừa ý em đến nỗi mẹ em phát hoảng. Thôi thôi, em xinh đẹp ạ, vì em quên những người ngưỡng mộ em như thế, nên chị phải nhắc lại tên của họ với em. Đó là ông Đarxi mà em sắp gặp.

- Ông Đarxi!

- Phải, cuối cùng ông ấy đã từ Côngxtăngtinốp về mới được vài hôm. Hôm kia ông ấy đến thăm chị, và chị có mời ông ta. Em có biết không, em thật là bạc bẽo, ông ta đã hỏi chị tin tức về em một cách sốt sắng đầy ý nghĩa!

- Ông Đarxi?...Giuyli ngập ngừng nói, với vẻ lơ đãng giả tạo, ông Đarxi?... có phải là một thanh niên cao, tóc hung... làm bí thư sử quán?

- Ô! em thân yêu ạ, em sẽ không nhận ra ông ta đâu, ông ta thay đổi nhiều lắm; xanh xao, hay

nói cho đúng hơn là da màu ô-liu, mắt lõm; ông ta đã rụng mất khá nhiều tóc vì trời nóng, theo ông ta nói. Trong vài ba năm nữa, nếu cứ như thế, ông ta sẽ hói trán. Tuy vậy ông ta chưa đến ba mươi tuổi.

Đến đây, cái bà nghe câu chuyện chẳng may của Đarxi, nhiệt liệt khuyên nên dùng thuốc Ka-li-đo mà bà ta đã dùng và thấy rất tốt sau một trận ốm làm rụng mất khối tóc. Bà vừa nói vừa đưa ngón tay lên vuốt những vòng tóc dày màu hạt dẻ sẫm đẹp.

- Thế ông Đarxi ở Côngxtăngtinôp suốt từ dạo ấy đến giờ à? Saverni phu nhân hỏi.

- Không hoàn toàn như vậy vì ông ta đã đi nhiều nơi: sang Nga rồi đi khắp Hy Lạp. Em không biết hạnh phúc của ông ta à? Chú ông ta chết đi để lại cho ông ta một gia tài to lớn, Ông ta đã sang cả Tiểu Á, ở xứ... ông ta gọi nó là xứ gì nhỉ?... Caramani. Ông ta rất dễ thương, em thân yêu ạ; ông ta có những chuyện rất hay sẽ làm em say sưa. Hôm qua, ông ta kể cho chị nghe nhiều chuyện hay quá đến nỗi chị phải luôn luôn bảo ông ta: Thôi xin ông để dành đến ngày mai chứ; ông sẽ kể cho các bà ấy nghe, hơn là kể phí cho một bà già như tôi.

- Ông ta đã kể cho bà nghe chuyện người đàn bà Thổ Nhĩ Kỳ mà ông đã cứu mạng chưa? bà Duymanoa, người bảo trợ cho thuốc Ka-ly-đo, nói.

- Người đàn bà Thổ Nhĩ Kỳ mà ông ta đã cứu à? Ông ta đã cứu một người đàn bà Thổ Nhĩ Kỳ à? Ông ta không nói một tiếng nào với tôi về chuyện đó.

- Thế à! đó là một hành động đáng khâm phục, một tiểu thuyết thực sự.

-Ồ! Thế bà kể cho chúng tôi nghe đi.

- Không, không, bà nên bảo chính ông ấy kể. Tôi, tôi chỉ được biết câu chuyện do miệng chị gái tôi mà bà rõ là có chồng làm lãnh sự ở Xmirnơ. Nhưng chị tôi cũng nghe một người Anh kể, người này được chứng kiến câu chuyện ly kỳ từ đầu đến cuối. Thật là tuyệt diệu!

- Thì bà cứ kể cho chúng tôi nghe. Chúng tôi chờ thế nào được đến tận bữa trưa? Không có gì ngao ngán bằng nghe nói đến một câu chuyện mà mình không biết.

- Nếu thế thì tôi sẽ làm hỏng cả câu chuyện của bà đấy; nhưng chuyện thế này này, đúng như người ta đã kể cho tôi nghe:

Một hôm, ông Đarxi đang ở Thổ Nhĩ Kỳ để nghiên cứu những di tích hoang tàn nào tôi không rõ trên bờ biển thì ông thấy tiến lại phía ông một đám rước rất thê thảm. Đó là những người cầm mang một cái bao, và cái bao đó, người ta thấy nó động đập tuồng như trong đó có một vật gì sống...

- Ồi trời ơi! bà Lambe kêu lên, vì bà đã đọc bài thơ Giay-e-ao-ơ [\(36\)](#), đó là một người đàn bà mà người ta sắp đem ném xuống biển.

- Đúng thế. Bà Duymanoa nói tiếp, hơi phật ý vì có người làm mất nét bi tráng nhất trong câu chuyện của bà. Ông Đarxi nhìn cái bao, ông nghe thấy tiếng rên rỉ và đoán ra ngay sự thực khủng khiếp. Ông hỏi bọn người cầm xem họ định làm gì: để trả lời, bọn cầm rút dao găm ra. May sao ông Đarxi vũ trang rất đầy đủ. Ông làm cho bọn nô lệ kia chạy mất và cuối cùng ông kéo ở trong cái bao khốn nạn ấy ra một người đàn bà đẹp mê hồn, gấn gát đi rồi, và ông lại đưa người đó về thành phố, đến một chỗ ở chắc chắn.

- Tội nghiệp người phụ nữ! Giuyli nói, bắt đầu chú ý đến câu chuyện.

- Các bà tưởng thế là người đó đã được cứu thoát sao? Đâu có! Thằng chồng ghen - vì thằng chồng ấy mới thật ghê - tụ tập tất cả bọn dân chúng hạ lưu lại, mang đuốc kéo đến nhà ông Đarxi định thiêu sống ông ta. Tôi không rõ đoạn sau câu chuyện ra sao; tôi chỉ biết rằng ông ta đã chống lại một cuộc vây hãm và cuối cùng ông ta đem được người đàn bà đến một chỗ chắc chắn. Hình như là, bà Duymanoa bỗng nhiên đổi nét mặt và lấy giọng mũi rất mộ đạo nói tiếp, hình như là ông Đarxi còn chịu khó cải đạo cho người đàn bà ấy và cô ta đã chịu lễ rửa tội.

- Thế ông Đarxi có lấy người ấy không? Giuyli mỉm cười nói.

- Về điều đó, tôi không thể trả lời bà được. Nhưng người đàn bà Thổ Nhĩ Kỳ ấy... có một cái tên kỳ dị: tên cô ta là Eminê... Cô ta say mê ông Đarxi một cách ghê gớm. Chỉ tôi nói rằng cô ta luôn luôn gọi ông ấy là Xôtia... Xôtia... nghĩa là cứu tinh của tôi bằng tiếng Thổ hoặc tiếng Hy Lạp gì đó. Olali nói với tôi rằng đó là một trong những phụ nữ đẹp nhất trên đời.

- Chúng ta sẽ khai chiến với ông ta về cô Thổ Nhĩ Kỳ của ông ta! Bà Lambe kêu lên, có phải không, thưa các bà? Ta phải quấy phá ông ấy một chút. Vả lại, cái đặc điểm này của Đarxi không làm tôi ngạc nhiên chút nào: ông ta là một trong những người đàn ông hào hiệp nhất mà tôi từng thấy, và tôi được biết những hành động của ông làm tôi cảm động chảy nước mắt mỗi khi tôi kể lại nó. Chú ông ta chết đi để lại một người con gái riêng mà chú ông ấy không bao giờ công nhận. Vì ông chú không làm chúc thư, nên người con gái kia không có quyền gì về thừa kế. Ông Đarxi, người thừa kế độc nhất, lại muốn cô ta cũng có phần, và nếu chính ông chú có chia phần cho cô ta thì chắc còn kém rất nhiều phần mà ông Đarxi chia cho cô.

- Người con gái riêng ấy có xinh không? Saverni phu nhân hỏi với vẻ khá ác, vì nàng bắt đầu cảm thấy cần nói xấu cái ông Đarxi kia mà nàng không thể gạt khỏi tâm trí.

- Chà! em thân mến ời, sao em lại có thể đặt giả thiết như thế?... Vả lại, khi người chú chết thì ông Đarxi còn đang ở Côngxtăngtinhôp và chắc ông ta chưa trông thấy con người kia.

Satôfo, thiếu tá Peranh và vài người nữa đến làm chấm dứt câu chuyện. Satôfo đến gần Saverni phu nhân, và lợi dụng một lúc người ta đang nói chuyện rất to, gã nói với nàng:

- Thưa bà, bà có vẻ buồn, tôi rất lấy làm khổ sở, nếu đó là vì điều tôi nói với bà hôm qua.

Saverni phu nhân không nghe thấy lời gã nói, hoặc không muốn nghe thì đúng hơn. Cho nên Satôfo cảm thấy ức vì phải nhắc lại câu nói của mình, và càng ức hơn về câu trả lời hơi cộc lốc của Giuyli. Sau đó Giuyli lập tức xen vào câu chuyện chung; và đổi chỗ ngồi, nàng rời xa kẻ hăm dọa bất hạnh của nàng.

Không nản chí, Satôfo cố nói nhiều câu hóm hỉnh nhưng vô hiệu. Gã chỉ muốn làm cho Saverni phu nhân của gã ưa gã, nhưng nàng thì lơ đãng nghe gã nói: nàng vừa nghĩ đến việc Đarxi sắp đến, vừa tự hỏi vì sao nàng bận tâm đến thế về một người đáng lẽ nàng đã quên rồi mới phải và người đó chắc cũng đã quên nàng từ lâu.

Cuối cùng, có tiếng xe ngựa; cánh cửa phòng mở ra. Ồ! Ông ấy đây này! Bà Lambe kêu lên. Giuyli không dám quay đầu lại, nhưng nàng tái hân mặt đi. Nàng cảm thấy lạnh người dữ dội và đột ngột, và nàng cần phải tập trung tất cả sức lực để trấn tĩnh và để Satôfo khỏi nhận thấy sự thay đổi nét mặt của nàng.

Đarxi hôn tay bà Lambe, đứng nói với bà một lúc rồi ngồi xuống cạnh bà. Lúc đó, trong gian phòng rất im lặng, bà Lambe hình như chờ đợi và chuẩn bị cho một cuộc nhận ra người cũ. Satôfo và bọn đàn ông, trừ thiếu tá Peranh hiền lành, ngắm Đarxi với vẻ tò mò hơi ghen tị. Từ Côngxtăngtinhôp tới, Đarxi có những ưu điểm so với họ, và điều ấy cũng đủ là một cái cớ để họ có cái bộ điệu quá ư cứng nhắc mà người ta thường có trước mặt người lạ. Đarxi không chú ý đến ai cả, chàng cất tiếng đầu tiên phá bầu không khí im lặng. Chàng nói về thời tiết hoặc về đường sá, cái đó cũng chẳng quan trọng gì; nhưng giọng nói của chàng dịu dàng và du dương. Saverni phu nhân liền nhìn chàng: nàng trông nghiêng chàng. Nàng thấy chàng có vẻ gầy đi và nét mặt của chàng đã thay đổi... Tóm lại nàng thấy chàng đáng ưa.

- Ông Đarxi thân mến ạ, xin ông hãy nhìn kỹ quanh ông xem có thấy một người quen cũ không. Đarxi quay đầu và nhìn thấy Giuyli từ nãy đến giờ vẫn để mũ che mặt. Chàng vội vàng đứng dậy, kêu lên một tiếng ngạc nhiên, và vừa giơ tay vừa tiến lại phía nàng; rồi bỗng nhiên dừng lại và hình như hồi hân về thái độ quá thân mật của mình, chàng cúi đầu chào Giuyli rất kính cẩn và bằng những lời đúng mực chàng bày tỏ tất cả nỗi vui sướng lại được gặp nàng. Giuyli lúng búng mấy câu xã giao, và đỏ rừ mặt khi thấy Đarxi vẫn đứng trước mặt nàng và chăm chú nhìn nàng.

Chẳng bao lâu sự bình tĩnh trở lại với nàng, và đến lượt nàng nhìn chàng với cái nhìn vừa lơ

đăng vừa sắc sảo mà những người thương lưu biết cách dùng khi nào họ muốn. Đó là một thanh niên cao, xanh, nét mặt tỏ ra bình tĩnh, nhưng là một sự bình tĩnh có vẻ do trí não đã đạt tới chỗ làm chủ được nét mặt hơn là do trạng thái bình thường của tâm hồn. Những nét răn sâu rạch ngang vầng trán. Mắt chàng trũng, hai bên mép trễ xuống và thái dương của chàng đã bắt đầu hói. Tuy vậy, chàng chưa quá ba mươi tuổi. Đarxi ăn mặc rất giản dị, với một vẻ thanh lịch chứng tỏ chàng quen giao du với những người đứng đắn và đứng vững với một vấn đề làm bận tâm biết bao nhiêu thanh niên. Giuyli sung sướng nhận thấy tất cả những cái đó. Nàng còn nhận thấy trán chàng có một vết sẹo khá dài mà chàng giấu không được kỹ dưới mái tóc, vết sẹo đó hình như là một vết kiếm.

Lúc đó Giuyli ngồi gần bà Lambe. Có một cái ghế giữa nàng và Satôfo; nhưng ngay sau khi Đarxi đứng lên, Satôfo đã nắm lấy lưng ghế, để nó đứng nghiêng trên một chân và giữ cho nó thẳng bằng. Hiển nhiên gã muốn canh giữ nó như con chó của người làm vườn canh giữ kho lúa mạch. Bà Lambe thấy thương hại cho Đarxi cứ đứng mãi trước mặt bà Saverni. Bà thu dọn được một chỗ ngồi cạnh bà, trên chiếc đi-văng mà bà đang ngồi, và mời Đarxi ngồi xuống, do đó Đarxi ngồi gần Giuyli. Chàng vội vã lợi dụng vị trí thuận tiện đó để bắt đầu nói chuyện liên tục với nàng.

Tuy nhiên chàng phải chịu để bà Lambe và vài người khác mở một cuộc lục vấn ra trò về những chuyến đi của chàng; nhưng chàng đánh tháo một cách khá gọn gàng, và chàng nắm lấy mọi dịp tốt để tiếp tục nói chuyện riêng với Saverni phu nhân.

- Xin ông đỡ tay Saverni phu nhân, bà Lambe bảo Đarxi lúc chuông lâu đài báo tới giờ ăn. Satôfo cản môi, nhưng gã tìm được cách ngồi ở bàn tiệc khá gần Giuyli để có thể quan sát nàng được kỹ.

IX

Sau bữa tiệc, chiều trời đẹp và nóng, nên mọi người tập hợp ở ngoài vườn, quanh một cái bàn mộc mạc để uống cà-phê.

Satôfo mỗi lúc một uất ức thêm vì nhận thấy sự quan tâm của Đarxi đối với Saverni phu nhân. Gã càng quan sát cái vẻ chú ý của nàng đối với câu chuyện của người mới đến, thì bản thân gã càng trở nên kém khả ái, và cái máu ghen nổi lên trong lòng gã chỉ có tác dụng là tước mất của gã những khả năng làm người ta ưa mến. Gã đi đi lại lại trên hiên là nơi mọi người đang ngồi, gã không thể đứng yên một chỗ, theo thói thường của những người đang lo nghĩ, gã hay nhìn những đám mây to đang tụ lại ở chân trời báo hiệu một cơn giông, và càng hay nhìn địch thủ của gã đang nói chuyện thầm với Giuyli. Gã thấy nàng lúc thì mỉm cười, lúc thì ra vẻ nghiêm trang, lúc thì nhìn xuống một cách bên lên; tóm lại, gã thấy không có lời nào của Đarxi nói với nàng mà không có tác động rõ rệt, và điều làm cho gã ưu phiền nhất là những vẻ mặt thay đổi của Giuyli, hình như chỉ là hình ảnh, là sự phản ánh nét mặt linh động của Đarxi. Cuối cùng, không thể chịu nổi cái thứ hình phạt đó nữa, gã bước lại gần nàng và cúi xuống lưng ghế của nàng trong lúc Đarxi nói cho một người nào đó biết về bộ râu của Hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ Mamút(37): - Thưa bà, gã nói giọng chua chát, ông Đarxi có vẻ là một người đáng mến lắm!

- Vâng, đúng thế! Saverni phu nhân trả lời với một vẻ nhiệt tình mà nàng không nén nổi.

- Hình như thế, vì ông ta làm bà quên các bạn cũ của bà.

- Các bạn cũ của tôi! Giuyli nói với giọng hơi nghiêm khắc. Tôi không hiểu ông định nói gì. Và nàng quay lưng lại phía Satôfo. Rồi, nắm lấy góc một chiếc mùi xoa mà bà Lambe đang cầm trong tay, nàng nói: - Cái mùi xoa này thêu mới mỹ thuật chứ, thật là một kỳ công.

- Thật à, em thân yêu? Đó là tặng phẩm của ông Đarxi đấy, ông ấy mang về cho chị không biết bao nhiêu là mùi xoa thêu ở Côngxtăngtinh. Nhân tiện, xin hỏi ông Đarxi, có phải cô Thổ Nhĩ Kỳ của ông đã thêu những mùi xoa đó không?

- Cô Thổ Nhĩ Kỳ của tôi! Cô Thổ Nhĩ Kỳ nào?

- Vâng, cái cô hoàng hậu xinh đẹp mà ông đã cứu sống ấy, cái người ông gọi là... ồ! Chúng tôi

biết hết, gọi ông là... ân nhân... cứu tinh của cô ta. Hẳn ông phải biết tiếng Thổ gọi thế là gì?

Đarxi vừa cười vừa vỗ tay vào trán mình. - Có lẽ nào, chàng kêu lên, chuyện chẳng may của tôi đã bay tiếng về tận Pari!

- Nhưng làm gì có chuyện chẳng may ở đó; có lẽ chỉ chẳng may cho Ngài Mamasusi đã mất ái thiếp của Ngài.

- Chao ôi! Đarxi đáp, tôi thấy rõ rằng bà chỉ biết có nửa câu chuyện, vì đó là một câu chuyện cũng đáng buồn cho tôi như chuyện cối xay gió đối với Đông Kisốt. Lẽ nào sau khi làm trò cười cho những người Frăng^[38], tôi còn bị nhạo báng ở Pari về hành vi hiệp sĩ lang thang độc nhất mà tôi đã phạm từ xưa đến nay.

- Sao thế? Thật chúng tôi không biết gì cả! Xin ông kể cho chúng tôi nghe đi! tất cả các bà đều kêu lên một lượt.

- Lẽ ra, Đarxi nói, tôi nên để các bà chỉ biết cái đoạn mà các bà đã biết, và xin miễn kể đoạn sau, vì kỷ niệm về nó thật không êm ái gì cho tôi! nhưng một người bạn tôi... thưa bà Lambe, tôi xin phép giới thiệu người ấy với bà... Xơ ^[39] Giôn Tayrơn... một người bạn tôi, cũng là diễn viên trong cái màn bi hài kịch đó, sắp sửa đến Pari. Ông ta rất có thể sẽ tình quái gán cho tôi một vai trò còn khô hơn vai trò thực sự mà tôi đã đóng trong câu chuyện đó. Sự việc như thế này:

Người đàn bà khốn khổ đó, một khi đã được thu xếp chỗ ở trong lãnh sự quán nước Pháp...

- Ôi! Xin ông bắt đầu từ đầu chứ! bà Lambe kêu lên.

- Nhưng các bà biết đoạn đầu rồi thôi?

- Chúng tôi không biết gì cả, và chúng tôi muốn ông kể toàn bộ câu chuyện từ đầu đến cuối.

- Vậy thì, thưa các bà, hồi đó, vào cuối năm 18... tôi ở Larnaca... Một hôm tôi đi ra ngoài thành phố để vẽ. Đi với tôi là một chàng thanh niên Anh tính nết rất dễ thương, tử tế, thích ăn chơi vui nhộn, tên là Xơ Giôn Tayrơn, một hạng người rất quý cho ta khi đi đường, vì họ nghĩ đến bữa ăn, họ không quên mang theo thức ăn và luôn luôn vui tính. Và lại, anh ta đi xa không có mục đích, không biết cả địa chất học lẫn thực vật học, là những khoa học rất đáng ngán ở một người bạn đường.

Tôi đang ngồi dưới bóng một cái nhà đổ nát cách mặt biển chừng hai trăm bước nơi đó có những tảng đá dốc đứng vượt cao trên mặt biển. Tôi đang mải vẽ di tích một ngôi mộ cổ trong khi Xơ Giôn, nằm trên cỏ, vừa chế riễu tính say mê mỹ thuật khốn khổ của tôi vừa hút thứ thuốc lá Latakia tuyệt ngon. Bên cạnh chúng tôi, một người phiên dịch Thổ mà chúng tôi thuê giúp việc, pha cà-phê cho chúng tôi. Anh ta là người pha cà phê khéo nhất nhưng nhút nhát nhất trong tất cả những người Thổ mà tôi biết.

Bỗng nhiên, Xơ Giôn vui vẻ kêu lên: Kìa có những người đang mang tuyết xuống núi; chúng ta sẽ mua tuyết của họ để làm nước cam.

Tôi ngược mắt nhìn và thấy tiến lại phía chúng tôi một con lừa lưng chở một bao lớn; hai tên nô lệ đỡ cái bao đó ở hai bên. Đằng trước là một người cho thuê lừa dắt con lừa, và đằng sau là một người Thổ oai vệ, râu bạc, đi đoạn hậu, cưỡi một con ngựa khá tốt. Tất cả đám rước đó đi từ từ và rất trịnh trọng.

Anh Thổ của chúng tôi vừa thối lửa vừa liếc ngang nhìn cái bao đặt trên lưng lừa và bảo chúng tôi với một nụ cười kỳ dị: Không phải tuyết. Rồi anh ta lại quay sang pha cà phê với thái độ thản nhiên thường lệ. - Vậy là cái gì thế? Tayrơn hỏi. Có phải để ăn không?

- Để cho cá ăn, anh Thổ đáp.

Lúc đó, người cưỡi ngựa phi nước đại; trong khi tiến về phía biển hẳn ta đi ngang chỗ chúng tôi và không quên ném cho chúng tôi một cái lườm khinh bỉ mà người Hồi giáo lúc nào cũng

sẵn sàng tặng người Thiên chúa giáo. Hẳn thúc ngựa đến tận những tảng núi đá dốc đứng mà tôi đã nói, rồi dừng phắt ngựa lại ở nơi cheo leo nhất. Hẳn nhìn biển và có vẻ tìm kiếm nơi nào tốt nhất để nhảy xuống.

Lúc đó chúng tôi càng chú ý quan sát cái bao chở trên lưng lừa và chúng tôi giật mình về hình thù kỳ quái của nó. Tất cả những câu chuyện vợ bị chồng ghen quăng xuống biển trở lại tức khắc trong ký ức của chúng tôi. Chúng tôi trao đổi với nhau ý nghĩ của mình.

- Chú hãy hỏi mấy thằng vô lại kia, Xơ Giôn nói với anh Thổ của chúng tôi, xem có phải chúng mang một người đàn bà không?

Anh Thổ mở to đôi mắt kinh hãi, nhưng không mở mồm. Hiển nhiên là anh cho rằng câu hỏi của chúng tôi bất nhã quá.

Lúc đó, cái bao đã ở gần chúng tôi nên chúng tôi thấy rõ nó động đậy và chúng tôi còn nghe thấy một thứ tiếng rên rỉ hoặc gầm gừ từ trong phát ra.

Tayron thích ăn ngon, nhưng rất hiệp sĩ. Anh ta vùng dậy như điên, chạy đến chỗ người dắt lừa và hỏi hấn bằng tiếng Anh, chả là vì anh giận phát cuồng lên, rằng hấn chở gì và định đem cái bao đó đi đâu. Người dắt lừa đâu có trả lời; nhưng cái bao rung động dữ dội và có tiếng kêu của phụ nữ: thế là hai tên nô lệ quật mạnh vào cái bao bằng những roi da mà chúng dùng để thúc lừa. Tayron không chịu được nữa. Bằng một quả tổng dữ dội và khoa học, anh quật tên dắt lừa ngã xuống đất, nắm lấy cổ họng một tên nô lệ; thế là cái bao, bị xô đẩy dữ tợn trong trận chiến đấu, rơi bịch xuống đất.

Tôi đã chạy lại. Tên nô lệ kia sắp sửa nhát đá, tên dắt lừa đang đứng dậy. Mặc dầu tôi rất ghét can thiệp vào công việc của người khác, tôi không thể không cứu bạn tôi. Vớ lấy một chiếc gậy nhọn mà tôi dùng để chống cái dù trong khi vẽ, tôi hoa nó lên dọa mấy tên nô lệ và tên dắt lừa với cái vẻ hùng dũng nhất của tôi. Mọi việc đều như ý cả, thì bỗng thằng quý Thổ cười ngựa, sau khi gắm biển xong, quay người lại vì nghe thấy tiếng ầm ĩ do chúng tôi gây ra: hấn phóng ngựa như bay và lao vào người chúng tôi trước khi chúng tôi nghĩ tới việc đó; tay hấn cầm một thứ dao bầu kinh khủng.

- Một con a-ta-găng(40) à? Satôfo, một người ưa màu sắc địa phương, kêu lên.

- Một con a-ta-găng, Đarxi nói tiếp với một nụ cười tán thưởng. Hấn phóng lại sát người tôi và chém vào đầu tôi một nhát a-ta-găng làm tôi nẩy đom đóm mắt, như lời ông bạn tôi là hầu tước Đơ Rôđovilơ thường nói một cách thanh lịch. Song tôi đánh trả, phóng cho hấn một cây gậy nên thân vào hông, tiếp đó tôi cố hết sức quay tít cây gậy, đánh trả tên dắt ngựa, bọn nô lệ, lẫn con ngựa và cái thằng Thổ, bản thân tôi trở thành điên cuồng gấp mười lần anh bạn Giôn Tayron của tôi. Lẽ ra điều bất hạnh nhất định sẽ xảy đến với chúng tôi. Anh phiên dịch của chúng tôi đứng trung lập và chúng tôi không thể chống cự lâu dài bằng một cái gậy với ba tên bộ binh, một tên kỵ binh và một con a-ta-găng. May sao Tayron nhớ tới một cặp súng ngắn mà chúng tôi có mang theo. Anh vớ lấy nó, ném cho tôi một khẩu và cầm khẩu kia chĩa ngay vào tên cười ngựa đang làm cho chúng tôi rất phiền. Vũ khí đó hiện ra và tiếng cò súng kêu rằng rắc có một tác động thần diệu đối với kẻ địch của tôi. Chúng bỏ chạy một cách nhục nhĩ, để chúng tôi ở lại làm chủ chiến trường, cái bao và cả con lừa. Mặc dầu rất tức giận, chúng tôi đã không nổ súng, đó là cái may, vì không phải người ta có thể giết vô tội vạ một tên Hồi giáo ngoan đạo, và ai đánh nó thì phải trả giá đắt.

Khi tôi đã chùi người qua loa, việc làm đầu tiên của tôi, chắc các bà cũng đoán ra, là chạy đến cái bao và mở nó ra. Chúng tôi thấy trong đó có một người đàn bà khá xinh, hơi béo, tóc đen nhánh và chỉ mặc trên người một chiếc sơ mi bằng len xanh kém trong suốt một tí so với cái khăn quàng của bà Saverni.

Cô ta nhanh nhẹn chui ra khỏi bao và không có vẻ lúng túng mấy, thao thao tuôn ra với chúng tôi một bài chắc chắn là rất cảm động, nhưng chúng tôi không hiểu một tiếng nào; sau đó cô ta hôn tay tôi. Thừa các bà, đấy là lần duy nhất mà một người phụ nữ ban cho tôi cái hôn hạnh ấy.

Tuy vậy chúng tôi đã bình tĩnh lại. Chúng tôi thấy anh phiên dịch của chúng tôi tự bút râu như một người tuyệt vọng. Về phần tôi, tôi cố dùng mùi xoa chỉnh đốn lại cái đầu tôi được chừng nào hay chừng nấy. Tayron nói: "Chết thật, làm thế nào với người đàn bà này bây giờ? Nếu chúng ta ở lại đây, thằng chồng sắp quay trở lại với người của nó và sẽ giết chết chúng ta. Nếu chúng ta quay về Larnaca cùng với cô gái trong cách phục sức đẹp đẽ như thế này, bọn cùng dân vô lại nhất định sẽ ném đá vào chúng ta. Tayron bối rối về tất cả những sự suy nghĩ đó, nhưng sau khi đã lấy lại cái vẻ thản nhiên của người Anh, bèn kêu lên: "Ông nghĩ ra cái chuyện đi về hôm nay, thật là tội nợ!" Lời cảm thán của anh làm tôi phì cười, và người đàn bà tuy không hiểu một tiếng nào cũng cười.

Song cần quyết định một bề. Tôi nghĩ rằng tốt nhất là tất cả chúng tôi nhờ ông lãnh sự Pháp bảo hộ cho; nhưng khó khăn nhất là làm sao về tới Larnaca. Trời đang chập choạng tối và đó là một cơ hội tốt cho chúng tôi. Anh Thổ của chúng tôi dẫn chúng tôi đi vòng rất xa và nhờ có bóng tối và sự cẩn thận đó, chúng tôi bình yên về tới nhà ông lãnh sự ở ngoài thành phố. Tôi quên kể với các bà rằng chúng tôi đã tạo ra cho người đàn bà một bộ quần áo gần chỉnh tề bằng cái túi và cái khăn bịt đầu của anh phiên dịch.

Ông lãnh sự tiếp chúng tôi một cách rất khó chịu, ông bảo chúng tôi là điên, chúng tôi phải tôn trọng phong tục tập quán những xứ mà mình đến, chúng tôi không nên nhúng tay vào chuyện gia đình của người ta... Tóm lại, ông quở chúng tôi ra trò; và ông nói phải, vì chúng ta cũng đã có lần làm như thế đến nỗi xảy ra một cuộc phiến động dữ dội khiến tất cả những người Frăng trên đảo Siprơ bị tàn sát.

Vợ ông lãnh sự có lòng thương người hơn; bà ta đọc nhiều tiểu thuyết và bà cho rằng hành vi của chúng tôi là rất hào hiệp. Thực ra, chúng tôi đã xử sự như những nhân vật tiểu thuyết. Cái bà tuyệt tốt ấy rất mộ đạo; bà nghĩ rằng bà sẽ cải giáo dễ dàng cái cô dị giáo mà chúng tôi đem đến cho bà, rằng việc cải giáo đó sẽ được nêu lên báo Mô-ni-tơ (41) và chồng bà sẽ được thăng chức tổng lãnh sự. Trong chốc lát, tất cả cái kế hoạch đó hiện ra trong đầu óc bà. Bà ôm hôn người đàn bà Thổ, cho cô ta một cái áo dài làm cho ông lãnh sự phải xấu hổ về thái độ độc ác của ông và bảo ông đến nhà ông Pa-sa (42) để dàn xếp câu chuyện.

Ông Pa-sa rất tức giận. Người chồng ghen là một nhân vật thần thế, hăn làm như điên như cuồng. Thật là gớm ghiếc, hăn nói, cái việc bọn chó Thiên chúa giáo dám ngăn một người như hăn ném nô lệ của hăn xuống biển! Viên lãnh sự rất lúng túng; ông ta nói nhiều đến đức vua của ông ta và còn nói nhiều hơn đến một chiến thuyền có sáu mươi khẩu đại bác vừa xuất hiện trong hải phận Larnaca. Nhưng cái lý lẽ có tác dụng nhất là đề nghị trả tiền về cô nô lệ với giá thích đáng mà ông ta nhân danh chúng tôi nêu lên.

Chao ôi! Nếu mà các bà biết cái giá thích đáng của một người Thổ là bao nhiêu! Phải trả tiền cho người chồng, trả tiền cho ông Pa-sa, trả tiền cho tên dốt lừa bị Tayron đánh gãy hai cái răng, trả tiền về chuyện tai tiếng, phải trả tiền tất. Biết bao lần Tayron đau khổ kêu lên: "Khỉ thật, sao lại đi về ở bờ biển làm gì!".

- Thật là chuyện ly kỳ, ông Đarxi tội nghiệp của tôi ạ! bà Lambe kêu lên, vậy có phải vì thế mà ông có cái sẹo ghê gớm kia không? Xin ông làm ơn vén tóc lên. Thật là may kỳ lạ nên ông mới không bị nó chém xẻ đôi đầu ra!

Suốt câu chuyện, Giuyli không rời mắt khỏi vàng trán của người kể chuyện; cuối cùng nàng hỏi với giọng rụt rè: - Người đàn bà ấy về sau ra sao?

- Đó đúng là cái đoạn trong câu chuyện mà tôi không thích kể mấy. Đoạn tiếp đáng buồn cho tôi đến nỗi bây giờ người ta vẫn còn nhạo báng cái chuyện anh hùng hảo hán đại dột của chúng tôi.

- Người đàn bà ấy có xinh không? Giuyli hơi đỏ mặt thoai.

- Tên cô ta là gì? Bà Lambe hỏi.

- Cô ấy tên là Eminê. Xinh không? Có, cô ấy khá xinh, nhưng béo quá và mặt trát bột phấn,

theo tục xứ ấy. Phải quen lắm mới có thể thưởng thức cái duyên của một mỹ nhân Thổ Nhĩ Kỳ. Thế là Eminê được bố trí ở nhà ông lãnh sự. Cô ta là người xứ Manhgrêli⁽⁴³⁾ và bảo bà C..., vợ ông lãnh sự, rằng cô ta là con gái một ông hoàng. Ở xứ đó, bất cứ thằng du côn nào chỉ huy được mười thằng du côn khác cũng đều là ông hoàng. Thế là cô ta được đối đãi như một công nương: cô ta ăn cơm ở bàn khách và ăn bằng bốn người khác; rồi khi người ta nói về đạo với cô ta thì thường là cô ta ngủ. Tình hình đó kéo dài một thời gian. Cuối cùng người ta định ngày làm lễ rửa tội. Bà C... nhận làm người đỡ đầu cho cô ta và bà muốn tôi cũng làm như thế với bà. Nào keo, nào tặng phẩm và tất cả những thứ khác!... Số mệnh đã định rằng cái con Eminê khốn nạn ấy làm tôi thất cơ lỡ vận. Bà C... nói rằng Eminê yêu tôi hơn Tayron vì khi đưa cà-phê cho tôi uống bao giờ cô ta cũng đánh đổ xuống áo tôi. Tôi đang dọn mình dự lễ rửa tội ấy với một táit độ ăn năn rất thành kính thì bỗng trước ngày hành lễ cô nàng Eminê biến mất. Không biết có nên kể hết để các bà nghe không? Ông lãnh sự có một người nấu ăn quê ở Manhgiêli, chắc chắn là một thằng đại ba que, nhưng nấu món cơm chiên thịt thì tuyệt. Tên đó đã vừa ý Eminê, chắc chắn cô này có lòng ái quốc theo kiểu của cô ta. Hắn cuỗm cô ta và cuỗm cả một món tiền khá lớn của ông C..., không bao giờ tìm ra nữa. Thế là ông lãnh sự thì mất tiền, bà vợ ông thì mất mớ quần áo đã cho Eminê, tôi thì mất đôi găng, keo bánh, không kể những miếng đòn vào thân mình. Tai hại nhất là tôi phải chịu trách nhiệm về chuyện đó. Người ta bảo rằng chính tôi đã giải thoát cho con đốn mạt kia, rằng tôi muốn cứu nó dù ở tận đáy biển và đã gây ra bao nhiêu tai họa cho các bạn tôi. Tayron biết cách thoát thân; anh ta được coi như nạn nhân trong khi chính một mình anh ta là nguyên nhân của tất cả vụ xô xát, còn tôi thì đành mang tiếng là Đông Kisốt và cái sọ mà các bà thấy làm cho tôi kém thành công đi nhiều ở trong đời.

Câu chuyện kể xong, mọi người lại về phòng khách, Đarxi còn nói chuyện một lúc nữa với Saverni phu nhân rồi chàng buộc phải rời nàng để người ta giới thiệu với chàng một người trẻ tuổi rất thông thái về môn kinh tế, chính trị; người này đang học tập để thành nghị sĩ và muốn biết những số liệu thống kê về đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ.

X

Từ lúc Đarxi rời Giuyli, nàng hay nhìn đồng hồ. Nàng nghe Satôfo nói một cách lơ đãng và đôi mắt nàng bất giác tìm Đarxi lúc đó đang nói chuyện ở đầu kia phòng khách. Thỉnh thoảng Đarxi vừa nhìn nàng vừa nói chuyện với anh chàng ham mê thống kê và nàng không thể chịu đựng cái nhìn sắc sảo tuy bình tĩnh của chàng. Nàng cảm thấy rằng chàng đã có một quyền lực phi thường đối với nàng và nàng không còn nghĩ đến việc thoát khỏi nó.

Cuối cùng nàng bảo đánh xe ngựa của nàng đến và, hoặc cố ý hoặc vì mãi suy nghĩ, nàng vừa gọi xe vừa nhìn Đarxi, với khóe mắt như muốn nói: "Anh đã để mất nửa giờ đáng lẽ chúng ta có thể ngồi gần nhau". Chiếc xe đã sẵn sàng, Đarxi vẫn nói chuyện, nhưng chàng có vẻ mệt mỏi và chán cái người hỏi chuyện không chịu buông chàng ra. Giuyli chầm chậm đứng dậy, bắt tay bà Lambe rồi tiến về phía cửa phòng khách, ngạc nhiên và gần như tức mình vì thấy Đarxi vẫn cứ ngồi nguyên tại chỗ. Satôfo đứng gần nàng; đã đưa cánh tay cho nàng vịn và nàng tựa vào như máy, không nghe thấy gã nói gì và hầu như không nhận thấy sự có mặt của gã. Nàng đi qua phòng ngoài, theo chân có bà Lambe và vài người khác tiến nàng ra tận xe. Đarxi ở lại trong phòng khách. Khi nàng đã ngồi vào trong xe. Satôfo mỉm cười hỏi nàng đi một mình trên đường trong đêm tối có sợ không; gã nói tiếp rằng gã sẽ đi xe của gã theo sát nàng, ngay sau khi thiếu tá Peranh chơi xong ván bài bi-a. Giuyli đang mải mơ mộng, chợt tỉnh vì nghe thấy tiếng nói của gã, nhưng nàng không hiểu gì cả. Nàng bèn làm điều mà bất cứ người phụ nữ nào khác đều làm trong trường hợp như thế: nàng mỉm cười. Rồi nàng ngả đầu từ biệt những người tụ tập ở trên thềm, và những con ngựa của nàng đưa nàng đi một cách mau chóng.

Nhưng đúng vào lúc chiếc xe chuyển bánh, nàng đã nhìn thấy Đarxi bước ra khỏi phòng khách, vẻ mặt nhợt nhạt, buồn bã, cặp mắt chăm chăm nhìn nàng như muốn yêu cầu nàng ngỏ một lời từ biệt riêng. Nàng ra đi, mang theo mối hận không thể ngả đầu chào riêng chàng và nàng còn nghĩ rằng vì thế chàng có thể tức bực. Nàng đã quên dứt rằng chàng đã để cho một người khác làm cái việc đưa nàng ra xe; bây giờ các tội lỗi đều về phần nàng và nàng tự trách như đã phạm một trọng tội. Những tình cảm của nàng đối với Đarxi mấy năm trước, khi nàng

từ biệt chàng sau buổi tối nàng hát dở, không sôi nổi bằng những tình cảm mà nàng mang theo lần này. Là vì không những năm tháng đã đem lại sức mạnh cho những cảm xúc của nàng, mà tất cả nỗi căm giận chất chứa đối với chồng còn làm tăng những cảm xúc đó. Có lẽ ngay cả cái thứ lưu luyến của nàng đối với Satôfo - bây giờ thì anh này đã bị quên hoàn toàn - đã chuẩn bị cho nàng đắm mình không quá ư hối hận vào một tình cảm sôi nổi hơn nhiều đối với Đarxi.

Còn về phần Đarxi, những tư tưởng của chàng có tính chất bình tĩnh hơn. Chàng đã vui thích gặp một phụ nữ xinh đẹp gợi lại cho chàng những kỷ niệm êm ái, và việc quen nàng chắc sẽ thú vị cho chàng trong mùa đông mà chàng sắp sống ở Pari. Nhưng một khi nàng không còn ở trước mắt chàng, trong lòng chàng chỉ còn lại nhiều nhất là cái kỷ niệm của mấy giờ vui vẻ, cái kỷ niệm còn kém phần êm ái vì chàng nghĩ đến việc phải ngủ muộn và phải vượt bốn dặm đường mới thấy lại chiếc giường ngủ của mình. Chúng ta hãy mặc chàng đang để hết tâm trí vào những cái tầm thường, trùm kỹ người trong chiếc áo khoác, ngồi nghiêng và yên ổn trong chiếc xe ngựa thuê, tư tưởng bay lan man từ phòng khách nhà bà Lambe đến Côngxtăngtinôp, từ Côngxtăngtinôp đến Corphu(44) từ Corphu đến một giấc ngủ gà.

Mời bạn đọc thân mến hãy cùng tôi đi theo Saverni phu nhân.

XI

Khi Saverni phu nhân rời lâu đài của bà Lambe, trời tối kinh khủng, bầu không khí nặng nề ngột ngạt. Chốc chốc những tia chớp chiếu sáng cảnh vật, vẽ những bóng đen của cây cối lên trên một nền da cam nhợt nhạt. Bóng tối hình như dày thêm sau mỗi tia chớp và người đánh xe không trông thấy đầu những con ngựa của mình. Chẳng bao lâu một cơn dông dữ dội nổ ra. Mưa lúc đầu rơi thành hạt to và thưa, chẳng mấy chốc biến thành một trận hồng thủy thật sự. Từ phía, không trung rực lên như lửa và đội trọng pháo của nhà trời bắt đầu vang động ầm ỉ. Những con ngựa kinh hãi thở phì phò và nhảy lồng lên chứ không đi, nhưng người đánh xe đã được một bữa ăn rất ngon. Chiếc áo khoác dày của anh và nhất là những cốc rượu vang đã uống khiến anh không sợ nước và đường xấu. Anh quất tới tấp vào mình mấy con vật tội nghiệp, dững cảm không kém gì Xêda trong cơn bão táp đã nói với người hoa tiêu của mình: "Chú đang chở Xêda và vận mệnh của ngài đấy!" (45).

Saverni phu nhân không sợ sét và hầu như không bận tâm đến cơn giông. Nàng đang ôn lại tất cả những điều Đarxi đã nói với nàng và hối hận đã không nói với chàng biết bao nhiêu điều mà lẽ ra nàng có thể nói. Bỗng nhiên những suy nghĩ của nàng bị cắt đứt vì chiếc xe va mạnh: đồng thời kính xe bay từng mảnh, một tiếng rắc báo điều chẳng lành: chiếc xe ngựa đã lao xuống hố. May sao Giuyli chỉ bị một mẻ sợ. Nhưng mưa vẫn không tạnh; một bánh xe bị gãy; các đèn xe tắt ngấm và nhìn quanh không thấy một cái nhà nào để trú ẩn. Anh đánh xe văng tục, người hầu rửa anh đánh xe và nổi khùng về sự vụng về của y. Giuyli ở lại trong xe, hỏi xem có cách nào quay lại P... hoặc phải làm gì bây giờ; nhưng nàng hỏi câu nào cũng chỉ nghe thấy câu trả lời đáng thất vọng này: Không thể được!".

Trong khi thấy loáng thoáng đằng xa có tiếng một chiếc xe đang tiến lại. Chẳng bao lâu anh đánh xe của Saverni phu nhân rất sung sướng nhận ra một đồng nghiệp đã cùng anh kết nghĩa bạn bè thăm thiết trong bếp nhà bà Lambe; anh gào anh kia dừng lại.

Chiếc xe đứng lại; vừa nghe nói thấy tên Saverni phu nhân, một thanh niên trong xe tự mở cửa và kêu lên: "Bà có bị thương không?" vừa nhảy đến bên xe Giuyli. Nàng đã nhận ra Đarxi và nàng đợi chàng.

Hai bàn tay nắm lấy nhau trong đêm tối và Đarxi như cảm thấy Saverni phu nhân bóp chặt tay chàng; nhưng chắc đây là do sợ hãi. Sau những câu hỏi đầu tiên, Đarxi tất nhiên mời nàng lên xe của mình. Lúc đầu Giuyli không đáp, vì nàng rất lưỡng lự nên không biết quyết định thế nào. Một mặt, nàng nghĩ đến ba bốn dặm đường sẽ phải ngồi một mình với một chàng trai, nếu nàng muốn đi về Pari; một mặt, nếu quay lại lâu đài để xin trú ở nhà bà Lambe, nàng rùng mình khi nghĩ đến việc phải kể lại câu chuyện có vẻ tiểu thuyết về tai nạn đổ xe và Đarxi cứu nàng. Lại hiện ra ở phòng khách giữa một cuộc đánh bài huyết, được Đarxi cứu như người đàn bà Thổ Nhĩ Kỳ... nàng không thể nào nghĩ đến việc đó được. Nhưng cả ba dặm đường dài cho tới Pari!...

Trong khi nàng phân vân lưỡng lự và lúng túng nói một cách khá vụng về mấy câu khách sáo về sự làm phiền của nàng, thì Đarxi có vẻ nhìn rõ thâm tâm của nàng, bèn lạnh lùng bảo nàng: - Thừa bà, xin bà dùng xe của tôi, tôi sẽ ở lại trong xe của bà cho tới khi nào có người về Pari đi qua. Giuyli sợ mang tiếng là quá giữ ý, vội vã nhận đề nghị thứ nhất, chứ không nhận đề nghị thứ hai. Và vì sự quyết định của nàng đột ngột quá, nàng không có thì giờ giải quyết vấn đề quan trọng là hỏi xem đi P... hay đi Pari. Nàng đã ngồi ở trong xe của Đarxi, người trùm chiếc áo khoác của chàng mà chàng vội vã đưa cho nàng, và những con ngựa đã lanh lẹ tiến nước kiệu về phía Pari, trước khi nàng nghĩ đến chuyện tỏ ý mình muốn đi đâu. Người đẩy tó của nàng đã lựa chọn hộ nàng, bằng cách bảo người đánh xe tên và chỗ ở của bà chủ mình.

Cả hai người bắt đầu câu chuyện một cách lúng túng. Giọng nói của Đarxi cụt lủn và có vẻ hơi không vui. Giuyli tưởng sự lưỡng lự của nàng khiến chàng phật ý và cho nàng là một người giữ ý đáng buồn cười. Nàng đã chịu ảnh hưởng của người đàn ông đó đến mức nàng thậm chí trách mình kịch liệt và chỉ nghĩ cách dẹp tan sự phật ý mà nàng cho là do lỗi của nàng. Áo của Đarxi bị ướt, nàng nhận thấy thế, và lập tức bỏ chiếc áo khoác, buộc chàng phải trùm vào. Thế là bắt đầu một cuộc tranh đấu về lòng hào hiệp mà kết cục là xử hòa, mỗi bên được một nửa chiếc áo khoác. Thật là một sự khinh xuất ghê gớm, mà nàng đã không phạm phải nếu không có lúc do dự mà nàng muốn làm chàng quên đi.

Hai người ngồi sát nhau đến nỗi má của Giuyli có thể cảm thấy hơi thở ấp áp của Đarxi. Những cái xóc của chiếc xe còn làm cho họ xích lại gần nhau hơn nữa.

- Cái áo khoác che cho hai chúng ta, Đarxi nói, làm tôi nhớ lại những câu đố của chúng ta khi xưa. Bà có còn nhớ bà là Virgini(46) của tôi, khi chúng ta khoác chung đến buồn cười cái áo măng tô ngắn của bà không?

- Có, và tôi nhớ cả cái trận bà mắng tôi hồi đó.

- Ô! Đarxi kêu lên, thời đó thật vui sướng! Biết bao lần tôi vừa buồn rầu vừa sung sướng nghĩ đến những buổi dạ hội thần tiên ở phố Benlô-sát-xơ! Bà có nhớ đôi cánh Kền Kền xinh đẹp mà người ta buộc vào vai bà bằng những dải lụa hồng, và cái mũi chim bằng giấy trang kim rất mỹ thuật tôi làm cho bà không?

- Có, Giuyli đáp, ông làm Prômê-tê(47) còn tôi thì làm chim Kền Kền. Nhưng ông nhớ giỏi thật! Sao ông có thể nhớ được tất cả những chuyện tình nghịch ấy? Vì đã bao lâu nay chúng ta không gặp nhau!

- Có phải đó là một lời chúc tụng mà bà yêu cầu tôi nói không? Đarxi vừa mỉm cười nói vừa nghiêng người để nhìn thẳng vào mặt nàng. Rồi, với giọng trang nghiêm hơn, chàng nói: Thật ra tôi mà giữ được kỷ niệm của những phát sung sướng nhất đời thì cũng không lạ gì.

- Hồi đó ông thật có tài về các câu đố!... Giuyli nói thế vì sợ câu chuyện xoay ra tình cảm quá.

- Bà có muốn tôi nêu lên một chứng cứ khác về trí nhớ của tôi không? Đarxi ngắt lời. Bà có nhớ cái hiệp ước liên minh giữa chúng ta tại nhà bà Lambe không? Chúng ta hứa với nhau là sẽ nói xấu khắp thiên hạ; ngược lại, phải bênh vực lẫn nhau trước mặt và chống lại tất cả mọi người... Nhưng hiệp ước của chúng ta cũng chung số phận như hầu hết các hiệp ước khác, nó không được thi hành.

- Sao ông biết như thế? - Chao ôi! tôi nghĩ rằng bà không có nhiều dịp để bênh vực tôi; vì một khi tôi xa Pari thì có ai rồi hơi mà nghĩ đến tôi...

- Bênh vực ông... thực không... nhưng nói chuyện về ông với các bạn của ông...

- Ô! Các bạn của tôi! Đarxi thốt lên với một nụ cười hơi buồn bã. Trong thời kỳ đó, ít nhất bà cũng biết tôi làm gì có bạn. Những thanh niên hay lui tới nhà mẹ bà ghét tôi, tôi cũng không biết tại sao; còn phụ nữ thì họ nghĩ mấy tí đến một anh tùy viên bộ ngoại giao.

- Chính là vì ông không sẵn sóc đến họ.

- Cái đó đúng. Không bao giờ tôi biết làm duyên với những người mà tôi không yêu.

Nếu bóng tối cho phép nhận rõ nét mặt Giuyli, ắt Đarxi sẽ thấy mặt nàng đỏ bừng lên khi nghe câu nói cuối cùng đó, nàng gán cho nó một ý nghĩa mà có lẽ Đarxi không nghĩ tới.

Dù sao, Giuyli gác lại đó những kỷ niệm mà cả hai người đều giữ quá kỹ và nàng muốn đưa chàng trở lại những chuyến đi của chàng một chút, hy vọng rằng nhờ cách đó nàng sẽ được miễn nói năng. Phương pháp đó hầu như bao giờ cũng thành công đối với những lũ khách, nhất là đối với những người nào đã tới thăm một xứ xa xôi.

- Cuộc chu du của ông thật là thú vị! nàng nói, tôi rất tiếc không bao giờ có thể đi được như thế!

Nhưng Đarxi không thích kể chuyện nữa... Chàng đột nhiên hỏi:

- Người thanh niên có râu mép nói chuyện với bà hồi nãy là ai thế?

Lần này, mặt Giuyli càng đỏ dữ. - Đó là một người bạn của nhà tôi, nàng đáp, một sĩ quan trong trung đoàn của nhà tôi... Người ta bảo, nàng nói tiếp không muốn bỏ đề tài Đông phương của mình, rằng những người đã trông thấy bầu trời xanh đẹp ở phương Đông thì không thể sống ở nơi khác được nữa.

- Tôi ghét một cách ghê gớm, tôi cũng không biết tại sao... Đó là tôi nói người bạn của ông nhà, chứ không phải nói bầu trời xanh. Còn như bầu trời xanh thì thưa bà, cầu Chúa tránh cho bà cái đó! vì cứ nhìn thấy nó mãi như thế nên người ta đâm ra ghét nó đến nỗi coi sương mù buổi sáng ở Pari là cảnh sắc đẹp nhất. Xin bà tin rằng không có gì làm con người khó chịu bằng bầu trời xanh đó, hôm qua nó cũng xanh và ngày mai nó cũng sẽ xanh. Giá bà biết người ta nóng ruột biết bao và thất vọng biết bao khi chờ đợi, mong mỗi một đám mây!

- Tuy vậy ông đã ở lại rất lâu dưới bầu trời xanh đó.

- Nhưng thưa bà, tôi rất khó lòng làm khác được. Nếu như tôi có thể làm theo sở thích thì tôi đã mau chóng về quanh phố Benlôxátơ, sau khi thỏa mãn cơn hiếu kỳ nhỏ mà những cái lạ lùng ở phương Đông tất nhiên đã gây ra.

- Tôi nghĩ rằng nhiều du khách sẽ nói như vậy nếu họ cũng thành thực như ông... Thế người ta làm gì cho qua ngày ở Côngxtăngtinhôp và những thành phố khác ở phương Đông?

- Ở đó, cũng như ở mọi nơi, có nhiều cách giết thời giờ. Người Anh uống rượu, người Pháp đánh bạc, người Đức hút thuốc, và vài kẻ hóm hỉnh muốn thay đổi thú vui thì ăn đạn súng trường bằng cách trèo lên mái nhà để nhòm phụ nữ trong xứ.

- Chắc ông ưa nhất công việc cuối cùng đó.

- Đâu có. Tôi, tôi học tiếng Thổ và tiếng Hy Lạp, khiến người ta chế nhạo tôi dữ quá. Giải quyết xong công văn của sứ quán thì tôi vẽ, tôi phóng ngựa đến Nước Ngọt(48), rồi tôi ra bờ biển để xem có mặt người nào từ Pháp hoặc từ nơi khác tới không.

- Chắc ông phải thích lắm khi được thấy một người Pháp ở nơi xa cách nước Pháp đến thế?

- Vâng, nhưng có được một người thông minh thì lại có biết bao nhiêu tay lái buôn đồ sắt hoặc vải Catsomia kéo đến; hoặc tệ hơn nữa là những thi sĩ trẻ tuổi, mới trông thấy từ xa tí một người nào ở sứ quán là đã kêu lên: đưa tôi đi xem các cảnh hoang tàn, đưa tôi đi Xanh Xô phi(49), dẫn tôi lên núi, dẫn tôi xuống biển; tôi muốn xem nơi Hêrô(50) than thở! Rồi đến khi họ đã bị cảm nắng nặng, họ chúi vào phòng và không muốn xem gì nữa ngoài những số báo "Lập hiến"(51) mới nhất. - Ông nhìn cái gì cũng xấu, theo thói cũ của ông.

Ông chưa sửa chữa được, ông có biết không? Vì ngày nay ông vẫn còn tính mỉa mai như thế. - Thưa bà, xin bà bảo cho tôi biết, một kẻ bị dày xuống hỏa ngục, có quyền đùa bỡn các bạn cùng bị dày đôi chút không? Lấy danh dự mà nói: bà không rõ cuộc đời của chúng tôi ở đó khổ nhọc thế nào. Những anh bí thư sứ quán như chúng tôi giống như những con én: không bao giờ đậu cả. Đối với chúng tôi không hề có những quan hệ thân tình, hạnh phúc của cuộc sống... tôi nghĩ hình như thế (chàng nói mấy tiếng cuối cùng với một giọng kỳ dị và xích lại gần Giuyli).

Từ sáu năm nay tôi không gặp một người nào mà tôi có thể trao đổi tâm sự. - Vậy ông không có bạn ở đó à? - Tôi vừa mới nói với bà rằng không thể nào tìm ra bạn ở xứ lạ. Tôi đã để lại hai người bạn ở Pháp. Một người chết mất rồi, còn người kia hiện nay ở Mỹ, vài năm nữa mới về nếu bệnh sốt vàng da không giữ anh ta lại. - Vậy là ông cô đơn? - Cô đơn. - Thế còn sự giao thiệp với giới phụ nữ ở phương

Đông thì thế nào? Nó không giúp ông được việc gì à?

- Ô! Cái đó thì thật là tồi nhất. Về phụ nữ Thổ thì ta không nên nghĩ tới. Ở người phụ nữ Hy Lạp và Armêni, điểm mà ta có thể ca tụng hơn cả là họ rất xinh. Còn các bà vợ của mấy ông lãnh sự và đại sứ, thì tôi xin phép miễn nói. Đó là một vấn đề ngoại giao, và nếu tôi nói ra ý nghĩ của tôi, tôi có thể làm hại cho công tác ngoại giao.

- Ông có vẻ không yêu nghề lắm nhỉ! Xưa kia ông rất hăng hái muốn bước vào ngành ngoại giao kia mà?

- Lúc đó tôi chưa biết nghề mình. Bây giờ tôi chỉ muốn được làm một viên kiểm sát bùn ở Pari.

- Trời ơi! Sao ông lại có thể nói như thế? Pari! Cái nơi âm u nhất thế gian!

- Xin bà đừng báng bổ thế. Tôi muốn được nghe bà nói ngược lại ở Naplơ, sau khi sống hai năm trên đất Ý.

- Đi thăm Naplơ, đó là điều tôi mong ước nhất đời, nàng vừa trả lời vừa thở dài... miễn là có những người bạn đi cùng với tôi.

- Ô! Với điều kiện ấy, tôi sẵn lòng đi vòng quanh thế giới. Đi xa với bạn! như thế khác nào mình vẫn ngồi ở phòng khách của mình trong khi thế giới diễu qua cửa sổ của mình như một toàn cảnh trải qua.

- Nay, nếu như thế thì đòi hỏi quá nhiều thì tôi chỉ muốn đi với một... với hai người bạn thôi.

- Còn tôi, tôi không có tham vọng đến thế; tôi chỉ muốn đi với một người bạn... hoặc một người bạn gái, chàng mỉm cười nói thêm. Nhưng đó là một hạnh phúc chưa bao giờ đến với tôi... Và nó sẽ không đến, chàng thở dài nói tiếp. Rồi với giọng vui vẻ hơn: Thật vậy, tôi bao giờ cũng rủi. Trước nay tôi chỉ khao khát có hai điều, nhưng tôi không đạt được điều nào.

- Điều gì vậy?

- Ô! Chẳng có gì là quá quẩn. Chẳng hạn, tôi đã ao ước đến say mê được nhảy van-xơ với một người... tôi đã nghiên cứu sâu điệu van-xơ. Tôi đã tập luyện hàng tháng ròng, một mình, với một cái ghế, để thắng cái bệnh chóng mặt không bao giờ quên kéo đến, nhưng khi tôi đã đạt tới chỗ không còn chóng mặt nữa...

- Thế ông muốn nhảy với ai?

- Nếu như tôi nói với bà thì sao?... Nhưng khi nhờ gắng công tôi đã nhảy van-xơ thành thạo, thì bà của bà, lúc đó vừa mới kiếm được một ông cố rửa tội thuộc phái Giăng-xênit⁽⁵²⁾, cấm điệu van-xơ bằng một mệnh lệnh ngày nay vẫn còn làm tôi uất ức trong lòng.

- Thế còn điều ước thứ hai của ông?... Giulyli rất xao xuyến hỏi.

- Điều ước thứ hai của tôi, tôi xin để bà đoán hộ. Hồi đó, tôi muốn - thật là quá ư tham vọng đối với một người như tôi - tôi muốn được yêu... Vâng, được yêu... Chính là tôi mong ước như thế trước cả mong ước được nhảy van-xơ và tôi không theo thứ tự thời gian... tôi muốn, đúng thế, được một người đàn bà yêu thương, ưa tôi hơn ưa một cuộc khiêu vũ - địch thủ nguy hiểm nhất của tôi, - một người đàn bà mà tôi có thể tới thăm với đôi ủng vấy bùn khi nàng sắp lên xe đi dự dạ hội. Nàng phục sức trang trọng nhất nhưng nàng bảo tôi: Chúng ta hãy ở lại. Nhưng tôi thật điên. Người ta chỉ nên đòi hỏi những cái có thể có được.

- Ông thật ác! Bao giờ cũng có những câu nói cay độc! Không có gì làm cho ông ưa cả. Bao giờ

ông cũng tàn nhẫn đối với phụ nữ.

- Tôi ấy à! Cầu Chúa tránh cho tôi cái đó! Nói cho đúng hơn tôi nói xấu chính tôi. Có phải là xấu phụ nữ khi bảo rằng họ ưa một cuộc dạ hội thú vị... hơn là một cuộc nói chuyện riêng với tôi không?

- Một cuộc khiêu vũ!... Phục sức!... Trời đất ơi!... Ai còn khiêu vũ bây giờ?...

Nàng không hề nghĩ tới việc biện bạch cho toàn thể giới của nàng bị lên án, nàng tưởng mình hiểu rõ tư tưởng của Đarxi và người phụ nữ tội nghiệp ấy chỉ còn nghe tiếng nói của trái tim mình.

- Về chuyện phục sức và khiêu vũ, thật tiếc rằng chúng ta không còn ở vào thời có hội giả trang nữa! Tôi có mang về một bộ quần áo phụ nữ Hy Lạp rất hay và bà mặc nó thì hợp tuyệt.

- Nhờ ông vẽ bộ quần áo đó cho cuốn an-bom của tôi.

- Rất vui lòng. Bà sẽ thấy tôi tiến bộ đến mức nào kể từ khi tôi còn lấy bút chì vẽ những thằng người trên bàn trà của thân mẫu bà. Thưa bà, tiện đây, tôi xin có lời chúc mừng bà: Sáng nay tôi có nghe nói ở bộ rằng ông Saverni nhà ta sắp được cử làm nội thần của Hoàng Thượng. Tin đó làm tôi rất vui sướng.

Giuyli bất giác giật nảy mình. Đarxi không nhận thấy cử chỉ đó, nói tiếp:

- Xin phép bà cho tôi yêu cầu được bà che chở cho ngay từ bây giờ... Nhưng xét kỹ, tôi không bằng lòng lắm về địa vị mới của bà. Tôi e rằng bà sẽ bắt buộc phải đến Xanh Klu(53) trong đạo hè và khi đó tôi sẽ không hay được hân hạnh gặp bà nữa.

- Không bao giờ tôi đi Xanh Klu đâu, Giuyli nói với giọng rất xúc động.

- Ô! càng hay, vì Pari, bà thấy không, là thiên đường, mà ta chỉ nên thỉnh thoảng mới rời khỏi để đi dự tiệc ở nông thôn, tại nhà bà Lambe, với điều kiện là quay về buổi tối. Thưa bà, bà được ở Pari thật là sung sướng. Còn tôi là người có lẽ chỉ sống ở đó trong một thời gian ngắn, bà không thể tưởng tượng được rằng tôi vui sướng biết bao khi được ở căn phòng nhỏ mà cô tôi đã để cho tôi. Còn bà, người ta bảo tôi rằng bà ở ngoại ô Xanh Ônô-rê. Người ta đã chỉ nhà bà cho tôi. Chắc hẳn bà có một cái vườn tuyệt diệu, nếu cái thói mê xây dựng đã không biến những lối đi của bà thành cửa hàng(54)?

- Không, cái vườn của tôi vẫn còn y nguyên, tạ ơn Chúa.

- Thưa bà, bà tiếp khách vào hôm nào?

- Hầu hết các buổi tối tôi đều ở nhà. Tôi rất sung sướng nếu ông sẵn lòng thỉnh thoảng đến thăm tôi.

- Thưa bà, bà thấy rằng tôi làm như cái liên minh cũ của chúng ta vẫn tồn tại. Tôi tự mời tôi không theo nghi lễ gì cả mà cũng không có sự giới thiệu chính thức. Bà tha lỗi cho tôi chứ? Ở Pari tôi chỉ còn có quen có bà và bà Lambe. Tất cả mọi người đã quên tôi, nhưng nhà của hai bà là những cái nhà duy nhất mà tôi đã nhớ tiếc trong khi lưu lạc. Nhất là phòng khách của bà chắc phải thú vị lắm. Một người biết chọn bạn hữu như bà!... Bà có còn nhớ những dự án mà bà vạch ra khi xưa cho lúc nào bà thành một bà chủ nhà không? Một phòng khách không để cho những kẻ làm người ta chán ngán bước chân tới, đôi lúc có âm nhạc, bao giờ cũng có chuyện trò, và rất khuya; không hề có những kẻ hờn mình, một số ít người biết rõ nhau do đó không hề tìm cách nói dối hoặc làm ra vẻ... Ngoài ra, có đôi bà người phụ nữ có trí tuệ (không lẽ các bạn của bà lại không như vậy...) và nhà bà là nơi thú vị nhất Pari. Phải, bà là người phụ nữ sung sướng nhất và bà làm cho tất cả những người ở gần bà cũng được sung sướng.

Trong khi Đarxi nói, Giuyli nghĩ rằng hạnh phúc mà chàng tả một cách linh hoạt như thế, nàng có thể đạt được nếu như nàng đã lấy một người khác... Lấy Đarxi chẳng hạn. Không phải nàng nghĩ tới cái phòng khách tưởng tượng rất thanh lịch và rất thú vị đó, mà nàng nghĩ tới những kẻ đáng chán ngán mà Saverni đã dẫn đến với nàng... không phải nàng nhớ tới những

cuộc chuyện trò rất vui, mà nhớ tới những cảnh vợ chồng như cảnh đã khiến nàng phải đi P...

Nàng thấy mình cuối cùng sẽ khổ sở mãi mãi, cột chặt suốt đời vào cuộc đời của một người mà nàng ghét và khinh; còn cái người mà nàng thấy đáng yêu nhất đời, cái người mà lẽ ra nàng muốn trao trách nhiệm bảo đảm hạnh phúc của nàng thì vẫn phải là một người xa lạ đối với nàng. Bốn phen của nàng là phải tránh người đó... và người đó thì đang ở gần nàng đến nỗi tay áo của nàng bị ve áo của chàng làm nhàu nát.

Đarxi tiếp tục miêu tả một lúc những thú vui trong cuộc sống ở Pari với tất cả tài hùng biện do thiếu thốn lâu mà có. Trong khi ấy, Giuyli cảm thấy nước mắt của mình tuôn trên gò má. Nàng run lên vì sợ Đarxi trông thấy, và nàng càng tự kiềm chế thì sự xúc động của nàng càng thêm mạnh. Nàng nghẹt thở; nàng không dám động đậy. Cuối cùng một tiếng nức nở bật lên, và thế là hỏng cả. Nàng gục đầu trong hai bàn tay gần nghẹn ngào vì nước mắt và xấu hổ.

Đarxi hoàn toàn không ngờ tới chuyện đó, nên rất ngạc nhiên. Trong một lát, sự kinh ngạc làm cho chàng không nói được; nhưng vì những tiếng nức nở mỗi lúc một tăng, chàng nghĩ rằng chàng phải nói và hỏi duyên cớ của những giọt nước mắt đột ngột ấy.

- Thưa bà, bà làm sao thế? Lay Chúa, thưa bà... xin bà trả lời tôi. Bà có việc gì thế?... Và vì nàng Giuyli tội nghiệp cứ nghe mỗi câu hỏi lại xiết chặt thêm chiếc mùi xoa vào mắt, nên chàng cầm lấy tay nàng và vừa dịu dàng gạt chiếc mùi xoa ra vừa nói với một giọng lạc đi, thắm sâu vào tận đáy lòng Giuyli: - Tôi van bà, bà làm sao thế? Hay là tôi đã vô tình xúc phạm đến bà chăng?... Bà cứ im lặng làm tôi thật khổ tâm.

- Ôi! Giuyli không thể nén được nữa kêu lên, tôi khổ quá và nàng càng nức nở.

- Khổ ư! Như thế nào?... Tại sao?... Ai lại có thể làm cho bà khổ? Xin bà trả lời tôi. Vừa nói chàng vừa xiết tay nàng, đầu chàng gần chạm vào đầu Giuyli còn Giuyli thì chỉ khóc mà không đáp. Đarxi không còn biết nghĩ thế nào, nhưng chàng xúc động vì những giọt nước mắt của nàng. Chàng thấy mình trẻ lại sáu tuổi và chàng bắt đầu nhận ra rằng, trong một tương lai trước kia chưa bao giờ hiện ra trong trí tưởng tượng của chàng, chàng rất có thể từ vai trò người bạn tâm tình chuyển sang một vai trò khác cao hơn.

Do nàng vẫn cứ không chịu trả lời, Đarxi sợ nàng ngất đi nên chàng hạ một cửa kính xe xuống, tháo các dải mũ của Giuyli, bỏ áo khoác và khăn quàng cho nàng. Nam giới vốn vụng về trong những công việc đó. Chàng muốn bảo xe dừng lại ở gần một thôn xóm và chàng đã gọi người đánh xe rồi, thì bỗng Giuyli nắm lấy cánh tay chàng, van chàng đừng bảo xe dừng và nói để chàng yên tâm rằng trong người nàng đã khá hơn nhiều. Người đánh xe không nghe thấy gì cả và tiếp tục cho ngựa tiến về phía Pari.

- Nhưng tôi van bà, thưa Saverni phân nhân thân mến, Đarxi vừa nói vừa cầm lại bàn tay mà chàng đã buông ra một lúc, tôi van bà, xin bà nói cho tôi nghe bà làm sao thế?... Tôi sợ... tôi không hiểu tại sao tôi lại có thể khốn khổ đến nỗi làm bà phải phiền lòng.

- A! Không phải tại ông đâu! Giuyli kêu lên, và nàng hơi xiết bàn tay chàng.

- Vậy thì xin bà bảo tôi, ai có thể làm cho bà khóc như thế? Xin bà hãy tin tôi mà nói đi. Chúng ta chẳng phải là bạn cũ ư? Chàng mỉm cười nói tiếp và đến lượt chàng xiết bàn tay Giuyli.

- Ông có nói với tôi về hạnh phúc mà ông tưởng bao quanh tôi... nhưng hạnh phúc đó ở xa tôi lắm!...

- Sao thế? bà không có đủ mọi yếu tố để hưởng hạnh phúc hay sao?... Bà trẻ, giàu, đẹp... Chồng bà là một địa vị xuất sắc trong xã hội...

- Tôi ghét người ấy! Giuyli xúc động dữ dội kêu lên: tôi khinh người ấy! và nàng chúi đầu vào trong chiếc mùi xoa, càng nức nở hơn bao giờ hết!

- Ô! Ô! Đarxi nghĩ thầm, chuyện trở nên nghiêm trọng đây. Và chàng khéo léo lợi dụng tất cả những lúc xe xóc để xích thêm gần nàng Giuyli tội nghiệp. - Vì sao, chàng nói với giọng dịu dàng âu yếm nhất đời, vì sao bà phải buồn phiền như thế? Lẽ nào bà để một con người mà bà

ghét có ảnh hưởng đến thể tới cuộc đời của bà? Sao bà lại cho phép người ấy một mình đầu độc cả hạnh phúc của bà? Nhưng vậy ra bà phải cầu xin người ấy cái hạnh phúc đó sao... Và chàng hôn đầu ngón tay nàng; nhưng thấy nàng lập tức kinh hãi rút tay lại, chàng sợ mình đã đi quá xa... Nhưng quyết tâm đi đến cùng, chàng vừa nói vừa thở dài một cách khá giả dối:

- Thật tôi đã lầm! khi nghe tin bà lấy chồng, tôi đã tưởng ông Saverni vừa ý bà thực sự.

- A! Ông Đarxi ạ, ông có bao giờ hiểu tôi đâu! giọng nàng nói lên một cách rõ ràng: bao giờ tôi cũng yêu ông, nhưng ông không muốn nhận thấy thế. Lúc này người phụ nữ tội nghiệp tin tưởng một cách thành thực nhất đời rằng bao giờ nàng cũng yêu Đarxi, trong sáu năm vừa qua, với tất cả niềm yêu thương mà nàng cảm thấy lúc này đối với chàng.

- Còn bà! Đarxi hằng hái lên nói, còn bà, thưa bà, bà có bao giờ hiểu tôi không? Bà có bao giờ biết những tình cảm trong lòng tôi không? Ôi! Nếu như trước kia bà hiểu tôi hơn, chắc hẳn bây giờ cả hai chúng ta đều sung sướng.

- Tôi khổ quá! Giuyli càng khóc dữ nhắc lại mấy tiếng đó và nắm chặt bàn tay chàng.

- Nhưng thưa bà dù cho hồi đó bà có hiểu tôi, Đarxi nói tiếp với cái vẻ buồn bã chua chát thường lệ của chàng, thì kết cục sẽ ra sao? Tôi không có gia sản, gia sản của bà thì lớn lắm; thân mẫu bà chắc sẽ khinh bỉ khước từ tôi. Tôi bị kết án ngay từ trước khi ra tòa. Cả bà nữa, vâng, bà, Giuyli ạ, trước khi một cuộc thí nghiệm thảm khốc chỉ cho bà thấy đâu là hạnh phúc thực sự, thì nhất định bà phải cười cái cao vọng của tôi và một chiếc xe bóng loáng với vòng miện bá tước trên cửa xe khi đó nhất định là phương tiện chắc chắn nhất để làm vừa ý bà.

- Trời ơi! Cả ông nữa! Thế ra không còn ai thương tôi hay sao?

- Giuyli thân mến, tha lỗi cho tôi! chàng kêu lên, bản thân cũng rất cảm động; tha lỗi cho tôi, tôi van em. Xin em quên những lời trách móc của tôi; không, tôi, tôi không có quyền trách móc em. Tôi có lỗi hơn em... Tôi đã không biết đánh giá em. Tôi vẫn tưởng em cũng yếu đuối như những phụ nữ trong cái xã hội mà em sống; tôi đã nghi ngờ lòng can đảm của em, Giuyli thân mến ạ, và tôi đã bị trừng phạt độc địa về cái đó! Chàng đặt những cái hôn nóng bỏng lên đôi tay nàng mà nàng không rút ra nữa, chàng sắp ôm nàng vào trong lòng... nhưng Giuyli đẩy chàng ra với vẻ rất kinh hoàng và xô người ra xa chàng cho đến khi bề ngang của chiếc xe không cho phép lùi hơn được nữa.

Thấy thế Đarxi nói với một giọng mà vẻ dịu dàng còn làm cho đau đớn thêm: - Thưa bà, xin lỗi bà, tôi đã quên Pari. Bây giờ tôi mới nhớ lại rằng ở đó người ta chỉ lấy nhau, chứ không hề yêu.

- Ô! Có chứ, em yêu anh, nàng vừa thì thầm vừa nức nở và nàng gục đầu vào vai Đarxi. Đarxi siết chặt nàng vào trong tay một cách nồng nàn và tìm cách ngăn dòng lệ bằng những cái hôn. Nàng còn cố gắng gỡ ra khỏi tay anh, nhưng đó là sự cố gắng cuối cùng của nàng.

XII

Đarxi đã lầm về bản chất sự xúc động của chàng: chàng không hề yêu, ta phải nói rõ như thế. Chàng chỉ lợi dụng một dịp may có vẻ đột nhiên đến với chàng và rất đáng để chàng không bỏ lỡ. Vả lại, như tất cả mọi người đàn ông, khi cầu xin chàng hùng hồn hơn nhiều so với khi cảm ơn. Song chàng lễ phép, và sự lễ phép ấy nhiều khi thay cho những tình cảm đáng kính hơn. Vì thế sau phút say sưa đầu tiên, chàng tuôn ra với Giuyli những lời dịu ngọt mà chàng không mất công tìm kiếm lắm, và kèm theo những lời đó là nhiều cái hôn tay nó đỡ cho chàng biết bao lời. Chàng thấy chiếc xe đã tới chỗ rào chắn(55) mà không luyến tiếc và trong ít phút nữa chàng sẽ từ giã người mà chàng đã chinh phục được. Sự im lặng của Saverni phụ nhân giữa những lúc chàng tỏ tình, nỗi phiền muộn miên man của nàng làm cho tình thế của người tình nhân mới của nàng thành khó khăn, khó chịu là khác nữa, tôi dám nói như thế.

Nàng ngồi yên, trong một góc xe, thờ ơ ghì chiếc khăn quàng vào ngực. Nàng không khóc nữa; mắt nhìn đăm đăm và khi Đarxi cầm tay nàng để hôn, bàn tay ấy, ngay sau khi được buông ra, rơi thõng xuống đùi nàng như chết. Nàng không nói, nàng chỉ hơi nghe thấy, nhưng một loạt

tư tưởng đau như xé hiện ra cùng một lúc trong tâm trí nàng và nếu nàng muốn biểu lộ một ý nghĩ này thì lập tức một ý nghĩ khác tới khóa miệng nàng lại.

Làm sao có thể tả được cái mớ bòng bong ý nghĩ ấy, hoặc nói cho đúng hơn những hình ảnh đang nổi tiếp nhau nhanh như những tiếng đập của trái tim nàng? Nàng tưởng chừng nghe thấy hai bên những tiếng nói lơ lửng và không nối tiếp với nhau, nhưng đều có một cái nghĩa ghê gớm. Sáng nay nàng đã lên án chồng, anh ta là một con người đê tiện trong con mắt của nàng; bây giờ nàng còn đáng khinh gấp trăm lần. Nàng thấy ai ai cũng biết chuyện xấu hổ của nàng. Nay sẽ đến lượt cô tình nương của công tước Đơ H... xưa đuổi nàng. - Bà Lambe, tất cả các bạn của nàng sẽ không muốn gặp nàng nữa. - Còn Đarxi? - Anh có yêu nàng không? - Anh chỉ hơi biết nàng. - Anh đã quên nàng rồi. - Anh đã không nhận ra nàng ngay lập tức. - Có lẽ anh đã thấy nàng thay đổi nhiều. - Anh lạnh lùng đối với nàng: đó là cái đòn tối hậu. - Sự luyến ái của nàng đối với một người chỉ hơi biết nàng, một người đối với nàng không tỏ ra yêu đương... mà chỉ tỏ ra lễ phép. - Không thể nào anh ấy lại yêu nàng. - Về phần nàng, nàng có yêu anh không? - Không, vì anh ấy vừa mới ra đi là nàng đã lấy chồng.

Khi chiếc xe vào đến Pari, các đồng hồ điểm một giờ. Chính lúc bốn giờ chiều qua là lúc đầu tiên nàng đã gặp Đarxi. - Phải, gặp. Nàng không thể nói gặp lại... Nàng đã quên nét mặt của chàng, tiếng nói của chàng; đó là một người xa lạ đối với nàng... Chín giờ sau, nàng đã thành tình nhân của chàng rồi?... Chỉ cần chín giờ là đủ cho sự mê hoặc kỳ dị đó... đủ để nàng mất phẩm giá trong con mắt của chính nàng, trong con mắt của chính Đarxi; vì chàng nhất định phải nghĩ thế nào về một người đàn bà yếu đuối đến thế? Sao chàng lại không thể khinh nàng?

Đôi lúc tiếng nói dịu dàng của Đarxi, những lời âu yếm mà chàng nói với nàng, làm cho nàng phần chần được đôi chút. Lúc đó nàng cố tin rằng mối tình mà chàng đang biểu lộ là thực sự. Không phải nàng đã quy phục một cách quá dễ dàng. - Mối tình giữa hai người kéo dài đã từ lâu thì bỗng chàng xa nàng... Đarxi hẳn biết rằng nàng lấy chồng chỉ tại uất ức về nỗi chàng ra đi. - Các tội lỗi đều về phía Đarxi. - Song chàng bao giờ cũng yêu nàng trong khi vắng mặt lâu dài. - Và đến khi chàng trở về, chàng đã vui sướng thấy nàng cũng chung thủy như chàng. - Sự chân thành thú nhận tình yêu của nàng hẳn làm đẹp lòng Đarxi, một người ghét sự giấu giếm. - Nhưng chẳng mấy chốc nàng nhận ra cái vô lý của những biện luận đó. Những ý nghĩ an ủi biến đi. và nàng lại bị hổ thẹn và thất vọng giày vò.

Có một lúc nàng muốn bộc lộ những cảm nghĩ của mình. Nàng vừa mới tưởng tượng mình bị xã hội khai trừ, gia đình ruồng bỏ. Sau khi đã xúc phạm chồng một cách nặng nề như thế, lòng kiêu hãnh của nàng không cho phép nàng từ nay gặp lại chồng nữa. "Ta được Đarxi yêu, nàng tự nhủ, ta chỉ có thể yêu anh ấy. Không có anh ấy thì ta không thể sung sướng. Ở đâu có anh ấy ta cũng sẽ sung sướng. Ta hãy cùng anh ấy đi đến một nơi nào không bao giờ có thể thấy ai làm ta hổ thẹn được. Anh ấy hãy đưa ta đi Côngxtăngtinhôp..."

Đarxi hoàn toàn không đoán ra những ý nghĩ đang diễn ra trong tâm trí của Giuyli. Chàng vừa mới nhận thấy rằng hai người đã về tới phố của Đờ Saverni phu nhân ở và chàng rất thần nhiên xỏ lại đôi găng tay lạnh buốt.

- Nhân đây, chàng nói, anh cần phải được chính thức giới thiệu với ông Đơ Saverni chứ... Anh đoán rằng chẳng bao lâu hai bên sẽ thành bạn thân. Được bà Lambe giới thiệu, anh sẽ có một thể đứng vững trong nhà em. Trong lúc chờ đợi, vì ông ta đang ở nhà quê, anh có thể đến thăm em không?

Tiếng nói của Giuyli ra đến môi thì biến mất. Mỗi lời nói của Đarxi là một nhát dao găm. Làm sao có thể nói chuyện bỏ trốn, ra đi với một người đàn ông bình thần như thế, lạnh lùng như thế, chỉ nghĩ đến việc thu xếp cách đi lại mùa hè thuận tiện nhất? Nàng điên cuồng dứt dứt sợi dây chuyền vàng đeo ở cổ và vặn những mắt của nó trong ngón tay. Chiếc xe dừng lại ở trước cửa ngôi nhà nàng, Đarxi rất ân cần sửa chiếc khăn quàng trên vai nàng, chỉnh đốn lại chiếc mũ nàng cho ngay ngắn. Rồi khi cửa xe mở, chàng đưa tay cho nàng vịn một cách hết sức kính cẩn, nhưng Giuyli nhảy xuống đất không tựa vào chàng. - Thưa bà, chàng vừa cúi rạp đầu vừa nói, tôi sẽ xin phép lại thăm bà.

- Vĩnh biệt! Giulyli nói giọng nghẹn ngào. Đarxi lại lên chiếc xe của mình và sai đánh xe đưa mình về nhà, miệng huýt sáo ra vẻ rất thỏa mãn về ngày vừa qua.

XIII

Vừa về đến căn phòng trai độc thân của mình, Đarxi mặc chiếc áo trong nhà Thổ Nhĩ Kỳ vào, đi đôi giày vải, rồi sau khi nhồi thuốc lá Latakiê vào một cái tẩu dài nõ bằng gỗ anh đào xứ Bốtni và thân bằng hồ phách trắng, chàng sửa soạn thưởng thức nó, mình ngả trên một chiếc ghế bành lớn bọc da dê và nhồi bông kỹ càng. Với những người lấy làm lạ sao chàng lại làm cái công việc tầm thường ấy vào lúc lẽ ra chàng phải mơ mộng một cách thi vị hơn, tôi xin trả lời rằng một tẩu thuốc ngon rất có ích, nếu không phải là cần, cho sự mơ mộng, và cách tận hưởng thật sự một hạnh phúc là kết hợp nó với một hạnh phúc khác. Một anh bạn tôi, một người ưa thích khoái cảm, không bao giờ mở thư tình nhân ra xem trước khi tháo ca-vát, khêu lửa lên nếu đang mùa rét và nằm lên một cái ghế dựa dài dễ chịu.

- Thực là, Đarxi nghĩ thầm, mình sẽ đại vô cùng nếu mình nghe lời Tayron mua một con nô lệ Hy Lạp đem về Pari. May chưa! Giá mà mình làm như thế, thì như câu bạn Haléch Epphăngđi nói, khác nào chở vả về Đamát(56). Tạ ân Chúa! Nền văn minh đã tiến dũ trong khi mình đi vắng và hình như sự cứng rắn không đi đến chỗ quá quắt lắm... Tôi nghiệp cái anh Saverni!... Hà, hà! Tuy vậy, nếu mình giàu có cách đây vài năm, mình đã lấy Giulyli rồi và có lẽ tối nay chính Saverni sẽ là người đưa nàng về. Nếu mình lấy vợ, mình sẽ cho người luôn luôn để ý đến cái xe của vợ mình, để cô ta khỏi cần những tay hiệp sĩ lang thang kéo ra khỏi hố... Nào ta hãy nhắm tính lại. Nói tóm lại, đó là một người đàn bà rất đẹp, có trí tuệ sắc sảo, và nếu mình không đến nỗi già như thế này, mình tha hồ tin rằng đó là nhờ tài ba phi thường của mình!... Ô! Tài ba phi thường của mình!...

Chao ôi! Chao ôi! một tháng nữa tài ba phi thường của mình có lẽ sẽ ở vào mức của cái ông có râu mép... Bực quá! mình chỉ muốn cái con bé Naxtaxia mà mình đã yêu ghê gớm kia biết đọc biết viết, và biết nói chuyện với những người phong nhã, vì mình tin rằng nó là người phụ nữ duy nhất đã yêu mình... Tôi nghiệp con bé! Cái tẩu thuốc lá tắt và chẳng bao lâu chàng ngủ.

XIV

Về đến phòng mình, Saverni phu nhân thu hết nghị lực để nói với chị hầu phòng rằng nàng không cần đến chị và chị hãy để cho nàng một mình. Người con gái đó vừa ra xong là nàng gieo mình xuống giường và bắt đầu khóc thảm thiết hơn cả lúc Đarxi có mặt làm cho nàng phải tự kiểm chế, vì bây giờ nàng có một mình.

Chắc chắn đêm tối có ảnh hưởng rất lớn đến những nỗi phiền não trong tâm trí cũng như đến những sự đau đớn trong thể xác. Nó tô cho tất cả mọi thứ một màu ảm đạm và những hình ảnh băng quờ hoặc cả những hình ảnh vui tươi ban ngày, làm chúng ta bồn chồn ray rứt ban đêm y như những bóng ma chỉ thiêu trong đêm tối. Hình như đêm đến thì tư tưởng tăng hoạt động và lý trí mất uy lực. Một thứ ảo tưởng thuật trong nội tâm làm chúng ta bối rối kinh hãi, nhưng chúng ta không có sức gạt bỏ nguyên nhân của những nỗi hãi hùng hoặc thần nhiên xem xét thực tế.

Chúng ta hãy tưởng tượng nàng Giulyli tội nghiệp kia nằm sóng soài trên giường, chưa cởi bỏ hết quần áo ngoài, luôn luôn vật vã, lúc thì nóng như thiêu ở trong người, lúc thì rét run đến tận xương tủy, giật nảy mình mỗi khi giường khê cọt két và nghe rõ ràng tiếng đập của trái tim mình. Về tình thế của mình, nàng chỉ còn giữ lại một cảm giác hãi hùng mơ hồ mà nàng tìm mãi không ra nguyên nhân. Rồi bỗng nhiên kỷ niệm của buổi tối tai họa hiện ra trong tâm trí nàng, nhanh như một tia chớp, và cùng với kỷ niệm đó một sự đau đớn dữ dội và sâu sắc trở lại như một miếng sắt nung đỏ gây ra trong một vết thương đã hàn gắp.

Lúc thì nàng nhìn cây đèn, ngậy người ngấm ngọn lửa đung đưa, mãi đến khi nước mắt ràn rụa trong khóe mắt, nàng cũng không biết tại sao, không cho nàng nhìn thấy ánh sáng nữa. "Sao lại khóc thế nhỉ? nàng tự nhủ. A! ta bị ô nhục rồi!".

Lúc thì nàng đếm những cái thao màn che giường nhưng không sao nhớ được con số. "Tại

sao mình lại điên như thế nhỉ? nàng nghĩ thầm. Điên? phải, vì cách đây một giờ mình đã hiến thân như một con đĩ khốn nạn cho một người mà mình không biết".

Rồi nàng theo dõi với con mắt ngây dại chiếc kim đồng hồ treo, lo lắng như một phạm nhân thấy giờ hành tội của mình đang nhích lại gần. Thình lình đồng hồ đánh chuông: "Cách đây ba giờ, nàng giật nảy mình nói, ta đang ở với người ấy, và ta đã bị ô nhục!".

Suốt đêm nàng quần quai run rẩy như thế. Khi trời sáng, nàng mở cửa sổ, và gió lạnh thấm thía của buổi sớm làm cho nàng khuây khỏa đôi chút. Cúi mình trên lan can cửa sổ trông ra vườn, nàng thở hít khí lạnh một cách khoan khoái. Sự rối loạn trong tư tưởng của nàng dần dần tiêu tan. Sau những nỗi đau đớn mơ hồ, sau cơn mê loạn dày vò nàng, tiếp đến một tình trạng thất vọng tập trung so với tình trạng kia là một sự nghỉ ngơi.

Cần phải quyết định một bề. Thế là nàng suy nghĩ xem bây giờ nên làm thế nào. Nàng nhất định không nghĩ đến sự gặp lại Đarxi. Nàng cho rằng không thể nào làm như vậy được; trông thấy chàng, nàng sẽ xấu hổ đến chết mất, nàng phải rời Pari. Ở đây hai ngày nữa mọi người sẽ chỉ vào mặt nàng. Mẹ nàng đang ở Nixer; nàng sẽ đến đó với mẹ, nàng sẽ thú nhận tất cả với mẹ; rồi sau khi dốc bầu tâm sự trong lòng mẹ, nàng chỉ còn mỗi một việc để làm, đó là tìm một nơi nào hẻo lánh ở Ý, một nơi mà các du khách không biết, nàng sẽ đến đó ở một mình và chẳng bao lâu nữa sẽ chết.

Một khi đã quyết định như thế, nàng thấy bình tĩnh trong người. Nàng ngồi xuống bên một cái bàn nhỏ trước cửa sổ và hai tay ôm đầu, nàng khóc, nhưng lần này không cay đắng. Cuối cùng, sự mệt mỏi và chán nản thắng thế và nàng thiếp đi, hay nói cho đúng hơn là nàng ngừng suy nghĩ trong gần một giờ.

Nàng tỉnh giấc, sốt run người. Thời tiết đã thay đổi, bầu trời xám xịt và một trận mưa lâm thâm giá lạnh báo hiệu phần ngày còn lại sẽ rét và ẩm. Giulyli giật chuông gọi chị hầu phòng. Nàng bảo chị ta: Mẹ tôi ốm, tôi phải đi Nixer ngay lập tức. Chị sửa soạn cho tôi một cái hòm, tôi muốn một giờ nữa là lên đường.

- Nhưng thưa bà, bà làm sao thế? Bà có ốm không?... Bà chưa ngủ! chị hầu phòng kêu lên, ngạc nhiên và hốt hoảng về sự thay đổi mà chị nhận thấy trên nét mặt bà chủ.

- Tôi cần đi, Giulyli nói giọng sốt ruột, nhất định tôi phải đi. Chị sửa soạn cho tôi một cái hòm.

Trong thời buổi văn minh hiện đại của chúng ta, không phải chỉ việc muốn là có thể đi từ nơi này đến nơi khác. Phải có giấy thông hành, phải sửa soạn hành lý, bao gói mang theo, phải làm hàng trăm việc chuẩn bị phiền phức, phải lo trăm thứ khiến cho người ta hết muốn đi. Nhưng sự nóng ruột của Giulyli rút ngắn đi rất nhiều tất cả những cái chậm chạp cần thiết đó. Nàng đi đi lại lại hết buồng này sang buồng khác, đích thân giúp việc sửa soạn hòm xiềng, ấn xếp hỗn độn những cái mũ và những cái áo vốn quen được đối xử một cách nề nang hơn. Song những cử động của nàng chỉ góp phần làm chậm công việc của những người đầy tớ hơn là làm cho nó được mau hơn.

- Chắc bà đã báo tin cho ông nhà biết? Chị hầu phòng rụt rè hỏi.

Không trả lời, Giulyli lấy giấy; nàng viết: "Mẹ tôi ốm ở Nixer - Tôi đến đó với mẹ". Nàng gấp tờ giấy làm tư, nhưng nàng không thể nào viết tên người nhận lên tờ giấy được.

Đang khi sửa soạn đi, một người đầy tớ bước vào. Anh ta nói: - Ông Satôfo muốn xin phép vào gặp bà. Có cả một ông nữa đến cùng một lúc, tôi không biết là ai, nhưng có thiệp của ông ta đây ạ.

Nàng đọc: "E. Đarxi, bí thư đại sứ quán".

Xuýt nữa thì nàng thét lên. - Tôi không tiếp ai cả! nàng nói to; anh ra nói tôi ốm. Đừng nói tôi sắp đi. Nàng không thể tự giải thích tại sao Satôfo và Đarxi lại đến thăm nàng cùng một lúc, và trong cơn bối rối nàng tin rằng Đarxi đã chọn Satôfo làm bạn tâm sự. Song không có gì giản dị hơn sự có mặt đồng thời của họ. Đến do cùng một động cơ, hai người đã gặp nhau ở ngoài cửa;

và sau khi chào nhau rất lạnh lùng, hai người rửa thăm nhau kịch liệt.

Nghe người đầy tớ trả lời, hai người cùng nhau xuống thang, lại chào nhau lạnh lùng hơn trước, rồi mỗi người đi một ngã.

Satôfo đã nhận thấy sự lưu ý đặc biệt của Saverni phu nhân đối với Đarxi và ngay từ lúc đó gã căm ghét Đarxi. Về phần Đarxi, một kẻ tự phụ là biết xem tướng, chàng không thể nhận thấy vẻ bối rối bức tức của Satôfo mà không kết luận rằng gã yêu Giuyli; và vì là một nhà ngoại giao nên chàng giả thiết điều chẳng lành trước, kết luận một cách khá vội vã rằng Giuyli không đến nổi nhần tâm đối với Satôfo.

- Cái con lẳng lơ kỳ dị này, chàng tự nhủ khi bước ra, chắc không muốn tiếp cả hai người, vì sợ một màn yêu cầu cắt nghĩa như trong vở kịch Người yếm thế (57)... Nhưng mình thật ngốc nên mới không tìm ra được cớ để ở lại, mặc kệ cái thằng trẻ tuổi hóm mình kia ra về. Nhất định, nếu mình chờ hấn ta quay lưng đi là mình được tiếp, ừ mình dứt khoát hơn hấn ở chỗ mình là của mới.

Nghĩ thế, chàng dừng bước rồi quay lại và trở vào nhà của Saverni phu nhân. Satôfo cũng đã quay đầu lại nhiều lần để quan sát chàng, gã trở gót và theo dõi chàng từ xa.

Người đầy tớ ngạc nhiên lại thấy Đarxi, chàng bảo người đó rằng chàng quên nhẩn bà chủ một câu, rằng đó là một việc gấp, một việc mà một bà đã nhờ chàng nói giúp với Saverni phu nhân. Nhớ ra rằng Giuyli biết tiếng Anh, chàng lấy bút chỉ viết trên tấm thiệp của mình: "Xin phép hỏi khi nào tôi có thể trình Saverni phu nhân xem cuốn an-bum Thổ Nhĩ Kỳ của tôi". Chàng trao tấm thiệp cho người đầy tớ và nói rằng chàng chờ trả lời.

Mãi không thấy trả lời. Sau cùng người đầy tớ trở lại, rất bối rối. - Phu nhân, anh ta nói, vừa mới ngất đi và bây giờ phu nhân mệt quá nên không trả lời ông được. - Tất cả đã diễn ra trong mười lăm phút. Đarxi không tin rằng Giuyli đã ngất, nhưng hiển nhiên là nàng không muốn gặp chàng. Chàng quyết định như một nhà hiền triết; và nhớ rằng chàng cần đến thăm mấy người ở trong khu phố này, chàng bước ra không hề bận tâm thêm đến chuyện trắc trở đó nữa.

Satôfo đang chờ chàng, giận dữ lo lắng. Trông thấy chàng đi qua, gã không còn nghi ngờ gì nữa rằng chàng là người tình địch may mắn hơn gã, và gã quyết tâm sẽ nắm lấy cơ hội đầu tiên để báo thù cả con người không trung thành lẫn kẻ đồng lõa của nó. Thiếu tá Peranh mà gã gặp rất đúng lúc, được nghe gã tâm sự, ông cố an ủi gã và còn bảo rằng những điều nghi ngờ của gã không có gì là chắc chắn.

XV

Giuyli đã thực sự ngất đi khi nhận được tấm danh thiệp thứ hai của Đarxi. Sau cơn ngất, nàng khạc ra máu khiến trong người yếu đi nhiều. Chị hầu phòng đã bảo người đi mời thầy thuốc nhưng Giuyli khẳng khái không chịu gặp ông ta. Vào khoảng bốn giờ, những con ngựa trạm tới, hòm xiểng được buộc chặt; mọi thứ đều sẵn sàng để khởi hành. Giuyli bước lên xe, ho dữ dội và ở trong tình trạng thật đáng thương. Suốt buổi tối và cả đêm, nàng chỉ nói với anh đầy tớ ngồi trên ghế đằng trước xe để bảo anh giục mấy người gióng xe trạm đi gấp. Nàng vẫn ho và có vẻ rất đau đớn trong ngực; nhưng nàng không kêu rên một tiếng. Sáng ra nàng yếu đến nỗi ngất đi khi người ta mở cửa xe. Người ta vục nàng vào một cái quán tồi tàn và để nàng nằm ở đó. Một người thầy thuốc ở trong làng được mời đến; ông ta thấy nàng sốt dữ dội và cấm nàng tiếp tục cuộc hành trình. Song nàng vẫn cứ muốn đi. Buổi chiều, nàng lên cơn mê sảng và tất cả mọi triệu chứng đều trầm trọng thêm. Nàng luôn luôn nói lảm nhảm nghe rất khó hiểu. Trong những lời nói không đầu vào đầu ấy, tên Đarxi, Satôfo và bà Lambe hay trở đi trở lại. Chị hầu phòng viết thư cho ông Saverni để báo tin nàng ốm; nhưng nàng đang ở cách Pari tới gần ba mươi dặm, Saverni thì đang đi săn ở lâu đài công tước Đơ H... mà bệnh thì tăng nhanh đến nỗi không chắc Saverni đến kịp.

Song người đầy tớ trai đã phóng ngựa đến thành phố cạnh đấy và đưa một ông thầy thuốc tới. Ông này kê đơn thuốc của người đồng nghiệp, tuyên bố rằng người ta gọi ông chậm quá mà bệnh thì rất nặng.

Lúc tảng sáng cơn mê sáng chấm dứt và Giuyli ngủ say. Khi nàng tỉnh dậy, độ hai ba giờ sau, nàng có vẻ khó lòng nhớ ra những chuyện rủi ro khiến nàng đang nằm trong một cái buồng trọ bẩn thỉu. Song chẳng bao lâu trí nhớ hồi phục. Nàng nói rằng nàng cảm thấy dễ chịu và nàng còn nói đến chuyện lại lên đường hôm sau. Rồi sau khi để tay lên trán có vẻ suy nghĩ lâu, nàng bảo lấy giấy mực và muốn viết. Chị hầu phòng thấy nàng bắt đầu viết những bức thư mà nàng đều xé đi sau khi viết mấy chữ đầu. Đồng thời nàng bảo đốt những mảnh giấy ấy. Chị hầu phòng nhận thấy trên nhiều mảnh có chữ này: Thưa ông, khiến chị lấy làm lạ, chị kể lại thế, vì chị cứ tưởng nàng viết thư cho mẹ hoặc cho chồng. Trên một mảnh giấy khác chị ta đọc thấy: "Hắn ông khinh tôi lắm...".

Trong gần nửa tiếng đồng hồ, nàng cố viết nhưng viết không xong một bức thư có vẻ làm bận tâm nàng lắm. Cuối cùng, sức kiệt, nàng không thể tiếp tục nữa: nàng đẩy ra xa cái giá viết mà người ta đã đặt trên giường nàng và nàng nhón nhác bảo chị hầu phòng: - Thôi chị viết hộ tôi cho ông Đarxi.

- Thưa bà, viết ra sao? Chị hầu phòng hỏi, tin rằng cơn mê sáng sắp tái diễn.

- Chị viết rằng ông ta không biết tôi... rằng tôi không biết ông ta... Rồi nàng lăn xuống gối, kiệt sức.

Đó là những lời nói liên tục cuối cùng của nàng. Cơn mê sáng lại xâm chiếm nàng và không rời nàng nữa. Hôm sau nàng chết, bề ngoài có vẻ không đau đớn lắm.

XVI

Saverni tới ba ngày sau khi cất đám nàng. Sự đau đớn của chàng có vẻ chân thành và mọi người dân làng đều rơi nước mắt khi thấy chàng đứng trong nghĩa địa ngắm nắm đất mới phủ trên quan tài vợ. Lúc đó chàng muốn cất mộ và đem về Pari; nhưng vì ông xã trưởng phản đối và ông trưởng khế nêu ra những thể thức vô tận, nên chàng đành chịu, đặt làm một tấm bia bằng thứ đá vôi thật mịn và sai xây một ngôi mộ giản dị nhưng tươm tất.

Satôfo rất xúc động về cái chết đột ngột đến thế. Anh ta từ chối không dự nhiều cuộc dạ hội khiêu vũ và trong một thời gian người ta thấy anh ta chỉ bận đồ đen.

XVII

Trong xã hội thượng lưu, người ta kể nhiều về cái chết của Saverni phu nhân. Theo người này thì nàng đã nằm mộng, hoặc có linh cảm cũng được, thấy mẹ nàng ốm. Nàng xúc động đến nỗi nàng lên đường đi Nixer ngay lập tức mặc dầu đang bị cảm nặng từ khi ở nhà bà Lambe về, và bệnh cảm hàn đó đã biến thành bệnh sùng phổi.

Nhiều người khác, sáng suốt hơn, nói quả quyết với vẻ bí mật rằng Saverni phu nhân, vì không thể ngăn nỗi mối tình mà nàng cảm thấy đối với ông Satôfo, nên định đi đến bên mẹ tìm nghị lực để chống cự lại. Chứng cảm và sùng phổi là hậu quả của chuyến đi hấp tấp đó. Về điểm này, người ta đồng ý với nhau.

Đarxi không bao giờ nói đến nàng. Ba bốn tháng sau khi nàng chết, chàng thực hiện một cuộc hôn nhân có lợi. Khi chàng báo tin cưới vợ cho bà Lambe, bà chúc mừng chàng và nói: thực ra vợ ông rất đáng yêu và chỉ có Giuyli tội nghiệp của tôi mới có thể hợp với ông cũng như vậy. Tiếc thay cho nàng, ông lại nghèo quá khi nàng lấy chồng.

Đarxi mỉm nụ cười chua chát thường lệ của chàng, nhưng không trả lời gì cả.

Hai trái tim không hiểu nhau đó, có lẽ sinh ra để hợp với nhau.

Chương 3. VÊ NỮ THÀNH ILO

Tôi ở trên quả đồi cuối cùng của ngọn núi Canigu(58) đi xuống; lúc ấy tuy mặt trời đã lặn nhưng tôi vẫn còn nhận thấy rõ ở dưới đồng bằng nhà cửa một thành phố nhỏ là thành Ilo, nơi tôi đang đi tới.

Tôi hỏi bác người Catalan đi theo dẫn đường cho tôi từ hôm trước:

- Chắc bác biết nhà cụ Đơ Pêrôhêrát ở đâu đấy nhỉ?

- Tôi mà còn có biết hay không à! bác ta kêu lên, tôi biết rõ nhà cụ ấy như nhà tôi vậy; nếu trời không tối mịt thế này thì tôi sẽ chỉ cho ông. Nhà cụ đẹp nhất Ilo đấy. Cụ Đơ Pêrôhêrát lắm tiền lắm; và cụ lấy vợ cho con là con một nhà giàu hơn nhà cụ nữa kia.

Tôi hỏi:

- Thế đã sắp cưới chưa?

- Nay mai thôi. Có thể là người ta đã đặt thuê dàn nhạc vi-ô-lông cho đám cưới rồi. Có lẽ chiều nay, hoặc ngày mai, ngày kia chưa biết chừng! Lễ cưới sẽ tổ chức ở Puygaric; vì cậu con lấy chính cô Đơ Puygaric. Vâng, sẽ linh đình lắm!

Tôi được một người bạn là ông Đơ P... giới thiệu với cụ Đơ Pêrôhêrát. Bạn tôi có nói cụ là một nhà khảo cổ, học thức uyên bác, và đối với ai cũng cần tử tế. Cụ sẽ vui lòng dẫn tôi đi xem những phế tích thời xưa ở quanh đó năm mươi dặm. Tôi định nhìn trông cây ở cụ để đi thăm những vùng lân cận thành Ilo mà tôi biết là có rất nhiều công trình thời cổ và thời trung cổ. Đám cưới này mà bây giờ tôi mới được nghe nói, làm nhớ nhàng tất cả kế hoạch của tôi.

Tôi nghĩ thầm: "Thế này thành ra mình là kẻ đến phá cuộc vui". Nhưng người ta đợi tôi; ông Đơ P... đã báo trước rồi; thế nào tôi cũng phải đến thôi.

- Nào tôi xin cuộc với ông, người dẫn đường nói khi chúng tôi đã xuống tới đồng bằng, cuộc với ông một điều xì-gà là tôi đã đoán được ông đến nhà cụ Đơ Pêrôhêrát để làm gì rồi?

- Nhưng, tôi vừa đáp vừa đưa cho bác ta một điều xì-gà, điều đó có khó gì mà không đoán được. Vào giờ này, sau khi đã đi sáu dặm đường trên núi Canigu, việc lớn nhất là được ăn tối...

- Vâng, nhưng còn ngày mai... Tôi cuộc là ông đến thành Ilo này để xem tượng thần. Tôi đoán biết được điều này là vì thấy ông vẽ tượng các thánh ở Xêrabôna.

- Tượng thần? tượng thần nào? Hai tiếng ấy đã kích thích tính tò mò của tôi.

- Thế nào? Ở Perpignan người ta không kể lại cho ông nghe chuyện cụ Đơ Pêrôhêrát đào được pho tượng thần ở dưới đất à(59)?

- Bác định nói tượng bằng đất sét, bằng sành à?

- Không phải đâu. Bằng đồng cơ, vâng bằng đồng và có thể lấy đúc những đồng xu lớn. Tượng nặng bằng cái chuông nhà thờ ấy. Chúng tôi đã đào ở mãi tận sâu dưới đất, dưới một cây ô-liu.

- Vậy ra, lúc đào được, bác cũng có mặt à?

- Thừa ông vâng. Cách đây mười lăm hôm, cụ Đơ Pêrôhêrát có bảo tôi và anh Gian Côn đào một cây ô-liu bị băng giá chết hồi năm ngoái; năm ngoái thời tiết xấu quá, ông cũng biết đấy. Thế là trong lúc đang làm, anh Gian Côn hăm hờ đào giáng một nhát cuốc xuống, tôi liền nghe thấy một tiếng boong y như đã nện vào chuông vậy. Tôi mới hỏi: cái gì thế? Chúng tôi lại hì hục đào, đào mãi, thế là một bàn tay đen xì hiện ra, như tay người chết từ dưới đất nhô lên. Tôi đâm hoảng, chạy đi tìm cụ Đơ Pêrôhêrát và nói: - Cụ chủ ơi, có xác người chết ở dưới cây ô-liu, cụ ạ! Phải cho mời cha xứ đến mới được. Cụ mới bảo tôi: Xác người chết nào? Cụ ấy chạy đến vừa thoáng nhìn thấy bàn tay đã reo lên: - Á! Đồ cổ! Đồ cổ! tưởng như cụ ấy bắt được kho của. Và thế là cụ, lúc bằng cuốc, lúc bằng tay không, hì hà hì hục đào bới, một mình làm gần bằng cả

hai chúng tôi.

- Thế cuối cùng tìm được cái gì hử bác?

- Một pho tượng đàn bà lớn, đen trũi, nói ông bỏ lỗi cho, trần truồng đến quá nửa người, toàn bằng đồng, ông ạ. Và cụ Đơ Pêrôhêrát bảo chúng tôi đấy là một tượng thần thời còn Tà giáo... thời vua Sarlômanhơ (60) ấy mà!

- Tôi hiểu là cái gì rồi. Lại một pho tượng Đức mẹ Đồng trinh nào đó bằng đồng đen của một tu viện bị tàn phá chứ gì.

- Tượng Đức Mẹ Đồng trinh à! Úi chà!... Nếu là tượng Đức Mẹ Đồng trinh thì tôi đã nhận ra ngay rồi. Tôi đã bảo là tượng thần kia mà. Cứ trông dáng điệu là biết ngay. Đôi mắt to tướng và trắng dã cứ như trừng trừng nhìn mình. Hể nhìn pho tượng là người ta phải cúi mặt xuống.

- Mặt trắng à? Thôi chắc là mắt nạm vào đồng rồi. Có lẽ đây là một pho tượng La-mã nào cũng nên.

- Tượng La-mã! Đúng thế. Cụ Đơ Pêrôhêrát bảo đó là một pho tượng La-mã. Ồ! tôi thấy rõ ông cũng là một nhà thông thái như cụ ấy.

- Tượng còn nguyên, hay có bị sút mẻ gì không?

- Ồ! thưa ông, tượng còn nguyên vẹn cả. Còn đẹp hơn và kỹ nét hơn pho tượng bán thân của vua Lui Philíp(61) bằng thạch cao ngoài phủ một lớp sơn ở Tòa Thị chính. Tuy vậy trông bộ mặt tôi thấy chẳng ưa chút nào. Trông có vẻ ác lắm, và nó ác thật đấy.

- Ác à? nhưng nó đã ác với bác như thế nào kia?

- Không phải chính ngay với tôi; nhưng ông xem đây này: chúng tôi phải lấy hết sức bình sinh mới dựng đứng pho tượng lên được, và cả cụ Đơ Pêrôhêrát nữa, tuy sức trói gà không chặt, cụ cũng cầm dây kéo, cụ người đạo mạo thế! Chúng tôi vất vả lắm mới dựng pho tượng đứng thẳng lên được. Tôi nhặt một viên ngói để chèn thì ầm một cái thế là pho tượng đổ kênh xuống đất. Tôi nói, cẩn thận chân kia! Nhưng chậm quá mất rồi, vì Gian Côn không kịp rút chân ra.

- Thế anh ấy bị thương à?

- Thương hại cho cái chân anh ấy bị gãy đôi, cứ y như cái cọc chống nho vậy. Rõ tội nghiệp! Thấy thế, tôi điên tiết định lấy cuộc bổ vỡ pho tượng. Nhưng cụ Đơ Pêrôhêrát vội giữ tôi lại. Cụ cho tiền Gian Côn, anh ta bị ngã mười lăm hôm nay, ấy thế mà bây giờ hãy còn nằm liệt giường; và bác sĩ nói cái chân ấy không bao giờ còn đi đứng được như chân bên kia nữa đâu. Thật đáng tiếc, anh ta còn là một tay chạy đua giỏi nhất, và sau cậu con cụ chủ, anh ta là người chơi pôm(62) có nhiều mảnh lối nhất của chúng tôi đấy. Cậu Anphôn-xơ Đơ Pêrôhêrát rất buồn về việc này vì Gian Côn chính là người vẫn đánh đôi với cậu ấy. Xem hai người chuyển bóng cho nhau thật sượng mắt. Pách! Pách! Không lúc nào bóng rơi xuống đất.

Vừa đi vừa chuyện, chúng tôi vào đến Ilor, và chẳng bao lâu tôi đã được tiếp kiến cụ Đơ Pêrôhêrát. Cụ là một ông già người nhỏ nhắn nhưng hãy còn mạnh mẽ nhanh nhẹn, còn đánh phấn, mũi đỏ, có vẻ vui tính và hay bốn cọt. Trước khi mở xem thư của ông Đơ P..., cụ mời tôi ngồi vào một bàn ăn thịnh soạn, và giới thiệu với vợ và con trai rằng tôi là một nhà khảo cổ nổi tiếng sẽ làm cho xứ Ruxiông này thoát khỏi tình trạng bị lãng quên do sự thờ ơ của các nhà bác học.

Tôi ăn bữa cơm rất ngon miệng, vì không có gì làm cho người ta ăn thấy ngon bằng không khí kích thích của miền núi; tôi vừa ăn vừa quan sát gia đình chủ nhân. Tôi đã nói qua về cụ Đơ Pêrôhêrát; tôi cần nói thêm rằng cụ là hiện thân của sự linh lợi hoạt bát. Cụ nói, cụ ăn, cụ đứng dậy, chạy sang phòng đọc sách, mang sách lại cho tôi, chỉ cho tôi xem những bức ảnh họa, rót rượu mời tôi uống; không lúc nào cụ ngồi yên đến hai phút. Cụ bà hơi béo quá, như phần lớn phụ nữ Catalan khi đã ngoài bốn mươi, tôi trông có vẻ đặc là một phụ nữ tỉnh nhỏ, chỉ biết lo lắng công việc nội trợ. Tuy bữa ăn tối ít nhất sáu người mới ăn hết, cụ bà cũng còn chạy xuống

bếp, sai làm thịt bồ câu, rán bánh ngô, mở không biết bao nhiêu lọ mứt. Chỉ một lát trên bàn chật ních những chai cùng đĩa, và nếu tôi chỉ gọi là nếm thử tất cả các món chủ nhân mời, thì cũng đủ bội thực mà chết. Tuy vậy mỗi khi tôi từ chối món nào là chủ nhân lại xin lỗi. Người ta sợ tôi đến tỉnh Ilor này thiếu thốn khổ sở quá. Ở tỉnh nhỏ, mọi phương tiện đều thiếu, mà người Pari thì khó tính lắm.

Trong khi bố mẹ đi đi lại lại thì Anphôn-xơ Đơ Pêrôhêrát cứ ngồi trơ ra như phỗng. Anphôn-xơ là một thanh niên hai mươi sáu tuổi, người cao lớn, đẹp trai, đường nét đều đặn, nhưng thiếu ý nhị. Vóc người và thân hình nở nang của anh khiến anh thật không hổ danh là tay chơi pôm không biết mệt ở xứ này. Tối hôm ấy anh ăn mặc rất lịch sự, đúng hệt bức vẽ trong báo "Môt" số mới nhất. Nhưng anh có vẻ ngượng ngùng trong bộ quần áo mới của mình; cái cổ áo nhưng làm anh cứ thẳng đuồn như khúc gỗ, mỗi khi quay đầu lại phải quay cả toàn thân. Đôi bàn tay to và rám nắng, móng tay ngắn, trái ngược một cách lạ thường với bộ quần áo kia. Trông rõ là đôi bàn tay dân cày thò ra ở đầu ống tay áo của công tử bột. Và lại tuy anh ta ngắm nghía tôi từ đầu tới gót một cách hết sức tò mò..., vì tôi là người Pari, nhưng suốt buổi tối hôm ấy anh chỉ nói với tôi có mỗi một lần: đó là để hỏi xem tôi mua sợi giây đồng hồ ở đâu.

- Úi chà! ông khách thân mến, cụ Đơ Pêrôhêrát nói, khi bữa ăn tối đã gần xong, ông là người thuộc quyền tôi đấy nhé, ông ở nhà tôi mà lại. Tôi sẽ không buông thả ông ra đâu, trừ khi nào ông đã đi xem tất cả những cái hay cái lạ ở vùng rừng núi chúng tôi. Phải để cho ông tìm hiểu rõ xứ Ruxiông chúng tôi, và đánh giá một cách xứng đáng kéo oan cho nó. Chắc ông không ngờ được tất cả những cái chúng tôi sẽ đưa ông đi xem. Những đền đài di tích thời đại người Phê-ni-xiêng Xen-tơ, La mã, A Rập, Bi-dăng-tin, ông sẽ được xem từ vật to đến vật nhỏ, không bỏ qua một cái gì. Tôi sẽ xin dẫn ông đi xem khắp mọi nơi, không để sót một viên gạch nào.

Một cơn ho làm cụ phải ngừng lại. Tôi nhân lúc đó liền nói ngay là tôi rất lấy làm ân hận đến quấy nhiễu cụ đúng vào lúc trong nhà có việc vui mừng. Nếu cụ sẵn lòng chỉ bảo cho những điều quý báu về những nơi tôi nên đi thăm, tôi có thể đi một mình, không dám phiền cụ cùng đi...

- A! ông định nói đến đám cưới của thằng cháu nó nhà tôi phải không? Cụ kêu lên cắt ngang lời tôi. Xả gì chuyện ấy! Chỉ ngày kia là xong. Ông sẽ dự đám cưới, tổ chức đơn giản trong gia đình thôi, vì cô dâu đang có tang một người dì mà cô ta là người thừa kế. Vì thế cho nên không có hội hè, khiêu vũ gì cả... Thật đáng tiếc... nếu không ông sẽ được xem phụ nữ Catalan xứ tôi nhảy. Các cô ấy xinh lắm, và biết đâu ông lại chẳng muốn bắt chước thằng cháu Anphôn-xơ nhà tôi. Người ta thường nói đám cưới này dặt dầy đám khác... Thứ bảy đôi trẻ cưới xong, chúng ta sẽ cùng rong chơi. Tôi xin ông tha lỗi về việc làm phiền ông phải dự một đám cưới tỉnh lẻ. Đối với một người Pari đã chán ngấy hội hè... mà lại thêm một cảm cưới không khiêu vũ nữa! Nhưng ông sẽ được xem mặt cô dâu... một cô dâu... để rồi ông sẽ cho biết ý kiến sau... Nhưng ông là một người đạo mạo, thấy phụ nữ cũng chẳng buồn nhìn nữa. Tôi có cái còn hơn thế nữa để đưa ông xem. Tôi sẽ cho ông xem cái này!... Tôi để dành cho ông một chuyện bất ngờ đáng tự hào vào ngày mai.

- Trời ơi! Tôi nói, thật khó có một cửa báu trong nhà mà công chúng lại không biết. Tôi tưởng có thể đoán ra chuyện bất ngờ cụ định để dành cho tôi rồi. Nếu là chuyện pho tượng kia, thì những lời người dẫn đường cho tôi đã tả chỉ càng kích thích tánh tò mò và làm tôi phải sẵn sàng để chiêm ngưỡng.

- A! thế ra bác ấy đã nói đến pho tượng thần rồi à, ấy họ cứ toàn gọi pho tượng Vệ-nữ Tur... tuyệt đẹp của tôi thế đấy... Nhưng thôi tôi cũng chẳng muốn nói gì thêm nữa... Ngày mai, giữa ban ngày ông sẽ thấy và xin ông sẽ cho biết rằng nó có đúng là một công trình tuyệt tác như tôi nghĩ không. Tuyệt quá! ông đến không thể đúng lúc hơn! Trên tượng có những dòng chữ khắc mà tôi, một con người dốt nát đáng thương, tôi giải thích theo cách của tôi... nhưng còn một nhà bác học ở Pari!... Chắc có lẽ ông phải cười cách giải thích của tôi... vì tôi đã viết một bản thuyết trình... tôi, người đang hầu chuyện ông đây... một người nghiên cứu đồ cổ già ở tỉnh nhỏ... tôi đã đánh bạo... Tôi muốn làm cho báo chí phải rên siết... Nếu ông sẵn sàng đọc giúp và phủ chính cho, tôi có thể hy vọng... Chẳng hạn như tôi rất tò mò muốn biết chữ này khắc ở trên

bê ông sẽ dịch như thế nào! CAVE... Nhưng tôi chưa muốn yêu cầu gì ông ngay bây giờ cả! Xin để đến mai! Để mai! Hôm nay không nói gì đến tượng Vệ-nữ cả.

- Ông nó nói phải đấy, cụ bà Đơ Pêrôhêrát nói, nên gác cái tượng thần của ông lại. Ông phải thấy ông làm cho ông đây không ăn được nữa. Thôi đi, ông đây ở Pari đã được xem khối tượng đẹp hơn của ông nhiều. Ở Cung Tuylôri(63) có hàng tá, và cũng bằng đồng đen.

- Đấy cái dốt nát - cụ Đơ Pêrôhêrát ngắt lời vợ - cái dốt nát thần thánh ở tỉnh lẻ nó như thế đấy ông ạ. Đem so một pho tượng cổ tuyệt đẹp với những pho tượng tẻ nhạt của Cuxtu(64).

Bà vợ tôi là người nội trợ.

Nói tới thần linh

Sao dám buông lời thất kính

Ông có biết bà nó nhà tôi còn muốn tôi đem nấu pho tượng để đúc chuông cho nhà thờ không? Chả là bà nó nhà tôi có gì sẽ thành người bảo trợ mà. Thưa ông, một công trình tuyệt tác của Myrôn!(65).

- Tuyệt tác à! tuyệt tác! Công trình tuyệt tác như thế à! Làm gãy chân người ta!

- Bà nó ơi, này này, cụ Đơ Pêrôhêrát nói, giọng cương quyết, vừa nói vừa giơ chân phải đi bít tất lụa ngũ sắc về phía vợ, nếu Vệ nữ của tôi có làm gãy cái chân này tôi cũng không tiếc.

- Trời ơi! Ông Đơ Pêrôhêrát, làm sao ông lại có thể nói như vậy được nhỉ! May mà anh ta đã đỡ nhiều... Ấy là tôi còn chưa dám nhìn pho tượng đã gây ra tai họa như thế đấy! Tội nghiệp anh Gian Côn!

- Thưa ông, đau khổ vì thần Vệ-nữ, cụ Đơ Pêrôhêrát vừa nói vừa cười khảnh khách, đau khổ vì thần Vệ-nữ mà cái thằng láo lếu dám phản nài:

Veneris nec praemia noris.

Ai mà chẳng đau khổ vì thần Vệ-nữ.

Anphôn-xơ vốn hiểu tiếng Pháp hơn tiếng La-tinh, nháy mắt và nhìn tôi như muốn hỏi: ông là người Pari, ông có hiểu không?

Bữa tối đã xong. Tôi đã thôi ăn được đến một giờ. Tôi mệt quá và không tài nào giấu nổi những cái ngáp liên hồi không kìm lại được. Cụ bà Đơ Pêrôhêrát là người nhận thấy đầu tiên và nêu ra ý kiến là đã đến giờ đi ngủ. Thế là lại bắt đầu một tràng những câu xin lỗi về nơi ăn chốn nằm không được tử tế mà chủ nhân dành cho khách. Tôi sẽ không được như ở Pari đâu. Ở tỉnh lẻ, thiếu thốn đủ thứ! Khách nên rộng lượng đối với người Ruxiông ở đây. Tôi đã phân trần mãi là sau một buổi leo núi chỉ cần một bó rơm cũng đủ là một chỗ ngủ tuyệt vời, chủ nhân vẫn cứ nằn nì xin tôi thứ lỗi cho những người quê mùa không tiếp đãi khách được đúng như ý họ muốn. Cuối cùng tôi lên buồng dành riêng cho tôi, có cụ Đơ Pêrôhêrát đi theo. Cầu thang, những bậc trên bằng gỗ, dẫn tới giữa một hành lang có cửa đi vào nhiều buồng.

- Bên phải - chủ nhân nói - là gian tôi dành cho cô dâu. Buồng của ông ở cuối phía bên kia. Ông cũng thừa hiểu - cụ nói thêm với một vẻ cố làm cho hóm hỉnh - ông cũng thừa hiểu là vợ chồng mới cưới phải để cho họ ở một chỗ biệt tịch. Ông ở đầu bên này, họ ở đầu bên kia.

Chúng tôi vào một căn phòng bày biện tươm tất, vật đầu tiên đập vào mắt tôi là một cái giường dài bảy pi-ê, rộng sáu pi-ê và cao đến nỗi phải dùng cái ghế con để trèo lên.

Chủ nhân chỉ cho tôi chỗ dây chuông rồi đích thân xem lại bình đường có đầy không, các chai nước hoa Côlôn-hơ có để trên bàn rửa mặt đâu vào đấy không, và hỏi lại tôi xem còn thiếu thứ gì không, sau đấy chúc tôi ngủ ngon giấc rồi đi ra để tôi ở lại một mình trong phòng.

Các cửa sổ trong phòng đều đóng kín. Trước khi cởi quần áo, tôi mở một cửa ra để thở hít không khí mát mẻ ban đêm, tuyệt thú sau một bữa ăn tối kéo dài. Trước mặt là núi Canigu, lúc

nào trông cũng đẹp, nhưng tối hôm ấy tôi thấy như là ngọn núi đẹp nhất thế giới, vì lúc ấy sáng trắng vằng vặc. Tôi đứng ngắm những nét thanh kỳ tuyệt diệu của ngọn núi mấy phút, và đang định đóng cửa sổ lại thì chợt nhìn xuống thấy pho tượng đặt trên một cái bệ chỉ cách nhà độ vài chục toa-dơ [\(66\)](#). Pho tượng đặt ở góc một hàng rào bằng cây xanh ngăn một mảnh vườn nhỏ với một miếng đất vuông phẳng lì. Miếng đất này, về sau tôi mới được biết, là sân đánh pôm của thành phố. Miếng đất ấy trước thuộc quyền sở hữu của cụ Đơ Pêrôbôrat, sau vì con trai khẩn khoản mãi cụ mới nhường lại cho thị xã.

Từ chỗ tôi đứng xa quá, khó mà có thể nhận được dáng điệu của pho tượng; tôi chỉ ước lượng được chiều cao độ sáu pi-ê. Lúc đó có hai thằng bé trong thành trông có vẻ nghịch ngợm, đi qua sân đánh pôm, khá gần hàng rào, miệng huýt sáo điệu rất hay của xứ Ruxiông "Núi Rêgalát". Chúng đứng lại nhìn pho tượng; thậm chí một đứa còn lớn tiếng quát. Nó nói tiếng Catalan; nhưng tôi đến ở xứ Ruxiông cũng đã khá lâu nên có thể hiểu đại khái chúng nói gì.

- A ra mày đấy à! con đĩ kia (danh từ trong tiếng Catalan còn mạnh hơn nữa). Mày đấy à! nó nói. Thế ra chính mày đã làm gãy chân anh Gian Côn đấy! Nếu mày là của tao thì tao đánh cho cứ gọi là gãy cổ.

- Ủi chà! đánh bằng gì được? Tượng bằng đồng, rắn lắm, đến bác Echiên định chơi vào cũng còn gãy cả dũa nữa là. Tượng bằng đồng từ thời Tà giáo; rắn không thể tưởng tượng được.

- Nếu tao có cái đục ở đây (hình như nó học nghề thợ khóa) thì tao sẽ nạy đôi mắt to trắng dã kia đi ngay như nạy hạnh nhân ấy. Chỗ bạc ấy bán đi cũng được trăm xu.

Chúng đi ra xa mấy bước.

Đứa lớn bỗng đứng dừng lại nói:

- Để tao phải gửi lời chào tượng thần mới được.

Nó cúi xuống, chắc có lẽ nhặt một hòn đá. Tôi thấy nó vung tay ném một vật gì rồi liền nghe có tiếng đập vào đồng kêu đánh keng. Ngay lúc ấy thằng bé học việc thét lên đưa tay lên xoa đầu kêu đau:

- A! ra nó ném trả tao mày ạ!

Thế rồi hai thằng ranh ba chân bốn cẳng cắm đầu chạy mất. Hiển nhiên là hòn đá đập vào đồng đã bật lại trúng phải thằng bé láo lếu kia đã dám xúc phạm đến vị nữ thần.

Tôi vừa khép cửa sổ lại vừa vui vẻ cười.

- Lại một kẻ phá hoại công trình nghệ thuật bị thần Vệ-nữ trừng phạt! Lay trời cho tất cả những kẻ phá hoại đền đài di tích cổ cũng sẽ bị vỡ đầu như vậy. Sau điều cầu phúc nhân từ đó, tôi nhắm mắt ngủ.

Tôi tỉnh giấc thì trời đã sáng rõ. Đứng cạnh giường tôi một bên là cụ Đơ Pêrôbôrat với chiếc áo mặc trong nhà, một bên là người đầy tớ trai do bà chủ sai đến, tay bưng một chén sô-cô-la.

- Thế nào dậy thôi chứ, ông khách Pari! Ra các ngài ở thủ đô lười thế đấy! chủ nhân nói trong khi tôi vội vã mặc quần áo. Đã tám giờ rồi mà hãy còn ngủ à! Tôi thì đã dậy từ sáu giờ. Tôi đã lên đây ba lần rón rén lại gần cửa buồng; không có bóng một ai, không thấy động tĩnh gì cả. Tuổi ông mà ngủ nhiều quá sẽ không tốt đâu. Lại còn Vệ-nữ của tôi ông chưa được xem! Nào xin mời ông dùng ngay cho tôi một chén sô-cô-la Barxolon [\(67\)](#) kia đi... Hàng lậu chính cống đấy nhé... Sô-cô-la này ở Pari không làm gì có đâu..., ông uống đi để lấy sức, vì một khi đã đứng trước tượng Vệ-nữ của tôi thì ông không dứt ra được nữa đâu.

Chỉ năm phút tôi đã sửa soạn xong, nghĩa là mặt cạo dỏ dang, khuy cài đại khái, bồng miệng vì uống vội chén sô-cô-la còn nóng quá. Tôi xuống vườn và thấy trước mặt một pho tượng tuyệt mỹ.

Quả đúng là một pho tượng thần Vệ-nữ với một vẻ đẹp tuyệt diệu. Pho tượng nửa mình trên

để trần theo cách người thời cổ thường vẽ hoặc tạc những vị thượng đẳng thần; bàn tay phải để ngang vú, lòng bàn tay úp vào trong, ngón tay cái, ngón tay trỏ và ngón tay giữa ruỗi thẳng, còn hai ngón kia hơi cong. Bàn tay kia để gần háng, nâng tấm vải che nửa thân dưới. Tư thế của pho tượng làm cho người ta nhớ đến tư thế của Người chơi tính ngón tay⁽⁶⁸⁾ mà không hiểu tại sao người ta mệnh danh là Giermanicux⁽⁶⁹⁾. Phải chăng người ta muốn tạc tượng nữ thần đang chơi tính ngón tay.

Dù sao cũng không thể nào tìm đâu thấy một cái gì tuyệt mỹ hơn thân hình của tượng Vệ-nữ này; không còn gì kỳ thú và gợi lòng xuân hơn những đường cong nét lượn của thân hình kia, không còn gì thanh lịch và cao quý hơn tấm vải quấn quanh mình. Trước tôi định ninh đây lại là một tác phẩm nào đó thuộc thời Hậu Đế chế⁽⁷⁰⁾; nay tôi được thấy một công trình tuyệt tác của thời cực thịnh trong nghề tạc tượng. Điều đó làm tôi chú ý nhất là tính chân thật tuyệt diệu của hình dáng, đến nỗi người ta có cảm tưởng như đồ khuôn theo mẫu thiên nhiên nếu thiên nhiên sản sinh ra được những người mẫu hoàn mỹ như vậy.

Bộ tóc hất ngược trên trán hình như trước kia mạ vàng. Cái đầu nhỏ như hầu hết tất cả tượng Hy Lạp, hơi ngả về phía trước. Còn bộ mặt, tôi không tài nào diễn tả nổi vẻ kỳ lạ, bộ mặt đó thuộc một kiểu đặc biệt, tôi không nhớ có một pho tượng cổ nào hao hao giống như vậy. Đây không phải là vẻ đẹp trầm lặng và nghiêm nghị các nhà điêu khắc Hy-lạp, theo một quan niệm nhất định, bao giờ cũng cho các nét mặt vẻ bất động uy nghiêm. Ở đây, trái lại, tôi ngạc nhiên nhận thấy dụng ý rõ rệt của nghệ sĩ muốn diễn tả sự hiềm độc lên tới mức tàn ác. Tất cả các nét mặt đều hơi căng thẳng, mắt hơi xếch, mép hơi nhếch lỗ mũi hơi phồng. Sự khinh thị, mỉa mai, độc ác, hiện rõ trên bộ mặt kia, tuy vậy có một vẻ đẹp không thể tưởng tượng được. Thật ra càng ngắm pho tượng tuyệt mỹ kia, người ta lại càng có cảm giác khó chịu, tại sao một vẻ đẹp tuyệt diệu nhường kia lại có thể đi đôi với một sự thiếu tình cảm triệt để như vậy.

- Nếu người mẫu có thật - tôi nói với cụ Đô Pêrôhêrát - và tôi ngờ là trời khó có thể sinh ra một người đàn bà như vậy ở trên đời, thì tôi rất thương hại những kẻ yêu cô ta! Chắc hẳn cô ta thích làm cho họ chết vì tuyệt vọng. Trông vẻ mặt pho tượng có một cái gì rất dữ tợn, tuy vậy tôi chưa từng thấy một bộ mặt nào đẹp hơn.

- Đây là Vệ-nữ đang hết sức giữ chặt lấy môi! Cụ Đô Pêrôhêrát kêu lên, có vẻ đặc ý trước nhiệt tình của tôi.

Vẻ diều cọt quái đản kia hình như còn tăng thêm sự trái ngược giữa đôi mắt long lanh nạm bạc và lớp rỉ đồng xanh đen mà thời gian phủ trên toàn thân pho tượng. Đôi mắt long lanh kia gây ra một ảo ảnh nào đó làm cho người ta tưởng đến thực tế, đến sự sống. Tôi chợt nhớ đến những lời nói của người dẫn đường là pho tượng làm cho ai nhìn cũng phải cúi mặt xuống đất. Điều đó gần như đúng sự thật, và tôi không tài nào nén nổi tức giận với bản thân khi cảm thấy hơi lúng túng trước pho tượng đồng.

- Ông bạn đồng nghiệp về đồ cổ thân mến của tôi ơi - chủ nhân nói - bây giờ ông đã được ngắm nghĩa từng chi tiết nhỏ rồi, vậy xin ông hãy cùng tôi mở một cuộc hội nghị khoa học. Ông nghĩ thế nào về dòng chữ khắc này trên pho tượng mà ông chưa hề để ý?

Cụ chỉ cho tôi xem đế tượng, tôi đọc thấy hàng chữ:

CAVE AMANTEM⁽⁷¹⁾

- Quid dicis doctissime?⁽⁷²⁾ cụ vừa hỏi vừa xoa tay. Nào thử xem ý kiến của chúng ta có gặp nhau về nghĩa của câu Cave amantem này không?

- À, tôi đáp, câu này có hai nghĩa. Ta có thể dịch: "Hãy coi chừng những kẻ yêu nàng. Hãy đề phòng những người tình của nàng". Nhưng nếu hiểu theo nghĩa này về mấy chữ Cave amantem, tôi không biết có phải là chính cống tiếng La-tinh không? Trông vẻ mặt quái ác kia của cô ả, tôi nghĩ rằng có lẽ nghệ sĩ định bảo người xem tượng phải coi chừng sắc đẹp ghê gớm kia thì đúng hơn. Vậy tôi xin dịch là: "Phải coi chừng cô ấy yêu anh".

- Hừ! Cụ Đơ Pêrôhêrát nói, nghĩa ấy cũng hay lắm, nhưng ông thứ lỗi cho, tôi thích cách dịch

trước hơn, và tôi xin phát triển như sau. Chắc ông biết người yêu của Vệ-nữ đấy chứ!

- Người yêu của Vệ-nữ thì có nhiều.

- Vâng, đúng thế! Nhưng người yêu đầu tiên là Vuncanh(73). Phải chăng người ta định nói: "Mặc dầu cô đẹp và có vẻ khinh người, người yêu của cô sẽ chỉ là một anh thợ rèn, một tên thợ chân xấu xí". Một bài học sâu sắc cho những cô ả có tính đồng đánh đay ông ạ.

Tôi không khỏi mỉm cười, vì cách giải thích đó có vẻ gượng ép quá.

- Tiếng La-tinh ghê gớm thật, nó súc tích quá! Tôi nói vậy để tránh phát biểu một ý kiến trái ngược với nhà nghiên cứu đồ cổ của tôi, và tôi lùi lại mấy bước để ngắm pho tượng cho rõ hơn.

- Hãy khoan, ông bạn đồng nghiệp! Cụ Đơ Pêrôhôrát vừa nói vừa lôi cánh tay tôi lại, ông chưa xem hết. Hãy còn một dòng chữ khác nữa. Xin ông trèo lên bệ pho tượng mà xem xem ở cánh tay phải. Cụ vừa nói vừa đỡ cho tôi trèo lên.

Không nề hà, tôi níu phăng lấy cổ pho tượng Vệ-nữ mà tôi đã bắt đầu quen dần. Thậm chí tôi còn nhìn sát ngay tận mặt một lát và nhìn gần lại càng thấy độc ác và đẹp. Tôi nhận thấy trên cánh tay có khắc mấy chữ, hình như thuộc một lối chữ khảo cổ. Cổ gương mục kính, tôi đánh vắn được mấy chữ dưới đây, và mỗi khi tôi đọc được chữ nào cụ Đơ Pêrôhôrát lại nhắc lại, với cử chỉ và giọng nói ra vẻ tán đồng.

VENERI TVRBVL

EVTYCHES MYRON

IMPERIO PECIT

Sau tiếng TVRBVL ở dòng đầu hình như có mấy chữ bị mờ, nhưng TVRBVL rất rõ.

- Câu đó nghĩa là... chủ nhân hỏi, nét mặt hớn hở và mỉm cười một cách hóm hỉnh, vì cụ cho rằng chữ TVRBVL chắc tôi khó mà gỡ cho ra mối.

- Có một tiếng tôi chưa tự giải thích được, tôi nói, còn thì dễ cả. EVTYCHES MYRON dâng pho tượng này lên thần Vệ-nữ theo lệnh của Người.

- Tuyệt lắm! nhưng còn TVRBVL, ông bỏ đi đâu? TVRBVL là gì?

- Tiếng TVRBVL này làm tôi hết sức lúng túng. Tôi đang tìm một tính từ thuộc về thần Vệ-nữ mà mọi người đều biết có thể gợi ý cho tôi, nhưng mãi chưa ra. Nào ta thử xem TVRBVLENTA là một tính từ đối với Vệ-nữ cũng không đến nỗi sai quá, tôi khiêm tốn nói tiếp, vì chính bản thân tôi cũng không hài lòng lắm về cách giải thích này.

- Vệ-nữ nghịch ngợm! Vệ-nữ quấy nhộn! A! Để ông tưởng Vệ-nữ của tôi là một Vệ-nữ ở ngoài quán rượu chắc? Không phải đâu, ông ạ; đó là một Vệ-nữ của giới người lịch sự kia. Nhưng để tôi xin giải thích ông nghe tiếng TVRBVL... này. Ít nhất cũng xin ông hứa với tôi là không đem phổ biến sự phát hiện này trước khi bản thuyết trình của tôi được in ra. Là vì, ông cũng thấy đấy chứ, tôi lấy làm vinh dự về điều tôi mới tìm ra đó... Dù sao thì ông cũng phải để lại vài bông lúa cho bọn người ở tỉnh nhỏ khổ sở như chúng tôi mót mấy chữ. Các ngài bác học ở Pari thì còn thiếu gì!

Lúc đó tôi hãy còn đang đứng ngất ngưởng trên bệ cao của pho tượng; từ trên đó tôi long trọng hứa với cụ Đơ Pêrôhôrát không bao giờ làm cái việc hèn hạ ăn cắp phát hiện này của cụ.

- TVRBVL... ông ạ, cụ vừa nói vừa tiến lại gần tôi và hạ thấp giọng để không cho người khác nghe được, xin ông đọc là TVRBVLNERA.

- Tôi cũng chẳng hiểu rõ thêm được chút nào.

- Xin ông nghe đây. Cách đây một dặm, ở dưới chân núi, có một làng tên là BOULTERNÈRE. Đó là biến dạng của tiếng La-tinh TVRBVLNERA. Nói lái như vậy là chuyện rất thường, Boulternère, ông ạ, xưa kia là một thành phố La-mã. Tôi vẫn ngờ ngợ như vậy, nhưng chưa bao

giờ nắm được bằng chứng. Nay bằng chứng đây. Thần Vệ-nữ kia là thành hoàng thành phố Boulternère, và cái tên Boulternère mà tôi vừa mới chứng minh nguồn gốc cổ xưa, còn chứng tỏ một điều kỳ lạ hơn nữa, đó là việc Boulternère trước khi là một thành phố La-mã, đã từng là một thành phố Phê-ni-xiêng.

Cụ ngừng lại một lát để thở và hưởng cái khoái trá được thấy tôi ngạc nhiên. Tôi buồn cười quá nhưng cố nhịn được.

- Thật vậy, cụ nói tiếp, TVRBVLNERA là tiếng Phê-ni-xiêng chính cống, TVR đọc là TOUR, TOUR và SOUR, cũng là một, phải không ông? SOUR là tên của người Phê-ni-xiêng gọi TYR⁽⁷⁴⁾, tôi tưởng chẳng cần nhắc lại với ông nghĩa của tiếng này. BVL tức là BAAL; DAL, BEL, BUL, đọc chỉ hơi khác nhau một chút, còn NERA thì làm tôi hơi vất vả một chút. Không tìm ra được tiếng Phi-nê-xiêng tương đương, tôi có ý muốn cho rằng tiếng này gốc ở một chữ Hy-Lạp nghĩa là ẩm thấp bùn lầy. Vậy thì đây là một tiếng gốc lai căng. Để chứng minh điều này, tôi sẽ xin đưa ông đi xem những lạch và suối ở Boulternère ở trên núi chảy xuống đọng lại thành những hồ ao hôi thối. Một mặt khác, vĩ từ NERA có thể là mãi sau này mới thêm vào để ghi nhớ công ơn NERA PIVESUVIA, vợ của TETRICUS, có lẽ có lần đã giáng phúc cho thành phố TURBUL. Nhưng vì có những ao tù kia, tôi cho ngữ nguyên nói trên đúng hơn.

Cụ lấy thuốc lá ra hít⁽⁷⁵⁾ với vẻ đắc ý.

- Nhưng thôi ta hãy bỏ chuyện người Phê-ni-xiêng đi, và trở lại dòng chữ trên tượng kia. Vậy tôi xin dịch là: "Myrôn kính dâng thần Vệ-nữ ở Boulternère theo lệnh của Người, pho tượng này, tác phẩm của mình".

Tôi cố tránh không chỉ trích cách giải thích ngữ nguyên đó của cụ, nhưng tôi cũng muốn tỏ ra mình thâm thúy, và nói:

- Thôi thôi cụ ơi! Myrôn có dâng cúng một vật gì thật đấy, nhưng tôi thật không thấy cái đó phải là pho tượng này.

- Sao! cụ kêu lên, Myrôn chẳng phải là một nhà điêu khắc Hy Lạp nổi tiếng đó ư? Tài năng đã truyền lại từ đời này qua đời khác trong dòng họ ấy: đây là một người con cháu trong dòng họ Myrôn đã tạc pho tượng này. Không còn gì chắc chắn hơn.

- Nhưng, tôi đáp, tôi thấy ở trên cánh tay có một lỗ nhỏ. Tôi cho là lỗ đó đã dùng để giữ một vật gì, một chiếc vòng chẳng hạn, và người tên là Myrôn nào đó đã cúng thần Vệ-nữ chiếc vòng này để trả lễ. Myrôn là một người thất tình. Thần Vệ-nữ giận ghét anh ta: anh ta đem cúng một chiếc vòng vàng để thần nguôi giận. Xin cụ chú ý thay chữ thường được dùng là FECIT CONSECRAVIT. Đó là hai chữ đồng nghĩa. Tôi sẽ chỉ cụ xem nhiều trường hợp như vậy, nếu tôi có ở đây quyển Gruter hay quyển Orellius. Một anh chàng si tình nằm mơ thấy thần Vệ-nữ là một chuyện tự nhiên, anh ta tưởng tượng là thần phán bảo anh ta phải mang cúng một chiếc vòng vàng cho tượng của thần. Myrôn cúng một chiếc vòng vàng. Rồi sau bọn man di hay một tên ăn trộm nào đó đã phạm tội bất kính..

- A! người ta thấy rõ ông là người đã viết tiểu thuyết, chủ nhân vừa kêu lên vừa giơ tay đỡ tôi xuống. Không ông ạ, đây là một tác phẩm của một người thuộc trường phái Myrôn. Ông chỉ cần xem pho tượng là ông phải đồng ý như vậy.

Vì đã tự đặt cho mình nguyên tắc là không bao giờ khẳng khẳng nói ngược lại những người nghiên cứu đồ cổ ngoan cố, tôi cúi đầu ra vẻ tin và nói:

- Thật là một công trình tuyệt mỹ.

- Ôi trời ơi! cụ Pêrôhôrát kêu lên, lại một hành động phá hoại công trình nghệ thuật! Hình như đã có người lấy đá ném vào tượng của tôi!

Cụ vừa nhận thấy một vết trắng ở phía trên vú pho tượng Vệ-nữ một chút. Tôi cũng nhận thấy có một vết tương tự trên mấy ngón tay phải mà tôi đoán là đã bị trúng trong khi hòn đá bay tới, hoặc giả khi hòn đá ném trúng tượng, một mảnh vụn đã văng ra và bật vào tay tượng.

Tôi bèn kể lại cho chủ nhân nghe chuyện xúc phạm pho tượng mà tôi đã được chứng kiến và việc kẻ phạm tội đã bị trừng phạt ngay sau đó như thế nào. Cụ Đơ Pêrôhôrát nghe xong cười mãi, và so sánh chú thợ học việc với Đômét(76), cụ cầu cho chú, như nhân vật trong thần thoại Hy-lạp kia, thấy tất cả các bạn của mình hóa thành chim trắng.

Tiếng chuông báo bữa ăn trưa cắt đứt câu chuyện cổ điển giữa hai chúng tôi, và cũng như ngày hôm trước, tôi bị ép phải ăn một mình bằng bốn người. Sau đó có tá điền của cụ Đơ Pêrôhôrát đến, và trong khi cụ tiếp họ, người con trai của cụ dẫn tôi đi xem một cái xe ngựa bốn bánh anh ta mua ở Tuludơ cho cô vợ sắp cưới; lẽ cố nhiên tôi trầm trồ khen ngợi. Sau đó tôi cùng anh ta vào chuồng ngựa, anh ta giữ tôi ở đó mất đến nửa giờ đồng hồ để khoe ngựa của anh, kể cho tôi nghe dòng giống của chúng, chúng đã giết được những giải thưởng gì trong các cuộc đua ngựa trong tỉnh. Cuối cùng anh ta xoay ra nói chuyện với tôi về người vợ sắp cưới của mình nhân câu chuyện con ngựa cái màu xám mà anh định tặng cô dâu.

- Hôm nay ta sẽ thấy cô ấy, anh nói. Tôi không biết ông có cho là xinh không. Người Pari các ông bao giờ cũng khó tính lắm; nhưng mọi người ở đây, cũng như ở Perpignan đều cho là xinh đẹp, có duyên. Có cái tốt là vợ tôi rất giàu. Người dì ở Pradơ để cho cả gia tài. Ô, tôi sắp tha hồ mà sung sướng.

Tôi hết sức chú ý khi thấy một thanh niên tỏ vẻ cảm động về của hồi môn hơn là về đôi mắt đẹp của cô dâu.

- Chắc ông thao về đồ nữ trang, Anphônxor nói tiếp, ông thấy cái này thế nào? Đây là cái nhẫn tôi sẽ tặng vợ tôi ngày mai.

Anh vừa nói vừa rút ở đốt thứ ba ngón tay út ra một chiếc nhẫn lớn nam kim cương hình hai bàn tay lồng vào nhau, gợi một ý nghĩa cực kỳ thơ mộng. Chiếc nhẫn đánh từ thời xưa, nhưng tôi cho là về sau đã được người ta sửa lại để nam kim cương. Mặt trong chiếc nhẫn có dòng chữ Gô-tích SEMPR'.AB IT. nghĩa là mãi mãi bên em.

- Chiếc nhẫn đẹp đấy, tôi nói; song những hạt kim cương nam thêm này làm cho nó hơi mất bản sắc đi.

- Ô! thế này đẹp hơn nhiều chứ, anh mỉm cười đáp. Chỗ kim cương đáng giá tới nghìn hai trăm phờ-răng đấy. Chiếc nhẫn này là của mẹ tôi cho đấy ông ạ. Đây là một chiếc nhẫn gia bảo cổ lắm... từ thời Hiệp-sĩ. Chiếc nhẫn ấy của bà tôi đeo và do cụ bà tử đại của tôi để lại. Có trời biết được chiếc nhẫn đánh từ bao giờ.

- Tục lệ ở Pari, tôi nói, là tặng một chiếc nhẫn đơn giản, thường làm bằng hai thứ kim loại như vàng và bạch kim. Như chiếc nhẫn cậu đeo ở ngón tay kia chẳng hạn, rất thích hợp. Còn chiếc nhẫn này, với những mặt kim cương và hai bàn tay chạm nổi, to quá, không đi găng tay ra ngoài được.

- Ô, rồi nhà tôi sẽ liệu làm thế nào thì làm. Dù sao tôi chắc nhà tôi được chiếc nhẫn cũng sẽ rất mừng. Một nghìn hai trăm phờ-răng đeo ở tay, kể cũng thú. Còn chiếc nhẫn bé kia, Anphônxor vừa nói thêm, vừa nhìn ra vẻ đặc ý chiếc nhẫn trơn đeo ở tay, chiếc nhẫn này là của một cô ả ở Pari cho tôi một ngày thứ ba béo(77) đấy. Ủi chà! hồi tôi ở Pari cách đây hai năm, ăn chơi một dạo thật là phỉ chí. Ăn chơi như ở đây mới là ăn chơi!... Nói rồi anh ta thở dài tỏ ý luyến tiếc.

Hôm đó chúng tôi phải đến ăn cơm tối ở Puygaric tại nhà bố mẹ cô dâu; chúng tôi kêu xe ngựa đến lâu đài cách thành phố lờ chừng một dặm rưỡi. Tôi được giới thiệu và tiếp đón như một người bạn thân của gia đình. Tôi sẽ không kể ra đây bữa tiệc hôm ấy và những câu chuyện trò sau đó mà tôi cũng ít tham gia. Anphônxor ngồi cạnh cô dâu, cứ độ mười lăm phút lại ghé tai thì thầm. Còn cô dâu thì cứ cúi gầm mặt và mỗi khi chú rể nói gì với mình lại đỏ mặt một cách thùy mị, nhưng đáp lại không lúng túng.

Cô Puygaric mười tám tuổi; dáng người mềm mại, mảnh khảnh, trái ngược hẳn với hình dáng xương xẩu của chú rể to lớn vạm vỡ. Cô ta không những đẹp mà còn rất có duyên. Tôi rất

khâm phục cô ta lúc nào đối đáp cũng hết sức tự nhiên; cô ta trông hiền hậu nhưng không phải không có đôi chút tinh nghịch khiến tôi phải liên tưởng đến pho tượng thần Vệ-nữ của chủ nhân. Trong khi thăm so sánh như vậy, tôi tự hỏi: phải nhân là tượng đẹp hơn người, nhưng không biết cái hơn kia có phải một phần lớn do vẻ hổ cái không? vì nghị lực ngay trong những đục vọng xấu xa bao giờ cũng gây ra ở ta sự ngạc nhiên và một thứ thần phục không tự giác.

"Đáng tiếc là, tôi nghĩ thầm khi rời Puygaric, một người đáng yêu như vậy lại giàu có khiến cho một con người không xứng đáng với mình tìm hỏi làm vợ để lấy của hồi môn".

Khi trở lại Ilor, tôi nghĩ rằng theo phép lịch sự thỉnh thoảng cũng phải nói dăm ba câu chuyện với cụ bà Đơ Pêrôhêrát, nhưng tôi không biết nói thế nào.

- Nhân dân ở xứ Ruxiông tạ tinh thần cứng cỏi thật! tôi kêu lên. Thế ra các cụ cho tổ chức lễ cưới vào ngày thứ sáu(78) à! Ở Pari chúng tôi mê tín hơn, không ai dám lấy vợ vào ngày đó.

- Trời ơi! Xin ông đừng nói chuyện ấy làm gì, cụ bà Pêrôhêrát nói, nếu chỉ là tùy ý ở như tôi, thì chắc hẳn tôi đã chọn một ngày khác rồi. Nhưng ông nó nhà tôi lại muốn như thế, nên đành phải chịu. Song tôi rất phiền trong bụng. Nhỡ xảy ra chuyện gì chẳng lành thì sao? Chắc chắn cũng phải có lý do gì chứ, không thì tại sao người ta ai cũng sợ ngày thứ sáu?

- Ngày thứ sáu, cụ ông kêu lên, là ngày của Vệ-nữ!(79) là ngày tốt của việc cưới xin. Ông bạn đồng nghiệp thân mến, ông thấy không, tôi chỉ nghĩ đến pho tượng Vệ-nữ của tôi. Xin thề với ông! Chính vì pho tượng mà tôi đã chọn ngày thứ sáu. Ngày mai nếu ông đồng ý trước khi làm lễ cưới, chúng ta sẽ biêt dâng một lễ nhỏ lên Vệ-nữ; chúng ta sẽ giết hai con bò cừu, và tôi biết chỗ kiếm ra ít hương trầm để đốt nữa. - Phỉ thui! cụ bà hết sức bất bình, cắt ngang lời chồng. Đem hương cúng thần tà giáo à! Thật là một việc ghê gớm kinh tởm! Rồi quanh đây người ta sẽ nói ông thế nào? - Thì ít nhất, cụ Đơ Pêrôhêrát nói, bà cũng cho phép tôi đặt lên trên đầu tượng một vòng hoa hồng, hoa huệ chứ?

MANIBUS DATE LILIA PLENIS(80)

Đấy ông có thấy không, hiến chương chỉ là chuyện hão huyền, chúng ta có quyền tự do thờ phụng đầu.

Mọi công việc của ngày hôm sau đã được xếp đặt như sau: Đúng mười giờ sáng, mọi người đều phải sẵn sàng, quần áo chỉnh tề. Dùng sô-cô-lă xong, sẽ lên xe ngựa đến Puygaric. Lễ cưới sẽ làm ở tòa Hương chính, còn phép cưới làm ở nhà nguyện riêng trong lâu đài. Sau đó đến bữa ăn trưa. Ăn xong, tùy ý có thể làm gì thì làm, cho tới bảy giờ. Đến bảy giờ trở về nhà cụ Đơ Pêrôhêrát ở Ilor, cả hai họ sẽ cùng ăn tối ở đó. Mọi việc khác cố nhiên cứ tiến hành bình thường. Không khiêu vũ được, người ta định kéo dài bữa tiệc càng lâu càng tốt.

Mới tám giờ, tôi đã ngồi trước pho tượng Vệ-nữ, tay cầm bút chì vẽ đi vẽ lại đến hai mươi lượt đầu pho tượng mà vẫn không thể hiện nổi vẻ riêng kia. Cụ Đơ Pêrôhêrát đi đi lại lại quanh tôi, góp ý kiến, nhắc lại những ngữ nguyên của tiếng Phê-ni-xiêng, rồi xếp những bông hồng Bắnggan lên trên bệ pho tượng và cất giọng bi hài kịch, cầu xin pho tượng phù hộ cho đôi lứa sắp sống chung dưới mái nhà mình. Vào khoảng chín giờ, cụ về nhà để lo sửa soạn quần áo và cũng vừa đúng lúc đó Anphôn-xơ hiện ra trong bộ lễ phục mới rất khít người, tay đi găng trắng, giày da láng, khuy chạm, một bông hồng cài ở ve áo.

- Rồi ông vẽ hộ chân dung vợ tôi nhé, Anphôn-xơ vừa nói vừa cúi xuống xem bức vẽ, vợ tôi cũng rất xinh. Vừa lúc đó ở ngoài sân đánh pôm, người ta bắt đầu một trận đấu làm Anphôn-xơ chú ý ngay. Còn tôi thì mệt mỏi, thất vọng vì không thể hiện nổi bộ mặt quái ác kia, một lát sau tôi cũng bỏ không vẽ nữa để xem đánh pôm. Trong số đấu thủ có mấy bác lái la người Tây Ban Nha vừa mới đến đây hôm trước. Họ là những người miền Aragông và Navarơ, hầu hết chơi tuyệt giỏi. Cho nên các đấu thủ ở Ilor, tuy phấn khởi vì Anphôn-xơ có mặt ở đây và luôn luôn mách nước, nhưng cũng mau chóng bị những tay tân vô địch kia hạ. Khán giả người trong xứ đều ngao ngán. Anphôn-xơ nhìn đồng hồ, lúc ấy mới chín rưỡi. Bà mẹ Anphôn-xơ chưa chải đầu. Anh không do dự nữa, cởi phăng cái áo lễ phục ra, bảo đưa cho chiếc áo vét, rồi chạy ra thách bọn người Tây Ban Nha đấu. Tôi mỉm cười nhìn Anphôn-xơ, hơi ngạc nhiên.

- Phải bảo vệ danh dự của xứ sở, anh nói.

Lúc bấy giờ tôi thấy anh thật là đẹp. Anh đang hăng say. Bộ quần áo làm anh rất bận tâm khi này không còn nghĩa lý gì đối với anh nữa. Một phút trước anh còn ngại quay đầu sợ làm xốc xếch ca-vát. Bây giờ thì anh không còn nghĩ gì đến bộ tóc uốn quăn, đến cái lá sen ở áo lót chếp rất khéo. Còn cô vợ sắp cưới? Ôi chà! nếu cần thì tôi chắc anh cho hoãn lễ cưới lại cũng nên. Tôi thấy anh đi vội một đôi dép, xắn tay áo, rồi tiến ra cầm đầu phe bị thua với vẻ quả quyết như Xêda tập hợp binh sĩ ở Duyrachium(81). Tôi nhảy qua hàng rào đứng vào một chỗ thoải mái dưới bóng cây tầm ma để xem hai bên cho rõ.

Trái với sự chờ đợi của mọi người, Anphôn-xơ đánh hụt quả bóng đầu tiên, kể ra thì quả bóng đã bay tới sát mặt đất do một đầu thủ người Aragông có lẽ là thủ quân của đội Tây Ban Nha đánh mạnh một cách lạ lùng. Hắn trạc bốn mươi tuổi, người rắn rỏi, nóng nảy, cao sáu bộ, nước da cũng thẫm gần bằng màu đồng của pho tượng Vệ-nữ.

Anphôn-xơ diên tiết quăng cái vợt xuống đất.

- Chỉ tại cái nhẫn chết tiệt này, anh kêu to lên, siết chặt lấy ngón tay, làm hụt mất một quả bóng ăn chắc.

Anh tháo mãi, mới ra cái nhẫn kim cương. Tôi chạy lại để đón lấy nhưng không kịp, anh đã chạy trước đến chỗ pho tượng Vệ-nữ, đeo cái nhẫn vào ngón tay đeo nhẫn của pho tượng, rồi chạy về lãnh đạo đội người Ilo.

Trông anh tái xanh, nhưng bình tĩnh và kiên quyết. Từ đó, anh không đánh lỗi một quả nào nữa, và đội Tây Ban Nha đại bại. Sự vui sướng phần khởi của khán giả thật là một cảnh đẹp mắt, người thì reo mừng, vừa hò hét vang trời vừa tung mũ lên; người thì bắt tay anh, gọi anh là vinh dự của xứ sở. Giá anh có đẩy lùi được một cuộc xâm lăng, tôi chưa chắc anh đã được người ta chào mừng một cách nhiệt thành như vậy. Vẻ buồn của những kẻ bị thua lại càng làm cho thắng lợi của anh thêm phần rục rở.

- Chúng ta còn đấu nhiều trận khác nữa, anh bạn ạ, Anphôn-xơ nói với gã người Aragông giọng trích thượng, nhưng tôi sẽ chấp anh mấy điểm đấy.

Tôi muốn Anphôn-xơ tỏ ra khiêm tốn hơn và tôi thấy hơi buồn trước sự tủi nhục của đối phương của anh.

Gã khổng lồ người Tây Ban Nha kia thăm thía sâu sắc về sự sỉ nhục ấy. Hắn nghiêng rặng buồn bã nhìn chiếc vợt, rồi ghen ngào khê lăm bầm: ME LO PACÁRAS(82).

Tiếng cụ Đơ Pê-rô-hô-rát gọi bỗng phá đám câu con trai đang lúc chiến thắng rầm rộ: chủ nhân rất lấy làm lạ khi không thấy con có mặt lúc sửa soạn xe ngựa, nay lại càng ngạc nhiên khi thấy con mồ hôi nhễ nhại, tay đang cầm chiếc vợt. Anphôn-xơ chạy về nhà rửa mặt rửa tay, mặc lại cái áo lễ phục mới, đi lại đôi giày láng, và chỉ năm phút sau chúng tôi đã ngồi trên xe ngựa chạy nước kiêu lớn thẳng đường tới Puygaric. Tất cả những người chơi pôm trong thành phố và một số đông khán giả chạy theo hò hét reo mừng. Những con ngựa kéo chúng tôi khỏe thế mà cũng không chạy nhanh hơn những người Catalan gan dạ kia được bao nhiêu.

Chúng tôi đến Puygaric và đám cưới đã sắp sửa kéo tới Tòa thị chính thì Anphôn-xơ bỗng đập tay vào trán nói nhỏ với tôi:

- Thế có chết không! Tôi quên mất cái nhẫn rồi! Nó ở ngón tay tượng Vệ-nữ. Quý đến tha mất thôi! Nhưng xin ông đừng nói với mẹ tôi nhé. Có lẽ mẹ tôi sẽ chẳng biết gì đâu.

- Cậu có thể sai người về lấy, tôi nói.

- Chắc! tên hầu của tôi ở lại Ilo mất rồi. Còn những đứa ở đây, tôi không thể nào tin được. Một nghìn hai trăm phờ-răng kim cương. Cái đó có thể làm cho khối đứa tối mắt. Hơn nữa người ta sẽ nghĩ thế nào về sự đàng trí của tôi? Họ sẽ cười tôi, gọi tôi là chồng của pho tượng... Miễn sao không có kẻ lấy mất! Được cái may là pho tượng làm cho bọn vô lại sợ hãi, chúng không dám đến gần cách một cánh tay đâu. Chắc! Không sao, tôi còn chiếc nhẫn khác đây.

Lễ cưới và phép cưới tiến hành với mọi sự linh đình cần thiết và thế là tiểu thư Đor Puygaric nhận chiếc nhẫn của một cô hàng mũ ở Pari, mà không ngờ rằng tân lang đã hy sinh một vật kỷ niệm yêu đương. Sau đó mọi người ngồi vào bàn ăn uống, rồi lại ca hát nữa, bữa tiệc kéo dài rất lâu. Tôi buồn cho cô dâu về sự vui mừng thô kệch nổi lên âm ỉ xung quanh; tuy vậy cô dâu có thái độ bình tĩnh vững vàng mà tôi không thể ngờ tới; và về thẹn thùng của cô không phải do vụng về hay điệu bộ.

Biết đâu trong hoàn cảnh khó khăn người ta lại không trở nên can đảm.

Tiệc xong nhờ trời lúc ấy mới bốn giờ; bọn đàn ông chúng tôi thì ra tản bộ ngoài vườn, một khu vườn tuyệt đẹp, hay xem các cô gái quê ở Puygaric nhảy múa trên bãi cỏ trong lâu đài, cô nào cô ấy đều ăn mặc quần áo ngày hội. Chúng tôi nhờ vậy qua được vài giờ. Trong khi đó phụ nữ xúm xít xung quanh cô dâu, đang đem cho họ xem làn đồ cưới. Sau đó cô dâu đi thay quần áo và tôi nhận thấy cô ta đội mũ vải và mũ lông chim lên bộ tóc đẹp vì phụ nữ bao giờ cũng chỉ lăm lăm đợi có cơ hội là dùng ngay những đồ trang sức mà tục lệ cấm không cho dùng khi hãy còn con gái.

Khi sắp sửa lên đường trở về Ilor thì đã gần tám giờ. Nhưng trước khi ra đi đã diễn ra một cảnh hết sức cảm động. Người dì cô Puygaric, đối với cô cũng như mẹ, một bà cụ rất già, rất mộ đạo, sẽ không cùng chúng tôi đi lên tỉnh. Lúc khởi hành cụ giảng cho cháu gái một bài nữ huấn rất cảm động về đạo làm vợ, bài nữ huấn đã đưa đến chỗ hai dì cháu nước mắt rùng rùng ôm hôn nhau mãi không thôi. Cụ Đor Pêrôhôt so sánh cuộc ly biệt đó với chuyện bắt cóc Xabin⁽⁸³⁾. Cuối cùng chúng tôi cũng lên đường; dọc đường mọi người tìm cách giải khuây cho cô dâu và định làm cho cô cười nhưng vô hiệu.

Tới Ilor, tiệc tối đã sẵn sàng đợi chúng tôi và tiệc thật ra tiệc; nếu cái vui âm ỉ thiếu tế nhị lúc buổi sáng làm tôi thấy chướng thì bây giờ tôi càng thấy chướng hơn khi nghe những lời bông đùa bóng gió để trêu chú rể và nhất là cô dâu. Trước khi ngồi vào bàn tiệc, chú rể có chạy đi đâu chốc lát, bây giờ thấy tái xanh, vẻ mặt nghiêm trang lạnh như tiền. Chốc chốc anh lại uống rượu Cô-li-ua để lâu, một thứ rượu nho nặng ngang rượu mạnh. Tôi ngồi bên cạnh anh và thấy mình có trách nhiệm phải nhắc anh:

- Cậu coi chừng đấy! người ta nói rượu...

Tôi không biết mình đã nói những lời bậy bạ ngu xuẩn gì để hòa nhịp với khách trong bàn tiệc. Anphôn-xơ hích đầu gối tôi, nói rất khẽ:

- Khi nào ăn xong đứng dậy... ông cho tôi được nói vài lời.

Giọng trang nghiêm của anh làm tôi ngạc nhiên. Tôi nhìn anh kỹ hơn và nhận thấy mặt anh mất sắc hẳn đi.

- Cậu thấy trong người khó chịu à? tôi hỏi.

- Không. Nói xong anh lại uống.

Trong khi đó, giữa tiếng reo hò và vỗ tay một đứa bé mười một tuổi chui ở dưới bàn ra, giơ cho khách xem một mẫu ruy-băng rất đẹp, nửa trắng nửa hồng, vừa dứt được ở cổ chân cô dâu. Người ta gọi cái đó là nịt chân của cô dâu.

Nó liền được cắt làm nhiều mảnh nhỏ và phân phát cho các thanh niên đeo vào ve áo, theo một tục lệ cổ truyền hãy còn tồn tại ở một vài gia đình theo chế độ gia trưởng. Đây cũng là một dịp làm cho cô dâu thẹn chín cả người... Nhưng cơn bối rối thẹn thùng của cô dâu lên tới tột độ khi cụ Đor Pêrôhôt yêu cầu quan khách yên lặng rồi cất tiếng ngâm tặng cô dâu mấy câu thơ Catalan, theo lời cụ, mới ứng khẩu làm ra. Mấy câu thơ, nếu tôi hiểu đúng nghĩa như sau:

"Cái gì thế này, các bạn! Rượu uống vào làm lão nhìn một hóa hai chẳng, ở đây có hai Vệ-nữ..."

Chú rể quay ngoắt đầu lại, vẻ mặt hãi hùng, làm mọi người cười ồ.

"Vâng, cụ Đơ Pêrôhôngrat ngâm tiếp, có hai Vệ-nữ dưới mái nhà lão, một Vệ-nữ lão bắt được ở dưới đất, như một cây nấm tuyệt ngon, còn Vệ-nữ kia, từ trên trời sa xuống, vừa chia cho chúng tá thất lưng nàng".

Cụ muốn nói cái nịt chân.

"Con ơi, trong hai Vệ-nữ, Vệ-nữ La-mã và Vệ-nữ Catalan, tùy con chọn một. Thằng cháu cả chọn Vệ-nữ Catalan, vì đó là phần tốt nhất. Vệ-nữ La-mã đen, Vệ-nữ Catalan trắng. Vệ-nữ La-mã lạnh như tiền, Vệ-nữ Catalan thì ai lại gần đều thấy trong lòng bùng cháy".

Bài thơ hạ ở câu đó làm cho mọi người vỗ tay hoan hô ầm ĩ, tiếng cười như pháo ran, tôi tưởng trần nhà sắp sụp. Chung quanh bàn tiệc chỉ có ba bộ mặt nghiêm trang, là cô dâu, chú rể và tôi. Tôi nhức đầu quá mà cũng không hiểu tại sao bao giờ đám cưới cũng làm cho tôi buồn. Đám cưới này, hơn thế nữa, còn làm cho tôi thấy hơi ớn.

Người hát sau cùng là viên phó xã trưởng; bài hát của ông ta, tôi phải nhận là rất nhẹ nhàng, khoái hoạt. Hát xong mọi người sang cả phòng khách để xem cô dâu cáo từ, người ta sắp đưa cô dâu về phòng riêng vì lúc bấy giờ đã gần nửa đêm.

Anphôn-xơ kéo tôi lại bên thành cửa sổ, vừa nói vừa đưa mắt nhìn đi chỗ khác:

- Chắc ông phải cười tôi... nhưng không biết là tôi làm sao ấy... tôi như bị ai chài? không biết ma bắt tôi hay sao ấy!

Thoạt đầu tôi cho rằng anh ta tưởng mình đang bị một tai họa gì đe dọa thuộc loại như Môngtenhơ [\(84\)](#) và bà Đơ Xêvinhê [\(85\)](#) đã đến nói:

"Tất cả thế giới yêu thương đầy rẫy những chuyện bi thảm".

Tôi nghĩ thầm: "Mình cứ tưởng những sự cố đó chỉ xảy đến với những người tài trí".

- Tại cậu uống nhiều rượu cô-li-na quá đấy thôi, cậu Anphôn-xơ ạ, tôi nói. Tôi đã bảo mà.

- Vâng có lẽ như thế đấy. Nhưng đây là một cái gì ghê gớm hơn nhiều kia.

Giọng anh nói nhát gừng. Tôi cho là anh say rượu thật rồi.

- Ông biết cái nhấn của tôi đấy chứ? Anh yên lặng một lát rồi nói tiếp.

- Thế nào! người ta lấy mất rồi à?

- Không.

- Nếu vậy thì cậu đã lấy lại được rồi chứ gì?

- Không... tôi... tôi không thể rút nó ra khỏi ngón tay tượng Vệ-nữ quý quái kia được.

- Thật à? Chắc cậu không rút mạnh đấy thôi.

- Có chứ... Nhưng mà tượng Vệ-nữ... đã quặp chặt ngón tay lại...

Anh trừng trừng nhìn tôi như người mất hồn, phải vịn vào song cửa cho khỏi ngã.

- Hảo huyền! tôi nói... Tại cậu đã ấn cái nhấn mạnh quá chứ gì. Ngày mai mang kim ra cặp là lấy được. Nhưng cẩn thận đấy nhé, khéo không lại hỏng tượng.

- Không, tôi đã nói với ông là ngón tay tượng Vệ-nữ đã co lại, đã gập lại rồi kia mà, Nó nắm chặt bàn tay lại, ông nghe chưa?... Hình như nó là vợ tôi rồi, vì tôi đã cho nó cái nhấn của tôi, nó không chịu trả lại nữa.

Bỗng nhiên tôi rùng mình và người tôi sớn gai ốc mất một lúc. Rồi Anphôn-xơ thở dài rất to, phả hơi rượu vào mặt tôi, làm cho mọi xúc động ở tôi tiêu tan hết.

- Gã khốn kiếp này, tôi nghĩ thầm, say bí tỉ rồi còn gò.

- Ông là một nhà nghiên cứu đồ cổ, chú rể nói tiếp, giọng nghe rất thảm hại; ông biết rõ

những thứ tượng đó... biết đâu ở trong không có lò xo, một cái trò quỷ quái gì đó mà tôi không được rõ... Hay ông thử ra xem...?

- Xin sẵn lòng, tôi nói, nào cậu cùng đi với tôi.

- Không, tôi muốn ông ra đó một mình thôi. Tôi rời phòng khách đi ra.

Trong lúc ăn tiệc, thời tiết đã thay đổi, và trời đã bắt đầu mưa nặng hạt. Tôi định hỏi mượn ô nhưng tôi chợt nghĩ lại thôi. Tôi nghĩ thầm, mình sẽ là một anh đại ngốc nếu đi kiểm tra lời nói của một anh chàng say. Và lại biết đâu hẳn lại không định bày một trò đùa hiểm ác với mình để làm trò cười cho mấy ông bà thật thà ở tỉnh nhỏ kia và trong việc này ít nhất mình cũng sẽ bị một mẻ ướm như chuột lột, mua lấy một cơn cảm lạnh ra trò vào mình.

Nghĩ như vậy, tôi đưa mắt nhìn về phía pho tượng đang ướt rùng rùng rồi tôi đi về phòng mình, không trở lại phòng khách nữa. Tôi lên giường nằm nhưng mãi không ngủ được. Tất cả những cảnh xảy ra hôm đó lại hiện ra trong trí. Tôi nghĩ đến người thiếu nữ xinh tươi trong trắng kia bị phó thác vào tay một tên thất phu rượu chè be bét. Tôi nghĩ thầm, lấy nhau chỉ vì môn đăng hộ đối là một chuyện hết sức khả ố! Một viên xã trưởng quàng cái băng tam tài chéo ngang ngực, một ông cha xứ khoác cái khăn choàng lễ, thế là một người con gái lương thiện nhất trên đời bị đẩy vào lòng một tên quỷ sứ! Hai con người không yêu nhau, thì thử hỏi có thể nói gì với nhau vào lúc như thế này, lúc mà đôi lứa yêu thương nhau có thể vì nó mà hy sinh cả cuộc đời. Có bao giờ một người đàn bà có thể yêu được một người đàn ông mà mình đã có lần thấy tỏ ra thô lỗ? Những ấn tượng đầu tiên không bao giờ phai, và tôi tin chắc rằng cái anh chàng Anphôn-xơ kia rồi ra có bị cảm ghét cũng là đáng kiếp...

Trong khi tôi nói thầm một mình như vậy, - tôi kể ra đây cũng đã tóm tắt nhiều - tôi thấy trong nhà đi lại nhộn nhịp, tiếng cửa mở, cửa đóng, tiếng xe ngựa chuyển bánh, rồi hình như có tiếng nhiều phụ nữ đi rón rén ở cầu thang sau đó đi về phía đầu làng kia hành lang đối diện với phòng tôi. Có lẽ đây là đám người đưa cô dâu lên giường. Sau đó người ta xuống cầu thang. Cửa phòng Mợ Đơ Pêrôhôt đóng lại. Tôi nghiến cho cô ta, tôi nghĩ thầm, chắc cô ta bối rối then thùng lắm đấy! Tôi cúi kính trở mình trên giường, người đàn ông chưa vợ thường đóng một vai trò lỗ bịch trong một nhà có đám cưới.

Cảnh đã trở nên yên lặng được một lúc lâu thì chợt có những tiếng chân bước nặng nề lên cầu thang. Bậc thang gỗ kêu cọt két.

- Con người đến lỗ măng! Tôi kêu lên. Thế nào hẳn cũng ngã lăn ở cầu thang cho mà xem.

Cảnh lại trở lại yên tĩnh. Tôi vớ một quyển sách để bắt đầu óc nghĩ sang chuyện khác. Đây là một quyển thống kê của tỉnh trong có bài thuyết trình của cụ Đơ Pêrôhôt về những đền đài di tích của người Dryđơ (86) ở trong quận Prăđơ. Đọc đến trang thứ ba thì tôi thiêu thiêu ngủ.

Tôi ngủ không yên giấc, mấy lần sực tỉnh dậy. Có lẽ lúc bấy giờ đã đến năm giờ sáng; tôi tỉnh dậy được quá hai mươi phút thì gà gáy. Trời đã sắp sáng. Lúc ấy tôi nghe thấy rất rõ ràng cũng vẫn những bước chân nặng nề, và tiếng cầu thang kêu cọt két như tôi đã nghe thấy trước khi chợp mắt ngủ. Cái đó có vẻ quái lạ. Tôi vừa ngáp vừa cố thử đoán xem tại sao Anphôn-xơ lại dậy sớm như vậy. Tôi không tìm ra được lý do nào có vẻ có lý. Tôi đang định nhắm mắt ngủ lại thì nghe thấy những tiếng dặm chân kỳ dị làm cho tôi phải chú ý, một lát sau xen lẫn những tiếng giật chuông, tiếng mở cửa rầm rầm, tiếp đó tôi nhận thấy có những tiếng kêu hỗn loạn không rõ.

Hay là anh chàng say rượu đã gây ra hỏa hoạn ở đâu rồi! tôi nghĩ thế rồi từ trên giường vội nhảy xuống đất.

Tôi vội vã mặc quần áo rồi đi ra ngoài hành lang. Ở phía đầu làng kia tiếng kêu khóc vang vọng lại, và át tất cả những tiếng khác là tiếng kêu như xé của bà Đơ Pêrôhôt: "Con ơi! Con ơi!" chắc chắn là đã có chuyện gì chẳng lành xảy ra cho Anphôn-xơ rồi. Tôi chạy lại phòng cô dâu; trong phòng chật ních những người. Cảnh tượng đầu tiên đập vào mắt tôi là người thanh niên kia, hờ nửa người, nằm vắt ngang trên giường, mà gối ở giường thì bị gãy, người xanh xám

không cựa quậy. Bà mẹ gào khóc bên cạnh. Cụ Đơ Pêrôhôt rớt rít, lấy nước hoa xát hai bên thái dương cho con, lấy thuốc muối cho người. Nhưng thương ôi! con cụ đã chết từ lâu. Cô dâu ngồi trên chiếc tràng kỷ ở đầu buồng đang kia, quần quai giầy giữa một cách kinh khủng. Cô ú ớ kêu không ra tiếng, hai người hầu gái lực lưỡng cố hết sức mới giữ nổi.

- Trời ơi! làm sao thế? tôi kêu lên.

Tôi lại gần giường, vực người thanh niên tội nghiệp kia lên; xác đã cứng đờ và lạnh ngắt! Răng nghiến chặt, mắt xám đen tỏ ra anh đã trải qua những sợ hãi ghê gớm. Chắc là anh đã chết một cách bất đắc kỳ tử và cơn hấp hối rất khủng khiếp. Tuy vậy trên quần áo không có một vết máu. Tôi vạch áo sơ-mi ra thấy trên ngực có một vết lằn xanh kéo dài sang hai bên xương sườn và vòng ra sau lưng, tưởng chừng như anh ta bị một vòng sắt thít chặt ngang người. Chân tôi dẫm phải một vật gì cứng trên thảm; tôi cúi xuống xem thì ra là chiếc nhẫn kim cương.

Tôi kéo hai vợ chồng cụ Đơ Pêrôhôt về phòng; rồi tôi bảo vực cô dâu sang phòng đó.

- Hai cụ hãy còn một người con gái, tôi nói, hai cụ có bốn phận phải chăm sóc. Nói thế rồi tôi đi ra.

Có lẽ không còn nghi ngờ gì nữa đây là một vụ ám sát và hung thủ đã tìm cách lọt vào được phòng cô dâu lúc ban đêm.

Tuy vậy vết bầm tím ở ngực hình vòng đai làm tôi hết sức lúng túng khó giải thích; vì một chiếc gậy hay một thanh sắt không thể nào làm thành vết bầm tím như thế được. Bỗng nhiên tôi nhớ ra là nghe nói ở Valăngxơ có những kẻ liều mạng dùng túi da dài đựng cát nhỏ để hạ thủ những người mà họ được người ta thuê giết. Tôi liền nhớ ngay đến gã lái la người xứ Aragông và lời răn đe; tuy vậy tôi cũng không dám nghĩ rằng hắn đã trả thù một cách ghê gớm như vậy vì một câu nói đùa không đâu.

Tôi quay vào nhà, tìm khắp mọi nơi dấu vết bẻ rào đào ngạch của kẻ gian nhưng không thấy gì. Tôi xuống vườn để xem hung thủ có thể vào bằng lối ấy không; nhưng không thấy có bằng chứng vết tích gì chắc chắn cả. Trận mưa đêm hôm trước đã làm mặt đất ướt sũng, có dấu vết gì thì cũng không rõ nữa. Tuy vậy, tôi cũng nhận thấy có mấy vết chân in sâu xuống đất; những vết chân này đi về hai phía ngược nhau, nhưng cùng trên một đường, xuất phát từ góc hàng rào giáp với sân đánh pôm và đi tới cổng nhà. Có thể đây là vết chân của Anphôn-xơ khi chạy đi tìm chiếc nhẫn ở ngón tay pho tượng. Một mặt khác, hàng rào ở chỗ này thưa hơn chỗ khác; chắc hung thủ phải vào qua lối này. Đi đi lại lại trước pho tượng, tôi đứng dừng lại một lát để ngắm. Lần này, thú thật, tôi không khỏi nhìn pho tượng mà không thấy rợn người trước vẻ mỉa mai giễu cợt hiểm độc kia; trong đầu óc tôi toàn là những cảnh tượng rùng rợn tôi vừa mới được chứng kiến, tôi cảm thấy như đứng trước một vị hung thần đang khoái trí thấy tai họa giáng xuống gia đình này.

Tôi quay về phòng và ở lì trong đó cho mãi đến trưa, bấy giờ mới đi ra ngoài hỏi thăm tin tức về chủ nhân. Hai cụ đã bình tĩnh lại được đôi chút. Còn cô Đơ Puygaric nói cho đúng hơn tôi phải gọi là người vợ góa của Anphôn-xơ - cũng đã tỉnh lại. Cô còn nói được cả với viên biện lý ở Perpignan nhân đi kinh lý qua Ilor nên hỏi cung cô. Ông ta cũng hỏi cung cả tôi. Tôi biết gì khai hết, và cũng không giấu những điều tôi tình nghi về gã lái la người xứ Aragông. Viên biện lý bèn ra lệnh bắt ngay.

- Vợ cậu Anphôn-xơ có cho ngài biết rõ được gì không? tôi hỏi viên biện lý sau khi tôi đã viết và ký xong tờ khai của tôi?

- Người thiếu phụ tội nghiệp ấy đã điên mất rồi. Ông ta mỉm cười buồn rầu nói với tôi. Hóa điên mất rồi! Điên hẳn rồi! Đây cô ta khai với tôi như thế này:

- Cô ấy đi nằm, theo lời cô ta nói, đã được mấy phút, màn cửa kéo kín, thì cửa phòng bỗng mở và có người đi vào. Lúc ấy cô ta đang ở cái ngách ở giữa giường và tường, mặt quay vào tường. Cô ta không nhúc nhích tin chắc rằng người đi vào là chồng mình. Được một lát, cái

giường kêu cọt két như dưới một vật gì rất nặng. Cô ta sợ quá nhưng không dám quay đầu lại. Năm phút, có lẽ mười phút..., cô ta không còn nhận rõ được bao nhiêu lâu, trôi qua như vậy. Rồi cô ta vô tình cử động, hoặc người ở trên giường cử động, nên cô ta thấy có vật gì đụng vào người lạnh như nước đá, đó chính là nguyên văn lời cô ta nói. Cô ta bèn lùi sâu vào ngách, chân tay run cầm cập. Một lát sau, cửa phòng bỗng lại mở một lần nữa và có người vừa đi vào vừa nói: "Kìa em". Một chốc có tiếng kéo màn cửa. Cô ta nghe thấy một tiếng kêu như bị nghẹn trong cổ họng. Người đang nằm trên giường, bên cạnh cô, ngồi nhổm dậy và hình như giang hai tay về phía trước. Cô ta quay đầu lại... Và cô ta trông thấy, theo lời cô ta nói, chồng cô quỳ bên cạnh giường, đầu ngang mặt gối, đang bị một thứ người khổng lồ màu xanh đen, ghì chặt trong lòng. Cô ta nói, và nhắc đi nhắc lại đến hai mươi lần, tội nghiệp cô ta!... cô ta nói là nhận ra... ông có đoán ra ai không? ra tượng Vệ-nữ bằng đồng, pho tượng của cụ Đơ Pêrôhêrát... Từ khi có pho tượng này ở đây, mọi người ai cũng nằm mơ thấy. Thôi để tôi xin kể nốt chuyện của con người điên rồ tội nghiệp ấy. Trông thấy thế, cô ta ngất đi, hay chắc trước đó một lúc cô ta đã mất trí rồi. Cô ta không nói được rõ đã ngất đi bao nhiêu lâu. Khi tỉnh lại, cô ta vẫn trông thấy cái bóng ma, hay pho tượng, theo lời cô ta gọi, pho tượng không cử động, chân và nửa người dưới ở trên giường, nửa mình trên và hai cánh tay vươn ra phía trước, và người chồng của cô không cử động bị ôm trong hai cánh tay của pho tượng. Có tiếng gà gáy. Pho tượng liền bước xuống giường, buông cái xác chết ngã lăn xuống rồi đi ra. Cô ta bèn níu lấy cái giấy giặt chuông, và về sau như thế nào ông đã rõ.

Người ta dẫn gã Tây Ban Nha đến, hấn rất bình tĩnh và tự bào chữa một cách rất thản nhiên và nhanh trí. Vả lại hấn cũng không chối đã nói những lời tôi đã nghe thấy; nhưng hấn giải thích là hấn muốn nói rằng ngày hôm sau khi đã nghỉ ngơi lấy lại sức hấn sẽ thắng cuộc đấu pôm với kẻ đã thắng mình. Tôi nhớ là hấn còn nói thêm:

- Một người Aragông, một khi bị nhục, không đợi đến mãi ngày hôm sau mới trả thù. Nếu tôi cho là ông Anphôn-xơ có ý định lăng nhục tôi, thì lập tức tôi đã cho một nhát dao vào bụng.

Người ta đem so giày của hấn với vết chân trong vườn; giày của hấn to hơn nhiều.

Cuối cùng người chủ quán nơi hấn trọ cam đoan rằng suốt đêm hôm ấy hấn hì hục chà xát và cho thuốc một con la bị ốm.

Vả lại gã người Aragông đó không phải là người thành tích bất hảo, cả vùng này ai cũng quen biết hấn, và năm nào hấn cũng tới đây buôn bán. Người ta đành phải xin lỗi và tha hấn ra.

Tôi quên chưa nói đến lời khai của một người đầy tớ trai là kẻ đã gặp Anphôn-xơ lần cuối cùng khi còn sống. Đó là lúc Anphôn-xơ sắp lên buồng vợ và gọi anh ta hỏi, có vẻ lo lắng, xem có biết tôi ở đâu không. Người đầy tớ đáp không trông thấy tôi đâu cả. Anphôn-xơ thở dài, thừ ra một lúc, sau mới nói:

"Thôi! lại ma bắt nốt ông ấy mất rồi!".

Tôi hỏi anh ta khi Anphôn-xơ nói chuyện với anh ta thì có đeo chiếc nhẫn kim cương kia không. Người đầy tớ ngập ngừng một lát sau mới trả lời; anh ta nói hình như không thì phải, và lại anh ta cũng không để ý nữa.

- Nếu ông Anphôn-xơ đeo chiếc nhẫn ấy ở tay, anh ta nghĩ thế nào lại nói thêm, chắc hấn tôi đã để ý nhận thấy, vì tôi tưởng ông ấy đã cho bà Anphôn-xơ rồi.

Khi hỏi người đầy tớ này, tôi hơi cảm thấy cái rờn rợn mê tín do lời khai của vợ cậu Anphôn-xơ đã gây cho tất cả mọi người trong nhà. Viên biện lý nhìn tôi mỉm cười, tôi đành thôi không hỏi thêm nữa.

Mấy giờ sau khi làm lễ chôn cất Anphôn-xơ, tôi sửa soạn rời thành Ilo lên đường. Cụ Đơ Pêrôhêrát sẽ cho đánh xe đưa tôi về Perpignan. Tuy còn rất yếu, ông già tội nghiệp kia cũng đòi tiễn tôi ra tới tận cổng vườn. Chúng tôi yên lặng đi qua vườn, cụ vịn vào tay tôi, bước lê đi không được. Lúc chia tay, tôi đưa mắt nhìn lần cuối cùng pho tượng Vệ-nữ. Tôi biết trước rằng chủ nhân tuy không sợ hãi và thù ghét pho tượng như một số người trong gia đình cụ nhưng

thế nào cũng sẽ tống khứ một vật không lúc nào không nhắc mình nhớ đến tai họa khủng khiếp. Tôi có ý định khuyên cụ đem pho tượng vào một viện bảo tàng. Tôi còn đang ngập ngừng chưa biết bắt đầu đi vào câu chuyện như thế nào thì cụ Đơ Pêrôhôtát bất giác quay đầu về phía tôi đang chăm chăm nhìn. Cụ trông thấy pho tượng liền ứa nước mắt khóc. Tôi ôm hôn cụ, rồi lẳng lặng không dám nói nửa lời bước lên xe đi.

Từ khi đi rồi tôi cũng không nghe nói có chút ánh sáng gì mới rọi vào vụ thảm họa huyền bí này.

Con chết được mấy tháng, cụ Đơ Pêrôhôtát cũng qua đời. Trong di chúc cụ để lại cho tôi thừa hưởng những bản thảo của cụ, những di cảo này một ngày kia có lẽ tôi sẽ cho xuất bản. Trong những bản thảo đó, tôi không thấy có bản thuyết trình về những dòng chữ khắc trên pho tượng Vệ-nữ.

Bạn tôi là ông Đơ P... mới từ Perpilhăng viết thư cho tôi nói pho tượng kia nay không còn nữa. Sau khi chồng qua đời, việc cụ bà Đơ Pêrôhôtát lo lắng đầu tiên là cho đem pho tượng đúc chuông và nay pho tượng được dùng ở Nhà thờ dưới hình thức mới đó. Nhưng ông Đơ P... cho biết thêm, hình như cái bất hạnh vẫn cứ dai dẳng theo đuổi những ai có chỗ đồng ấy. Từ khi cái chuông ấy vang lên ở Ilo thì nho bị băng giá làm hỏng mất hai vụ rồi.

Chương 4. ARXEN GUYÔ

Người anh dũng thật, nhưng Parixơ và Fêbuxơ -

Apôlông sẽ làm cho người phải chết ở cửa Xê (1)

liát, Chương XXII, câu 359 - 360

I

Lễ Mi-sa cuối cùng ở nhà thờ Thánh Rô-sơ vừa xong, bác coi nhà thờ đi soát quanh để đóng cửa các nhà nguyện vắng vẻ. Bác sắp kéo tấm cửa sắt của một gian điện quý phái - ở đây một số bà sùng đạo bỏ tiền ra để mua cái quyền cầu nguyện Chúa một mình, không chung với các giáo dân khác - bỗng bác nhận thấy một người đàn bà còn ở lại trong đó, đầu gục xuống lưng ghế, hình như đang để hết tâm trí vào sự suy nghĩ. "Đây là bà Đơ Piên", bác vừa tự nhủ thầm vừa dừng lại ở cửa vào nhà nguyện. Bà Đơ Piên là một người rất quen thuộc đối với bác. Vào thời đó, một người đàn bà thuộc giới thượng lưu, trẻ, giàu, đẹp, cúng bánh thánh vào nhà thờ, tặng những khăn trải bàn thờ, cho nhiều của bố thí qua tay cha xứ, mà sùng đạo thì đáng được vị nể, khi chồng người ấy không phải là viên chức của chính phủ, khi bản thân không phải là người nhà của Bà Quận Chúa(2) và trong việc lui tới nhà thờ không được lợi lộc gì khác ngoài sự cứu rỗi linh hồn mình. Bà Đơ Piên là người như thế đấy.

Bác coi nhà thờ muốn đi ăn bữa trưa lắm, vì những người vào loại bác thường ăn vào lúc một giờ, nhưng bác không dám quấy rối sự trầm tư thành kính của một người được giáo phận thánh Rô-sơ hết sức trọng vọng. Cho nên bác lảng xa, nện vang đôi giày đã mòn đế trên sàn đá, hy vọng sau khi đi vòng quanh nhà thờ, bác sẽ thấy nhà nguyện chẳng còn ai nữa.

Bác đã đi tới phía bên kia ca trường bỗng một thiếu phụ bước vào nhà thờ, vừa đi loang quanh trong một gian bên của nhà thờ, vừa tò mò nhìn quanh. Những hậu bộ tất cả những cái đó đối với nàng cũng có vẻ lạ lùng như khi quý bà(3) nhìn thấy cái khám thờ(4) hoặc các bi-ký trong một ngôi đền Hồi giáo ở Lơ-Ke. Nàng trông độ hai mươi năm tuổi, nhưng phải ngắm nàng rất kỹ mới khỏi tưởng là nhiều tuổi hơn. Mặc dầu rất sáng, đôi mắt đen của nàng sâu hoắm và có quầng xanh xanh. Nước da trắng bệch và đôi môi tái nhợt biểu lộ sự đau khổ, tuy vậy trong khóe mắt có một vẻ gì vừa táo bạo, vừa tươi tỉnh tương phản với cái bề ngoài ồm ỹếu ấy. Trong phục sức của nàng, quý bà có thể nhận thấy một sự pha trộn kỳ dị giữa cầu thả và cầu kỳ. Chiếc mũ màu hồng, điểm những đóa hoa giả có lẽ thích hợp hơn với một chiếc áo dài trang nhã mặc vào buổi chiều. Một tấm khăn choàng dài bằng lụa Ca-sơ-mia, mà con mắt thông thạo của một phụ nữ thượng lưu có thể đoán ra rằng nàng không phải là người chủ đầu tiên, che phủ một chiếc áo dài bằng vải Ấn Độ giá hai mươi xu một ô-nơ (5) và hơi nhàu. Cuối cùng, có lẽ chỉ có đàn ông mới ca ngợi bàn chân của nàng, vì nó đi trong đôi bít tất tầm thường và đôi giày bằng len mỏng hình như đã bị vệ hê làm cho tang thương từ lâu lắm. Thưa bà, chắc bà nhớ rằng hồi đó người ta chưa phát minh ra nhựa đường.

Người phụ nữ ấy, mà chắc bà đã đoán ra địa vị xã hội, tiến lại gần nhà nguyện, nơi vẫn còn bà Đơ Piên; và sau khi ngắm nghía bà Đơ Piên một lúc với vẻ lo ngại lúng túng, nàng đến bên bà khi thấy bà đứng dậy sắp sửa đi ra.

- Thưa bà, nàng hỏi với một giọng nói dịu dàng và một nụ cười e lệ, bà làm ơn bảo cho em biết em có thể hỏi ai để nhờ cúng một cây sáp?

Ngôn ngữ đó đối với bà Đơ Piên lạ tai quá khiến bà thoát nghe không hiểu. Bà bảo nàng nhắc lại câu hỏi.

- Vâng, em muốn cúng thánh Rô-sơ một cây sáp, nhưng em không biết đưa tiền cho ai.

Lòng mộ đạo của bà Đơ Piên quá sáng suốt nên bà không thông hiểu những sự mê tín như thế của người bình dân. Song bà tôn trọng nó, vì có một cái gì đáng cảm động trong bất kỳ hình thức thờ phượng nào, dù thô kệch đến đâu chẳng nữa. Bà tin chắc đây là một vấn đề cầu khẩn hoặc một cái gì tương tự, vả lại tính bà quá thương người nên qua y phục của người đàn bà trẻ

tuổi đội mũ hồng kia, bà không thể rút ra những kết luận mà có lẽ độc giả đã không ngần ngại nêu lên; bà chỉ cho nàng bác coi nhà thờ đang tiến lại gần. Thiếu phụ lạ mặt cảm ơn bà và chạy đến bên người đó, bác này có vẻ đoán được ý nàng. Trong khi bà Đơ Piên cầm lấy cuốn kinh của mình và sửa lại tấm voan che mặt, bà thấy người phụ nữ cúng cây sáp rút trong túi ra một ví tiền nhỏ, nhét trong đồng tiền lẻ cất trong ví một đồng năm phơ-răng đơn độc, rồi trao nó cho bác coi nhà thờ và thăm thì nói với bác những lời căn dặn dài khiến bác ta vừa nghe vừa mỉm cười.

Cả hai người phụ nữ bước ra khỏi nhà thờ cùng một lúc; nhưng người cúng cây sáp bước rất nhanh, khiến chẳng bao lâu bà Đơ Piên mất hút nàng mặc dầu bà đi cùng hướng. Đến góc phố bà ở, bà lại gặp nàng. Người phụ nữ lạ mặt cố giấu trong chiếc khăn ca-sơ-mia mua lại một ổ bánh mì nặng bốn li-vơ (6) mua trong một cửa hiệu gần đấy. Gặp lại bà Đơ Piên, nàng cúi đầu, không ngăn được một nụ cười và rảo bước nhanh hơn. Nụ cười của nàng có ý nói: "Bà bảo làm thế nào được? Ờm nghèo. Xin bà cứ việc cười em. Em biết rõ rằng không ai đội mũ hồng và quàng khăn ca-sơ-mia mà lại đi mua bánh mì". Cái vẻ vừa then thùng không phải cách, vừa nhần nhục, vừa tươi tỉnh của nàng không lọt qua con mắt của bà Đơ Piên. Bà không khỏi buồn rầu khi nghĩ đến cái hoàn cảnh mà cô gái kia chắc đang lâm vào: "Đức tin của cô ta, bà nghĩ thầm, đáng khen hơn đức tin của ta. Chắc chắn, việc cô ta cúng một ê-quy (7) là một sự hy sinh lớn hơn rất nhiều so với những cái thừa thãi ta chia cho kẻ nghèo mà chẳng mấy may thiếu thốn". Rồi bà nhớ tới hai đồng xu làm phúc của người đàn bà góa làm vừa ý Chúa hơn những món bố thí huy hoàng của những người giàu. "Ta chưa làm điều thiện một cách đầy đủ, bà nghĩ thầm - Ta chưa làm tất cả những gì ta có thể làm được". Bà vừa đi về nhà, vừa tự trách thầm những điều thật ra bà không đáng chịu. Cây sáp, ổ bánh mì nặng bốn li-vơ, và nhất là việc cúng đồng tiền năm phơ-răng duy nhất, đã ghi sâu vào ký ức của bà Đơ Piên hình ảnh người phụ nữ trẻ tuổi, mà bà coi là một gương sáng về đức tin.

Bà còn gặp nàng khá nhiều lần ở ngoài phố gần nhà thờ, nhưng không bao giờ gặp nàng trong các buổi lễ. Mỗi khi người phụ nữ lạ đó đi qua trước mặt bà Đơ Piên, nàng đều cúi đầu và mỉm cười dịu dàng. Nụ cười rất tự hạ đó vừa ý bà Đơ Piên. Bà muốn có dịp giúp đỡ người con gái tội nghiệp kia, người lúc đầu gọi sự chú ý của bà và bây giờ kích thích lòng thương hại của bà; vì bà đã nhận thấy cái mũ hồng đang bạc màu dần và cái khăn choàng bằng lụa ca-sơ-mia đã biến mất. Chắc hẳn chiếc khăn choàng đã trở lại với người bán đồ cũ. Hiển nhiên là thánh Rô-sơ đã không đền bù lại gấp trăm lần món lễ vật mà người ta đã cúng Ngài.

Một hôm, bà Đơ Piên thấy đưa vào nhà thờ Thánh Rô-sơ một cỗ áo quan theo sau có một người đàn ông ăn mặc khá tồi tàn, không có bằng tang trên mũ. Anh ta có vẻ như một người gác cổng. Đã hơn một tháng nay, bà không gặp thiếu phụ cúng cây nến, nên bà chợt nảy ý nghĩ là mình đang chứng kiến đám tang của cô ta. Không có gì chắc chắn hơn, vì lần gặp cuối cùng trông cô ta xanh quá và gầy quá. Bác coi nhà thờ thấy bà hỏi mình bèn lên tiếng hỏi người đi theo cỗ áo quan. Anh này đáp rằng mình gác cổng ở một ngôi nhà phố Lu-y Đại đế; một người thuê nhà ở đấy đầu tên là bà Guyô mới chết không có bà con bạn bè gì cả, chỉ có một người con gái, và chỉ do lòng tốt nên anh ta, người gác cổng, đi đưa đám một người không có dây mơ rễ má gì với mình. Thế là bà Đơ Piên hình dung ngay ra rằng người phụ nữ lạ mặt của bà đã chết trong cảnh khổ cực, để lại một đứa con gái bơ vơ, và bà quyết tâm sẽ bảo một ông cố mà bà thường nhờ làm những việc từ thiện, đi hỏi thăm tin tức.

Hai hôm sau, khi bà vừa ra khỏi nhà thì một chiếc xe bò chặn ngang đường phố làm cho cỗ xe của bà phải dừng lại một lúc. Nhìn qua cửa sổ xe một cách lơ đãng, bà thoáng thấy người con gái mà bà tưởng đã chết đứng nép vào một cái trụ trên vệ hè. Bà nhận ngay ra cô gái, mặc dầu cô ta có vẻ xanh xao gầy còm hơn bao giờ hết, vận tang phục nhưng là y phục nghèo nàn, không có gang tay, không có mũ. Nét mặt của cô ta trông thật kỳ dị. Cô ta không còn nụ cười thường lệ nữa, mà tất cả nét mặt đều cau lại; đôi mắt đen to thì ngơ ngác dữ tợn; cô ta hướng đôi mắt đó về phía bà Đơ Piên, nhưng không nhận ra bà, vì cô ta không nhìn thấy gì hết. Tất cả bộ điệu của cô ta biểu lộ không phải sự đau khổ mà là một quyết định hung dữ. Chiếc xe bò đã tránh ra và cỗ xe của bà Đơ Piên rời xa theo vó ngựa phóng nhanh; nhưng hình ảnh của người con gái với vẻ mặt tuyệt vọng vẫn ám ảnh bà Đơ Piên hàng mấy giờ sau.

Lúc trở về, bà thấy người ta tụ tập rất đông trong phố của bà. Tất cả những mục gác cửa đều đứng ở cửa nhà mình, và kể cho những mục hàng xóm một câu chuyện mà những mục này có vẻ chăm chú nghe lắm. Đám người chen chúc nhiều nhất ở trước một ngôi nhà gần nhà bà Đơ Piên. Mọi con mắt đều ngược nhìn một cửa sổ mở trên tầng gác ba, và trong mỗi đám nhỏ lại có một hay hai cánh tay giơ lên bảo cho mọi người chú ý đến cửa sổ đó, rồi đột nhiên những cánh tay lại trở xuống đất làm cho mọi con mắt đều nhìn theo động tác này. Chắc hẳn một biến cố bất thường nào đó vừa xảy ra.

Lúc đi qua gian nhà ngoài, bà Đơ Piên thấy bọn đầy tớ của bà có vẻ kinh hoảng, ai nấy đều hấp tấp chạy đến đón bà để được là người đầu tiên báo cho bà biết cái tin quan trọng trong khu phố. Nhưng bà chưa kịp hỏi câu gì thì chị hầu phòng của bà đã kêu lên:

- Ôi chào! Thưa bà!... Giá mà bà biết...

Và, mở các cửa ra vào một cách lạnh lện không thể tả được, chị đã cùng bà chủ vào tới nội điện⁽⁸⁾, tôi muốn nói phòng trang điểm, là nơi những người khác trong nhà không ai được bước vào.

- Ôi chào! Thưa bà, chị Giôdêfin vừa nói vừa tháo khăn choàng cho bà Đơ Piên, con vừa bị một phen thất kinh hồn vía! Chưa bao giờ con trông thấy cái gì ghê gớm đến thế, nghĩa là con không trông thấy, mặc dầu con chạy đến ngay lập tức... Tuy vậy mà...

- Có việc gì thế? Nói mau lên chị.

- Thưa bà, thế này, cách đây mấy nhà có một chị con gái nghèo khổ đáng thương đã gieo mình qua cửa sổ, cách đây chưa đầy ba phút. Nếu bà về sớm hơn một phút thôi, ắt bà sẽ nghe thấy tiếng rơi.

- Ôi chào! Lạy Chúa tôi! Thế người con gái tội nghiệp ấy đã tự tử à?...

- Thưa bà, kinh khủng quá. Ngay anh Báp-tít là người đã ra trận mạc cũng nói rằng anh ấy chưa từng thấy thế bao giờ. Thưa bà, từ tầng gác tư!

- Thế chị ta chết ngay chứ?

- Ô! Thưa bà, chị ta vẫn còn động đây; chị ta còn thều thào nói được nữa kia. "Tôi muốn người ta kết liễu đời tôi cho rảnh!" Chị ta nói thế. Nhưng thịt xương chị ta nát như cải. Bà cũng có thể hình dung rõ là chị ta tự giáng cho mình một vố nặng như thế nào.

- Nhưng người con gái khốn khổ đó... người ta đã cứu chữa cho chị ta chưa? Người ta đã cho đi tìm thầy thuốc, linh mục chưa?

- Về chuyện linh mục thì... bà biết rõ hơn con đấy ạ... Nhưng nếu con là linh mục... Một đứa con gái khốn nạn bị bỏ rơi đến nỗi phải tự tử!... Vả lại, hạng người ấy hạnh kiểm chẳng ra gì... Người ta thấy khá rõ điều đó... Hạng ấy đã ở Nhà hát Ôpê-ra, theo người ta nói... Tất cả cô ấy đều kết cục chẳng ra sao cả... Cô ta ra cửa sổ, buộc váy lại bằng một dải ruy-băng hồng, và vèo...

- Chính là cô gái nghèo khổ mặc tang phục! Bà Đơ Piên kêu lên, như tự nói với mình.

- Dạ vâng, mẹ cô ta chết cách đây ba bốn ngày. Chắc đầu óc cô ấy đã điên đảo cả rồi... Thêm vào đó, chắc có lẽ nhân tình của cô ấy đã lại bỏ rơi. Rồi thì hạn trả tiền đã đến... Không có tiền, hạng ấy có biết làm ăn gì... Những con người hư hỏng như vậy tất nhiên chả mấy chốc là làm một chuyện chẳng ra gì...

Chị Giôdêfin còn tiếp tục kể lể như thế một lúc mà bà Đơ Piên vẫn không trả lời. Hình như bà đang buồn rầu suy nghĩ về câu chuyện bà vừa được nghe. Đột nhiên, bà hỏi chị Giôdêfin:

- Chẳng biết người con gái khốn khổ ấy có những thứ cần thiết cho tình trạng của mình không?... quần áo?... nệm? Cần phải biết ngay điều đó mới được.

- Con sẽ theo lệnh bà đi hỏi, nếu bà muốn thế ạ, chị hầu phòng thốt lên, rất thích thú được nhìn tận nơi một người đàn bà tự sát.

Rồi, sau khi suy nghĩ, chị nói thêm:

- Nhưng con không biết con có đủ can đảm để nhìn cảnh đó không, một người đàn bà nhảy từ gác tư xuống!... Đạo người ta trích máu cho anh Báp-tít, con đã ngắt đi. Con không thể chịu nổi quang cảnh ấy.

- Thế thì chị bảo Báp-tít đi, bà Đơ Piên kêu lên; nhưng phải mau mau báo cho tôi biết người con gái bất hạnh ấy hiện nay như thế nào.

May sao bác sĩ K..., thầy thuốc của bà, đến vừa lúc bà ra lệnh đó. Ông ta đến ăn cơm ở nhà bà Đơ Piên, theo lệ thường vào những ngày thứ ba trong tuần là những ngày đi xem Nhà hát Ô-pê-ra Y.

- Chạy mau lên bác sĩ, bà kêu lên, chẳng để cho ông ta có thì giờ đặt gậy xuống và bỏ áo bông ra. Báp-tít sẽ dẫn bác sĩ đi cách đây có hai bước chân thôi. Một cô gái nghèo khổ vừa nhảy qua cửa sổ, và cô ấy hiện không có người cứu chữa.

- Qua cửa sổ ư? Người thầy thuốc nói. Nếu cửa sổ cao thì chắc tôi cũng đến chịu không làm gì được. Lúc này bác sĩ thêm bữa cơm hơn một ca mổ; nhưng bà Đơ Piên nài ép, nên sau khi có lời hứa bữa ăn sẽ hoãn lại, ông thuận đi theo Báp-tít.

Được mấy phút, một mình Báp-tít trở về. Anh ta hỏi quần áo, gối v.v.. Đồng thời anh ta đem về lời tiên tri của bác sĩ.

- Không việc gì cả. Cô ta sẽ qua khỏi, nếu không chết về... Tôi không nhớ bác sĩ bảo cô ta chắc chắn sẽ chết về gì, nhưng vãn ốt sau cùng.

- Tê-ta-nốt(1)! Bà Đơ Piên kêu lên.

- Thừa bà, đúng đấy ạ; nhưng dù sao cũng rất may là ông bác sĩ đến, vì ở đấy đã có một lão lang băm không có bệnh nhân, chính cái lão chữa bệnh sỏi cho con bé nhà bác Bertolô, lão ta khám bệnh đến lần thứ ba thì con bé chết.

Một giờ sau, bác sĩ lại hiện ra với bộ tóc giả hơi bay phấn chút ít và cái lá sen đẹp bằng vải mịn bị xốc xếch.

- Những kẻ tự tử, ông nói, thường tốt số. Hôm nọ, người ta đưa tới bệnh viện tôi một người đàn bà đã tự bắn một phát súng ngắn vào miệng. Cách ấy dở quá!... Chị ta bị gãy ba cái răng, bị khoét một lỗ bên má trái... Do đó chị ta sẽ xấu thêm chút ít, thế thôi. Còn người con gái này thì nhảy từ gác tư xuống. Cứ người thường mà vô ý ngã từ gác hai xuống cũng phải vỡ sọ... cô gái này chỉ bị gãy một chân... Hai xương sườn bị gãy, nhiều chỗ bị sây sát, thế thôi. Một mái hiên nằm đúng ngay ở đó để giảm bớt sức rơi. Đây là trường hợp tương tự thứ ba mà tôi thấy từ khi trở về Pari... Hai chân chống xuống đất. Xương chày và xương mác sẽ hàn lại được... Tệ hại hơn hết là món cá chim này bị khô mất cả rồi... Tôi còn lo cho món thịt quay và chúng ta sẽ lỡ mất hồi thứ nhất của vở Ôtelô.

- Thế người con gái bất hạnh đó có nói cho ông biết ai làm cho cô ta đến nỗi phải..

- Ô! Thừa bà, tôi chẳng bao giờ nghe những chuyện ấy. Tôi chỉ hỏi "Trước lúc đó, cô đã ăn gì chưa?" v.v... vì điều đó quan hệ đến điều trị... Phải rồi! người ta mà tự tử, chính là vì người ta có một lý do không hay nào đó. Tình nhân bỏ mình này, chủ nhà đuổi mình ra cửa này; người ta thấy nhảy qua cửa sổ để chống đối lại. Nhưng vừa mới lao vào không trung là hối hận ngay.

- Con bé tội nghiệp ấy, nó hối hận chứ, tôi mong thế?

- Tất nhiên, tất nhiên. Cô ta khóc lóc và làm ầm ĩ khiến tôi choáng váng cả người... Thừa bà, Báp-tít thật là một người phụ mổ cù; anh ta làm phần việc của mình giỏi hơn một chú sinh viên phẫu thuật có mặt ở đó, chú chỉ đứng gãi đầu, chẳng biết làm ăn ra sao cả... Buồn cười nhất cho cô ta là nếu cô ta tự tử mà chết được thì cô ta sẽ có lợi vì không phải chết về bệnh phổi; vì cô ta bị lao, tôi xin bảo đảm đúng như thế. Tôi chưa nghe phổi cô ta, nhưng xem khí sắc thì tôi không bao giờ nhầm.

Việc gì phải vội vã thế nhỉ, trong khi cứ để mặc tự nhiên tác động là được!

- Mai bác sĩ sẽ đến thăm cô ta, bác sĩ nhé?

- Tất nhiên tôi sẽ phải đến thăm nếu bà muốn thế. Tôi đã hứa với cô ta là bà sẽ giúp cô ta một chút ít gì đấy. Giản tiện nhất là đưa cô ta đi bệnh viện... Người ta sẽ cấp không cho cô ta một bộ nẹp để nắn xương chậu... Nhưng, vừa nghe nói đến bệnh viện là cô ta hét lên đòi người ta làm cho cô chết hẳn đi cho rảnh; tất cả những mụ lăm điều cũng phụ họa vào. Tuy nhiên, khi người ta không có một đồng xu nhỏ...

- Bác sĩ ạ, tôi sẽ bỏ tiền chi những món lặt vặt cần thiết. Này, cái tiếng bệnh viện ấy chính tôi cũng phải khiếp sợ, giống như những mụ lăm điều mà ông vừa nói. Vả lại, bây giờ cô ta đang ở trong tình trạng kinh khủng như thế mà chở vào bệnh viện, thì ắt là giết cô ta.

- Thành kiến! Hoàn toàn là thành kiến của những bậc thượng lưu! Chẳng có nơi nào tốt bằng bệnh viện. Tôi thì khi nào tôi ốm thật sự, tôi chỉ muốn người ta mang tôi đến bệnh viện. Đó chính là nơi mà tôi muốn xuống con đò của Sarông(9), và tôi sẽ đem thi thể tôi tặng cho bọn sinh viên... lẽ dĩ nhiên là còn ba bốn mươi năm nữa kia. Nghiêm chỉnh mà nói, thưa bà, tôi xin bà suy nghĩ về điều này! Tôi không biết rõ con người được bà che chở có thực đáng để bà chú ý đến không... Tôi thấy cô ta hoàn toàn có vẻ một cô ở Ô-pê-ra. Phải có cặp giò Ô-pê-ra mới có thể nhảy một cái như vậy mà may mắn đến thế...

- Nhưng tôi đã trông thấy cô ta ở nhà thờ... và này bác sĩ ạ... ông cũng rõ cái sở thích của tôi, tôi hay xây dựng cả một câu chuyện chỉ dựa vào một khuôn mặt, một khoe mắt... Ông muốn cười thế nào cũng được, nhưng tôi rất ít khi nhầm. Người con gái đáng thương này mới đây cầu nguyện cho bà mẹ đang ốm... Mẹ cô ta chết... thế là cô loạn cả đầu óc... sự tuyệt vọng, nghèo khổ đã đẩy cô đến hành động khủng khiếp đó.

- Tốt lắm! Vâng, quả thật ở đỉnh sọ cô ta có một cái bướu biểu lộ tính khí hay phấn khích cực độ. Tất cả những điều bà vừa nói với tôi có thể khá đúng sự thật. Bà làm tôi nhớ ở phía trên cái giường khổ hạnh(10) của cô có một cảnh hoàng dương. Cái đó đủ để chứng minh đức tin của cô ta phải không bà?

- Giường khổ hạnh à? Chao ôi! Lạy Chúa! Tội nghiệp cho người con gái!... Nhưng, bác sĩ ạ, ông có nụ cười độc ác mà tôi biết rõ lắm. Tôi không nói cô ta có mộ đạo hay không mộ đạo. Sở dĩ tôi phải quan tâm đến cô gái ấy, chính là vì tôi có một điều ân hận về trường hợp cô ấy...

- Một điều ân hận?... Tôi hiểu rồi. Chắc bà nghĩ rằng đáng lẽ bà phải sai trái mệm ra ngoài phố để đón cô ta tới?

- Phải, một điều ân hận. Tôi đã nhận thấy hoàn cảnh của cô ta; lẽ ra tôi phải cho người đến giúp cô ta; nhưng cha Đuybinhông lại ốm không dậy được, và...

- Thưa bà, chắc bà phải ân hận nhiều, nếu bà nghĩ rằng việc giúp đỡ tất cả những người đến cầu xin, như bà vẫn thường làm, là chưa đủ. Theo ý bà thì còn cần phải đoán ra những kẻ nghèo khổ không dám nói ra nữa. Nhưng thưa bà ta đừng nói đến những chuyện gầy chân nữa, hay đúng hơn thì tôi xin nói ba câu nữa thôi. Nếu bà định ban sự che chở cao quý của bà cho người bệnh mới của tôi thì đến mai xin bà cho cô ấy một cái giường khá hơn và một người đàn bà chăm nom, còn hôm nay có những mụ lăm mồm cũng đủ rồi. Canh ăn, thuốc uống v.v... và nếu được thế này thì tốt, xin bà phái người đến một người thật vững vàng trong số những cha cố của bà, để răn bảo và phục hồi tinh thần cho cô ta như tôi đã phục hồi cái chân cho cô ta. Cô ta dễ cáu kỉnh lắm; nhiều chuyện rắc rối có thể xảy đến cho chúng ta... Bà sẽ là... vâng, thật thế! Bà sẽ là người thuyết giáo tốt nhất, nhưng bà nên thuyết giáo đúng chỗ hơn... Tôi xin hết lời. Bây giờ là tám rưỡi; tôi van bà, xin bà hãy sửa soạn đi xem nhạc kịch đi. Báp-tít sẽ mang cà-phê và tờ báo "Tranh luận" đến cho tôi. Suốt ngày hôm nay tôi phải chạy, đến nỗi bây giờ tôi vẫn còn chưa biết thế giới ra làm sao.

Vài ngày trôi qua, và người bệnh đã đỡ được chút ít. Ông bác sĩ chỉ phàn nàn rằng sự kích động thần kinh quá mức chưa thuyên giảm.

- Tôi không tin mấy vào tất cả các cha cố của bà, ông ta nói với bà Đơ Piên. Nếu cảnh tượng khốn khổ của loài người không làm cho bà ghê tởm đến nỗi bà không dám nhìn - và tôi biết rằng bà có can đảm để nhìn - thì bà có thể xoa dịu đầu óc cô bé đáng thương ấy hơn một cha cố nhà thờ Rô-sơ, và hơn cả một liều Tơ-ri-đát(11). Bà Đơ Piên không thích gì hơn và đề nghị cho bà đi theo bác sĩ ngay tức khắc. Cả hai đến nhà người bệnh.

Trong một gian phòng kê ba chiếc ghế dựa nhồi rơm và một cái bàn nhỏ, người bệnh đang nằm dài trên một chiếc giường tốt của bà Đơ Piên cho đem đến. Khăn trải giường mịn, nệm dày, một chồng gối rộng, chứng tỏ có sự săn sóc từ thiện mà ta dễ dàng đoán ra là của ai. Người con gái xanh xao kinh khủng, con mắt sáng rực, đang để một cánh tay ra khỏi giường, và phần cánh tay thò ra ngoài chiếc áo bệnh nhân trông tái nhợt, sây sất, khiến người ta có thể đoán phần thân thể còn lại ở trong tình trạng như thế nào. Trông thấy bà Đơ Piên, cô ta nhấc đầu lên và nói với một nụ cười dịu dàng buồn bã:

- Thưa bà, em biết chắc chính bà là người đã rủ lòng thương đến em. Người ta đã nói tên bà cho em biết, và em tin chắc rằng bà chính là vị phu nhân mà em gặp ở gần nhà thờ Thánh Rô-sơ.

Hình như tôi đã nói rằng bà Đơ Piên có phần nào tự phụ có tài xét người qua nét mặt. Bà rất sung sướng phát hiện ra rằng người con gái được bà che chở cũng có cái tài như thế, và sự phát hiện ấy càng làm cho bà quan tâm đến cô ta.

- Em ở đây khổ lắm nhỉ, tội nghiệp cho em quá! bà vừa nói vừa đưa mắt nhìn quanh cách bày biện nghèo nàn của gian phòng. Tại sao người ta chưa đem rèm cửa đến cho em?... Em phải hỏi Báp-tít những thứ lặt vặt mà em có thể cần đến.

- Thưa bà, bà tốt quá... Em thiếu cái gì nào? Không thiếu gì cả... thế là được rồi... Dễ chịu hơn một chút hay khó chịu hơn một chút, thì có sao đâu? Và quay đầu đi chỗ khác, cô thút thít khóc.

- Tội nghiệp em, em đau đớn lắm phải không? Bà Đơ Piên vừa hỏi vừa ngồi xuống bên giường.

- Dạ không, em không đau lắm... Duy chỉ có lúc nào em cũng nghe trong tai tiếng gió ù ù khi em rơi, với tiếng rảng rác khi em ngã xuống mặt đường.

- Em thân yêu ạ, lúc đó em thật là điên; bây giờ em thấy hối hận, phải không?

- Vâng... nhưng trong lúc khổ sở, thì người ta có còn đâu là đầu óc nữa.

- Tôi rất tiếc không biết tình thế của em sớm hơn. Nhưng em ạ, trong bất cứ trường hợp nào trên đời, ta cũng không nên tuyệt vọng.

- Thưa bà, bà chỉ biết nói cho thích thôi, ông bác sĩ đang viết đơn thuốc bên một chiếc bàn con nói. Bà không biết rằng mất một chàng thanh niên đẹp trai có ria mép là như thế nào cả. Nhưng mà, trời đất ơi! Muốn chạy theo chàng ta thì không được nhảy qua cửa sổ.

- Thôi đi, bác sĩ! Bà Đơ Piên nói, chắc cô bé tội nghiệp này có những lý do khác khiến...

- A! Em cũng không biết là vì cái gì, người ốm kêu lên! Hàng trăm lý do chứ không phải một đâu. Trước hết là khi mẹ em mất đi, em đau đớn quá. Rồi thì em cảm thấy bơ vơ... Không có ai săn sóc đến em cả! Sau cùng là một người mà em nghĩ tới nhiều hơn tới bất cứ ai... Thế mà, thưa bà người đó quên đến cả tên của em! Vâng, em tên là Arxen Guyô, G, U, Y, Ô, có chữ Y, người đó lại viết I trong thư gửi cho em.

- Đấy, tôi đã bảo mà, một anh chàng bội bạc! Chỉ toàn là thấy thế. Thôi! Thôi! Cô em ơi, hãy quên con người ấy đi. Một anh chàng không có trí nhớ thì không đáng để mình nghĩ tới đâu.

Bác sĩ rút đồng hồ bỏ túi của mình ra.

- Bốn giờ rồi kia à? ông vừa nói vừa đứng dậy; chậm giờ khám bệnh của tôi mất rồi. Thưa bà, tôi có lỗi với bà vô cùng, nhưng tôi phải tạm biệt bà; tôi không có thời giờ đưa bà về nhà. Thôi, chào cô bé nhé, cô hãy bình tĩnh lại, không sao đâu. Cô sẽ khiêu vũ được bằng cái chân ấy chẳng kém gì cái chân bên kia đâu. Còn bác, bác coi người ốm ạ, bác hãy cầm đơn thuốc này

đến hiệu thuốc và làm như hôm qua nhé.

Người thầy thuốc và người coi bệnh nhân đã đi khỏi; bà Đơ Piên ở lại một mình với người bệnh, hơi hốt hoảng vì thấy có vấn đề tình ái trong câu chuyện mà thoát tiên bà đã sắp đặt khác hẳn trong trí tưởng tượng của bà.

- Tội nghiệp em, thế ra người ta đã lừa dối em! Bà lại cất tiếng sau một lúc im lặng.

- Em ấy ạ? Sao lại gọi là lừa dối một đứa con gái khốn nạn như em?.. Chỉ có là anh ấy không thích em nữa... Anh ấy có lý, em không hợp ý anh ấy nữa. Bao giờ anh ấy cũng tốt và quảng đại. Em có viết thư để nói cho anh ấy biết em lâm vào hoàn cảnh như thế nào, và để hỏi xem anh ấy có muốn em quay lại với anh ấy không... Anh ấy bèn viết cho em... những điều làm em rất khổ tâm... Hôm nọ, lúc về nhà, em đánh rơi cái gương của anh ấy cho em, thử gương Vonido, gương vỡ... Em tự nghĩ: đây là đòn cuối cùng!... Đây là điềm không còn gì nữa... Em không còn gì của anh ấy nữa. Em đã đưa các đồ nữ trang lên hiệu cầm đồ rồi... Thế rồi em nghĩ nếu em tự hủy hoại thân em đi, anh ấy sẽ buồn phiền, thế là em sẽ báo được thù... Cửa sổ lúc đó đang mở, và em đã lao mình qua.

- Nhưng thật khốn khổ khốn nạn cho em quá! Cái lý do hão huyền bao nhiêu thì cái việc làm có tội bấy nhiêu.

- Đúng lắm ạ; nhưng bà bảo làm thế nào? Khi sầu não thì còn suy nghĩ gì. Đối với những người sung sướng, thật dễ nói: "Chị nên biết điều".

- Tôi biết thế; hoạn nạn thường khuyên người ta điều dở. Tuy nhiên, ngay giữa những cuộc thử thách đau đớn nhất, cũng có những điều người ta nhất thiết không được quên. Tôi đã thấy em làm một việc kính tin ở nhà thờ Thánh Rô-sơ cách đây ít lâu. Em có hạnh phúc biết tin đạo. Em ạ, lẽ ra tôn giáo phải ngăn em lại lúc em sắp sa vào tuyệt vọng. Đời của em, em nhận được của Chúa. Nó không phải của em... Nhưng tôi trách em lúc này thật không phải, em thân thương ạ. Em ăn năn, em đau khổ, Chúa sẽ thương xót em.

Arxen cúi đầu và mấy giọt nước mắt đọng trên mí mắt.

- Chao ôi! Thưa bà, cô nói với một tiếng thở dài não nuột, em đâu có được là một người khá như bà tưởng... Bà tưởng em là người kính tin... em không có lòng tin được mấy đâu... em không được chỉ bảo, và nếu bà thấy em vào nhà thờ cúng cây sáo... chính vì em không còn biết xoay xở ra sao.

- Em ạ! Đó là một tư tưởng tốt đấy. Trong cơn hoạn nạn, bao giờ ta cũng phải tìm đến Chúa.

- Em nghe nói... rằng nếu em cúng một cây sáo vào nhà thờ Thánh Rô-sơ, nhưng thôi, thưa bà, em không thể nói với bà cái đó. Một phu nhân như bà không thể biết con người có thể làm gì khi không còn xu nào.

- Chính can đảm là điều chủ yếu ta phải cầu xin Chúa.

- Nói tóm lại, thưa bà, em không muốn tỏ ra mình khá trong khi mình không còn được như thế, và chính là lấy cắp của bà nếu em lợi dụng lòng từ thiện của bà đối với em trong khi bà chưa biết em... Em là một đứa con gái khốn nạn... nhưng trong đời này, làm thế nào để có thể sống được thì người ta làm thôi... Để chấm dứt câu chuyện đó, thưa bà, thế là em cúng cây sáo, vì mẹ em nói rằng nếu cúng một cây sáo ở nhà thờ Thánh Rô-sơ thì thế nào trong tuần cũng tìm được một người để ăn ở với họ... Nhưng em đã xấu đi, trông em như cái xác ướp... không ai thích em nữa... Vậy thì chỉ còn có nước chết... Thế này cũng đã là làm được một nửa rồi!

Tất cả những điều ấy được nói lên rất nhanh, bằng một giọng dứt đoạn vì tiếng nức nở, một giọng nói của người mê hoảng làm cho bà Đơ Piên còn hãi sợ hơn là ghê tởm. Bất giác, bà kéo ghế xa giường người bệnh. Có lẽ bà còn rời khỏi gian phòng kia nữa, nếu như lòng nhân đạo, mạnh hơn sự ghê tởm, bên người đàn bà sa đọa này, không nổi lên trách cứ bà sao nỡ bỏ người đó một mình bơ vơ vào lúc tuyệt vọng ghê gớm nhất. Im lặng một lúc rồi bà Đơ Piên, hai mắt nhìn xuống, khẽ thì thầm:

- Mẹ em! Khốn khổ khốn nạn cho em! Em dám nói gì thế?

- Ô! mẹ em cũng như tất cả mọi người mẹ... tất cả mọi người mẹ của bọn em... Mẹ em trước kia nuôi mẹ của mẹ... em cũng nuôi mẹ em... May mà em không có con. Thừa bà, em biết rõ là em làm cho bà sợ hãi... Nhưng bà bảo biết làm thế nào? Bà được giáo dục tốt, bà chưa bao giờ phải cơ cực. Khi con người ta giàu thì dễ lương thiện. Em đây, nếu có phương tiện em cũng đã là người lương thiện rồi. Em đã có bao nhiêu là tình nhân... trước sau em chỉ yêu có một người. Anh ta bỏ rơi em. Nếu em giàu, hai người đã lấy nhau rồi và đã sinh con để cái lương thiện như ai. À thừa bà, em thấy thế nào cứ nói thế với bà, hết sức thành thật, mặc dầu em thấy rõ bà nghĩ gì về em, và bà nghĩ như thế là phải... Nhưng bà là người đàn bà lương thiện duy nhất được nghe kể cuộc đời của em, và trông bà tốt quá! tốt quá!... Đến nỗi hồi nãy em nghĩ thầm: ngay khi nào bà ấy biết mình, bà ấy sẽ vẫn thương mình. Em sắp chết rồi, em chỉ xin bà một điều... là sau khi em chết, xin bà xin cho em một lễ tại nhà thờ mà em đã được gặp bà lần đầu tiên. Đôi lời cầu nguyện, thế thôi, và em sẽ cảm ơn bà vô cùng...

- Không, em sẽ không chết đâu! bà Đơ Piên rất cảm động, kêu lên. Chúa sẽ thương xót em, kẻ có tội đáng thương ă. Em sẽ ăn năn về những sự phóng dăng của mình, và Chúa sẽ tha thứ cho em. Nếu những lời cầu nguyện của tôi có thể giúp phần nào cho việc cứu rỗi phần hồn của em, thì thế nào tôi cũng sẽ làm. Những kẻ nuôi dạy em, có tội lỗi hơn em. Duy có điều là em phải can đảm lên và hy vọng. Nhất là em phải cố bình tĩnh hơn, em bé tội nghiệp ă. Cần phải chữa phần xác cho khỏi, phần hồn cũng không lành mạnh đâu, nhưng tôi, tôi bảo đảm là nó sẽ khỏi.

Bà vừa nói vừa đứng dậy, và vôn về trong mấy ngón tay một mảnh giấy gói vài đồng lu-y⁽¹²⁾.

- Này, bà nói, nếu em có thích cái gì...

Và bà luồn xuống dưới gối cô gái món quà nhỏ của mình.

- Đừng thế, bà ă! Arxen vùng kêu lên và đẩy gói giấy ra, em không muốn xin bà gì cả ngoài điều bà đã hứa với em. Xin vĩnh biệt bà. Chúng ta sẽ không bao giờ gặp nhau nữa. Xin bà cho đưa em vào bệnh viện, để em chết quách đi mà không phiền lụy đến ai. Không bao giờ bà có thể làm cho em trở thành một con người ra gì đâu. Một bà lớn như bà chắc sẽ cầu nguyện cho em; thế là em vui lòng rồi. Xin vĩnh biệt!

Bộ nẹp buộc cô gái vào giường còn để cho cô xoay mình được chừng nào thì cô cố xoay mình chừng nấy, và cô rúc đầu vào gối để khỏi nhìn thấy gì nữa.

- Arxen, em hãy lắng nghe tôi, bà Đơ Piên nói giọng nghiêm trang, tôi có những ý định về em. Tôi muốn làm cho em trở thành một người phụ nữ lương thiện. Thấy em ăn năn, tôi tin chắc là có thể được. Tôi sẽ đến thăm em luôn, tôi sẽ săn sóc em. Một ngày kia, em sẽ biết tự quý trọng mình nhờ có tôi. Và bà cầm lấy bàn tay cô gái, nhẹ nhàng nắm lại.

- Bà làm em cảm động quá! Cô gái đáng thương thốt lên, bà đã siết tay em!

Và bà Đơ Piên chưa kịp rút bàn tay mình về thì cô đã nắm lấy nó hôn lấy hôn để, nước mắt của cô chảy đầm đìa lên nó.

- Em hãy bình tĩnh lại, bình tĩnh lại, em thân mến ă, bà Đơ Piên nói, em đừng nói thêm với tôi điều gì nữa. Bây giờ tôi biết tất cả rồi, và tôi hiểu em hơn cả em tự hiểu em. Chính tôi sẽ là người thầy thuốc cho đầu óc của em... cho cái đầu óc ốm yếu của em. Em phải vâng lời tôi, tôi đòi hỏi như thế, y như vâng lời ông bác sĩ của em. Tôi sẽ bảo một cha cố bạn thân của tôi đến đây, em phải nghe lời ông ấy nói. Tôi sẽ chọn cho em những quyển sách hay, em hãy đọc những quyển sách đó. Thỉnh thoảng chúng ta sẽ chuyện trò với nhau. Khi nào em khỏe, lúc đó chúng ta sẽ bàn tính đến tương lai của em.

Người đàn bà coi người ốm trở về, tay cầm một chai nhỏ mang từ hiệu thuốc. Arxen vẫn còn khóc. Bà Đơ Piên lại bắt tay cô gái một lần nữa, đặt gói tiền lên cái bàn con rồi bước ra, có lẽ còn quyết tâm giúp đỡ cô gái xám hối kia hơn cả lúc bà chưa nghe thấy lời xưng tội lạ kỳ của cô ta.

- Thừa quý bà, tại sao bao giờ ta cũng yêu những kẻ xấu nhỉ? Từ đứa con phóng đấng cho đến con chó Kim cương(13) của quý bà, nó cắn tất cả mọi người và là con vật hung ác nhất trần đời, nó càng không đáng được chú ý chừng nào thì lại càng được chú ý chừng nấy. Tự phụ? thừa quý bà, tình cảm đó chính là sự tự phụ! là cái thú thắng được khó khăn! Người cha của đứa con phóng đấng đã thắng được con quỷ và giành lại cái mồi của nó; quý bà đã đại thắng được cái bản chất xấu xa của con Kim cương nhờ cứ cho nó ăn kẹo mãi. Bà Đơ Piên tự hào đã thắng được nét hư hỏng của một cô gái giang hồ, nhờ tài hùng biện của mình phá vỡ được những bức rào mà hai mươi năm cảm dỗ đã dựng lên xung quanh một tâm hồn đáng thương bị ruồng bỏ. Thêm vào đó, ta có nên nói không nhỉ? có lẽ xen vào sự kiêu hãnh về thắng lợi này, vào cái thú làm được một việc thiện còn có cái tính tò mò của khá nhiều phụ nữ đức hạnh muốn biết một người đàn bà thuộc loại khác ra sao. Khi một ca kỹ bước vào một phòng khách, tôi đã nhận thấy những khóe mắt lạ lùng hướng về phía cô ta. Quan sát cô ta kỹ nhất, không phải là những người đàn ông. Thừa quý bà, ngay như quý bà, tối hôm nọ, ở Hý Viện Pháp(14) quý bà đã chẳng giờ nào ống nhòm nhìn thật kỹ cái cô nữ diễn viên rạp Tạp-mục(15) ngồi trong phòng lô mà người ta chỉ cho quý bà là gì? Sao người ta lại có thể là người Ba-Tư nhỉ (16).

Biết bao lần người ta tự đặt cho mình những câu hỏi như thế!

Vậy thì thừa quý bà, bà Đơ Piên nghĩ nhiều đến cô Arxen Guyô và tự nhủ thầm: "Ta sẽ cứu vớt người con gái đó".

Bà phái một linh mục đến khuyến khích cô ta xám hối. Xám hối không phải là chuyện khó khăn gì đối với cô Arxen đáng thương kia, vì trừ đôi lúc thật vui, suốt đời cô chỉ toàn là những nỗi khổ cực. Quý bà hãy nói với một người đau khổ: "Đó là lỗi của anh", người đó sẽ thấy đúng quá đi mất; và nếu đồng thời quý bà làm nhẹ bớt sự trách móc bằng đôi lời an ủi, thì người đó sẽ cảm ơn quý bà vô cùng và hứa với quý bà làm đủ mọi thứ từ nay về sau. Một người Hy Lạp đã nói ở một chỗ nào đó, hay đúng hơn là Amyô(17) đã mượn lời người đó để nói rằng: Cái ngày một con người tự do lâm vào vòng xiềng xích cũng là ngày đoạt mất nửa phần đức tính đầu tiên của chàng.

Diễn đạt cách ngôn đó bằng văn xuôi tầm thường nghĩa là hoạn nạn làm cho chúng ta trở nên hiền lành và dễ bảo như những con cừu. Linh mục nói với bà Đơ Piên rằng cô Guyô rất ngu dốt nhưng bản chất không xấu và ông có nhiều hy vọng cứu rỗi linh hồn nàng. Thực tế, Arxen nghe ông nói một cách chăm chú và kính cẩn. Nàng đọc hoặc nhờ đọc những cuốn sách mà người ta bảo đọc; nàng tuân theo lời bà Đơ Piên cũng đúng sát như tuân theo những đơn thuốc của ông bác sĩ. Nhưng điều làm cho nàng hoàn toàn thu được cảm tình của ông linh mục phúc đức kia, và làm cho nữ ân nhân của nàng tưởng là dấu hiệu dứt khoát về sự khỏi bệnh tinh thần của nàng, đó là việc nàng sử dụng một phần món tiền nhỏ trao vào tay nàng. Nàng đã xin một lễ trọng thể ở nhà thờ Thánh Rôơ cho linh hồn Pamela Guyô, người mẹ vừa quá cố. Chắc chắn không có linh hồn nào lại cần những lời cầu nguyện của nhà thờ hơn linh hồn đó.

II

Một buổi sáng, bà Đơ Piên đang trang điểm thì một anh đầy tớ đến gõ nhẹ cửa phòng riêng và trao cho chị Giôdêfin tấm danh thiếp của một chàng thanh niên vừa đem tới.

- Mác đến Pari à! Bà Đơ Piên liếc nhìn tấm danh thiếp thốt kêu lên, mau đi chị, chị chạy ra bảo ông Đơ Xalinhi chờ tôi ở phòng khách.

Một lát sau, trong phòng khách nghe có tiếng cười rúc rích và những tiếng kêu bị bịt lại, rồi chị Giôdêfi trở vào, mặt đỏ bừng với chiếc mũ vải lệch xuống hẳn một bên tai.

- Cái gì thế hử chị? bà Đơ Piên hỏi.

- Thừa bà, có gì đâu ạ; chỉ có là ông Đơ Xalinhi bảo con bé ra.

Quả vậy, Đơ Xalinhi có thể ngạc nhiên thấy chị Giôdêfi béo ra, vì chàng đi xa đã hơn hai năm nay. Trước kia, Mác là một người được chị Giôdêfi ưa thích và là một người rất chú ý đến bà chủ của chị ta. Chàng là cháu của một người bạn thân của bà Đơ Piên, nên hồi xưa người ta

luôn luôn thấy chàng đi theo thím của chàng đến nhà bà. Vả lại trong các nơi chàng hay lui tới, hầu như chỉ có nơi này là đứng đắn. Mác Đơ Xalinhi vốn nổi tiếng là một con người khá hư hỏng, cờ bạc, hay gây sự đánh nhau, nói tóm lại là đứa con khá nhất của xã hội thượng lưu. Chàng làm cho thím chàng là bà Ôbrê đến thất vọng vì chàng, tuy nhiên bà Ôbrê rất yêu quý cháu. Đã nhiều lần bà định kéo chàng ra khỏi cái cuộc đời mà chàng quen sống, nhưng lần nào những thói xấu của chàng cũng thắng những lời khuyên nhủ khôn ngoan của bà. Mác hơn bà Đơ Piên chừng hai tuổi, hai người quen nhau từ khi còn bé và trước khi bà Đơ Piên lập gia đình, Mác hình như rất để ý đến bà: "Em thân yêu của tôi ạ, bà Ôbrê nói, nếu em muốn thì chị tin chắc em có thể kiềm chế được cái tính nết ấy. Bà Đơ Piên - hồi đó tên là cô Elidơ Đơ Ghixca - có lẽ cũng thấy mình có đủ can đảm để thử làm công việc đó, vì một người vui tính, ngộ nghĩnh, hay hay như Mác trong cuộc sống ở một lâu đài, một người khiêu vũ không biết mệt như Mác chắc chắn phải thành một người chồng tốt; nhưng cha mẹ cô Elidơ lại nhìn xa hơn. Ngay cả bà Ôbrê cũng không dám bảo đảm quá cho cháu mình; người ta phát hiện ra rằng chàng mắc nợ và có một cô nhân ngãi; rồi xảy đến một vụ quyết đấu lưng lẩy do một vũ nữ ở rạp Dimuador [\[18\]](#) là nguyên nhân không lấy gì làm hiền lành lắm. Cuộc hôn nhân, mà bà Ôbrê trước nay không bao giờ dám nghĩ tới một cách thật nghiêm túc, bị tuyên bố là không thể nào thành được. Chính lúc đó xuất hiện ông Đơ Piên, một nhà quý phái oai nghiêm có đức hạnh, ngoài ra lại giàu có và con nhà thế tộc. Tôi cũng không biết nói gì nhiều về ông ta, ngoài việc ông ta có tiếng là một người phong nhã và xứng đáng với danh tiếng đó. Ông ta ít nói, nhưng hễ mở miệng là đều để phát biểu một đại chân lý nào đó không ai có thể chối cãi được. Về những nghi vấn, ông bắt chước "thái độ im lặng khôn ngoan của Congra [\[19\]](#)", tuy ông ta không làm cho những cuộc hội họp có mặt ông tăng được nhiều phần thú vị, nhưng không có nơi nào ông đến mà người không thấy là chỗ của ông, ở đâu người ta cũng khá yêu ông vì người vợ của ông, nhưng khi ông vắng mặt - thường mỗi năm ông về ấp của mình chín tháng, và nhất là vào lúc bắt đầu câu chuyện của tôi - thì không ai nhận thấy điều đó cả. Ngay vợ ông hầu như cũng nhận ra điều đó.

Sau khi làm nốt việc trang điểm năm phút là xong, bà Đơ Piên bước ra khỏi phòng, trong lòng hơi xúc động, vì Mác Đơ Xalinhi tới nhắc cho bà nhớ lại rằng người được bà yêu mến nhất vừa mới qua đời; tôi nghĩ rằng đó là kỷ niệm duy nhất hiện ra trong ký ức của bà, và kỷ niệm đó sâu sắc đến nỗi gạt bỏ được những dự đoán buồn cười mà một người nào khác kém suy nghĩ ắt có thể đặt ra về cái mũ vải xốc xếch của chị Giôđêfi. Đến gần phòng khách, bà hơi khó chịu khi nghe thấy một giọng trầm tốt vui vẻ hát theo tiếng đàn dương cầm bài chèo thuyền xứ Naplơ:

Addio, Teresa.

Teresa, addio!

Al mio Ritorno,

Ti Sposero. [\[20\]](#)

Bà mở cửa ra và giơ tay cho người đang hát, buộc chàng ta phải ngừng lại.

- Kìa Mác tội nghiệp của tôi, được gặp lại anh tôi mừng quá!

Mác vội vã đứng lên, và vừa nắm bàn tay bà, chàng vừa nhìn bà với vẻ hốt hoảng, không tìm được lời nào để nói.

- Tôi rất tiếc, bà Đơ Piên nói tiếp, không đi Rô-mơ được, khi nghe tin bà thím anh bị bệnh, tôi biết anh đã sẵn sàng trông nom bà thím như thế nào và tôi rất cảm ơn anh đã gửi cho tôi vật kỷ niệm cuối cùng của bà. Nét mặt của Mác, vốn vui vẻ nếu tôi không muốn nói là tươi cười, bỗng nhiên trở thành ủ ê.

- Thím tôi thường nhắc đến chị luôn, chàng nói, và cho đến tận lúc lâm chung. Chị đã nhận được chiếc nhẫn của thím tôi, như tôi trông thấy đây, và cuốn sách thím tôi còn đọc lúc buổi sáng...

- Vâng, anh Mác ạ, tôi cảm ơn anh. Khi anh gửi cho tôi tặng vật đau buồn này, anh có báo tin

anh sắp từ giã Rô-mơ, nhưng anh không cho tôi biết địa chỉ của anh; nên tôi không biết gửi thư cho anh về đâu. Tôi nghiệp bà bạn chí thân của tôi! Chết xa đất nước quá! May mà có anh chạy đến ngay... Anh làm ra vẻ con người không ra gì nhưng thực ra anh tốt hơn thế nhiều, Mác ạ... tôi biết rõ anh lắm!

- Thím tôi có nói với tôi trong khi lâm bệnh rằng:

"Khi nào thím đã qua đời, thì chỉ còn có bà Đơ Piên để quả mắng cháu... (đến đây Mác không thể nén cười nụ). Cháu phải gắng đừng để bà Đơ Piên phải quả mắng cháu nhiều quá". Đây chị xem, chị làm nhiệm vụ của chị không được tốt.

- Tôi hy vọng rằng bây giờ tôi có một nhiệm vụ hoàn toàn nhàn hạ. Nghe nói anh đã tu tỉnh lại, đứng đắn lại, đã trở nên hoàn toàn biết điều phải không anh?

- Chị không nhầm đâu chị ạ, tôi đã hứa với bà thím tội nghiệp của tôi là tôi sẽ trở thành người khá, và...

- Anh sẽ giữ lời hứa, tôi tin chắc như thế?

- Tôi sẽ xin cố gắng. Trong lúc đi xa, cái đó dễ hơn ở Pari, tuy nhiên... Đây này, chị ạ, tôi mới ở đây có vài giờ đồng hồ, vậy mà tôi đã chống lại được nhiều sự cám dỗ. Trong lúc đi đến nhà chị, tôi gặp một thằng bạn cũ rủ tôi đi với một lũ hư hỏng - nhưng tôi đã từ chối.

- Anh làm thế là tốt.

- Vâng, nhưng không biết có nên nói điều này với chị không nhỉ? Chính vì tôi hy vọng rằng chị sẽ mời cơm tôi.

- Khổ chưa! Tôi đi ăn cơm khách. Nhưng đến mai...

- Nếu như thế thì tôi không dám bảo đảm cho tôi nữa, chị phải chịu trách nhiệm về bữa ăn tôi sắp dự.

- Này, anh Mác này: điều quan trọng là phải bắt đầu cho tốt. Anh đừng có đi ăn với bọn thanh niên chưa vợ ấy. Tôi, tôi ăn ở nhà bà Đarxơ-nây, chiều nay mời anh đến đấy, và chúng ta sẽ nói chuyện.

- Vâng, nhưng bà Đarxơ-nây là người hơi tẻ quá; bà ta sẽ hỏi tôi hàng trăm câu chuyện. Tôi sẽ không thể nói được một tiếng nào với chị; tôi sẽ thốt ra những điều bất nhã; với lại, bà ta có một cô con gái cao gầy dơ xương, hình như cô ta chưa chồng...

- Đó là một người rất đáng yêu... còn về vấn đề bất nhã, thì anh nói về bà ta như thế, chính là một điều bất nhã đó.

- Tôi sai lầm, quả vậy, nhưng...vừa mới tới hôm nay, nếu tôi đến thì chả hóa ra vội vã quá hay sao?

- Thôi được, anh làm thế nào mặc ý; nhưng anh Mác ạ, anh thấy không, - với tính cách là người bạn chí thân của thím anh, tôi có quyền nói thẳng thắn với anh - anh phải tránh những nơi quen biết ngày trước. Thời gian ắt hẳn đã tự nhiên cắt đứt nhiều mối quan hệ không ra gì cho anh, anh đừng có nối lại những mối quan hệ đó; chừng nào anh không bị lôi kéo, thì tôi dám tin ở anh. Vào tuổi anh... vào tuổi chúng ta, ta phải biết điều mới được. Nhưng thôi ta hãy xếp những lời khuyên bảo, thuyết giáo đó lại một chút, xin anh cho tôi nghe anh đã làm gì từ khi chúng ta không gặp nhau nữa. Tôi chỉ biết rằng anh sang Đức, rồi sang Ý, thế thôi. Anh có gửi thư cho tôi hai lần, không hơn, anh hãy nhớ lại mà xem. Hai bức thư trong hai năm trời, anh hẳn cũng thấy như thế thì tôi biết được mấy tí về anh.

- Trời ơi! thưa chị, tôi thật có tội quá... nhưng tôi rất là... phải nói như thế... rất là lười nhác!... Tôi đã bắt đầu viết hàng hai mươi lá thư cho chị, nhưng tôi biết viết gì khiến chị lưu ý được?... Tôi, tôi không biết viết thư... Nếu mỗi lần tôi nghĩ đến chị mà tôi lại viết thư cho chị, thì tất cả giấy của nước Ý ắt cũng không đủ.

- Vậy thế anh đã làm gì? Thì giờ của anh, anh bận dùng làm việc gì? Thế là tôi đã biết được rằng không phải bận việc viết thư.

- Bận việc gì à?... Chị cũng biết rằng chẳng may tôi không bận việc gì cả. Tôi xem nhiều, tôi chạy nhiều. Tôi có những dự định về hội họa, nhưng sau khi được xem quá nhiều bức danh họa, tôi chưa tiết được lòng ham mê khổ sở đó của tôi. À!... rồi cái lão Nibi đã gần biến tôi thành một người chơi đồ cổ. Vâng, nghe lời lão thuyết phục, tôi đã thuê người làm một việc khai quật, tìm thấy một cái điều vớ vẩn và bao nhiêu là mảnh chai mảnh bát cũ... Rồi ở Naplơ, tôi đã học hát, nhưng tôi cũng chẳng nhờ thế mà giỏi hơn... Tôi...

- Tôi không thích thú âm nhạc của anh mấy, mặc dầu anh có giọng tốt và hát hay. Thứ đó làm cho anh tiếp xúc với những hạng người mà anh quá thích lui tới.

- Tôi hiểu ý chị; nhưng ở Naplơ, hồi tôi sang đó, chẳng có gì là nguy hiểm cả. Cô đào nhất cân nặng một trăm năm mươi kilô, còn cô đào thứ nhì thì miệng như cái cửa lò và mũi như cái tháp xứ Libăng. Tóm lại, hai năm trôi qua mà tôi cũng không thể nói được tôi ra làm sao. Tôi không làm gì cả, không học được gì cả, nhưng tôi đã sống hai năm mà cũng không nhận thấy nữa.

- Tôi muốn được biết là anh bận một công việc gì, tôi muốn được thấy anh ham thích say sưa một cái gì có ích. Tôi rất sợ sự nhàn tản đối với anh.

- Xin nói thật với chị, những chuyến đi đã đem lại kết quả tốt cho tôi là tuy không làm gì cả, nhưng tôi cũng không phải hoàn toàn nhàn tản. Khi người ta được trông thấy nhiều cái đẹp, thì người ta không buồn chán, mà tôi thì khi tôi buồn chán, tôi rất dễ làm những điều bậy bạ. Thật sự, tôi đã trở thành khá đứng đắn, và tôi còn quên cả một số phương pháp mau chóng vốn có để tiêu tiền. Bà thím tội nghiệp của tôi đã trả các món nợ cho tôi, và tôi không vay nợ nữa, tôi không muốn làm như thế nữa. Tôi có khả năng để sống một mình, và vì tôi không có ý định làm ra vẻ giàu có hơn sự thực, tôi sẽ không làm những việc ngông cuồng nữa. Chị mỉm cười ư? Có phải chị không tin sự tu tỉnh của tôi chẳng? Có phải chị cần có những chứng cứ chẳng? Xin chị hãy nghe tôi nêu ra một nét đẹp để này. Hôm nay, Fa-manh, người bạn đã mời tôi đi ăn, muốn bán con ngựa của anh ta cho tôi. Năm nghìn quan. Một con ngựa tuyệt đẹp! Thoạt đầu tôi muốn mua ngay con ngựa, nhưng rồi tôi thầm nghĩ rằng mình đâu phải giàu có đến mức có thể bỏ ra năm nghìn quan làm một việc chơi ngông, vì thế tôi vẫn sẽ đi bộ.

- Thế thì hay quá, anh Mác ạ! Nhưng anh có biết rằng muốn tiếp tục đi theo con đường đúng đắn đó một cách trôi chảy thì phải làm gì không? Anh phải lấy vợ mới được.

- Chao ơi! Lấy vợ à...

- Sao không?...

- Nhưng ai mà muốn lấy tôi? Một người không có quyền khó tính như tôi, mà lại muốn có một người vợ!... Ô! Không còn ai mà tôi có thể hợp được nữa...

Bà Đơ Piên hơi đỏ mặt, nhưng Mác vẫn nói tiếp không nhận thấy điều đó:

- Một người đàn bà ưng lấy tôi... Nhưng thưa chị, chị biết không, có lẽ gần như là một lý do khiến tôi không thể ưng người đó?

- Sao lại thế? Anh điên cuồng thật!

- Ôtelô⁽²¹⁾ chẳng đã nói ở một đoạn nào đó, tôi chắc là để tự thanh minh về những điều anh ta nghi ngờ Đexdêmôn: "Người đàn bà này ắt phải có đầu óc dị kỳ và những thị hiếu hư hỏng nên mới chọn một anh chàng da đen như ta!". Đến lượt tôi, chẳng lẽ tôi lại không thể nói thế này ư: Người đàn bà nào mà ưng tôi, ắt phải có một đầu óc kỳ quái?

- Anh Mác ạ, anh đã là một người khá hư hỏng rồi, nên tôi nghĩ anh chẳng cần làm ra vẻ hư hỏng hơn thực tế làm gì. Anh chớ có nói như thế về bản thân mình, vì sẽ có những kẻ tin lời anh nói. Còn tôi, thì tôi tin chắc rằng nếu một ngày kia... phải, anh yêu tha thiết một người đàn bà nào được anh hết sức trọng nề... lúc đó người ấy sẽ thấy anh là một người...

Bà Đor Piên cảm thấy khó nói hết câu, còn Mác thì chăm chú nhìn bà một cách hết sức tò mò và không hề giúp bà tìm cách kết thúc một đoạn phát biểu bắt đầu khá vụng về.

Mãi sau chàng mới nói tiếp:

- Có phải chị định nói rằng nếu tôi yêu thực sự một người nào, thì người đó sẽ yêu tôi vì khi đó tôi đáng được như thế chẳng?

- Vâng, khi đó anh sẽ xứng đáng được yêu lại.

- Nếu chỉ cần yêu để được yêu thì... thưa chị, điều chị nói không lấy gì làm đúng lắm... Chà! Chị cứ tìm cho tôi một người đàn bà can đảm, và tôi xin lập gia đình ngay. Nếu như người ấy không quá xấu, thì tôi cũng không đến nỗi quá già khiến trái tim tôi nguội lạnh... Còn những mặt khác thì chị không phải chịu trách nhiệm.

- Thế bây giờ, anh ở đâu tới? Bà Đor Piên ngắt lời với vẻ nghiêm trang.

Mác kể về những chuyến đi của chàng một cách rất vắn tắt, nhưng đủ để chứng minh rằng chàng không giống những nhà du lịch mà người Hy Lạp bảo là: Xách va-li đi lại rồi xách va-li về. Những nhận xét ngắn ngủi của chàng biểu thị một đầu óc sáng suốt, không vờ lấy những ý kiến sẵn có, mặc dầu thực ra chàng có trình độ học vấn cao hơn cái vẻ chàng muốn làm. Chẳng bao lâu chàng cáo từ vì nhận thấy bà Đor Piên quay đầu về phía chiếc đồng hồ treo, và chàng hứa với vẻ hơi lúng túng rằng đến chiều chàng sẽ tới nhà bà Đarxonây.

Tuy thế chàng không đến đó, làm cho bà Đor Piên hơi bức. Bù lại, sáng hôm sau chàng đến nhà bà để xin lỗi, lấy cớ đi đường mệt nên phải ở nhà; nhưng chàng cúi nhìn xuống và nói với giọng ngập ngừng đến nỗi người không cần có tài xét đoán nét mặt như bà Đor Piên cũng có thể nhận biết rằng chàng có một điều gì thất bại. Khi nghe chàng thanh minh xong một cách khó nhọc, bà Đor Piên không đáp, chỉ giơ ngón tay đe dọa.

- Chị không tin tôi hay sao? Chàng nói.

- Phải. May mà anh chưa biết nói dối. Hôm qua anh không lại nhà bà Đarxonây không phải là để nghỉ ngơi. Không phải anh đã nằm ở nhà.

- Vâng, thế thì chị nói đúng, Mác cố mỉm cười đáp. Tại đã đi ăn tiệm Rô-sê Đơ Căngcalơ [\(22\)](#) với bọn vô lại ấy, rồi tôi đi uống trà ở nhà thằng Famanh; chúng không chịu buông tha tôi và rồi tôi đã đi đánh bạc.

- Rồi thì anh đã thua, dĩ nhiên quá đi rồi phải không?

- Không, tôi được.

- Càng không tốt. Giá anh thua thì hơn, nhất là nếu cái đó có thể làm cho anh chừa tiết một thói quen vừa rồ dại vừa đáng ghét.

Bà cúi xuống tắm khăn đang thấm và bắt đầu làm việc ra bộ chăm chú hơi quá đáng.

- Ở nhà bà Đarxonây có đông khách không? Mác rụt rè hỏi.

- Không, có ít thôi.

- Không có những cô đến tuổi lấy chồng à?

- Không.

- Thưa chị, vậy mà tôi trông cậy ở chị. Chị biết chị đã hứa với tôi điều gì chứ?

- Chúng ta có khối thời giờ để nghĩ đến điều đó.

Trong giọng nói của bà Đor Piên có cái gì khô khan và miễn cưỡng, khác giọng nói bình thường của bà.

Sau một lúc im lặng, Mác nói tiếp với vẻ tự hạ:

- Chị giận tôi phải không chị? Tại sao chị không quở mắng tôi thật dữ dội, như thím tôi khi xưa, để rồi tha thứ cho tôi? Nào, chị có muốn tôi hứa sẽ không bao giờ đánh bạc nữa không?

- Khi hứa điều gì, người ta cần cảm thấy có can đảm để giữ lời hứa đó.

- Thưa chị, tôi hứa với chị điều gì là tôi sẽ giữ được, tôi tin rằng tôi có sức mạnh và can đảm để làm như thế.

- Nếu thế thì, anh Mác ạ, tôi nhận lời hứa của anh, bà vừa nói vừa giơ tay ra cho Mác bắt.

- Tôi đánh bạc được một nghìn một trăm quan, chàng nói tiếp; chị có muốn dùng số tiền đó cho kẻ nghèo không? Không bao giờ tiền phí nghĩa lại được sử dụng một cách hữu ích hơn thế.

Bà ngần ngại một lúc.

- Sao lại không muốn? bà nói to với bản thân. Nào, anh Mác ạ, anh sẽ nhớ mãi bài học này. Tôi xin ghi tên anh là người nợ tôi một nghìn một trăm quan.

- Thím tôi thường nói rằng cách tốt nhất để không mắc nợ, là bao giờ cũng trả bằng tiền mặt.

Vừa nói, chàng vừa rút ví ra để lấy tiền. Trong ví mở hé, bà Đơ Piên thoáng thấy một bức ảnh phụ nữ.

Mác nhận thấy nên đỏ mặt, vội vã gấp ví lại rồi đưa tiền cho bà.

- Tôi rất muốn xem cái ví... nếu có thể được, bà vừa nói vừa mỉm cười ranh mãnh.

Mác hoàn toàn lúng túng, lúng búng nói mấy tiếng không rõ và cố đánh lạc hướng chú ý của bà Đơ Piên.

Ý nghĩ đầu tiên của bà Đơ Piên là cho rằng trong ví đựng bức ảnh của một cô nàng người Ý xinh đẹp nào đó, nhưng vẻ bối rối rõ rệt của Mác và màu sắc chung của bức chân dung nhỏ - bà chỉ trông được có thể - chẳng bao lâu gọi ra trong tâm trí bà một sự nghi ngờ khác. Xưa kia bà có tặng bà Ôbrê một bức ảnh của bà, và bà đoán rằng Mác, lấy tư cách là người thừa kế trực tiếp của bà Ôbrê, đã tự cho mình quyền chiếm lấy bức ảnh đó. Bà nghĩ rằng đó là một sự lỗ mắng ghê gớm. Tuy vậy, bà không hề để lộ ra ngay; nhưng đến lúc Mác cáo từ ra về, bà nói với chàng:

- Nhân tiện tôi nhờ anh, thím anh có một bức ảnh của tôi, tôi rất muốn được xem lại bức ảnh đó.

- Tôi không biết... ảnh nào nhỉ?... Ảnh ra sao nhỉ? Mác hỏi giọng rất lúng túng.

Lần này bà Đơ Piên quyết làm ra vẻ như không nhận thấy chàng nói dối.

- Anh hãy tìm đi, bà cố lấy giọng tự nhiên nhất để bảo chàng. Tôi sẽ cảm ơn anh lắm.

Không kể chuyện bức ảnh, bà cũng khá hài lòng về tính dễ bảo của Mác và tự hứa với mình sẽ cứu vớt một con chiên lầm lạc nữa.

Hôm sau, Mác đã tìm thấy bức ảnh và chàng mang lại với vẻ khá thản nhiên. Chàng nhận xét rằng ảnh không giống lắm và họa sĩ đã tạo ra một kiểu ngồi cứng nhắc và một nét mặt nghiêm nghị không có gì là tự nhiên. Từ lúc đó, mỗi khi đến thăm bà Đơ Piên, Mác không ngồi lâu như trước và những lúc ở bên bà, chàng có một vẻ hờn dỗi mà bà chưa bao giờ thấy ở chàng. Bà cho rằng vẻ mặt đó là tại chàng phải cố những cố gắng ban đầu để giữ lời hứa và cưỡng lại những dục vọng xấu xa của chàng.

Chừng nửa tháng sau khi ông Đơ Xalinhi⁽²³⁾ tới, bà Đơ Piên lại theo thường lệ đi thăm người con gái được bà che chở là Arxen Guyô, mà bà chẳng hề quên và cả quý bà nữa, tôi hy vọng rằng quý bà cũng chưa quên cô gái đó. Sau khi hỏi mấy câu về tình hình sức khỏe của nàng và về những lời người ta chỉ giáo cho nàng, bà nhận thấy bệnh nhân trong người còn khó chịu hơn cả mấy ngày hôm trước, nên bà nhận đọc sách cho nàng nghe để nàng khỏi phải nói năng mệt nhọc. Cô gái đáng thương chắc hẳn thích chuyện trò hơn là nghe đọc những cái mà người ta đề

nghe với mình, vì quý bà cũng thừa rõ rằng, đó là một cuốn sách rất đứng đắn, mà Arxen thì trước nay vẫn đọc những cuốn tiểu thuyết của những chị nấu bếp. Cuốn sách mà bà Đơ Piên cầm lấy, chính là một cuốn nói về lòng kính Chúa; và tôi xin không nêu tên nó ra, trước hết vì tôi không muốn làm điều không phải đối với tác giả của nó, sau nữa vì quý bà có lẽ sẽ trách tôi là định rút ra một kết luận đầy ác ý nào đó đối với những loại sách như thế nói chung. Chỉ cần nói rằng cuốn sách đó là tác phẩm của một chàng thanh niên mười chín tuổi, chuyên về việc làm hòa với Chúa những phụ nữ đã dạn dày tội lỗi; rằng Arxen rất mệt nhọc và đêm hôm trước cô ta không hề chợp mắt. Đọc đến trang thứ ba thì xảy ra cái điều phải xảy ra đối với bất kỳ tác phẩm nào khác, dù đứng đắn hay không đứng đắn; điều không tránh khỏi đã xảy ra: tôi muốn nói là cô Guyô nhắm mắt lại và ngủ. Bà Đơ Piên thấy thế lấy làm khoái chí về tác dụng an thần mà bà vừa tạo ra. Thoạt tiên bà hạ thấp giọng xuống để người ốm khỏi thức giấc khi thấy tiếng đọc sách đột nhiên ngừng lại, đoạn bà đặt cuốn sách xuống và nhẹ nhàng đứng dậy, rón rén đi ra; nhưng người đàn bà coi bệnh nhân lại có thói quen xuống buồng ngủ gác cửa mỗi khi bà Đơ Piên tới, vì những cuộc tới thăm của bà hơi giống những cuộc thăm viếng của một ông cố rửa tội. Bà Đơ Piên định chờ người coi bệnh trở về; và vì bà là người rất ghét sự nhàn rỗi, nên bà tìm một công việc gì để làm trong những phút ở bên người đang ngủ. Trong một buồng nhỏ sau hốc tường, có một cái bàn và giấy bút; bà bèn ngồi xuống đó và viết một lá thư. Trong lúc bà mãi tìm miếng xi gắn phong bì trong ngăn kéo bàn, một người đột nhiên bước vào phòng, đánh thức người ốm dậy.

- Lạy chúa! tôi nhìn thấy gì vậy? Arxen kêu lên, lạc hẳn giọng đi, đến nỗi bà Đơ Piên phải rùng mình.

- Nay, tôi được nghe câu chuyện mới mê ly chứ! Thế là nghĩa lý gì? Ai lại ngu ngốc nhảy qua cửa sổ như thế! Có bao giờ người ta lại thấy một cái đầu óc như đầu óc cái con này không?

Tôi không biết tôi có nhắc lại đúng lời lẽ không; nhưng ít nhất đó là nội dung lời nói của người mới vào, và qua giọng nói, bà Đơ Piên nhận ra ngay là Mác Đơ Xalinhi. Tiếp theo đó là mấy tiếng thán từ, mấy tiếng kêu bị nghẽn của Arxen, rồi đến một tiếng hôn khá kêu.

Cuối cùng Mác nói tiếp:

- Em Arxen tội nghiệp, anh gặp lại em trong tình trạng mới thê thảm làm sao? Em có biết là nếu không có Giuyli chỉ cho anh địa chỉ sau cùng của em, thì anh sẽ không mò ra chỗ ở của em không? Nhưng có ai thấy được sự điên dại như thế này bao giờ không?

- A! Anh Xalinhi! Anh Xalinhi! Em sung sướng biết chừng nào? Nhưng em hối hận về việc em đã làm quá! Anh sẽ không thấy em dễ thương nữa. Anh sẽ không thích em nữa, phải không?...

- Em thật ngốc quá, Mác nói, sao em không viết thư nói cho anh biết rằng em cần tiền? Sao em không xin tiền của tay thiếu tá? Thế thằng cha người Nga của em ra sao rồi? Thằng Cô dắc của em đi rồi hay sao? Khi nhận ra tiếng nói của Mác, bà Đơ Piên thoạt tiên cũng ngạc nhiên gần bằng Arxen. Sự kinh ngạc khiến bà không thể lộ diện ngay lập tức; đoạn bà suy nghĩ không biết có nên ra mặt hay không, và khi người ta vừa lắng nghe vừa suy nghĩ thì không thể quyết định mau chóng được. Thành thử bà nghe được câu chuyện đàm thoại rất đạo đức mà tôi vừa thuật lại; nhưng rồi bà hiểu rằng nếu cứ ở lại trong cái buồng nhỏ, bà có thể còn phải nghe những chuyện như thế nhiều hơn nữa. Bà bèn quyết định bước vào phòng với cái dáng điệu bình tĩnh hiền ngang mà những người đạo đức rất ít khi mất và có thể tạo ra lúc cần.

- Anh Mác, bà nói, anh làm tội người con gái đáng thương này; anh về đi. Một giờ nữa anh hãy đến nói chuyện với tôi.

Mác tái người đi như xác chết, khi nhìn thấy bà Đơ Piên xuất hiện ở một nơi mà chàng không bao giờ dám ngờ sẽ gặp bà; cử động đầu tiên của chàng là vâng lời, và chàng tiến một bước về phía cửa.

- Anh đi à!... Anh đừng đi! Arxen kêu lên, ngồi nhóm dậy trên giường với sự cố gắng tuyệt vọng.

- Em ạ, bà Đơ Piên vừa nói vừa cầm lấy bàn tay Arxen, em nên biết điều mới được. Em hãy nghe lời tôi. Em hãy nhớ lại điều em đã hứa với tôi.

Rồi bà đưa mắt nhìn Mác, một cái nhìn bình tĩnh nhưng nghiêm hách, làm cho Mác bước ra ngay. Arxen ngã vật xuống giường; thấy Mác bước ra, nàng ngất đi. Bà Đơ Piên và người coi bệnh nhân - trở về sau đó một lúc - cứu chữa cho Arxen với tài khéo léo mà phụ nữ thường có những lúc tai nạn như thế. Dần dần Arxen tỉnh lại. Thoạt tiên, nàng đưa mắt nhìn quanh khắp phòng, như để tìm người mà cô nhớ đã trông thấy ở đó hồi nãy; rồi nàng hướng đôi mắt đen to về phía bà Đơ Piên và nhìn bà chăm chăm:

- Có phải chồng bà đấy không? Cô nói.

- Không, bà Đơ Piên đáp, mặt hơi ửng đỏ nhưng không phải vì thế mà giọng nói kém vẻ dịu dàng. Ông Đơ Xalinhi là một người bà con của tôi.

Bà tưởng có thể cho phép mình nói dối tí chút như thế để giải thích cái uy thế của bà đối với Mác.

- Nếu vậy thì, Arxen nói, chính bà là người anh ấy yêu!

Và nàng vẫn không thôi nhìn bà bằng cặp mắt sáng rực như hai ngọn đuốc.

Anh ấy à! Một ánh chớp lóe lên trên trán bà Đơ Piên. Trong chốc lát, hai gò má của bà đỏ ửng và bà nói không ra tiếng nữa, nhưng chẳng bao lâu bà lại lấy được vẻ bình thản.

- Em nhầm đấy, em thân yêu ạ, bà nói giọng nghiêm nghị. Ông Đơ Xalinhi đã hiểu rằng mình có lỗi khi nhắc lại với em những kỷ niệm mà ký ức của em may không còn giữ nữa. Em đã quên...

- Quên! Arxen kêu lên với nụ cười của một tội nhân trong hỏa ngục, trông thật tội nghiệp.

- Phải, Arxen ạ, em đã từ bỏ mọi ý nghĩ điên rồ của một thời kỳ không bao giờ trở lại nữa. Em bé tội nghiệp ạ, em thử nghĩ xem, chính vì mối quan hệ tội lỗi ấy mà em phải chịu tất cả những tai họa của em. Em thử nghĩ xem...

- Anh ấy không yêu bà ư? Arxen ngắt lời không nghe, anh ấy không yêu bà mà bà chỉ đưa mắt nhìn một cái là anh ấy hiểu ngay! Em đã trông thấy hai mắt bà và hai mắt của anh ấy. Em không nhầm... Xét kỹ... thì đúng thôi! Bà đẹp, trẻ, lộng lẫy... còn em què quặt, mặt mũi sứt sẹo... sắp chết...

Nàng không thể nói hết lời, ghen ngào trong những tiếng nức nở dữ dội và đau đớn đến nỗi người hộ lý phải kêu lên là sẽ đi gọi thầy thuốc; theo lời mẹ, thầy thuốc không sợ gì hơn những cơn co giật như thế, và nếu tình trạng kéo dài thì cô bé tội nghiệp sẽ chết mất. Dần dần, thứ nghị lực mà Arxen đã tìm thấy ngay trong nỗi đau đớn da diết nhường chỗ cho một sự ủ rũ dờ dẩn mà bà Đơ Piên tưởng nhầm là an tĩnh. Bà tiếp tục khuyến miễn Arxen, không động dậy, đâu có nghe những lý lẽ tốt đẹp hay ho mà người ta nêu ra để làm cho nàng đặt tình yêu thần thánh lên trên tình yêu trần tục, mắt nàng ráo hoảnh, môi nàng mím lại và giật giật. Trong khi ân nhân của nàng nói với nàng về Trời Đất, về tương lai, thì nàng nghĩ đến hiện tại. Việc Mác đến bất thành linh đã thức tỉnh trong khoảnh khắc những ảo mộng điên cuồng trong lòng nàng, nhưng cái liếc mắt của bà Đơ Piên đã làm chúng phải tiêu tan còn nhanh chóng hơn. Sau một phút mộng êm đềm, Arxen chỉ còn thấy lại cái thực tế buồn thảm, trở thành khủng khiếp gấp trăm lần vì đã được quên đi trong giây lát.

Thưa quý bà, ông thầy thuốc của quý bà sẽ kể cho quý bà biết rằng những kẻ đắm tàu, bất chợt ngủ thiếp đi giữa lúc bị cơn đói giày vò, thường mơ thấy mình ngồi ăn uống phê phỡn. Khi họ thức giấc, họ cảm thấy đói hơn và chỉ tiếc giá mình đừng ngủ. Arxen đang bị giày vò đau đớn như những kẻ đắm tàu kia. Khi xưa nàng đã yêu Mác với tất cả mối tình có thể có trong tim. Nàng chỉ thích đi xem hát với chàng, vui đùa với chàng trong những cuộc đi chơi về nông thôn, luôn miệng nói về chàng với các bạn gái. Khi Mác ra đi, nàng đã khóc nhiều, tuy vậy nàng đã chấp nhận sự ngưỡng mộ của một anh chàng Nga được Mác sung sướng xem là người kế tục

mình, vì Mác cho anh ta là người phong nhã, nghĩa là hào phóng. Chừng nào nàng còn có thể sống cuộc đời điên cuồng của những phụ nữ thuộc loại nàng, thì mối tình của nàng đối với Mác chỉ là một kỷ niệm êm ái đôi khi làm nàng thờ dãi. Nàng nghĩ đến mối tình đó như người ta nghĩ đến những trò đùa thời thơ ấu, song không ai muốn quay lại nữa, nhưng đến khi Arxen không còn người tình lang nào nữa, thấy mình bị bỏ rơi và chịu đựng tất cả gánh nặng của sự nghèo khổ và nhục nhã, khi đó mối tình của nàng đối với Mác có thể nói là trong sáng lên, vì đó là kỷ niệm duy nhất không gợi lên trong lòng nàng chút ăn năn hối hận nào. Kỷ niệm đó còn nâng cao nàng lên trong con mắt của bản thân nàng, và nàng cảm thấy mình hèn hạ đi bao nhiêu thì càng thấy hình ảnh của Mác lớn lên bấy nhiêu trong trí tưởng tượng của nàng. Ta đã có lúc là tình nương của anh ấy, anh ấy đã yêu ta, nàng tự nhủ thầm kiêu hãnh mỗi khi ghê tởm nghĩ tới cuộc đời giang hồ của mình. Trong đầm lầy Manhtuynơ, Mariuyt(24) tự nhủ để củng cố lòng can đảm của mình: Ta đã thắng quân Xanhbơ! Cô gái được người ta bao nuôi - than ôi!... Cô không còn được như thế nữa - chỉ còn kỷ niệm sau đây để chống lại nỗi xấu hổ và thất vọng: Mác đã yêu ta... Anh ấy ngày nay vẫn còn yêu ta! Có một lúc, cô đã dám nghĩ như thế; nhưng bây giờ người ta vừa mới giặt mắt của cô ngay cả những kỷ niệm là báu vật duy nhất của cô còn lại ở trên đời này.

Trong lúc Arxen buông theo những ý nghĩ buồn thảm của mình, bà Đơ Piên hằng hái chỉ cho nàng thấy rằng nàng cần từ bỏ vĩnh viễn những cái mà bà gọi là những bước lầm lạc đầy tội ác. Khi người ta tin tưởng mãnh liệt vào một điều gì, người ta trở thành rắn trơ như đá; và chẳng khác một nhà phẫu thuật áp miếng sắt nung vào một vết thương mà không nghe tiếng kêu la của con bệnh, bà Đơ Piên tiếp tục làm nhiệm vụ của mình với một sự cương quyết nhẫn tâm. Bà nói rằng thời kỳ hạnh phúc mà Arxen đã trốn vào như để tìm lối thoát đối với bản thân là một thời kỳ tội lỗi và ô nhục mà chính bây giờ Arxen phải đền trả. Những ảo tưởng ấy, nàng cần phải cảm ghét và xua đuổi ra khỏi lòng mình: người mà trước nay nàng coi như ân nhân và gần như một vị thần hộ mệnh, bây giờ chỉ nên xem như một kẻ đồng phạm nguy hại, một kẻ quyến anh rủ ến mà nàng cần xa lánh vĩnh viễn.

Tiếng kẻ quyến rũ, mà bà Đơ Piên dùng không cảm thấy khôi hài, làm cho Arxen xuýt nữa phải bật cười trong khi đang khóc; nhưng bà ân nhân đáng tôn kính của nàng không nhận thấy điều đó. Bà vẫn hằng hái tiếp tục bài khuyến miễn của bà, rồi bà kết thúc nó bằng một câu kết càng làm cho cô con gái tội nghiệp kia khóc nức nở, câu kết đó là: Em không được gặp người đó nữa. Ông thầy thuốc đến và Arxen lim đi hoàn toàn, việc đó nhắc bà Đơ Piên nhớ lại rằng bà đã làm khá đủ công việc của bà. Bà xiết chặt bàn tay của Arxen và từ biệt nàng bằng mấy lời này:

- Can đảm lên em ạ, Chúa sẽ không bỏ em đâu. Bà vừa làm tròn một bốn phận, nhưng có một bốn phận nữa còn khó hơn. Một kẻ có tội khác đang chờ bà, bà phải khai thông cho linh hồn người này biết xám hối, và mặc dầu bà tìm thấy sự tin tưởng trong nhiệt tình làm việc ân phúc của mình, mặc dầu bà có uy thế đối với Mác và bà đã có những bằng chứng về uy thế đó, mặc dầu trong thâm tâm bà vẫn còn giữ một cảm tưởng tốt về con người phóng đảng này, bà vẫn cảm thấy lo âu lạ lùng khi nghĩ tới cuộc chiến đấu mà bà sắp phải bước vào. Trước khi tiến hành cuộc đấu tranh ghê gớm này, bà muốn lấy lại sức lực, nên bà vào một nhà thờ, cầu (25) **Tướng La-mã** (156 - 86 trước C.N.), nắm quyền chính ở La-mã. Đại thắng quân Xanhbơ ở Verxây trên bán đảo Ý năm 101. Ông tranh quyền với Xila. Thoạt tiên ông thắng thế, nhưng sau Xila đem quân tiến vào thành La-mã khiến ông phải chạy trốn. Bị quân của Xila tìm ra trong đầm lầy Manhtuynơ (gần La-mã), ông bị bắt. Chúa ban cho những nguồn cảm hứng mới để bảo vệ công cuộc của mình.

Khi bà về tới nhà, người ta báo tin ông Đơ Xalinhi đang ở phòng khách và chờ bà đã khá lâu. Bà thấy Mác xanh xao, bồn chồn, đầy lo âu. Hai người ngồi xuống. Mác không dám mở miệng; còn bà Đơ Piên, bản thân cũng xúc động mà không biết cụ thể vì sao, không nói gì hồi lâu và chỉ nhìn trộm Mác. Cuối cùng bà mở đầu:

- Anh Mác ạ, bà nói, tôi sẽ không quở trách anh đâu...

Mác ngẩng đầu lên một cách khá kiêu hãnh. Đôi ánh mắt chạm nhau, và Mác lập tức nhìn xuống.

- Trái tim trung hậu của anh, bà nói tiếp, trong lúc này còn nói với anh nhiều hơn những điều tôi có thể nói. Đây là một bài học mà Chúa Trời muốn ban cho anh; tôi hy vọng như thế, tôi tin chắc chắn như thế... bài học đó sẽ không thành vô ích.

- Thừa chị, Mác ngắt lời, tôi chỉ biết sơ qua những sự việc đã xảy ra. Người con gái khốn khổ đó đã nhảy qua cửa sổ, đó là điều tôi được nghe người ta nói; nhưng tôi đâu dám khoe khoang... tôi muốn nói tôi đau đớn... tin rằng mối quan hệ khi xưa giữa tôi với cô ta là nhân tố quyết định hành động điên cuồng đó.

- Anh Mác, anh nên nói thế này thì hơn, rằng khi làm điều ác, anh không lường tới những hậu quả của nó. Khi anh đẩy người con gái ấy vào cuộc đời phóng đảng, anh không nghĩ rằng một ngày kia cô ta sẽ quỳn sinh.

- Thừa chị, Mác hơi hùng hổ kêu lên, xin chị cho phép tôi thừa rằng tôi không hề quỳn rũ Arxen Guyô. Khi tôi quen cô ta, cô ta đã bị quỳn rũ hoàn toàn rồi. Cô ta đã là nhân tình của tôi, tôi không hề chối điều đó. Tôi còn thú nhận rằng tôi đã yêu cô ta nữa... như người ta có thể yêu một người thuộc tầng lớp ấy... Tôi cho rằng đối với tôi, cô ta đã có ít nhiều quỳn luyến hơn đối với một kẻ khác... Nhưng đã lâu nay mọi quan hệ giữa chúng tôi đã chấm dứt, mà cô ta cũng không hề tỏ ra luyến tiếc lắm. Lần cuối cùng tôi được tin về cô ta, tôi đã gửi tiền cho cô ta: nhưng cô ta là người ăn tiêu không có kế hoạch... Cô ta xấu hổ không dám xin tiền tôi nữa, vì cô ta cũng có lòng kiêu hãnh của cô ta... Sự nghèo đói đã đẩy cô ta đến quyết định khủng khiếp đó... Tôi rất lấy làm buồn... Nhưng, thừa chị, tôi xin nhắc lại với chị rằng trong tất cả chuyện này, tôi tự nghĩ mình không có gì đáng chê trách cả.

Bà Đơ Piên vò nhàu mảnh vải đang thêu dở trên bàn, rồi nói:

- Tất nhiên, theo quan niệm trên đời này, anh không có tội, anh không chịu trách nhiệm, nhưng còn có một thứ luân lý khác luân lý trên đời, và chính là tôi muốn anh cư xử theo những quy tắc của thứ luân lý ấy. Bây giờ, có lẽ anh không sẵn sàng tiếp nhận lời tôi nói. Chúng ta hãy gác vấn đề đó lại. Điều tôi muốn yêu cầu anh hôm nay, là một lời hứa mà tôi tin chắc anh sẽ không từ chối. Người con gái khốn khổ đó đã biết ăn năn. Cô ta đã kính cẩn nghe những lời khuyên nhủ của một tu sĩ khả kính, hạ cố đến thăm cô ta. Chúng tôi có đầy đủ lý do để hy vọng về cô ta. Còn anh, anh không được gặp cô ta nữa, vì lòng cô ta hãy còn đang nghiêng ngả giữa điều thiện và điều ác, và chẳng may anh không muốn mà có lẽ cũng không có khả năng giúp ích cô ta. Gặp cô ta, anh có thể làm hại cho cô ta nhiều... Chính vì thế tôi yêu cầu anh cam đoan sẽ không đến chỗ cô ta nữa.

Mác giật mình ngạc nhiên.

- Anh Mác, anh sẽ không từ chối tôi điều đó; nếu thím anh còn sống, thím anh sẽ van nài anh điều đó. Anh hãy tưởng tượng là chính thím anh đang nói với anh.

- Trời đất ơi! thừa chị, chị yêu cầu tôi điều gì thế! chị bảo tôi làm hại gì người con gái khốn khổ đó? Trái lại, tôi, một người... đã gặp gỡ cô ta trong thời điên dại, phải chăng bây giờ phải có nhiệm vụ phải bỏ rơi cô ta giữa lúc cô ta đau ốm và đau nặng lắm, nguy hiểm lắm, nếu đúng như lời người ta nói với tôi?

- Tất nhiên đó là luân lý trên đời này, nhưng đó không phải là thứ luân lý của tôi. Bệnh càng nặng, càng cần anh không được gặp cô ta nữa.

- Nhưng thừa chị, mong chị nghĩ cho rằng trong tình trạng như của cô ta bây giờ, ngay cả những người đạo mạo nhất cũng không có gì mà hoảng sợ... Này nhé, thừa chị, nếu tôi có một con chó đang ốm và biết rằng nếu trông thấy tôi thì nó vui thích được phần nào thì tôi thiết nghĩ nếu tôi bỏ mặc cho nó chết cô độc thì thật là ác. Có lẽ một người nhân đức từ thiện như chị thì chị nghĩ khác. Nhưng chị thử nghĩ xem, riêng tôi, tôi cho rằng nếu thế thì quả là tàn nhẫn.

- Lúc này tôi có yêu cầu anh hứa như thế, nhân danh thím anh... nhân danh tình bạn thăm thiết của anh đối với tôi... bây giờ, tôi nhân danh chính người con gái khốn khổ đó mà yêu cầu

anh như thế. Nếu quả thực anh yêu người con gái ấy...

- Chao ôi! thưa chị, tôi van chị, chị đừng ghép lại với nhau những cái không thể so sánh với nhau như thế. Thưa chị, xin chị tin chắc rằng tôi đau khổ hết sức khi cưỡng lại chị về bất cứ cái gì, nhưng quả thật, tôi thấy tôi bắt buộc phải cưỡng lại vì danh dự... Tiếng đó làm chị không hài lòng ư? Xin chị bỏ qua cho. Duy có điều đến lượt tôi, tôi xin cầu khẩn chị, nhân danh lòng thương hại người con gái bất hạnh đó... và cũng đôi chút vì lòng thương hại tôi... Nếu tôi đã làm những điều tội lỗi... nếu tôi đã góp phần kìm giữ người con gái đó trong cuộc đời phóng đảng... thì bây giờ tôi phải chăm sóc cô ta. Nếu tôi bỏ rơi cô ta thì thật là gớm ghiếc. Tôi sẽ không tha thứ cho tôi điều đó được. Không, tôi không thể bỏ rơi cô ta. Thưa chị, chị sẽ không đòi hỏi tôi điều đó.

- Cô ta sẽ không thiếu gì những sự săn sóc khác. Nhưng, anh Mác, anh hãy trả lời tôi: anh có yêu cô ta không?

- Yêu cô ta... yêu cô ta... không... Tôi không yêu cô ta. Đó là một tiếng không thích hợp ở đây... Yêu cô ta: than ôi! Không. Tôi đã đi tìm bên cô ta một sự tiêu khiển để lãng quên một tình cảm nghiêm túc hơn mà tôi phải chống lại... Điều ấy hình như khô hạn, không thể hiểu được đối với chị phải không? Tâm hồn trong trắng của chị không thể thừa nhận rằng người ta có thể đi tìm một thứ thuốc như thế... chị ạ, đấy không phải là hành động xấu xa nhất trong đời tôi đâu. Nếu bọn nam giới chúng tôi đôi khi không có khả năng đánh lạc hướng say đắm của mình... thì có lẽ bây giờ... có lẽ chính tôi đã nhảy qua cửa sổ rồi. Nhưng tôi không biết tôi nói gì, còn chị thì không thể hiểu được tôi... đến ngay cả tôi, tôi cũng chỉ tự hiểu được lòng mình một phần nào.

- Tôi đang hỏi anh rằng anh có yêu cô ta không, bà Đơ Piên nói tiếp, mắt nhìn xuống, giọng nói hơi ngập ngừng, vì rằng nếu anh có tình... thân ái đối với cô ta, tất nhiên anh sẽ có can đảm làm khổ cô ta đôi chút để rồi làm cô ta được sung sướng nhiều. Cố nhiên cô ta sẽ khổ sở về nỗi buồn không được gặp anh; nhưng nếu như bây giờ anh làm cô ta đi chệch con đường mà cô ta đã bước vào một cách gần như kỳ diệu, thì đó sẽ là một điều nghiêm trọng hơn nhiều. Muốn cho linh hồn cô ta được cứu rỗi, anh Mác ạ, thì cần làm sao cho cô ta quên hẳn một thời kỳ mà sự có mặt của anh sẽ làm sống động trong tâm trí cô ta.

Mác lắc đầu không đáp. Chàng không phải là một người tin Chúa, cho nên mấy tiếng cứu rỗi kia tuy rất có mãnh lực đối với bà Đơ Piên nhưng đối với tâm hồn chàng đâu có tác dụng mạnh mẽ gì. Song về điểm này, không có cách gì tranh cãi với bà. Bao giờ chàng cũng lảng tránh bày tỏ những điều mình còn hoài nghi, và cả lần này nữa chàng im lặng, tuy vậy cũng dễ nhận thấy chàng chưa chịu là phải.

- Tôi sẽ dùng ngôn ngữ trên đời này để nói với anh, bà Đơ Piên nói tiếp, nếu chẳng may anh chỉ có thể hiểu thứ ngôn ngữ đó; thật thế, chúng ta đang tranh luận về một con tính số học. Gặp anh, cô ta không được lợi gì cả mà thiệt rất nhiều. Bây giờ tùy anh lựa chọn.

- Thưa chị. Mác nói giọng cảm động, tôi hy vọng rằng chị không còn nghi là tôi đối với Arxen còn có một tình cảm nào khác ngoài sự quan tâm... rất tự nhiên. Như thế thì có nguy hại gì không? Không có nguy hại gì cả. Chị nghi ngờ tôi à? Có dễ chị nghĩ rằng tôi muốn phá hoại những lời khuyên nhủ rất đúng của chị nói với cô ta chẳng? Ôi trời ơi! với một người như tôi vốn ghét những cảnh tượng bi thảm và khiếm nhã, lánh xa chúng, chị cho rằng tôi tìm gặp một người sắp chết với những ý định tội lỗi hay sao? Thưa chị, tôi xin nhắc lại với chị rằng, đối với tôi, chính một ý nghĩ về bốn phạm, một sự đền tội, gọi là một sự trừng phạt cũng được, là cái tôi đến tìm ở bên cô ta.

Nghe thấy thế, bà Đơ Piên ngẩng đầu lên và chăm chú nhìn Mác với khí sắc phấn hứng làm cho tất cả nét mặt của bà đượm vẻ cao thượng cực kỳ.

- Một sự đền tội, một sự trừng phạt, có phải anh nói thế không? Phải chính thế đấy. Anh Mác ạ, anh không biết đấy chứ, có lẽ anh tuân nghe một sự cảnh báo của Đấng tối cao, và anh cưỡng lại tôi là đúng... Được, tôi bằng lòng. Anh cứ gặp người con gái ấy, để cô ta trở thành công cụ cứu rỗi linh hồn cho anh cũng như thiếu chút nữa anh thành công cụ làm hại cô ta đời đời.

Thưa bà, chắc Mác không hiểu được rõ như quý bà lời cảnh cáo của Đấng tối cao là thế nào. Sự thay đổi quyết định đột ngột như thế làm cho chàng ngạc nhiên, chàng không biết do đâu mà có, chàng không biết có nên cảm ơn bà Đơ Piên đã nhượng bộ trước ý muốn của chàng không; nhưng, trong lúc này, điều bận tâm lớn nhất của chàng là đoán xem sự bướng bỉnh của chàng đã làm phát chán hay là đã thuyết phục được người mà chàng sợ nhất là làm phật ý.

- Duy có điều, anh Mác ạ, bà Đơ Piên nói tiếp, tôi cần phải yêu cầu anh, hay nói cho đúng hơn là tôi đòi hỏi anh...

Bà ngừng lại một lúc, và Mác gật đầu tỏ ý rằng bà bảo sao chàng cũng chịu.

- Tôi đòi hỏi, bà nói tiếp, anh chỉ được gặp nàng khi có tôi.

Mác tỏ vẻ ngạc nhiên, nhưng sau đó chàng vội vã tỏ ý vâng lời.

- Tôi không hoàn toàn tin anh bà vừa mỉm cười vừa nói tiếp. Tôi vẫn còn sợ anh làm hỏng công trình của tôi, và tôi muốn thành công. Trái lại, được tôi kiểm soát, anh sẽ trở thành một người phụ tá có ích, và tôi hy vọng rằng sự phục tùng của anh sẽ được thưởng công.

Vừa nói như thế, bà đưa tay ra cho Mác bắt. Hai người ước hẹn với nhau là hôm sau Mác sẽ đi thăm Arxen Guyô và bà Đơ Piên sẽ đến trước để chuẩn bị cuộc gặp gỡ cho Arxen.

Chắc quý bà hiểu dự định của bà Đơ Piên. Thoạt đầu, bà tưởng sẽ thấy Mác lòng đầy hối hận và bà sẽ dễ dàng rút ra từ cái gương Arxen đề tài của một bài thuyết giáo hùng hồn chống những dục vọng xấu xa của chàng; nhưng, trái với sự chờ đợi của bà, Mác cho là mình không chịu trách nhiệm gì hết. Cần phải thay đổi phần mở đầu và trong một lúc quyết định, đảo ngược cả một bài thuyết giảng đã được chuẩn bị trước; đó là một công việc gần nguy hiểm bằng việc vạch một kế hoạch chiến đấu mới giữa một cuộc tấn công bất ngờ. Bà Đơ Piên không thể xuất bất kỳ bất ý nghĩ ra cách xoay sở. Đáng lẽ răn trách Mác, bà đã tranh luận với chàng về một vấn đề tiện hay không tiện. Bỗng nhiên, một ý nghĩ mới nảy ra trong trí của bà. Sự ăn năn của người con gái đồng phạm với chàng nhất định sẽ làm cho chàng động tâm, bà nghĩ thế. Cái chết trong lòng Chúa của một người phụ nữ mà chàng đã yêu (và buồn thay bà không thể nào không tin chắc rằng cái chết đó đang tới gần) nhất định sẽ có một tác dụng quyết định. Chính vì hy vọng như thế mà đột nhiên bà quyết tâm cho phép Mác gặp lại Arxen. Hoãn cuộc khuyết miễn dự định trước kia, bà còn được một cái lợi khác: vì, hình như tôi đã nói với quý bà ở trên kia, mặc dầu bà Đơ Piên rất muốn cứu vớt một người mà bà rất buồn phiền vì thấy lầm lạc sa ngã, ý nghĩ phải lao vào một cuộc tranh luận nghiêm túc với chàng làm cho bà bất giác run sợ.

Bà đã tin tưởng rất nhiều vào tính chất nhân đức của công cuộc bà làm; bà vẫn còn nghi ngờ sự thành công, mà nếu không thành công tức là mất hết hy vọng cứu vớt linh hồn của Mác, tức là bà sẽ buộc lòng phải thay đổi tình cảm đối với chàng. Có lẽ quý Xa tăng, muốn bà khỏi đề phòng cảm tình sâu sắc của bà đối với người bạn từ thời thơ ấu, đã cẩn thận tìm cách thanh minh cho mỗi cảm tình đó bằng một hy vọng rất hợp với đạo lý tôn giáo. Mọi thứ vũ khí đều tốt đối với kẻ căm dỗ (26) và hẳn thường dùng những phương pháp như thế. Chính vì vậy nên người Bồ Đào Nha có câu nói rất văn vẻ như sau: *De boas intencões esta o inferno cheio* (Hỏa ngục lát bằng những thiện ý). Tiếng Pháp của chúng ta thì nói rằng nó tràn ngập những miệng lưỡi phụ nữ, và thế cũng như nhau thôi, vì theo ý nghĩ của tôi, phụ nữ bao giờ cũng muốn điều thiện.

Quý bà nhắc tôi nhớ lại câu chuyện của tôi. Vậy thì hôm sau bà Đơ Piên đến nhà người con gái được bà che chở, bà thấy nàng rất yếu đuối, rất ủ rũ, nhưng lại bình tĩnh và nhẫn nhục vượt khỏi sự hy vọng của bà. Bà lại nói về ông Đơ Xalinhi, nhưng có ý dè dặt hơn hôm trước. Quả thực Arxen phải triệt để từ bỏ chàng ta và chỉ nên nghĩ đến chàng ta để hối tiếc cho sự mù quáng chung của hai người. Nàng còn phải, và đây là một phần khổ hình xám hối, nàng còn phải tỏ sự ăn năn của mình cho chính Mác thấy, phải nêu gương cho Mác bằng cách thay đổi lối sống, và phải đảm bảo trong tương lai cho chàng ta sự an tĩnh lương tâm và chính nàng đang được hưởng. Ngoài những lời khuyến miễn rất hợp tôn giáo đó, bà Đơ Piên không quên thêm mấy lý lẽ trần tục nữa, ví dụ nếu Arxen thực sự yêu ông Đơ Xalinhi thì nàng phải mong cái hay

cho chàng trước nhất, và bằng cách thay đổi tính hạnh của mình nàng sẽ xứng đáng với lòng quý mến của một người trước nay chưa có thể thực sự quý mến nàng. Tất cả những gì nghiêm khắc và buồn rầu trong bài diễn văn đó đột nhiên biến đâu mất, khi kết thúc bà Đơ Piên báo tin rằng nàng sẽ được gặp Mác và chàng sắp tới. Thấy đôi gò má của nàng lâu nay nhợt nhạt vì đau khổ đột nhiên đỏ bừng lên, thấy đôi mắt của nàng ánh lên một cách phi thường, bà Đơ Piên thiếu chút nữa thì hối hận đã đồng ý cho cuộc gặp mặt này; nhưng đâu còn thì giờ thay đổi quyết định. Bà dùng vài phút còn lại trước khi Mác đến để nói những lời khuyến miễn nhân đức và nhiệt tình, nhưng Arxen nghe một cách lơ đãng rõ rệt vì hình như nàng chỉ bận tâm sửa lại mái tóc và giải ruy-băng đã nhàu trên mũ nàng.

Cuối cùng, Đơ Xalinhi hiện ra, co rúm tất cả nét mặt của mình lại để làm ra vẻ vui tươi và tự tin. Chàng hỏi Arxen sức khỏe ra sao, với một giọng nói cố làm ra tự nhiên nhưng không có người bị cảm nào lại khàn tiếng bằng. Về phần Arxen cũng không thấy thoải mái; nàng cầm lấy bàn tay bà Đơ Piên đưa lên môi như để cảm ơn bà. Những lời nói trong một khắc đồng hồ, đó là những lời thường nói giữa những người lúng túng. Chỉ có bà Đơ Piên là giữ được vẻ bình tĩnh lúc ngày thường, hay nói cho đúng hơn, bà tự chủ hơn vì bà đã chuẩn bị kỹ hơn. Bà thường trả lời thay cho Arxen, và nàng thấy người phiên dịch của mình diễn tả khá sai những tư tưởng của nàng. Thấy câu chuyện ngày càng tẻ đi, bà Đơ Piên nêu lên rằng bệnh nhân ho nhiều, nhắc bệnh nhân rằng thầy thuốc cấm nàng nói, và bà quay sang Mác bảo chàng nên đọc một chút cho Arxen nghe thì hơn là hỏi Arxen làm nàng mệt. Lập tức Mác cầm lấy một quyển sách và ra gần cửa sổ, vì trong phòng hơi tối. Chàng đọc mà cũng chẳng hiểu được mấy tí. Tất nhiên Arxen cũng không hiểu gì hơn, nhưng nàng ra vẻ chăm chú lắng nghe. Bà Đơ Piên thêu thùa một cái gì của bà đã mang lại, còn mục coi người ốm thì tự bẹo vào người mình để khỏi ngủ gật. Cặp mắt bà Đơ Piên hết nhìn vào chiếc giường lại nhìn ra cửa sổ, Arguyt(27) dù có hàng trăm mắt cũng không tài nào canh gác kỹ lưỡng được bằng. Được mấy phút, bà cúi xuống nói rất khẽ vào tai Arxen:

- Anh ấy đọc hay quá nhỉ!

Arxen nhìn bà bằng một khoe mắt tương phản một cách lạ lùng với nụ cười trên môi cô:

- À vâng! nàng đáp.

Rồi nàng nhìn xuống, và chốc chốc một giọt nước mắt lại xuất hiện trên mi mắt, rồi lăn xuống má mà nàng cũng chẳng hề biết. Mác không quay đầu lại lần nào. Đọc được mấy trang, bà Đơ Piên nói với Arxen:

- Chúng tôi sắp phải về để em nghỉ đây em ạ! Tôi sợ chúng tôi đã làm em hơi mệt. Ít lâu nữa chúng tôi sẽ lại đến thăm em.

Bà đứng dậy, và Mác cũng đứng dậy như cái bóng của bà. Arxen tỏ lời từ biệt chàng, hầu như không nhìn chàng.

- Tôi bằng lòng về anh, anh Mác ạ, bà Đơ Piên nói khi Mác đi theo bà về đến tận cửa nhà bà, và tôi còn bằng lòng về cô ta hơn. Người con gái đáng thương đó tỏ ra đầy nhẫn nhục. Cô ta nêu cho anh một gương tốt.

- Thừa chị, sự đau khổ và im lặng chẳng nhẽ lại khó học đến thế ư?

- Điều cần học hơn cả, chính là biết khép trái tim mình trước những tư tưởng xấu.

Mác chào bà và rảo bước đi.

Hôm sau, khi bà Đơ Piên lại đến thăm Arxen, bà thấy nàng đang ngắm một bó hoa hiếm đặt trên một cái bàn nhỏ gần giường nằm của cô.

- Những đóa hoa này là của ông Đơ Xalinhi gửi tặng em. Ông nhờ người vào hỏi thăm sức khỏe của em. Còn ông thì không lên đây.

- Những đóa hoa này đẹp lắm, bà Đơ Piên nói giọng hơi khô khan.

- Ngày trước em rất yêu hoa, người ốm thở dài nói; và ông ấy chiều em lắm... Ông Mac Đơ Xalinhi nuông em đã cho em những đóa hoa đẹp nhất mà ông ấy có thể tìm được... Nhưng cái đó ngày nay chẳng còn giá trị gì đối với em nữa... Nó ngát mùi quá... Thưa bà, bà nên cầm lấy bó hoa này; ông ấy sẽ không giận đâu, nếu em đem tặng bà.

- Không, em thân mến ạ; nhìn những đóa hoa này, em sẽ thấy vui, bà Đơ Piên nói tiếp với giọng dịu dàng hơn vì bà rất xúc động trước giọng nói vô cùng buồn thảm của cô Arxen tội nghiệp kia. Tôi sẽ lấy những đóa nào có mùi còn em thì giữ lấy những đóa hoa trà.

- Không ạ. Em ghét hoa trà... Nó nhắc lại trong tim em trận cãi nhau duy nhất giữa em và ông ta... khi em đang ở với ông ta.

- Em đừng nghĩ đến những sự điên dại ấy nữa, em bé thân yêu ạ.

- Một hôm, Arxen vừa nói tiếp vừa nhìn bà Đơ Piên chăm chăm, một hôm em thấy trong buồng của ông ấy một đóa hồng trà rất đẹp cắm trong một cốc nước. Em định cầm lấy nó nhưng ông ấy không bằng lòng. Ông ấy còn ngăn em chạm tới nó nữa. Em nhất định không chịu và em nói nhiều câu bậy bạ với ông ấy. Ông ấy bèn cầm lấy đóa hoa, cắt kỹ vào trong tủ rồi bỏ chìa khóa vào túi áo. Còn em, em làm như điên như cuồng, em còn đập cả một cái bình sứ mà ông ấy rất thích. Nhưng vẫn chẳng ăn thua gì. Em thấy rõ rằng đóa hoa đó là của một người đàn bà đứng đắn lịch sự nào đó đã tặng ông ấy. Nhưng em chưa bao giờ biết rõ đóa hoa trà đó là của ai tặng. Vừa nói thế, Arxen vừa dăm dăm nhìn bà Đơ Piên một cách gần như hiểm ác, còn bà Đơ Piên thì bất giác cúi nhìn xuống. Một khoảnh khắc im lặng khá lâu, chỉ có hơi thở nặng nhọc của bệnh nhân làm xao động. Bà Đơ Piên vừa mới nhớ lại lời một câu chuyện về hoa trà. Một hôm, bà đang dự tiệc ở nhà bà Ôbrê thì Mác nói với bà rằng thím chàng vừa mới chúc mừng ngày lễ thánh của chàng và chàng cũng hỏi xin bà một bó hoa. Bà đã cười rút trên mái tóc một đóa hoa trà và đưa cho chàng. Nhưng tại sao một việc tầm thường như thế vẫn còn ghi trong ký ức của bà? Bà Đơ Piên không thể tự giải thích được. Bà gần như sợ hãi thấy thế. Một thứ bên lên mà bà nhận thấy đối với bản thân vừa mới tiêu tan thì Mác bước vào và bà cảm thấy đỏ mặt.

- Xin cảm ơn anh về những đóa hoa, Arxen nói; nhưng hoa làm em khó chịu trong người... Song nó chẳng phí đi đâu; em đã đưa tặng bà đây. Anh đừng bắt em nói chuyện, em bị cấm chuyện trò. Anh có sẵn lòng đọc một cái gì đó cho em nghe không?

Mác ngồi xuống và đọc. Lần này, không có ai nghe, tôi nghĩ thế: ai nấy, kể cả người đọc, đều theo đuổi dòng tư tưởng riêng của mình.

Khi bà Đơ Piên đứng dậy ra về, sắp để lại bó hoa trên bàn thì Arxen nhắc bà. Thế là bà mang bó hoa đi, bực mình vì có lẽ mình đã tỏ ra hơi cố tình không muốn nhận ngay tặng vật nhỏ mọn đó. "Như thế phỏng có gì sai, bà nghĩ. Nhưng tự đặt câu hỏi đơn giản đó cũng đã là sai rồi".

Chẳng được mời mà Mác cũng cứ theo bà về nhà. Hai người ngồi xuống, tránh nhìn nhau và cùng im lặng một lúc lâu đến nỗi hai người đều cảm thấy lúng túng.

- Người con gái khốn khổ đó, sau cùng bà Đơ Piên nói, khiến tôi hết sức buồn phiền. Xem ra không còn hy vọng gì nữa.

- Chị đã gặp thầy thuốc, Mác nói, ông ta bảo sao?

Bà Đơ Piên lắc đầu:

- Cô ấy chẳng còn sống được mấy ngày nữa trên cõi đời này. Sáng nay, người ta đã rửa tội cho cô ấy rồi.

- Trông mặt mũi cô ta thật tội nghiệp, Mác vừa nói vừa tiến đến khung cửa sổ, chắc để giấu sự xúc động của mình.

- Chắc hẳn chết vào tuổi cô ta thì thật đau đớn, bà Đơ Piên nói tiếp vẻ nghiêm nghị; nhưng nếu cô ta sống lâu hơn nữa, biết đâu như thế chẳng phải là một tai họa cho cô ta?... Cứu cô ta khỏi một cái chết tuyệt vọng, Chúa trời muốn cho cô ta có thời giờ để ăn năn... Đó là một ân

phước lớn mà chính cô ta bây giờ đã nhận thấy hết giá trị. Cha Đuybinhông rất bằng lòng về cô ta, anh cũng không nên ái ngại quá như thế cho cô ta, anh Mác ạ!

- Tôi không biết có nên ái ngại cho những người chết yếu không, Mác trả lời hơi đột ngột... tôi, tôi chỉ muốn chết yếu, nhưng điều làm tôi buồn phiền nhất, là trông thấy cô ta đau đớn như thế.

- Sự đau đớn của phần xác thường có ích cho phần hồn... Mác không đáp, đi đến đầu gian phòng, vào một góc tối gần khuất sau những tấm màn dày. Bà Đơ Piên thì làm việc hoặc giả vờ làm việc, cặp mắt dán vào một tấm thảm, nhưng bà hình như cảm thấy cái nhìn của Mác như một vật gì đè nặng lên người bà. Cái nhìn mà bà trốn tránh đó, bà tưởng chừng như nó lướt đi lướt lại trên đôi tay bà, trên hai vai bà, trên trán bà. Bà tưởng chừng như nó dừng lại trên bàn chân bà và bà vội vã giấu bàn chân đó vào trong vạt áo dài. Hình như có đôi chút sự thực khi người ta nói về dòng điện ma, có phải không thưa quý bà?

- Thưa chị, chị có quen đô đốc Đơ Rinhi(28) phải không? Mác đột nhiên hỏi.

- Phải, quen đôi chút.

- Có lẽ tôi muốn nhờ chị nói hộ tôi một việc với đô đốc... có lẽ nhờ chị viết giúp cho một bức thư giới thiệu...

- Tại sao thế?

- Thưa chị, từ mấy hôm nay, tôi có một dự định, Mác nói tiếp một cách vui vẻ gượng gạo. Tôi tìm cách cải tà quy chính và tôi muốn có một hành động ngoan đạo nào đó, nhưng tôi lúng túng không biết làm ăn ra sao...

Bà Đơ Piên nhìn Mác với khoe mắt hơi nghiêm khắc.

- Đây, tôi đã định bụng như thế này, Mác nói tiếp.

Tôi rất bức mình chưa học trường quân sự, nhưng cái đó có thể học được... Trong lúc chờ đợi, tôi biết bắn súng, không đến nỗi tồi lắm và như tôi đã có hân hạnh thưa với chị, tôi cảm thấy trong lòng thêm muốn lạ lùng được đi sang Hy Lạp, cố giết một tên thổ nào đó để đem lại vinh quang cho cây thập tự.

- Đi Hy Lạp! Bà Đơ Piên kêu lên, đánh rơi cuộn dây của bà.

- Đi Hy Lạp. Ở đây, tôi chẳng biết làm gì hết; tôi thấy buồn tẻ; tôi không được việc gì cả, tôi không thể làm được cái gì có ích; tôi không giúp được gì cho bất kỳ ai trên đời này. Vì vậy tại sao tôi lại không đi để ngắt những cành hoa chiến thắng, hay là để bị giết vì một sự nghiệp tốt đẹp? Và lại, đối với tôi, tôi không nhìn thấy cách nào khác để chiếm được vinh quang hay để vào được Đền Kỷ niệm, điều mà tôi rất tha thiết. Thưa chị, chị hãy tưởng tượng hộ, còn có vinh dự nào bằng cho tôi, khi người ta đọc báo thấy như sau: "Có tin từ Tripôlitda cho hay rằng ông Mác Đơ Xalinhi, một người bạn của Hy Lạp có rất nhiều triển vọng, người ta rất có thể nói như thế trong báo - có rất nhiều triển vọng, vừa mới chết, nạn nhân của nhiệt tình của ông đối với sự nghiệp thần thánh của tôn giáo và tự do. Ngài pa-sa(29) Cuasít đã quên hết phép xã giao lịch thiệp đến nỗi sai chặt cái đầu ông...". Cái đó chính là cái xấu nhất của tôi, theo lời của mọi người, có phải không thưa chị?

Và chàng cười gượng.

- Anh nói đúng đắn đấy chứ, anh Mác? Anh đi Hy Lạp à?

- Thưa chị, rất đúng đắn đấy ạ; duy có điều tôi sẽ cố gắng làm cho tin buồn về tôi đáng càng chậm càng tốt.

- Anh sang Hy Lạp làm gì? Người Hy Lạp có thiếu lính đâu... Anh sẽ là một người lính ưu tú, tôi tin chắc như thế, nhưng mà...

- Một ưu binh rất oai, cao lớn dị thường! Chàng vừa nói to vừa đứng thẳng người lên. Nếu mà

người Hy Lạp không muốn thu nhận một tân binh như thế thì họ thật là khó tính. Thừa chị, không dám nói đùa với chị, chàng vừa nói thêm vừa ngồi phịch xuống một cái ghế bành, tôi nghĩ rằng điều đó chính là điều tốt nhất tôi có thể làm. Tôi không thể ở lại Pari (chàng hơi dằn giọng khi nói những tiếng này): ở đó tôi rất khổ sở, ở đó tôi sẽ làm trăm chuyện bậy bạ... tôi không có sức cưỡng lại... Nhưng thôi để sau này chúng ta sẽ lại nói chuyện về vấn đề đó; tôi không đi ngay lập tức đâu... nhưng tôi sẽ đi... Ô! vâng, phải như thế, tôi đã long trọng phát thệ như vậy. Chị có biết rằng từ hai hôm nay tôi học tiếng Hy Lạp không? Zwn pou aac άγαν. Đó là một thứ tiếng thật hay, phải không chị?

Bà Đơ Piên trước kia có đọc thơ của Bairen⁽³⁰⁾ và bà còn nhớ câu bằng tiếng Hy Lạp đó, điệp khúc trong một bài thơ ngắn của Bairen. Như quý bà biết rõ, ở phần chú thích có dịch nghĩa câu đó; tức là: "Đời của tôi ơi, tôi yêu em lắm". Đó là cách nói dễ thương ở nước ấy. Bà Đơ Piên nguyên rửa cái trí nhớ quá bền bỉ của mình; bà không dám hỏi câu Hy Lạp đó nghĩa là thế nào, và bà chỉ sợ nét mặt của bà để lộ ra rằng bà đã hiểu. Mác đã lại bên cây dương cầm, và những ngón tay của chàng hạ xuống phím đàn hầu như ngẫu nhiên làm nảy ra mấy hòa âm buồn bã. Bỗng nhiên chàng cầm mũ; và quay về phía bà Đơ Piên, chàng hỏi bà chiều nay có định đến nhà bà Đarxonây không.

- Có lẽ có, bà Đơ Piên ngập ngừng đáp.

Chàng bắt tay bà và bước ra ngay lập tức, để bà ngồi lại trong lòng xao xuyến một cách chưa từng thấy. Tất cả những ý nghĩ của bà đều lờ mờ rồi ren và kế tiếp nhau một cách nhanh chóng đến nỗi bà không có thì giờ dừng lại ở một ý nghĩ nào, chẳng khác một loạt hình ảnh hiện ra rồi biến đi ở ngoài cửa một toa xe hỏa. Nhưng cũng giống như giữa cơn phóng chạy vũ bão, con mắt tuy không nhìn thấy mọi chi tiết nhưng vẫn nắm được các đặc điểm chung của những nơi đi qua, bà Đơ Piên, giữa mớ tư tưởng rối như bong bóng, cảm thấy kinh hãi và như đang lặn mình trên một cái dốc cao giữa những vực thẳm kinh khủng. Mác yêu bà, điều đó bà không còn nghi ngờ gì nữa. Tình yêu đó (bà nói: cảm tình đó) có đã từ lâu; nhưng cho đến tận lúc này bà không lấy thế làm hoảng hốt. Giữa một người mộ đạo như bà và một người không sống theo những nguyên tắc tôn giáo như Mác, có một hàng rào không thể vượt qua làm cho bà yên tâm trước kia. Mặc dầu bà không phải không cảm thấy vui thú hoặc kiêu hãnh nếu bà làm cho một người như Mác mà bà cho là phù phiếm trở nên một người đứng đắn, trước kia bà chưa bao giờ nghĩ rằng cảm tình ấy một ngày kia có thể trở thành nguy hiểm cho sự yên tĩnh của tâm hồn bà. Bây giờ con người xấu ấy đã biết hối cải, bà bắt đầu sợ con người đó. Thế là sự cải tà quy chính ấy - mà bà cho là do công của bà - sắp trở thành một nguyên nhân buồn bực và day dứt cho cả bà và chàng. Đôi lúc, bà cố nghĩ rằng những nguy hiểm mà bà dự đoán một cách lờ mờ ấy không có căn cứ thực tế nào cả. Cuộc hành trình đột nhiên quyết định ấy, sự thay đổi mà bà nhận thấy trong tác phong của Đơ Xalinhi, cùng ra thì có thể cắt nghĩa bằng tình yêu mà chàng còn giữ đối với Arxen Guyô; nhưng, kỳ lạ thay! ý nghĩ này đối với bà Đơ Piên lại khó chịu hơn cả những ý nghĩ khác, và bà cảm thấy hầu như nhẹ mình khi chứng minh rằng ý nghĩ đó sai.

Suốt buổi chiều bà Đơ Piên cứ tạo ra những bóng ma như thế để lại xóa đi rồi tạo lại. Bà không muốn đến nhà bà Đarxonây, và để tăng thêm quyết tâm, bà cho phép anh đánh xe ngựa của bà đi chơi và bà định đi ngủ sớm, nhưng khi vừa có quyết định cao cả đó và không còn cách gì làm khác được nữa, bà đã lập tức nghĩ rằng đó là một sự yếu đuối không xứng đáng với bà và bà thấy hối tiếc. Bà sợ nhất là Mác đoán biết nguyên nhân của quyết định đó, và vì bà không thể tự dối mình về lý do thực sự khiến bà không muốn đến nhà bà Đarxonây, bà đi đến chỗ tự coi mình là có tội, vì ngay một việc bận tâm như thế về Đơ Xalinhi cũng là một tội lớn rồi. Bà cầu nguyện lâu lắm, nhưng vẫn không thấy tâm trí nhẹ nhõm được chút nào. Tôi không rõ đến lúc nào thì bà mới chợp mắt ngủ được; nhưng có điều chắc chắn là khi tỉnh dậy, những ý nghĩ trong đầu óc bà vẫn lộn xộn như hôm trước, và bà vẫn chưa biết nên quyết định ra sao cả.

Trong lúc bà điểu tâm - vì thừa quý bà, bao giờ người ta cũng điểu tâm, nhất là khi người ta đã ăn không ngon bữa tối hôm trước - bà đọc thấy trong một tờ báo tôi cũng không rõ là tin ông pa-sa nào vừa mới cướp phá một thành phố ở Rumeli⁽³¹⁾. Đàn bà trẻ em bị tàn sát, một số

người bạn của Hy Lạp bị chết trong khi đang chiến đấu hoặc bị giết từ từ trong những cuộc tra tấn khủng khiếp. Bài báo đó thật khó làm cho bà Đơ Piên thích thú cuộc hành trình sang Hy Lạp mà Mác đang dự định. Bà đang buồn rầu suy nghĩ về tin trong báo bỗng người nhà đem vào một bức thư của Mác. Tối hôm trước, Mác đến nhà bà Đarxonây thấy rất chán và lo ngại vì không thấy bà Đơ Piên đến, cho nên Mác viết thư hỏi thăm tin bà và xin bà cho biết sẽ đi thăm Arxen Guyô vào lúc mấy giờ. Bà Đơ Piên không còn can đảm để cầm bút viết thư, nên bà sai người trả lời rằng bà đi vào giờ thường lệ. Rồi bà chợt có ý nghĩ nên đi ngay lập tức để khỏi gặp Mác ở đó; nhưng, suy đi nghĩ lại, bà thấy đó là một sự dối trá trẻ con và nhục nhã, còn tệ hại hơn cả sự yếu đuối của bà hôm trước. Cho nên bà thu hết can đảm, cầu nguyện một cách nhiệt liệt, rồi khi đến giờ, bà ra đi và vững bước tiến vào phòng Arxen.

III

Bà thấy cô gái khốn nạn ở trong tình trạng thật đáng thương. Thật rõ ràng giờ lâm chung của nàng sắp tới, và từ hôm qua bệnh tình của nàng đã nặng lên một cách khủng khiếp. Hơi thở của nàng chỉ còn là những tiếng rên rỉ đau đớn, và người ta nói với bà Đơ Piên rằng sáng nay có đến mấy lần nàng đã mê man, khiến thầy thuốc chắc nàng không thể sống tới hôm sau.

Tuy nhiên, Arxen nhận ra nữ ân nhân của mình và nàng cảm ơn bà đến thăm nàng.

- Bà sẽ không còn phải mệt sức leo cầu thang lên buồng em nữa, nàng nói với bà, giọng thoi thóp. Mỗi lời nói hình như đòi hỏi ở nàng một cố gắng nặng nề và làm mòn mỏi chút sức tàn của nàng. Người ta phải cúi sát xuống giường mới nghe được lời nàng nói. Bà Đơ Piên cầm tay nàng, bàn tay đã lạnh giá và hầu như vô tri vô giác.

Chẳng mấy chốc Mác đến, và chàng lẳng lặng đến bên giường người hấp hối. Nàng khẽ gật đầu chào chàng, và nhận thấy chàng cầm tay một cuốn sách bỏ trong bao, nàng thều thào yếu ớt nói;

- Hôm nay anh sẽ không đọc.

Bà Đơ Piên liếc nhìn vật mà nàng tưởng là cuốn sách: Đó là một tấm bản đồ Hy Lạp, đóng thành hình quyển sách, mà chàng đã mua ở dọc đường.

Cha Đuybinhông, từ sáng vẫn ở bên mình Arxen, nêu lên rằng hơi sức của người ốm đang kiệt quệ một cách rất nhanh chóng, nên ông muốn lợi dụng đôi chút thời gian còn lại để cứu vớt linh hồn nàng. Ông gạt Mác và bà Đơ Piên ra một bên, rồi cúi xuống chiếc giường đau khổ, ông nói với người con gái đáng thương những lời nghiêm trang và an ủi mà tôn giáo dành cho những lúc như thế. Trong một góc phòng, bà Đơ Piên quỳ xuống cầu nguyện, còn Mác đứng gần cửa sổ, hình như đã biến thành một pho tượng.

- Con ơi, con tha thứ cho tất cả những ai xúc phạm con chứ? ông cố nói giọng cảm động.

- Vâng!... Cầu cho họ được sung sướng! người hấp hối trả lời, cố gắng làm cho cha cố nghe nổi tiếng mình nói.

- Vậy thì con hãy tin cậy vào lòng nhân từ của Chúa, con ạ! Ông cố nói tiếp, ăn năn hối hận mở cửa thiên đàng đầy.

Ông cố còn tiếp tục những lời khuyên miến trong vài phút nữa; rồi ông ngừng lời, không biết có phải trước mặt ông chỉ còn là một xác chết hay không. Bà Đơ Piên nhẹ nhàng đứng dậy và mọi người đứng im một lúc, lo lắng nhìn khuôn mặt trắng bệch của Arxen. Mắt nàng nhắm. Ai nấy nhin thở như cố tránh quấy rầy giấc ngủ kinh khủng có lẽ đã bắt đầu đối với nàng, và người ta nghe thấy rõ trong phòng tiếng tích tắc yếu ớt của chiếc đồng hồ đặt trên bàn ngủ.

- Cô gái tội nghiệp đã qua đời rồi! Cuối cùng bà coi người ốm nói, sau khi để hộp thuốc lá của mình sát vào môi Arxen; các ông các bà trông thì thấy, mặt kính không mờ đi. Cô ấy đã chết rồi!

- Tội nghiệp cô gái! Mác kêu lên, như sức tỉnh cơn bàng hoàng. Trên côi đời này, nàng đã được hưởng hạnh phúc gì?

Bổng chốc, và hình như được tiếng nói của Mác làm sống lại, Arxen mở choàng mắt:

- Tôi đã yêu! Nàng phì phào nói rất khẽ.

Nàng ngo ngoáy mấy ngón tay, hình như muốn chìa bàn tay ra. Mác và bà Đơ Piên tiến lại gần và mỗi người cầm lấy một bàn tay của nàng.

- Tôi đã yêu, nàng nhắc lại với một nụ cười buồn bã. Đó là những lời nói cuối cùng của nàng. Mác và bà Đơ Piên cầm rất lâu đôi bàn tay lạnh ngắt mà không dám ngược mắt lên.

IV

Thế đấy! Thưa quý bà, quý bà nói rằng câu chuyện của tôi đã xong và quý bà không muốn nghe thêm nữa. Tôi lại cứ tưởng rằng quý bà tò mò muốn biết ông Đơ Xalinhi có đi Hy Lạp hay không: muốn biết rằng... nhưng đêm đã khuya, quý bà thấy cũng đã quá đủ. Tốt lắm! Nhưng ít nhất xin quý bà đừng phán đoán táo bạo quá, tôi xin thanh minh rằng tôi không hề nói điều gì khiến quý bà có thể nhận định như vậy.

Nhất là xin quý bà đừng hoài nghi câu chuyện của tôi là không thực? Quý bà hoài nghi ư? Xin quý bà đến nghĩa trang Cha Lasedơ: cách mộ tướng Foy [\(32\)](#) hai mươi bước về phía tay trái, quý bà sẽ thấy một ngôi mộ bằng đá rất giản dị, xung quanh bao giờ cũng có hoa trông nom cẩn thận. Trên phiến đá, quý bà sẽ thấy tên nhân vật trong câu chuyện của tôi khắc bằng đại tự: Arxen Guyô, và nếu quý bà cúi nhìn nắm mộ đó thì sẽ thấy, nếu mưa gió chưa xóa sạch, một dòng chữ viết bút chì bằng một kiểu chữ rất nhỏ:

Arxen tội nghiệp! Cô cầu nguyện cho chúng tôi.

Chương 5. CARMEN

Người phụ nữ nào chẳng đắng như mật.
Song có hai trường hợp tỏ ra dễ thương;
trên giường cưới và trên giường chết.

PALADAT 1

I

Từ lâu, tôi vẫn ngờ rằng các nhà địa lý học không nắm vững điều họ nói, khi họ đặt chiến trường trận Munda vào xứ sở của người Baxtuli Pêni, gần thành phố Munda mới, cách Marbenla chừng hai dặm về phía Bắc. Theo phỏng đoán của riêng tôi dựa trên văn bản của tác giả vô danh cuốn Benlom Hixpanienxơ, và dựa trên một vài tài liệu thu lượm được trong thư viện đặc sắc của công tước Oxuna, tôi cho là phải tìm ở quanh vùng Môngtila địa điểm đáng ghi nhớ của trận sống mái cuối cùng giữa Xêda và các chiến sĩ nền cộng hòa. Đầu mùa thu năm 1830, nhân đang ở Angđaludi, tôi đã đi một chuyến khá lâu để giải quyết những nghi vấn còn tồn tại đối với tôi. Tôi hy vọng bản luận án mà tôi sắp công bố sẽ xóa bỏ mọi điều nghi hoặc còn sót trong trí của tất cả những nhà khảo cổ thành thật. Trong lúc chờ đợi bản luận án của tôi giải quyết được vấn đề địa lý đang làm các nhà bác học Châu Âu phân vân, tôi muốn kể các bạn nghe một câu chuyện nhỏ, câu chuyện ấy không quyết đoán trước điều gì đối với vấn đề lý thú về địa điểm thành Munda cả.

Ở Cordu, tôi đã thuê một người dẫn đường với hai con ngựa, và bắt đầu xuất chinh, trong hành lý chỉ có cuốn "Bình luận của Xêda" và mấy chiếc sơ-mi. Một hôm, trong khi lang thang trong vùng cao của đồng bằng Casêna, vừa mệt nhoài vừa khát nước đến chết, lại bị nắng gắt thiêu đốt, tôi chỉ muốn bỏ phăng Xêda và lũ con của Pompê, bỗng thấy cách khá xa con đường mòn tôi đang đi một bãi cỏ xanh rờn, điểm thêm cói lác và lau sậy. Cái đó báo trước cho tôi biết gần đây có suối. Quả vậy, khi đến gần, tôi thấy nơi tôi tưởng là bãi cỏ thực ra là một bãi lầy có một dòng suối chảy vào, suối đó hình như bắt nguồn từ một khe núi hẹp, giữa hai ngọn hoành sơn cao vút thuộc rặng núi Xiera Cabra. Tôi kết luận là nếu đi ngược dòng suối, tôi sẽ tìm ra nước mát hơn, ít dãi và ít ếch nhái hơn, và biết đâu chẳng có chút bóng râm ở giữa những tảng đá. Đến lối vào khe núi, con ngựa của tôi hí lên, và một con khác ở đâu không rõ đáp lại ngay. Tôi vừa đi được độ trăm bước, khe núi đột nhiên mở rộng, làm tôi nhìn thấy một cái truông, hoàn toàn râm mát nhờ có những vách đá cheo leo cao vút bao quanh. Thực ra không thể tìm đâu được một chỗ nghỉ chân dễ chịu hơn cho du khách. Dưới chân những tảng đá đứng sừng sững, dòng suối vọt ra ngẫu bọt và đổ vào một vũng nhỏ, đáy phủ một lớp cát trắng như tuyết. Năm sáu cây sồi xanh tốt mọc trên bờ suối, luôn luôn được kín gió và có nước tưới mát, phủ bóng râm rạp trên dòng suối; và sau hết, quanh vùng, một thứ cỏ mịn bóng tạo thành một cái giường tốt hơn giường ở bất cứ quán trọ nào trong khắp mười dặm xung quanh.

Không phải tôi đã có vinh dự phát hiện ra nơi tốt đẹp đến thế. Một người đã nằm nghỉ ở đấy và chắc đang ngủ lúc tôi mới bước tới, nghe tiếng ngựa hí, người ấy thức giấc, nhòe dậy, và tiến đến gần con ngựa của mình, con vật đã lợi dụng lúc chủ ngủ để chén một bữa cỏ ngon lành ở xung quanh. Đây là một chàng trai, dáng người tầm thước nhưng có vẻ cường tráng, và có đôi mắt nhìn rầu rầu và kiêu hãnh! Mầu da anh trước kia có lẽ đẹp, nay đã râm nắng thành đen sạm hơn cả mái tóc. Một tay, anh nắm vòng cổ ngựa, còn tay kia, anh cầm một khẩu ét-panh-gôn(34) bằng đồng. Tôi thú thật là thoát đầu cây ét-panh-gôn và dáng bộ dữ tợn của người cầm súng làm tôi hơi giật mình, nhưng vì đã được nghe nhiều chuyện về trộm cướp mà chưa hề gặp bọn họ bao giờ, nên tôi cũng không tin là có nữa. Vả lại, tôi đã từng thấy biết bao người chủ trại lương thiện, vũ trang thật đầy đủ để đi chợ, nên việc nhìn thấy một khẩu súng chưa cho phép tôi nghi ngờ tư cách của người lạ mặt. "Vả lại, tôi tự nghĩ, hắn ta lấy sơ-mi và cuốn Bình luận Endêvia của mình làm gì kia chứ?". Cho nên tôi cứ ngả đầu chào thân mật người cầm ét-panh-gôn, và tôi mỉm cười hỏi anh xem tôi có làm mất giấc ngủ của anh không? Anh không trả lời, lờ mắt nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi hình như hài lòng về sự xem xét của mình, anh cũng quan sát

kỹ lưỡng như thể người dẫn đường của tôi lúc ấy đang bước tới. Tôi thấy người này tái mặt đi và đứng dừng lại, lộ vẻ kinh hãi rõ rệt. Cuộc gặp gỡ không hay rồi! Tôi nhủ thầm. Nhưng sự khôn ngoan lập tức khuyên tôi đừng để lộ vẻ lo ngại. Tôi xuống ngựa, bảo người dẫn đường tháo cương ngựa, rồi tôi quỳ xuống bên bờ suối, vục đầu và tay vào dòng nước: đoạn tôi nắm sắp uống một ngụm đầy, hết như những anh lính bạt mạng của Ghêđêông.

Tuy nhiên, tôi vẫn để mắt quan sát người lạ mặt và anh dẫn đường của tôi. Anh này bước lại gần có vẻ bất đắc dĩ lắm, còn người kia xem ra không có ác ý gì đối với chúng tôi vì anh lại thả ngựa ra, còn khẩu súng lúc đầu anh cầm ngang, giờ đây đã chúc nòng xuống đất.

Thấy không cần giận về việc người ấy có vẻ coi thường tôi, tôi nằm dài trên cỏ và ung dung hỏi người cầm súng xem anh có bật lửa không? Đồng thời, tôi rút hộp xì-gà ra. Người lạ mặt vẫn không nói một lời lục túi lấy ra chiếc bật lửa và sốt sắng bật lửa cho tôi. Rõ ràng anh thuận đi, vì anh ngồi xuống trước mặt tôi, tuy vẫn không rời vũ khí. Điều xì-gà của tôi châm xong, tôi chọn điều ngon nhất trong số còn lại và hỏi anh có hút không?

- Thưa ông, có, anh trả lời.

Đây là những tiếng đầu tiên tôi được nghe anh ta nói, và tôi nhận thấy anh ta không phát âm chữ S theo kiểu ăngđaludi, do đấy tôi đoán rằng anh cũng là một người đi đường như tôi, chỉ có điều là không phải khảo cổ mà thôi.

- Ông sẽ thấy thuốc này khá ngon, tôi vừa nói vừa đưa mời anh một điều rêgalia chính cống La Havan. Anh ta hơi nghiêng đầu, châm điều xì-gà của anh vào điều thuốc của tôi, cảm ơn tôi bằng một cái gật đầu nữa, đoạn anh bắt đầu hút có vẻ thích thú lắm.

- A! anh ta vừa thốt lên vừa thông thả phả bùm khói đầu tiên ra bằng mồm và mũi, đã lâu lắm tôi không được hút thuốc.

Ở Tây Ban Nha, tặng và nhận của nhau một điều xì-gà là thiết lập quan hệ chủ khách, y như ở Đông Phương có tục chia bánh mì và muối vậy. Anh chàng tỏ ra ưa trò chuyện quá mức mong muốn của tôi. Vả lại, dù anh ta tự nhận là dân miền Môngtila, xem ra anh ta không biết mấy về miền này. Anh ta không biết tên cái thung lũng xinh đẹp mà chúng tôi đang nghỉ chân, anh không thể kể tên một làng nào ở vùng lân cận. Sau cùng, khi tôi hỏi anh có thấy ở quanh đây những bức tường đồ nát, những viên ngói rộng có bờ cao, những tảng đá chạm trổ không, anh thú thật rằng chưa bao giờ chú ý đến những thứ ấy. Trái lại, anh tỏ ra rất am hiểu về ngựa. Anh chê con ngựa của tôi, điều ấy không khó; đoạn anh kể giọng giống con ngựa của anh vốn là một giống ngựa có tiếng ở Cordu: theo lời chủ nó, nó thực là con tuần mã, dai sức đến mức có lần phi nước đại và nước kiệu lớn luôn ba mươi dặm đường trong một ngày. Đang nói thao thao, người lạ mặt bỗng nhiên dừng lại, hình như ngạc nhiên và bực mình vì đã nói quá nhiều. "A mà tôi rất vội phải đi Cordu, anh nói tiếp, hơi lúng túng. Tôi phải đến gặp các quan tòa để xin giúp đỡ về một vụ kiện..." Vừa nói, anh vừa nhìn Angtônô, người dẫn đường của tôi, lúc ấy đang nhìn xuống.

Bóng mát và dòng suối làm tôi hứng thú đến nỗi tôi nhớ đến mấy khoanh dăm bông hảo hạng mà các bạn tôi ở Môngtila đã bỏ vào trong đầy của người dẫn đường. Tôi bèn bảo mang dăm bông ra, và mời người khách lạ dự bữa ăn nhẹ tình cờ ấy. Nếu từ lâu lắm anh chưa hút thuốc thì xem ra anh cũng chưa ăn ít nhất là từ bốn mươi tám giờ rồi. Anh ta ngón như một con sói đói. Tôi nghĩ rằng việc gặp tôi đối với cu cậu thật may như có trời phù hộ. Song người dẫn đường của tôi thì ăn ít, uống lại càng ít hơn, và không nói gì hết, mặc dầu từ lúc bắt đầu đi với gã, tôi thấy không ai ba hoa bằng gã. Sự có mặt của người khách kia hình như làm gã lúng túng, và một sự giữ miếng nào đó làm hai người xa nhau mà tôi không thể đoán được nguyên nhân.

Những vụn bánh mì và dăm bông cuối cùng đã biến mất; chúng tôi mỗi người hút thêm một điều xì-gà thứ hai. Tôi bảo người dẫn đường thả ngựa và tôi đang định từ biệt người bạn mới thì anh hỏi tôi định ngủ đêm ở đâu.

Chưa kịp chú ý thấy người dẫn đường ra hiệu, tôi đã trả lời rằng định đi tới văng-ta(35) Đen Quyéc-vô.

- Thừa ông, đây là một chỗ trú chân không tốt cho một người như ông. Tôi cũng tới đó, và nếu ông cho phép, chúng ta sẽ đi với nhau.

- Rất sẵn sàng, tôi vừa nói vừa lên ngựa. Người đưa đường của tôi, trong lúc giữ bàn đạp cho tôi, lại đưa mắt ra hiệu cho tôi lần nữa. Tôi đáp lại bằng cái nhún vai, như muốn bảo gã rằng tôi hoàn toàn yên tâm, thế rồi chúng tôi lên đường.

Những ám hiệu của Angtônô, nỗi lo âu của gã, mấy tiếng của người lạ mặt chột thốt ra, nhất là chuyện phóng ngựa ba mươi dặm đường và lời giải thích khó tin của anh về chuyến đi đó, làm tôi đã có một nhận định về người bạn đường. Không còn nghi ngờ gì nữa, tôi đang gặp một tay buôn lậu, và cũng có thể là một tay trộm cướp. Nhưng việc quái gì? Tôi đã biết khá rõ tính khí người Tây Ban Nha, nên tôi tin chắc rằng đối với một người vừa ăn và hút thuốc với mình thì không có gì đáng sợ cả. Sự có mặt của người ấy còn là một sự che chở chắc chắn đối với mọi cuộc gặp gỡ không may. Vả lại, tôi rất thích được biết một tay cường đạo là người như thế nào. Phải đâu ngày nào cũng gặp họ được? Và sống ngay bên cạnh một con người nguy hiểm có một cái gì say mê quyến rũ, nhất là khi cảm thấy hắt hiu dụi hiên và thuần hóa.

Tôi hy vọng có thể dần dần làm người lạ mặt kia thổ lộ tâm sự cùng tôi và, mặc những cái nháy mắt của người đưa đường, tôi lái cuộc chuyện trò vào những chuyện về bọn cướp đường. Dĩ nhiên tôi nói đến họ một cách kính trọng. Hồi đó ở Angđaludi có một tay tướng cướp nổi tiếng tên là Giôđê Maria, mọi người đều truyền tụng những chiến tích của anh ta. Tôi nghĩ thầm: "Nếu như ta đang ở bên cạnh Giôđê Maria thì sao nhỉ?" Tôi bèn kể những chuyện tôi biết về nhân vật cừ khôi đó, và chẳng toàn là những chuyện để ca tụng y, và tôi tỏ ra rất khâm phục tính can trường và lòng hào hiệp của y.

- Giôđê chỉ là một thằng xoàng, người lạ mặt lạnh lùng nói.

"Anh này tự đánh giá cho đúng hay chỉ là quá khiêm tốn?" Tôi tự hỏi thầm, vì ngấm mãi người bạn đường, tôi đi tới chỗ gán cho anh ta diện mạo của Giôđê Maria mà tôi thấy kể trong yết thị dán ở cửa nhiều thành phố xứ Angđaludi. - Phải, chính hắn! Tóc hung, mắt biếc, miệng rộng, hàm răng đẹp, bàn tay nhỏ nhắn, áo sơ mi vải phin, áo ngắn ngoài bằng nhung cài khuy bạc, đôi ủng da trắng, một con ngựa hồng... còn nghi ngờ sao được! Nhưng thôi, ta hãy tôn trọng sự ẩn danh của hắn.

Chúng tôi tới quán trọ. Thật đúng như người khách lạ đã tả, đây là một trong những quán trọ tồi tàn nhất mà tôi đã thấy. Một gian phòng lớn vừa dùng làm bếp, vừa làm phòng ăn và phòng ngủ. Ở giữa gian phòng, lửa bếp cháy trên một tấm đá phẳng, khói thoát ra theo một lỗ hồng đục trên mái, hay nói cho đúng là tụ lại thành một đám mây cách mặt đất chừng vài pi-ê. Dọc chân tường, thấy trái dưới đất năm sáu tấm khối tải đắp lửa ngựa, đây là giường nằm cho lũ khách. Cách nhà, hay nói cho đúng hơn, cách các gian phòng độc nhất tôi vừa mới tả, độ hai mươi bước, có một thứ lều kho dùng làm chuồng ngựa. Trong cái quán trọ mỹ miều ấy, không còn người nào khác, ít nhất là trong lúc này, ngoài một cụ già và một em gái chừng mười, mười hai tuổi. Cả hai đều đen như bồ hóng, và ăn mặc rách rưới kinh khủng.

"Đây là tất cả dân cư còn lại của thành Munđa Bêtica xưa kia! Tôi tự nhủ. Hỡi Xêda! Hỡi Xêchtúyt Pôngtê! Nếu các vị trở lại dương gian, các vị ắt ngạc nhiên biết mấy!".

Vừa trông thấy người bạn đường của tôi, cụ già đã buột miệng kêu lên kinh ngạc:

- Chao ôi! Ngài Đông Giôđê!

Đông Giôđê cau mày và giơ bàn tay lên với điệu bộ như ra lệnh làm cụ già im bật. Tôi quay lại nhìn người dẫn đường của tôi, và kín đáo ra hiệu tỏ cho anh ta biết rằng chả cần anh bảo tôi cũng thừa hiểu về con người mà tôi sắp cùng ngủ đêm rồi. Bữa cơm tối ngon lành quá sự mong đợi của tôi. Người ta dọn trên một chiếc bàn nhỏ cao chừng một pi-ê cho chúng tôi món cháo gà sống già, với rất nhiều ớt, rồi đến món ớt trộn dầu, sau hết là món gátpasô, một thứ xà-lát trộn ớt. Ba đĩa thức ăn trộn nhiều gia vị như thế, buộc chúng tôi phải luôn luôn dùng tới một vò rượu vang xứ Môngtila tuyệt ngon. Ăn xong, thấy có một cây đàn măng-đô-lin treo trên tường - ở Tây Ban Nha, đâu đâu cũng sẵn đàn Măng-đô-lin - tôi liền hỏi em nhỏ phục vụ xem em có

biết chơi măng-đô-lin không.

- Không ạ, em đáp, nhưng Đông Giôđê chơi đàn này hay lắm đấy!

Tôi bèn nói với anh ta:

- Ông làm ơn hát cho tôi nghe một bài thì tốt quá, tôi mê âm nhạc dân tộc của nước ông lắm.

- Tôi không thể từ chối điều gì đối với một bậc hào hoa phong nhã đã tặng tôi những điều xì-gà ngon đến thế, Đông Giôđê nói to giọng vui vẻ. Anh bảo đưa đàn Măng-đô-lin rồi vừa hát vừa tự đệm đàn. Giọng anh thô nhưng dễ nghe, âm điệu buồn buồn và kỳ dị, còn về lời ca thì tôi không hiểu được tiếng nào. Tôi nói với anh ta:

- Nếu tôi không nhầm, bài của ông vừa hát không phải là điệu Tây Ban Nha. Tôi thấy bài đó tựa những khúc doóc-di-cô mà tôi đã được nghe ở Các Tỉnh⁽³⁶⁾ và lời ca chắc bằng tiếng baxcơ.

- Đúng thế, Giôđê trả lời với một vẻ rầu rầu. Anh đặt cây đàn xuống đất, rồi khoanh tay lại, ngấm ngọn lửa đang tàn với một vẻ mặt buồn thảm lạ lùng. Khuôn mặt anh, được ngọn đèn đặt trên chiếc bàn nhỏ chiếu sáng, vừa có vẻ cao quý vừa dữ tợn, khiến tôi liên tưởng tới quỷ Xa-tăng trong thơ của Min-tơn. Có lẽ cũng như nhân vật đó, người bạn đường của tôi đang nghĩ đến nơi mình đã phải rời bỏ và những ngày lưu lạc đầy ải mà anh đã nếm trải vì một lỗi lầm nào đó. Tôi gắng khơi lại câu chuyện cho linh hoạt lên, nhưng anh không trả lời, dăm dăm trong những ý nghĩ sâu não. Lúc này,暮 già đã vào nằm trong một góc phòng che bằng một tấm chăn thùng căng trên sợi giây. Em gái nhỏ cũng đã theo暮 già vào nơi nghỉ dành cho nữ giới đó. Người dẫn đường của tôi bèn đứng dậy, mời tôi theo gã xuống chuồng ngựa; nhưng vừa nghe thấy thế, Đông Giôđê như giật mình tỉnh giấc, giọng hỏi gã định đi đâu. Người dẫn đường đáp:

- Xuống chuồng ngựa.

- Để làm gì? Ngựa đã có ăn rồi. Hãy nằm ngủ ở đây! Tôn ông cho phép đấy!

- Tôi lo ngựa của ông tôi bị ốm. Tôi muốn ông tôi xem ngựa; có lẽ ông tôi biết nên làm gì cho nó.

Rõ ràng Angtônô muốn nói riêng với tôi, nhưng tôi không muốn làm cho Giôđê nghi ngờ, và trong hiện tình tôi thấy tốt hơn hết là tỏ ra hoàn toàn tin cậy. Tôi bèn trả lời Angtônô rằng tôi không biết gì về ngựa và tôi đang buồn ngủ. Đông Giôđê theo gã xuống tàu ngựa, chẳng bao lâu trở lại một mình. Anh nói với tôi rằng ngựa chẳng làm sao hết, nhưng người dẫn đường của tôi cho nó là một con vật quý đến nỗi gã lấy áo xát mạnh cho nó ra mồ hôi, lại còn định thức suốt đêm để làm cái công việc êm ái đó. Lúc ấy, tôi đã nằm dài trên những tấm khổ tải vẫn đắp cho lạ, quần thật kỹ chiếc áo khoác của tôi vào người để khỏi chạm vào khổ tải. Sau khi ngỏ lời xin lỗi tôi về việc tự tiện đến nằm bên cạnh tôi, Đông Giôđê nằm xuống trước cửa ra vào, không quên nhồi lại mồi khẩu súng ét-panh-gôn và cẩn thận đặt súng dưới cái tay nải dùng làm gối. Chúng tôi chúc nhau ngủ ngon xong, được năm phút thì cả hai đều ngủ thiếp đi.

Tôi cứ tưởng mình đủ mệt để có thể ngủ được ở nơi trú chân như thế, nhưng được một giờ, những cơn ngứa ngáy rất khó chịu làm tôi đang ngủ phải bừng tỉnh dậy. Vừa mới hiểu rõ tại sao ngứa, tôi liền trở dậy, tin chắc rằng thà ở ngoài trời cho đến sáng còn hơn nằm trong cái nhà không chiều khách này. Tôi rón rén đi ra cửa, bước qua chỗ ngủ của Đông Giôđê lúc đó đang ngủ rất say, tôi bước êm đến nỗi tôi ra khỏi căn nhà mà Đông Giôđê vẫn không thức giấc. Bên cửa có một chiếc ghế dài bằng gỗ khá rộng, tôi ngả lưng nằm trên ghế, cố xoay xở cho qua hết đêm. Tôi sắp chợp mắt lần thứ hai, chợt thấy hình như có bóng một người và bóng một con ngựa đi qua trước mặt tôi, cả hai đều không gây ra tiếng động nhỏ nào. Tôi nhòe dậy và nhận ra Angtônô. Thấy gã ở ngoài chuồng ngựa vào giờ này, tôi ngạc nhiên nhòe dậy tiến đến bên gã. Thoạt trông thấy tôi, gã đã dừng lại.

- Hẳn ta đâu? Angtônô thì thầm hỏi tôi.

- Trong quán trọ, đang ngủ. Anh ta không sợ rệp. Tại sao anh lại dắt ngựa đi thế này?

Lúc đó tôi đã nhận thấy Angtônô đã bọc kỹ vó ngựa bằng những mảnh bao tải cũ, để tránh gây tiếng động khi đi từ trong lều kho ra.

- Lay Chúa, xin ông nói khẽ chứ! Angtônô bảo tôi. Thế ra ông chưa biết tên ấy là ai ư? Chính là Giôê Navarô tên cướp cừ khôi nhất xứ Angđaludi đấy. Suốt ngày hôm nay, tôi đã bao lần ra hiệu cho ông, nhưng ông cứ không muốn hiểu.

- Cướp hay không, việc quái gì đến tôi? Tôi đáp; anh ta có lấy gì của chúng ta đâu và tôi đánh cuộc với anh rằng anh ta không có ý định ấy!

- Thế càng hay! Nhưng người nào bắt được hắn sẽ được thưởng hai trăm đồng Đuy-ca. Tôi biết cách đây một dặm rưỡi có một đồn thương kỵ binh⁽³⁷⁾ và tôi sẽ đưa tới đây mấy tay trai tráng lực lưỡng trước khi trời sáng. Tôi đã định lấy ngựa của Giôê nhưng con vật dữ đến nỗi ngoài hắn ta, không ai tới gần nó được.

- Ma quỷ hãy bắt anh đi! Tôi nói với gã. Người tội nghiệp ấy có làm hại gì đến anh chưa mà anh đi tố giác người ta? Vả lại, anh có chắc đấy là tên cướp mà anh vừa nói không?

- Hoàn toàn chắc chắn chứ ạ. Hồi nãy, hắn theo tôi xuống chuồng ngựa và bảo tôi: "Mày có vẻ nhận ra tao! Nếu mày nói với cái ông tử tế ấy rằng tao là ai, thì tao sẽ bắn vỡ óc mày ra". Ông hãy ở lại, ông ạ, ông hãy ở lại với hắn, ông không phải sợ gì cả! Chừng nào hắn thấy ông còn đây, hắn sẽ không nghi ngờ gì cả.

Vừa nói chuyện, chúng tôi vừa bước đi khá xa quán trọ, không còn sợ ai nghe thấy tiếng vó ngựa nữa. Trong nháy mắt, Angtônô lột bỏ những mảnh giẻ rách bọc chân ngựa. Gã sửa soạn nhảy lên mình ngựa. Tôi cố giữ gã lại bằng cách vừa van nài vừa đe dọa. Gã nói:

- Ông ạ, tôi chỉ là một kẻ nghèo đói khổ nỗi, tôi không thể bỏ lỡ hai trăm đuy-ca được, nhất là lại giải thoát được cho xứ sở này một tên khổ nạn như hắn. Nhưng ông hãy coi chừng: Navarô mà thức dậy, hắn sẽ vồ ngay lấy súng ét-panh-gôn. Và lúc đó thì ông liệu đấy nhé! Còn tôi thì tôi đi đã quá xa rồi không thể lùi được nữa; ông liệu thu xếp thế nào cho ổn thì thu xếp.

Lúc đó, thằng khổ nạn đã lên yên, gã thúc mạnh vào trong bóng tối phút chốc tôi đã không nhìn thấy gã đâu nữa.

Tôi rất bực mình về người dẫn đường của tôi và thấy khá lo ngại. Suy nghĩ một lúc, tôi quyết định và trở vào quán trọ. Đổng Giôê vẫn ngủ, chắc để bù lại những lúc mệt nhọc và thức đêm trong nhiều ngày phiêu lưu. Tôi phải lay mạnh để đánh thức anh. Không bao giờ tôi có thể quên được cái nhìn dữ tợn và cử động của anh để vớ lấy cây ét-panh-gôn mà tôi đã thận trọng cách xa chỗ anh nằm một chút.

- Này ông, tôi bảo Giôê, tôi xin lỗi đã đánh thức ông, nhưng tôi muốn hỏi ông một câu đại đột này: "Ông có vui lòng thấy chừng nửa tá thương kỵ binh kếp đến đây chẳng?"

Giôê nhảy choàng dậy và hỏi bằng một giọng đáng kinh hãi:

- Ai bảo ông thế?

- Tin báo ấy từ đâu đến chẳng có gì là quan trọng, miễn là nó có ích.

- Tên dẫn đường của ông đã phản tôi rồi. Được, nó sẽ phải đền tội!... Nó đâu rồi?

- Tôi không biết... Chắc hắn ở trong chuồng ngựa... nhưng có người đã nói với tôi...

- Ai đã nói với ông... chẳng lẽ là mục già...

- Một người tôi không quen. Thôi, không nói nhiều, tôi chỉ hỏi ông có lý do gì để không chờ bọn lính tới hay không? Nếu có, xin ông đừng mất thì giờ nữa, nếu không, xin chúc ông ngủ ngon và xin lỗi đã làm mất giấc ngủ của ông.

- Chà! Tên dẫn đường của ông! Tên dẫn đường của ông! Tôi đã ngờ hắn ngay từ lúc đầu... nhưng, được rồi, cứ để tội nó đấy... Xin vĩnh biệt ông, Thượng đế sẽ đền bù cho ông cái ơn của

ông đối với tôi. Tôi không đến nỗi hoàn toàn xấu như ông tưởng đâu... phải, trong người tôi, vẫn còn có một chút gì xứng đáng với lòng thương của một bậc phong nhã... Thôi xin vĩnh biệt ông... Tôi chỉ có một điều ân hận là không trả ơn ông được.

- Để trả ơn tôi, Đông Giôđê ạ, ông hãy hứa với tôi là không nghi ngờ ai cả, cũng không nghĩ đến việc trả thù. Đây là mấy điều xì-gà để hút dọc đường; chúc ông đi may mắn!

Và tôi chìa tay ra bắt tay Giôđê. Anh ta siết tay tôi không nói một lời, rồi cầm lấy súng, tay nải, nói với mục già vài tiếng lóng mà tôi không hiểu, rồi chạy ra lều kho. Một lát sau, tôi đã nghe thấy tiếng vó ngựa của anh phóng ngoài đồng.

Còn tôi thì lại nằm xuống ghế dài, nhưng không ngủ lại được. Tôi tự hỏi không biết cứu khỏi tội giảo một tên tướng cướp, một tên có lẽ đã giết người, chỉ vì tôi đã cùng ăn dấm bông và món cơm va-lăng-xiên với hắn, như thế có đúng không? Làm như thế tôi có phản lại người dẫn đường đã ủng hộ pháp luật hay không? Tôi có làm cho người này lâm vào nguy cơ bị một tên khốn kiếp trả thù hay không? Nhưng còn bốn phận tiếp đãi khách ân cần lịch sự... Thành kiến mọi rợ, tôi tự nhủ như thế. Tôi sẽ phải chịu trách nhiệm về tất cả những tội ác mà tên cướp này sắp gây ra. Nhưng cái lương tâm thuộc bản năng ấy chống lại mọi sự lý luận, có phải là một thành kiến hay không? Có lẽ tôi không có cách nào thoát khỏi tình thế éo le này mà không có sự ân hận. Tôi còn đang hết sức phân vân không biết hành động của mình có hợp đạo lý này không, bỗng thấy xuất hiện dăm sáu kỵ sĩ cùng gã Angtônô thận trọng đi đoạn hậu. Tôi ra đón họ và báo tin rằng tên cướp đã tẩu thoát từ hơn hai giờ rồi. Khi người toán trưởng hỏi mục già thì mục trả lời là có quen Navarô, nhưng vì sống một mình nên mục không bao giờ dám liều mạng tố cáo hắn. Mục nói thêm rằng hắn có thói quen mỗi khi đến nhà mục, là lại ra đi vào lúc nửa đêm. Về phần tôi, tôi phải đi vài dặm đường để xuất trình giấy thông hành và ký vào một tờ khai trước mặt một viên an-cát⁽³⁸⁾. Sau đó người ta cho phép tôi tiếp tục công việc khảo cổ. Angtônô oán tôi, ngờ rằng chính tôi đã làm gã hụt mất khoản hai trăm đồng đuy-ca. Tuy thế, đến Cordu, chúng tôi từ biệt nhau một cách thân ái và tôi cho Angtônô món tiền thưởng hậu nhất đối với khả năng tài chính của tôi.

II

Tôi ở lại Cordu vài ngày. Người ta đã bảo tôi rằng trong thư viện của các cha dòng Đôminicanh có một cuốn sách viết tay nhất định sẽ cung cấp cho tôi nhiều tài liệu bổ ích về thành Munđa cổ đại. Được các cha đón tiếp ân cần, suốt ngày tôi ở tu viện của các cha và chiều đến tôi thường đi dạo trong thành phố ở Cordu, cứ đến lúc mặt trời lặn là có rất nhiều người nhàn rỗi tụ tập trên bến hữu ngạn sông Goadankivia. Ở đây người ta ngửi thấy mùi tỏa ra từ một xưởng thuộc da hãy còn giữ được danh tiếng cổ truyền của xứ này về nghề đó; nhưng bù lại người ta được thưởng thức một cảnh tượng thật là có giá trị riêng: cứ mấy phút trước hồi chuông chiều, một số đồng phụ nữ tập hợp ở chân bến sông, mà bến thì khá cao. Không người đàn ông nào dám trà trộn vào đám phụ nữ đó. Chuông chiều vừa buông, đã coi như là trời tối. Khi tiếng chuông cuối cùng vừa dứt, tất cả những phụ nữ đó cởi bỏ xiêm áo rồi lội xuống nước. Thế là nổi lên những tiếng reo cười âm ỉ kinh khủng. Từ trên bến, bọn đàn ông đứng ngắm những nàng đang tắm, giương mắt thật to, nhưng nào có nhìn thấy được là bao! Tuy nhiên, những bóng hình trắng trẻo và mờ ảo in trên nền xanh thẫm của dòng sông như kêu gọi hồn thơ, và chỉ cần đôi chút tưởng tượng là ta có thể dễ dàng hình dung cảnh nữ thần Dianơ với những nàng tiên hầu đang tắm mà không phải lo gặp số phận của chàng Actêông⁽³⁹⁾. Người ta kể cho tôi nghe rằng một hôm có mấy tên vô lại góp tiền hối lộ cho người kéo chuông nhà thờ, để hồi chuông chiều sớm hơn giờ hợp pháp hai mươi phút. Dù lúc đó trời còn rất sáng, những nàng tiên của sông Goadankivia cũng không ngần ngại gì, tin vào hồi chuông chiều hơn là vào ánh sáng mặt trời, các nàng cứ yên tâm dùng trang phục ấy đi tắm, thứ trang phục bao giờ cũng giản dị nhất. Tôi không có mặt ở đó. Dạo tôi đến đây, người kéo chuông là người không thể mua chuộc được, còn hoàng hôn thì mờ mờ, và chỉ có con mèo họa mới phân biệt được bà lão bán cam già nhất với cô thợ lặn xinh đẹp nhất ở Cordu.

Một chiều kia, vào lúc người ta không còn nhìn thấy gì nữa, tôi đang đứng hút thuốc, dựa vào lan can bên sông, bỗng một người phụ nữ leo các bậc từ dưới sông lên mặt bến, rồi đến gần tôi.

Trên mái tóc nàng cài một chùm hoa nhài lớn, mà đêm đến cánh hoa tỏa một mùi hương say đắm. Nàng ăn mặc đơn giản, có lẽ nghèo nàn, toàn màu đen như phần đông các cô thợ trẻ lẳng lơ mặc vào lúc chiều tối. Những người đàn bà tử tế chỉ vận màu đen vào buổi sáng, đến tối họ ăn mặc theo kiểu Pháp. Lúc đến gần tôi, cô nàng đi tắm ấy bỏ chiếc khăn trùm đầu tuột xuống vai, và dưới ánh sáng mờ mờ tỏa từ các vì sao, tôi thấy nàng nhỏ nhắn, trẻ, thân hình cân đối và có cặp mắt rất to. Tức thời, tôi quăng điếu xì-gà. Nàng hiểu ngay sự chú ý nhã nhặn rất Pháp đó, và nói ngay rằng nàng rất ưa mùi thuốc lá và còn hút thuốc nữa, mỗi khi có loại thuốc thật dịu. May quá, tôi có thứ thuốc ấy trong hộp và tôi sốt sắng đưa mời nàng. Nàng vui lòng cầm một điếu và châm thuốc vào đầu một sợi dây đốt cháy mà một chú nhỏ đưa đến cho chúng tôi lấy một xu. Hòa khói thuốc với nhau, tôi với cô nàng đi tắm xinh đẹp ấy trò chuyện lâu đến nỗi gần như chỉ còn chúng tôi trên bến sông. Tôi cho rằng mời nàng đi ăn kem ở ne-ve-ri-a(40) cũng chẳng có gì là lỗi mẫn. Sau một chút ngập ngừng khiêm tốn, nàng nhận lời; nhưng trước khi quyết định, nàng muốn biết lúc ấy đã mấy giờ. Tôi vặn cho đồng hồ của tôi reo chuông, tiếng chuông ấy hình như làm cho nàng ngạc nhiên lắm.

- Các ông ngoại quốc, sao mà ở nước các ông, người ta phát minh ra lắm cái hay thế? Ông là người nước nào nhỉ? Chắc là người Anh(41)?

- Người Pháp ạ và là người hầu tận tụy của quý nương. Còn quý nương, là cô hay bà tôi chưa được rõ, chắc quý nương là người Cordu?

- Dạ không.

- Ít ra quý nương cũng là người Angđaludi. Qua giọng nói êm dịu của quý nương, tôi thấy hình như thế.

- Nếu ông nhận xét giọng nói của người ta, thì ông phải đoán được tôi là người nào.

- Tôi chắc quý nương là người ở đất nước của Giê-su cách thiên đường có hai bước chân. (Ám dụ để chỉ xứ Angđaludi ấy, tôi đã học được của ông bạn Torăngxixcô Xêvila, một kỵ sĩ đấu bò nổi tiếng).

- Chà! Thiên đường... Người ấy ở đây nói rằng thiên đường không phải để cho chúng tôi!

- Vậy thì, chắc cô là người Môrơ hay là... tôi ngừng lại, không dám nói Do thái.

- Thôi, thôi! Ông thừa biết tôi là dân bô-hê-miêng rồi, ông có muốn tôi bói một quẻ cho ông không? Ông đã nghe nói đến cô Carmenxita chưa? Chính là tôi đấy.

Hồi đó, cách đây mười lăm năm, tôi là người không tín ngưỡng, đến mức không kinh sợ khi đứng bên một mộ phù thủy "Được rồi! Tôi tự nhủ, tuần vừa qua ta đã ăn cơm với một tên cường đạo, thì hôm nay ta hãy đi ăn kem với một nữ tì của quý xem sao. Trong khi đi du lịch, cái gì cũng cần xem cả".

Tôi còn có một lý do khác để muốn làm quen thêm với cô ta. Tôi thật ngượng mà thú nhận rằng trước kia, khi ở trường ra, tôi đã phí một thời gian để nghiên cứu khoa thần bí học và còn có nhiều lần định phụ đồng ma. Đã từ lâu, tôi chưa say mê những việc nghiên cứu như thế, nhưng tôi vẫn còn khá tò mò đối với mọi điều dị đoan, và tôi rất thích biết nghệ thuật phù thủy của người bô-hê-miêng cao đến mức nào.

Vừa nói chuyện, chúng tôi vừa bước vào tiệm giải khát, và ngồi xuống bên một bàn nhỏ, có một ngọn nến đặt trong quả cầu thủy tinh soi sáng. Thế là tôi tha hồ quan sát cô gái gi-ta-na(42) của tôi, trong lúc đó mấy người khách lịch sự ăn kem trở mắt kính ngạc thấy tôi đi với hạng người quý hóa như thế.

Tôi rất ngờ cô Carmen không phải là người bô-hê-miêng thuần túy, ít ra nàng cũng đẹp gấp vạn tất cả các phụ nữ cùng một dân tộc với nàng mà tôi đã từng gặp. Theo người Tây Ban Nha, một phụ nữ muốn gọi là đẹp, phải tập trung được ba mươi tiếng nếu, hoặc nói theo cách khác, phải định nghĩa được bằng mười hình-dung-từ khả dĩ áp dụng cho ba bộ phận trong con người. Thí dụ nàng phải có ba thứ đen: mắt, mí mắt và lông mày; ba thứ thanh tú: ngón tay, môi và tóc

v.v... Xin đọc giả xem Brăngtômơ [\(43\)](#) về những phần còn lại. Cô gái bô-hê-miêng của tôi không đạt được đủ ngàn ấy điểm tuyệt mỹ đâu.

Làn da nàng tuy thật mịn màng, nhưng gần giống màu đồng thau. Đôi mắt nàng xếch, nhưng khóe mắt tuyệt đẹp; môi nàng hơi dày, những đường nét thật xinh, để lộ ra hàm răng trắng hơn những hạt hạnh nhân đã bóc vỏ. Tóc nàng, có lẽ hơi thô, nhưng đen nhánh có ánh xanh như cánh quạ, dài và óng mượt. Để khỏi tả dài giòng làm mệt các bạn, tôi chỉ xin tóm tắt rằng ở người nàng, cứ bên mỗi khuyết điểm lại có một ưu điểm mà sự tương phản hình như càng làm nổi bật thêm. Thật là một sắc đẹp kỳ dị và man rợ, một khuôn mặt lúc đầu làm ta ngạc nhiên, nhưng rồi ta không thể quên được. Nhất là khóe mắt nàng, vừa đầy dục tình vừa hung dữ, sau này tôi không hề thấy cặp mắt người nào lại như thế: mắt bô-hê-miêng, mắt chó sói, câu phương ngôn Tây Ban Nha đó quả đã ghi được một nhận xét chính xác. Nếu bạn không có thì giờ đến vườn bách thảo để nghiên cứu cái nhìn của con chó sói, bạn hãy nhìn kỹ con mèo của bạn khi nó rình con chim sẻ.

Xem bói ở ngay trong tiệm cà-phê thì thật lố lăng. Cho nên tôi đã xin cô phù thủy xinh đẹp của tôi cho phép tôi đưa nàng về nhà. Nàng đồng ý ngay, nhưng nàng lại muốn biết thời gian, nên lại yêu cầu tôi cho đồng hồ reo chuông.

- Nó có phải thực bằng vàng không nhỉ? Nàng vừa nói vừa ngắm nghía một cách quá ư chú ý chiếc đồng hồ. Khi chúng tôi ra đường, trời đã tối mịt, phần lớn các nhà hàng đã đóng cửa, phố xá gần vắng tanh. Chúng tôi qua cầu sông Goadankivia và đến đầu ngoai ô thì dừng lại trước một căn nhà không có vẻ gì là lâu đài. Một em bé ra mở cửa cho chúng tôi. Cô bô-hê-miêng nói với nó mấy lời bằng một thứ tiếng mà tôi không hiểu nhưng sau này tôi biết là tiếng rom-mani hay còn gọi si-pơ-ca-li thổ ngữ của người bô-hê-miêng. Chú bé lập tức biến mất, để lại hai chúng tôi trong một gian phòng khá rộng có kê một chiếc bàn nhỏ, hai ghế đầu và một cái hòm. Tôi không nên quên một vại nước, một đồng cam và một bó hành.

Khi chỉ còn lại hai chúng tôi, cô gái lập tức lấy trong hòm ra một cỗ bài hình như đã được sử dụng nhiều lần lắm, một miếng nam châm, một con tắc kè nhông[\(44\)](#) khô và một vài thứ đồ vật khác cần thiết cho nghệ thuật của cô. Đoạn, cô bảo tôi lấy một đồng tiền làm dấu thánh giá vào bàn tay trái, thế là cuộc ma thuật bắt đầu. Kể cũng không cần nhắc lại với các bạn những lời tiên tri của cô gái, còn về cách hành nghề của cô thì rõ ràng cô không phải là một mụ phù thủy hạng xoàng.

Chẳng may, chả bao lâu, chúng tôi bị phá đám. Cánh cửa xịch mở một cách dữ dội, một người đàn ông, trùm kín đến tận mắt trong một chiếc áo choàng màu nâu, vừa bước vào phòng vừa quát hỏi cô gái bô-hê-miêng một cách không lịch sự lắm. Tôi không hiểu anh ta nói gì, nhưng giọng nói tỏ ra rằng anh ta đang hết sức cáu kỉnh. Trông thấy anh, cô gái bô-hê-miêng tỏ ra không ngạc nhiên mà cũng không tức giận, nhưng cô chạy ngay lại đón anh, và với một vẻ hoạt bát phi thường, cô nói với anh mấy câu bằng thứ tiếng bí mật mà cô đã dùng trước mặt tôi. Tiếng pay-ô được nhắc đi nhắc lại là tiếng duy nhất mà tôi hiểu. Tôi biết rằng người bô-hê-miêng dùng tiếng đó để chỉ những người không cùng nòi giống với họ. Đoán rằng họ đang nói về tôi, tôi nghĩ sắp bị một chuyện lòi thối; tôi để tay vào chân một cái ghế đầu và tôi nhắm tính xem đúng lúc nào thì nên ném ghế đó vào đầu kẻ ở đâu đến phá rối.

Anh ta đẩy mạnh cô gái bô-hê-miêng sang một bên và tiến lại phía tôi; nhưng rồi anh vừa lùi lại một bước vừa nói:

- A! Ông, ông đấy ư?

Đến lượt tôi nhìn anh, và tôi nhận ra người bạn Đông Giôê. Lúc đó, tôi hơi ân hận sao trước kia tôi đã không để cho người ta treo cổ anh đi?

- A! Thế ra ông bạn à! Tôi kêu lên và cố cười một cách ít gượng gạo nhất. Ông đã làm gián đoạn cô đây giữa lúc cô ấy đoán cho tôi nhiều điều hay lắm.

- Bao giờ nó cũng vẫn thế. Nhưng rồi thế nào cũng có lúc hết thôi, anh gần giọng nói, mắt chăm chăm nhìn cô gái một cách dữ tợn.

Song, cô gái bô-hê-miêng vẫn tiếp tục nói với anh bằng thứ tiếng của cô. Càng ngày cô càng hăng lên. Cặp mắt đỏ ngầu tia máu và trở nên kinh khủng, nét mặt nhăn lại, chân dậm thành thình. Hình như cô ta đang thúc anh phải làm một điều gì mà anh tỏ ra do dự. Điều ấy là gì, tôi tưởng đã quá rõ lúc nhìn bàn tay bé nhỏ của cô đưa đi đưa lại nhanh như cắt dưới cằm. Tôi đoán đây là chuyện cắt cổ họng một người nào và tôi hơi nghi rằng đấy là cổ họng tôi.

Trước những lời hùng hồn tuôn ra như suối ấy, Đông Giôđê chỉ đáp lại bằng hai ba tiếng thốt ra bằng một giọng ngắn gọn. Thế là cô bô-hê-miêng lườm anh một cách khinh miệt vô cùng; đoạn cô ngồi xếp chân bằng tròn vào một góc phòng, chọn một quả cam và bóc vỏ ăn.

Đông Giôđê nắm cánh tay tôi, mở cửa và dẫn tôi ra phố. Không nói một lời, chúng tôi đi chừng hai trăm bước. Rồi anh giơ tay bảo:

- Ông cứ đi thẳng mãi thì sẽ đến cầu.

Rồi anh lập tức quay người lại và rảo bước. Tôi trở về quán trọ, trong người khá bực bội và hơi sượng sùng. Tệ hơn nữa là lúc cởi bỏ quần áo, tôi mới biết đã mất chiếc đồng hồ.

Tôi suy tính thấy có nhiều lý do khiến hôm sau tôi không đi đòi đồng hồ hoặc yêu cầu quan co-rê-gi-đơ(45) phái người đi tìm đồng hồ cho tôi. Tôi làm xong công trình nghiên cứu cuốn sách viết tay của dòng Đôminicanh rồi tôi đi Xêvi. Sau mấy tháng đi lang thang trong vùng Angđaludi, tôi định trở lại Madrid, do đó tôi phải đi qua Cordu lần nữa. Tôi không định ở đấy lâu, vì tôi đã sinh ra ác cảm với thành phố đẹp ấy và với những cô nàng tắm trên sông Goadankivia. Song vì phải gặp lại vài người bạn và làm mấy việc được ủy thác, nên tôi phải ở lại ít ra là ba bốn ngày ở cố đô của các chúa Hồi hồi. Tôi vừa bước chân đến tu viện dòng Đôminicanh thì một cha thường tỏ vẻ rất lưu ý đến công trình tìm tòi của tôi về địa điểm thành Munda, niềm nở ra đón tôi và kêu lên:

- Sáng danh Chúa! Ông bạn thân của tôi ơi, rất hoan nghênh ông tới đây. Tất cả chúng tôi cứ tưởng ông đã chết và chính tôi đây, đã nhiều lần đọc Kinh Lạy Cha và Kinh Kính mừng - tôi không tiếc những buổi cầu kinh ấy đâu - để linh hồn ông được cứu rỗi. Thế ra ông không bị ám sát ư? Vì việc ông bị ăn trộm chúng tôi đều biết.

- Sao cha biết? Tôi hơi ngạc nhiên.

- Vâng! Chắc ông thừa rõ, chiếc đồng hồ chuông bỏ túi xinh đẹp mà ông cho reo vang trong thư viện khi chúng tôi nói với ông rằng đã đến giờ cầu kinh ấy mà! Này! Chiếc đồng hồ ấy đã tìm thấy rồi, người ta sẽ trả lại ông.

- Nghĩa là, tôi ngất lờì, hơi lúng túng, tôi đã bỏ đâu mất chiếc đồng hồ ấy...

- Tên vô lại đã bị bắt và vì người ta biết hắn là kẻ có gan bắn vào một người theo đạo Thiên Chúa để cướp một đồng tiền nhỏ, chúng tôi cứ lo ngay ngáy rằng hắn đã giết mất ông rồi. Tôi sẽ cùng đi với ông đến dinh quan co-rê-gi-đô và sẽ giúp ông lấy lại cái đồng hồ đẹp ấy. Và rồi ông về nước đừng có nói rằng Thần công lý ở Tây Ban Nha không thạo nghề nhé.

- Tôi thú thật với cha rằng thà tôi chịu mất đồng hồ còn hơn khai ra trước tòa án để một kẻ khốn khổ bị treo cổ, nhất là vì... là vì...

- Chà! Ông đừng lo gì cả! Hắn đã được gửi giam cẩn thận rồi, và người ta không thể treo cổ hắn đến hai lần đâu? Tôi nói treo cổ là tôi nói nhầm đấy. Tên ăn trộm của ông vốn là một hi-đan-gô(46) đấy; chỉ ngày kia là hắn sẽ bị xử giáo(47) không có cách nào trốn thoát được. Ông hắn thấy rằng thêm hoặc bớt một vụ trộm cướp không làm thay đổi chút nào vụ án của hắn! Lạy Chúa, giá mà hắn chỉ phạm tội ăn trộm! Nhưng hắn còn phạm nhiều vụ giết người, toàn kinh khủng như nhau cả.

- Tên hắn là gì vậy?

- Trong xứ này, người ta gọi hắn là Giôđê Navarô, nhưng hắn còn một tên Baxcơ nữa, tên ấy cả ông và tôi đều không nêu lên bao giờ. Này, hắn là một người nên xem đấy, và ông vốn là người rất muốn biết những cái dị kỳ của xứ này, ông nên tìm biết ở đất Tây Ban Nha này bọn

vô lại từ giã cõi đời như thế nào? Hắn đang bị nhốt trong nhà ngục(48). Cha Martinê sẽ dẫn ông tới đấy.

Vị tu sĩ dòng Dominicanh cứ nài mãi tôi nên đến xem sửa soạn một cuộc treo cổ gọn gàng đẹp đẽ khiến tôi không tài nào từ chối được. Tôi bèn đi thăm người tù, mang theo một gói xì-gà. Tôi hy vọng rằng món quà ấy sẽ làm cho người đó thú lỗi tò mò của tôi.

Người ta đưa tôi đến gặp Giôđê, giữa lúc anh đang ăn. Anh gật đầu chào tôi một cách khá lạnh nhạt, và cảm ơn tôi một cách lễ độ về món quà tôi đem đến cho anh. Sau khi đếm những điều xì-gà trong gói tôi đặt trong bàn tay anh, anh chọn lấy một số, còn thì trả lại tôi, nói rằng anh không cần lấy thêm.

Tôi hỏi anh xem liệu tôi có thể bỏ ít tiền hoặc nhờ thế lực của các bạn tôi để làm dịu được phần nào số phận của anh chẳng? Lúc đầu, anh nhún vai, nhếch mép cười buồn bã; lát sau, đổi ý kiến, anh nhờ tôi xin cho một lễ để linh hồn anh được siêu thoát.

- Ông có vui lòng, anh ta nói thêm một cách rụt rè, ông có vui lòng xin một lễ nữa cho một người đã từng xúc phạm đến ông không?

- Được lắm chứ, ông bạn ạ, tôi bảo anh ta, nhưng theo tôi biết, ở xứ này làm gì có ai xúc phạm đến tôi. Anh cầm lấy bàn tay tôi và nắm chặt với vẻ trang nghiêm. Sau một lúc im lặng, anh nói tiếp.

- Không biết tôi có dám nhờ ông giúp cho một việc nữa không? Khi trở về nước, có lẽ ông sẽ đi qua xứ Navarơ; ít ra ông sẽ đi qua Victôria, một nơi không xa xứ ấy là mấy.

- Phải, tôi bảo anh, chắc chắn tôi sẽ đi qua Victôria! Nhưng không phải là tôi không thể đi vòng để tới Pămpolun và, vì ông, tôi chắc rằng tôi sẵn sàng đi vòng như thế.

- Vậy nếu ông đi Pămpolun, ông sẽ được thấy nhiều cái làm ông chú ý. Đó là một thành phố đẹp... Tôi sẽ trao cho ông chiếc huy hiệu này (anh chỉ cho tôi xem một cái huy hiệu nhỏ bằng bạc mà anh đeo ở cổ). Xin ông lấy giấy gói nó lại - anh dừng lại một lúc để trấn tĩnh xúc động - và xin ông trao nó hoặc nhờ người trao nó cho một bà cụ hiền hậu mà tôi sẽ nói cho ông biết địa chỉ. Xin ông nói với bà cụ rằng tôi đã chết, nhưng ông đừng nói tôi chết như thế nào.

Tôi hứa sẽ làm tròn sự ủy thác của anh. Ngày hôm sau tôi lại gặp anh và ở với anh một ngày đó. Chính từ miệng anh, tôi được biết những chuyện phiêu lưu thể thảm mà các bạn sẽ đọc sau đây.

III

Tôi sinh ở Elidôngđô, trong thung lũng Badotăng, anh nói. Tên tôi là Đông Giôđê Lidarabengoa. Với trình độ hiểu biết nước Tây Ban Nha như ông, chắc ông chỉ nghe tên cũng biết ngay rằng tôi là người xứ Baxcơ và theo đạo Gia-tô dòng. Nếu tên tôi có tiếng Đông kèm theo, chính vì tôi có quyền ấy và, nếu tôi ở Elidôngđô, tôi có thể chỉ cho ông xem gia phả của tôi trên một tờ giấy da.

Người ta muốn tôi thành giáo sĩ và cho tôi đi học, nhưng tôi không thu hoạch được gì cả! Tôi ham đánh cầu quá, và chính cái đó đã làm hại tôi. Người Navarơ chúng tôi mỗi khi chơi cầu là quên hết thảy. Một hôm, vì tôi thắng, một thanh niên người vùng Alava gây chuyện với tôi, thế là chúng tôi với lấy ma-ki-la(49) và tôi lại thắng nữa, nhưng vì thế tôi phải bỏ xứ sở. Tôi gặp bọn long kỵ binh và tôi đăng vào trung đoàn kỵ binh Anmăngđa. Người miền núi chúng tôi học nghề lính rất nhanh. Chẳng bao lâu tôi thành tiểu đội trưởng, và người ta đã hứa đề bạt tôi lên chức đội trưởng thì bỗng tôi vô phúc được giao nhiệm vụ gác xưởng thuốc lá ở xêvilơ. Nếu ông đã đến Xêvilơ, ông hẳn trông thấy ngôi nhà lớn đó, nằm ngoài trường thành, gần sông Goadankivia. Cho đến bây giờ, tôi vẫn còn như nhìn thấy xưởng thuốc lá và tiểu đội cảnh vệ ở đấy. Trong lúc thừa hành nhiệm vụ, người Tây Ban Nha thường ngủ hoặc chơi bài, còn tôi, vốn là người Navarơ chính cống, nên tôi cố tìm một việc gì để làm. Tôi làm một cái giải đeo bằng dây đồng hồ thau để buộc cái hỏa kim của tôi. Đột nhiên các bạn tôi nói: "Đấy! Chuông điểm đấy, bọn con gái sắp về làm!" Ông biết rằng ở xưởng có tới bốn năm trăm phụ nữ làm. Các chị

ấy cuốn xì gà trong gian phòng lớn, không có người đàn ông nào được bước chân vào, nếu không được phép của quan Hai mươi bốn(50) vì các chị ăn mặc rất tự do thoải mái, nhất là các chị còn trẻ, lúc trời nóng bức. Đến giờ các chị công nhân về làm việc sau bữa cơm trưa, rất nhiều chàng trai trẻ nhìn các chị đi qua, buông lời tán tỉnh đủ các kiểu. Có rất ít cô nàng từ chối một chiếc khăn choàng bằng lụa ta-phơ-ta và những anh chàng nào ưa đi câu như thế, chỉ việc cúi xuống là vớ được cá. Trong lúc các người khác mãi nhìn thì tôi, tôi cứ ngồi yên trên ghế, gần cửa ra vào. Hồi ấy, tôi còn trẻ lắm; lúc nào tôi cũng nghĩ đến cổ hương và tôi định ninh rằng những cô gái nào thiếu chiếc xiêm màu xanh lơ và thiếu những bím tóc buông trên vai(51) thì không thể nào gọi là xinh đẹp được. Vả lại, các cô gái Angđaludi làm tôi sợ: tôi chưa quen cử chỉ của các cô: lúc nào cũng chế giễu, không được một lời đứng đắn. Tôi đang cúi gằm xuống sợi dây đeo của tôi, bỗng nghe bọn dân thành thị nói: "Cô gái gi-ta-men-la(52) kia kìa!". Tôi ngược mắt lên và nhìn thấy nàng. Hôm nay là ngày thứ sáu, tôi không bao giờ quên được. Tôi trông thấy nàng Carmen mà ông đã biết, vì cách đây mấy tháng đã có lần tôi gặp ông ở nhà nàng.

Nàng vận chiếc xiêm màu đỏ rất ngắn để lộ ra đôi tất lụa trắng thủng nhiều chỗ và đôi giày da Ma-rô-canh xinh xắn màu đỏ, thắt bằng ruy băng màu lửa. Nàng mở khăn choàng để lộ đôi vai và một chùm hoa nhục quế to nhô ra khỏi áo lót của nàng. Nàng còn ngậm một đóa hoa nhục quế ở một bên mép, và vừa đi vừa ngúng nguẩy trông khác gì một con ngựa cái nhỏ trong trại nuôi ngựa Cordu. Ở xứ tôi, ai trông thấy một người đàn bà ăn mặc như thế có lẽ đều phải làm dấu thánh giá. Nhưng ở Xêxilơ, ai ai cũng tán tỉnh nàng bằng một lời khen sỗ sàng về dáng đi đứng của nàng, nàng đáp lời từng người, mắt liếc, tay chống nạnh, ngổ ngáo đúng là một cô gái bô-hê-miêng thực thụ. Lúc đầu, tôi không ưa cô gái ấy, và tôi lại tiếp tục làm công việc của tôi, nhưng nàng thì theo thói quen của phụ nữ và của giống mèo - hễ người ta gọi thì lắng mà không gọi thì xán đến - dừng lại trước mặt tôi và cất tiếng nói với tôi theo lối Angđaludi: - Này, người anh em, người anh em có bằng lòng cho tôi sợi dây đeo để tôi buộc chùm chìa khóa hòm không nào?

- Dây này là cái để buộc cái hỏa kim của tôi, tôi trả lời.

- Hỏa kim ư? Nàng phá lên cười. Chà! Thế ra ông anh làm ren kia đấy, vì ông anh cần đến kim mà! Tất cả mọi người đứng đấy đều bật cười làm tôi đỏ mặt lên, chẳng tìm được câu nào đáp lại cả.

- Thôi này, anh yêu của em, nàng nói tiếp, anh hãy làm cho em bảy sợi ren đen đủ cho một chiếc khăn choàng đầu, hỡi người làm kim của tâm hồn em.

Và, nhón tay cầm đóa hoa nhục quế ngậm trên môi, nàng dùng ngón tay cái búng cho tôi đóa hoa ấy đúng vào khoảng giữa hai mắt tôi. Thưa ông, tôi cảm thấy chẳng khác nào một viên đạn bắn trúng vào người tôi... Tôi không còn biết lần vào đâu được nữa, cứ đứng trơ ra như pho tượng. Khi nàng đã vào rồi, tôi trông thấy đóa hoa nhục quế rơi trên mặt đất, giữa hai chân; không biết tại sao, tôi lại lượm nó lên và tôi nâng niu bỏ vào túi áo mà các bạn tôi không nom thấy. Đó là sự đại đột đầu tiên!

Cho đến hai, ba giờ sau tôi còn đang nghĩ về việc vừa qua thì bỗng một người gác cổng thờ hồng hộc, hốt hoảng chạy đến tiểu đội canh gác. Bác ta nói với chúng tôi rằng trong phòng lớn sản xuất xì-gà có một phụ nữ vừa bị giết, cần có chúng tôi đến. Viên đội trưởng ra lệnh cho tôi mang hai người lính đến đấy xem sao. Tôi lấy người và lên ngay. Xin ông thử tưởng tượng, tôi vừa bước chân vào phòng là thấy trước tiên đến ba trăm phụ nữ mặc áo lót hay gần như thế, tất cả đều lạ hét, khoa chân múa tay, làm rầm rầm đến nỗi giá có sét đánh bên tai cũng không nghe thấy. Ở một phía, có một phụ nữ nằm chổng gọng, máu me đầy người, trên mặt vừa bị hai vết dao rạch thành hình chữ thập. Trước mặt người bị thương đang được những người khá nhất trong bọn cứu chữa, tôi thấy Carmen bị nằm sáu mụ đàn bà nắm giữ. Người phụ nữ bị thương kêu: "Cho tôi xưng tội! Cho tôi xưng tội! Tôi chết mất!"

Carmen không nói gì, nàng nghiêng rặng và đảo tròn mắt như một con tắc kè nhông. Tôi hỏi: "Đầu đuôi thế nào?". Vất vả lắm, tôi mới biết được câu chuyện vừa xảy ra, vì tất cả những nữ công nhân này đều nói cùng một lúc với tôi. Hình như người phụ nữ bị thương có khoe mình

đủ tiền mua một con lừa ở chợ Triana, Vốn tính hay châm chọc, Carmen nói: "Này, chị có cái chổi mà chưa đủ à?". Chị kia ức về lời nói xỏ, có lẽ chị ta có tật giật mình sao đó, nên chị trả lời Carmen rằng chị ta không thạo về chổi vì không có hân hạnh là người bê-hê-miêng hoặc là con đỡ đầu của quý Xa-tăng, nhưng còn cô Carmenxtia thì chẳng bao lâu nữa sẽ được biết con lừa của chị ta, khi ông co-rê-gi-đo dắt cô đi dạo có hai tên hầu đi theo sau để xua ruồi cho cô(53).

"Đã thế, tao sẽ làm bằng được mấy chỗ cho ruồi uống nước trên má mày - Carmen nói - và tao sẽ vẽ lên đấy một bàn cờ cho mà xem. Thế là xoẹt! xoẹt! Carmen lấy ngay con dao nòng vẫn dùng cắt đầu xì-gà rạch những chữ thập thánh Angđrê trên mặt người đàn bà kia.

Sự việc đã quá rõ ràng, tôi nắm cánh tay Carmen và nói một cách lễ độ: "Cô em! Cô phải đi theo tôi!" Nàng nhìn tôi hình như đã nhận ra tôi, nhưng nàng nói một cách nhẫn nhục: "Nào thì đi! Chiếc khăn choàng của tôi đâu nhỉ?" Nàng trùm khăn lên đầu, chỉ để hở một trong hai mắt to của nàng, và ngoan ngoãn đi theo hai người của tôi như một con cừu. Đến trạm gác, người đội trưởng nói đây là việc nghiêm trọng và phải dẫn nàng đến nhà lao. Chính tôi lại phải dẫn Carmen đi một lần nữa. Tôi bèn để Carmen đi giữa hai anh lính long ky, và tôi đi theo sau như anh tiểu đội trưởng phải làm trong trường hợp như thế. Chúng tôi lên đường ra tỉnh. Lúc đầu, cô gái bê-hê-miêng còn giữ im lặng, nhưng khi đến phố Rắn - ông cũng đã biết đấy, phố ấy rất xứng danh, vì có nhiều đoạn quanh co - đi đến phố Rắn thì nàng bắt đầu để tuột khăn choàng xuống vai, lộ cho tôi thấy dung mạo cáu kỉnh của nàng, rồi cố quay người lại phía tôi, nàng nói:

- Ngài sĩ quan, ngài dẫn em đi đâu vậy?

- Đến nhà giam, cô bé tội nghiệp ạ, tôi đáp lại bằng giọng nói dịu dàng nhất, như một người lính tốt phải ăn nói với phạm nhân, nhất là với phụ nữ.

- Than ôi! Thế thì rồi đây em sẽ ra sao? Đức ông sĩ quan, Ngài hãy thương em với. Ngài trẻ quá, dễ thương quá! Rồi, nàng nói tiếp giọng nhỏ hơn: "Người để em trốn thoát nhé, em sẽ tặng Ngài một miếng ba-la-chi khiến phụ nữ nào cũng phải mê Ngài...

Thưa ông, ba-la-chi là hòn đá nam châm mà người bê-hê-miêng bảo là có nhiều phép thần thông kỳ diệu nếu người ta biết cách sử dụng nó. Cho một phụ nữ uống một rúm bột đá đó mài ra, bỏ vào trong cốc vang trắng, nàng sẽ không cưỡng lại được nữa! Nhưng tôi, tôi đã lên giọng nghiêm chỉnh nhất để bảo nàng:

- Chúng ta đâu có phải đi như thế này để tán nhảm? Phải đi đến nhà giam thôi, đấy là mệnh lệnh, không có cách nào cứu vãn được!

Người xứ Baxơ chúng tôi có một giọng nói riêng, khiến người Tây Ban Nha dễ nhận ra chúng tôi: trái lại, ngay chỉ mấy tiếng bai-gia-ô-na(54) cũng không có ai học nói cho đúng được. Cho nên Carmen đoán ngay được rằng tôi là người ở Các Tỉnh. Ông biết rằng người bê-hê-miêng, vì không thuộc hân xứ nào và lúc nào cũng lưu động nên thứ tiếng nào cũng nói được, và một số đông khi đến ở Bồ Đào Nha, ở Pháp, ở Các Tỉnh, ở Catalônơ và ở bất cứ nơi nào, thì cũng y như ở xứ sở của mình vậy. Ngay cả đối với người Môơ và người Anh, họ cũng làm cho người ta hiểu họ được. Carmen biết tiếng Baxơ rất khá.

- Bạn lòng của em ời, nàng đột nhiên nói với tôi, anh có phải là người đồng hương không?

Thưa ông, tiếng nói của xứ tôi hay đến nỗi khi chúng tôi nghe thấy ở nơi đất khách, chúng tôi cảm động đến rung lên... Tôi muốn có một cha rửa tội người ở Các Tỉnh, gã cướp nói thêm thế bằng giọng nói nhỏ hơn. Im một lúc, anh ta lại nói:

- Tôi là người ở Elidôngđô, tôi trả lời nàng bằng tiếng Baxơ, rất xúc động được nghe nàng nói bằng tiếng xứ tôi.

- Em, em là người ở Etsala, nàng nói. (Đi từ vùng này đến quê tôi chỉ mất bốn tiếng đồng hồ). Em bị người bê-hê-miêng bắt đến Xêvilơ. Em làm ở xưởng thuốc để kiếm tiền về Navarơ, với bà mẹ đáng thương của em chỉ còn biết nương tựa vào em và vào cái ba-rát-xê-a(55) nhỏ có hai mươi gốc táo! Chao ời! Nếu em được ở quê nhà, trước ngọn núi trắng xóa! Người ta đã sỉ nhục

em, vì em không phải là người của xứ toàn những dân ăn cắp, những tên lái buôn cam thối; và tất cả những con đĩ ấy tụ họp lại để chống em. Vì em bảo chúng rằng tất cả bọn giặc-cơ(56) ở Xêvilơ của chúng dù có mang dao cũng không thể dọa nổi một chàng thanh niên ở xứ ta, đội mũ nổi xanh, tay cầm ma-ki-la... Bạn ơi, bạn chí thân của em ơi! lẽ nào bạn không giúp gì cho một nữ đồng hương hay sao?

Thưa ông, nàng đã nói dối, bao giờ nàng cũng dối trá. Tôi không biết trong cuộc đời của người con gái ấy có lần nào nói được một lời chân thật không; nhưng, khi nàng nói thì tôi tin: tôi không sao cưỡng lại được. Nàng nói tiếng Baxcơ chưa đúng, nhưng tôi lại nghĩ rằng nàng là người miền Navaro; chỉ riêng mắt nàng, miệng nàng, màu da nàng cũng nói lên rằng nàng là người bô-hê-miêng. Tôi điên dại, không chú ý đến cái gì nữa. Tôi cho rằng nếu có bọn người Tây Ban Nha nào dám nói xấu xứ tôi, tôi cũng sẽ rạch mặt họ, như nàng vừa làm đối với con bạn. Tóm lại, tôi như người say rượu, tôi bắt đầu nói những điều bậy bạ và tôi sắp làm những cái đó đến nơi.

- Nếu em đẩy anh, người đồng hương của em ạ, và nếu anh ngã, nàng nói tiếp bằng tiếng Baxcơ, thì hai tên lính Canxti-lăng này giữ em sao nổi...

Quả thật, lúc đó tôi quên hết mệnh lệnh, quên tất cả, và tôi bảo nàng:

- Thôi được, cô bạn thân yêu, người nữ đồng hương của anh, em cứ thử đi, và xin Đức Bà Trên Núi của chúng ta phù hộ cho em!

Lúc này, chúng tôi đang đi qua một trong những ngõ chật hẹp, đầy rẫy ở Xêvilơ. Đột nhiên, Carmen quay người lại và đâm một quả vào ngực tôi. Tôi cố ý ngã lăn kên ra. Nàng nháy vọt một cái qua người tôi và vùng chạy, để lộ cho chúng tôi nhìn thấy một đôi chân! Người ta thường nói chân người Baxcơ: chân nàng có thua gì những đôi chân khác... vừa nhanh nhẹn, vừa xinh xắn.

Còn tôi, tôi nhóm dậy ngay, nhưng tôi lại cầm ngang ngọn dao(57) chặn lối đi, khiến cho lúc đầu các bạn tôi định đuổi theo nàng đều bị cản lại. Rồi chính tôi cũng chạy và cả bọn chạy theo tôi, nhưng còn mong gì đuổi kịp được, vì vướng nào đỉnh thúc ngựa, nào gươm dao! Thoáng một cái còn nhanh hơn thời gian tôi kể chuyện với ông, người nữ tù đã biến mất. Và lại tất cả những mù đàn bà trong khu phố ủng hộ nàng chạy trốn và chế giễu chúng tôi, chỉ sai đường cho chúng tôi. Sau nhiều lần sục đi sục lại, chúng tôi đành trở về trạm gác, không có giấy biên nhận của quan thủ ngục.

Những người lính của tôi, muốn tránh khỏi tội, đều nói rằng Carmen đã nói tiếng Baxcơ với tôi; và thật ra một quả đâm của cô gái bé nhỏ như thế đánh ngã nhào được một chàng trai sức lực như tôi một cách dễ dàng đến thế, việc đó có vẻ không được tự nhiên lắm. Tất cả những cái ấy có vẻ ám muội, hay nói cho đúng hơn, đã quá rõ ràng. Lúc thay phiên gác, tôi bị giáng chức và bị phạt tù một tháng. Đây là lần đầu tôi bị phạt từ ngày nhập ngũ. Thôi thế là vĩnh biệt quân hàm đội trưởng mà tôi tưởng đã nắm trong tay!

Những ngày đầu tiên trong nhà giam trôi qua một cách vô cùng buồn bã. Khi tòng quân, tôi định ninh là rồi đây ít nhất mình cũng sẽ trở thành sĩ quan. Lôngga và Mina, người đồng xứ với tôi, hiện nay đều là đại đội trưởng cả! Sapalangara vốn là người da đen như Mina và cũng phải trốn sang nước ông, Sapalangara lúc đó đã là đại tá, và tôi đã từng đánh cầu hàng vài chục lần với em ông ta cũng chỉ là một kẻ tầm thường như tôi. Bây giờ, tôi nghĩ thầm: "Thế là tất cả khoảng thời gian tôi phục vụ không bị kỷ luật đều mất không cả! Nay tôi đã bị nhận xét xấu; muốn được các thủ trưởng coi như trước, sẽ phải làm việc gấp mười lần so với khi tôi mới đăng lính! Và tại sao tôi lại để bị phạt nhỉ? Vì một con bô-hê-miêng vô lại nó đã xỏ mình và giờ đây đang bận ăn cắp ở một xó xỉnh nào trong thành phố. Tuy nhiên tôi không thể không nhớ nàng. Ông có tin như thế này được không? Đôi tất lụa thủng mà nàng để cho tôi nhìn thấy rõ ràng trong khi nàng chạy trốn vẫn luôn luôn hiện ra trước mắt tôi. Tôi nhìn ra phố, qua chấn song sắt của nhà giam, và trong tất cả các phụ nữ đi qua, tôi không thấy người nào sánh được với con quỷ cái ấy. Rồi bất giác tôi ngửi thấy mùi hoa nhục quế, đó là hoa nàng đã ném cho tôi, tuy đã khô nhưng vẫn giữ được hương thơm... Người con gái ấy đúng là một mụ phù thủy.

Một hôm, người cai ngục bước vào đưa cho tôi một cái bánh mì Ancala.

- Này anh, bác ta nói với tôi, cô em họ của anh gửi cho anh cái này đây!

Tôi cầm lấy cái bánh, rất ngạc nhiên vì tôi có cô em họ nào ở Xêvilơ đâu! Có lẽ nhầm? Tôi vừa nhìn cái bánh vừa nghĩ thế, nhưng bánh thơm ngon đến nỗi chẳng cần thắc mắc từ đâu đến và gửi cho ai, tôi quyết định ăn. Khi ăn bánh, con dao vấp phải một vật gì rắn. Tôi nhìn và thấy một chiếc dĩa Anh nhỏ đã được nhét vào trong bột bánh trước lúc đem nướng. Trong chiếc bánh mì ấy còn có cả một đồng tiền vàng hai đồng nữa. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là quà tặng của Carmen. Đối với những người thuộc dòng giống như nàng, tự do là tất cả, và họ sẵn sàng châm lửa đốt cháy cả một thành phố để tránh một ngày ngồi tù. Hơn nữa, con bé này mới ranh làm sao, với chiếc bánh mì ấy, nó cưỡi vào mũi bọn cai ngục. Chỉ cần một giờ là thanh chắn song to nhất sẽ bị cưa đứt bằng cái dĩa nhỏ và, với đồng tiền vàng hai đồng, tôi có thể đến bất cứ hàng quần áo cũ nào đổi chiếc áo ca-pốt nhà binh lấy bộ cánh phong lưu. Chắc ông thừa biết một người đã từng nhiều lần trèo lên những tổ chim ưng bắt chim con trong núi đá ở xứ tôi thì tụt từ một cửa sổ cao chưa đầy ba mươi bi-ê xuống mặt đường phố chẳng có gì phải lúng túng. Nhưng tôi không muốn trốn. Tôi còn có danh dự quân nhân của tôi và tôi coi đào ngũ là một trọng tội. Duy có điều, tôi rất cảm động trước biểu hiện tưởng nhớ đó! Ở trong tù, người ta thích nghĩ rằng ở ngoài có người bạn thân quan tâm đến mình. Đồng tiền vàng làm tôi mech lòng đôi chút, tôi rất muốn đem trả lại. Nhưng tìm đâu ra người mà tôi mắc nợ. Tôi thấy điều đó hình như không phải dễ dàng.

Sau buổi lễ giáng chức, tôi tưởng mình sẽ không còn phải đau khổ về điều gì nữa, nhưng rồi tôi còn bị một sự tủi nhục ê chề nữa: đấy là khi ở nhà giam ra, người ta phân công cho tôi đứng gác như một anh lính quèn. Ông không thể tưởng tượng được một người có chí khí cảm thấy thế nào trong trường hợp như thế. Tôi nghĩ rằng tôi thích bị xử bắn hơn. Ít nhất cũng được đi một mình, trước tiểu đội; mình cảm thấy mình cũng là một người thế nào đây; ai ai cũng nhìn vào mình. Tôi được cắt gác cửa nhà viên đại tá. Ông ta là một người trẻ tuổi giàu có, tốt bụng ham chơi. Nghe nói tất cả các sĩ quan trẻ đều đến nhà ông ta, có nhiều thị dân phong lưu nữa, cả phụ nữ, những nữ nghệ sĩ, theo người ta nói. Tôi thấy hình như toàn thành phố đã hẹn nhau kéo đến cửa nhà ông ta để xem mặt tôi. Kia kìa, chiếc xe ngựa của viên đại tá đã tới, có anh hầu phòng của ông ta ngồi trên ghế. Tôi thấy ai trên xe bước xuống kia nhỉ? Cô gái gi-ta-nen-la, ông ạ. Hôm nay, nàng trang sức đủ các màu lòe loẹt, sắc sỡ, diêm dúa, vàng và ruy-băng khắp người. Một chiếc áo dài kim tuyến, đôi giày màu lơ cũng thêu kim tuyến và toàn người đầy hoa và dải. Tay nàng mang một cái trống baxơ. Cùng đi với nàng có hai phụ nữ bô-hê-miêng khác, một già một trẻ. Bao giờ các cô gái bô-hê-miêng đi đâu cũng có một bà già dẫn đi, và một ông già cũng là người bô-hê-miêng mang cây ghi-ta để đánh đàn cho các cô ả múa. Chắc ông cũng biết rằng người ta thích gọi những cô gái bô-hê-miêng đến các đám hội, để các cô múa điệu rô-ma-li - điệu vũ của dân tộc bô-hê-miêng - và lắm khi để làm nhiều cái khác nữa. Carmen nhận ra tôi, và hai chúng tôi nhìn nhau. Tôi không biết tại sao lúc ấy tôi chỉ muốn chui thật sâu xuống đất.

Nàng nói:

- A-guya-la-guy-na(58)! Chàng sĩ quan của em, chàng đứng gác như một tân binh ấy!

Tôi chưa tìm được một tiếng nào để trả lời thì nàng đã bước vào trong nhà.

Tất cả đám người tụ họp ở trong pa-xi-ô(59) và mặc dù đông người, qua tấm rào sắt tôi vẫn nhìn thấy hầu hết mọi cảnh tượng diễn ra. Tôi nghe thấy nào tiếng cát-xta-nhét(60), tiếng trống, nào tiếng cười vang và tiếng hoan hô; đôi lúc, tôi thoáng thấy đầu Carmen khi nàng bưng trống nhảy lên. Tôi còn nghe thấy cả tiếng các sĩ quan nói với nàng nhiều điều khiến tôi đỏ bừng mặt. Nàng trả lời thế nào tôi không rõ. Tôi nghĩ rằng chính từ hôm ấy tôi yêu nàng thật sự; vì có tới ba bốn lần, tôi có ý nghĩ xông vào trong pa-xi-ô, đưa lưỡi gươm vào bụng tất cả mấy thằng công tử bột đang tán tỉnh hoa bướm với nàng. Nỗi khổ não hành hạ tôi suốt một tiếng đồng hồ; rồi bọn bô-hê-miêng bước ra và xe ngựa lại đưa họ về. Khi đi qua mặt tôi, Carmen lại nhìn tôi bằng khóe mắt mà ông đã biết đấy, và nói thật khẽ:

- Người đồng hương a, khi nào thích món cá rán ngon, thì đến nhà hàng Lilat Paxtia ở Toriana mà ăn. Nhẹ nhàng như con dê non, nằng nhảy lên xe ngựa, người xà ích ra roi mấy con la, thế là cả bầy ca nhạc vui nhộn đó ra đi không biết về đâu.

Chắc ông thừa đoán được rằng hết phiên gác là tôi đi ngay Toriana; nhưng trước hết tôi đi cạo mặt, chải chuốt như trong ngày duyệt binh vậy. Nàng đang ở nhà Lilát Paxtia, một lão chủ cao lâu bô-hê-miêng đen như mọi. Hàng của lão rất đông khách, đám thị dân phong lưu đến đó thưởng thức món cá rán, nhất là - theo tôi nghĩ - từ khi Carmen đến đóng bản doanh ở đó. Nàng vừa thấy tôi là nói ngay:

- Anh Lilát, suốt ngày hôm nay tôi không làm gì nữa. Ngày mai trời đẹp. Nào, người đồng hương của em, chúng ta đi dạo chơi đi!

Nàng kéo khăn choàng lên che mũi, thế là chúng tôi ra phố, và tôi cũng chẳng biết là đi đâu.

- Thừa cô, tôi nói với nàng, tôi tưởng cần phải cảm ơn cô về món quà cô đã gửi cho trong khi tôi còn ở nhà giam. Tôi đã ăn bánh, tôi sẽ dùng chiếc đĩa để mài dao, tôi sẽ giữ nó làm kỷ niệm của cô, nhưng tiền thì đây!

- Anh ta đã giữ lại tiền đây này, nàng phá lên cười.

Thôi được, càng hay! Vì em cũng đang túng, nhưng cần quái gì, trời sinh voi, trời sinh cỏ. Nào! Chúng ta ăn bằng hết đi nào! Anh thết em nhé!

Chúng tôi đang trở lại con đường đi Xêvilơ. Đến đầu phố Rắn, nàng mua một tá cam và bảo tôi gói vào khăn tay. Đi thêm một quãng nữa, nàng lại mua bánh mì, xúc xích, một chai man-da-ni-la, sau cùng nàng vào hàng bánh ngọt. Đến đấy, nàng ném lên quầy hàng đồng tiền vàng của tôi trả nàng, và một đồng khác ở trong túi nàng, cùng một ít tiền bằng bạc của nàng; sau hết nàng bảo tôi còn bao nhiêu đưa ra cả. Tôi chỉ còn một đồng tiền nhỏ và mấy đồng xu, tôi đưa cho nàng, trong bụng rất ngượng vì không có hơn. Tôi tưởng có lẽ nàng muốn khuân cả cửa hàng. Nàng mua tất cả những cái gì đẹp nhất, và đắt nhất, nào y-ê-ma(61) nào tuy-rông(62), nào mút, còn chút tiền nào là nàng tiêu bằng hết! Tất cả những thứ ấy, tôi lại phải bê trong những túi giấy. Có lẽ ông cũng biết phố Candilogiô, nơi có tượng đầu vua Đồng Pêđrô(63), người được mệnh danh là Thần Công Lý. Đáng lẽ phố Candilogiô này phải gọi cho tôi nhiều suy nghĩ. Khi đi tới phố đó, chúng tôi dừng lại trước một căn nhà cũ kỹ. Nàng bước vào lối đi, gõ cửa nhà dưới. Một người đàn bà bô-hê-miêng rõ là môn đồ thực thụ của Xa tăng ra mở cửa cho chúng tôi. Carmen nói mấy tiếng bô-hê-miêng với cụ già đó. Lúc đầu cụ càu nhàu. Để xoa dịu cụ ta, Carmen đưa cho cụ hai quả cam, một nắm kẹo và cho cụ nếm rượu vang. Đoạn nàng khoác chiếc áo choàng của cụ lên lưng cụ, dẫn cụ ra cửa rồi lấy thanh gỗ đóng cửa lại.

Khi chỉ còn hai chúng tôi, nàng liền vừa nhảy, vừa cười như điên cuồng, vừa hát:

- Anh là rôm của em, em là rômi(64) của anh... Còn tôi thì đứng giữa phòng, trên tay đầy những gói đồ của nàng mua, chưa biết đặt vào đâu. Nàng ném tất cả xuống đất, nhảy lên bám vào cổ tôi và nói:

- Em trả nợ đây! Em trả nợ của em đây! Đây là luật lệ của người Calê(65).

- Chà! Thừa ông, cái ngày hôm ấy! Mỗi lần nhớ đến, tôi thấy quên cả ngày mai!...

Gã cướp im lặng một lúc, rồi châm lại điệu xì-gà và nói tiếp:

- Chúng tôi ở với nhau cả ngày hôm ấy, ăn uống và làm nhiều chuyện khác nữa. Sau khi nhai kẹo như tré lên sáu, nàng lấy từng nắm bỏ vào vại nước của cụ già. "Để làm nước kem cho cụ ấy", nàng nói. Nàng ném cả bánh trứng y-ê-mê vào tường cho vỡ ra và nói: "để cho ruồi khỏi quấy chúng ta". Thật không còn thiếu một trò bậy bạ nào, một thứ tinh nghịch nào nàng không làm. Tôi tỏ ý muốn xem nàng nhảy, nhưng không biết tìm đâu ra cát-xta-nhét. Thế là nàng cầm luôn chiếc đĩa duy nhất của cụ già, đập vỡ tan ra từng mảnh và nhảy ngay điệu rô-ma-li vừa nhảy vừa gõ những mảnh sứ vỡ vào nhau, nghe ròn chẳng kém gì cát-xta-nhét bằng gỗ mun và bằng ngà. Tôi có thể bảo đảm với ông rằng một người con gái như thế, không tài nào chán

được. Tối đến tôi nghe tiếng trống thu quân về trại.

- Tôi phải về trại điểm danh, tôi nói với nàng.

- Về trại à? nàng nói, giọng khinh miệt; thế ra anh là một tên da đen để người ta xỏ mũi, lôi đi đâu cũng được à? Anh đúng là một con ca-na-ri(66) về y phục cũng như về bản lĩnh. Thôi đi đi, anh thật nhát như cáy.

Thế là tôi ở lại, cam tâm chịu phạt giam. Sáng ra, chính nàng nói trước đến sự xa nhau.

- Này! Anh Giôxê! Tôi đã trả nợ anh rồi có phải không? Theo luật lệ của chúng tôi, tôi không nợ gì anh cả, vì anh là một pay-ô. Nhưng anh là một chàng trai xinh đẹp, vừa ý tôi. Chúng ta đã thanh toán nợ xong.

Thôi, chào anh nhé!

Tôi hỏi bao giờ thì tôi có thể gặp lại nàng.

- Bao giờ anh đỡ ngốc nghếch, nàng vừa nói, vừa trả lời. Rồi, bằng giọng đứng đắn hơn, nàng nói:

- Anh chàng bé bỏng ơi, anh có biết không, tôi nghĩ rằng tôi cũng có hơi yêu anh đấy. Nhưng cái đó không thể kéo dài. Chó sói và chó nhà không thể nào sống chung với nhau lâu được. Có lẽ nếu anh theo luật lệ Ai Cập(67), thì tôi cũng muốn thành rô-mi của anh. Nhưng đó chỉ là nói nhảm thôi. Đâu có thể như thế được. Chà! Chú em ơi, chú thoát thân được như thế là may lắm rồi, tôi nói thật đấy. Chú đã gặp quý, phải, quý! Con quý ấy không phải lúc nào cũng đen, và nó đã không vụn cổ chú. Tôi mặc đồ len, nhưng tôi không phải là cừu đâu(68)! Chú nên đem cây nến đến tạ ân Ma-gia-ri(69) của chú. Ma-gia-ri đáng nhận lễ đó lắm. Thôi, vĩnh biệt một lần nữa, đừng nghĩ đến Carmen nữa, nếu không nó sẽ làm cho chú mày lấy một quả phụ chân gỗ(70) đấy.

Vừa nói nàng vừa tháo thanh gỗ chặn cửa, và ra đến ngoài đường là nàng trùm kín ngay khăn và quay gót đi thẳng.

Nàng nói đúng. Đáng lẽ tôi nên khôn ngoan đừng nghĩ tới nàng nữa; nhưng, từ hôm đến phố Candilôgiô, tôi không thể nghĩ đến cái gì khác được nữa. Tôi cứ đi lang thang suốt ngày hy vọng được gặp nàng. Tôi đến mục già và lão chủ cao lâu để hỏi tin tức về nàng.

Cả hai đều trả lời rằng nàng đã đi Lalôrô, nghĩa là đi Bồ Đào Nha. Chắc Carmen đã dặn họ nói thế. Nhưng chẳng bao lâu, tôi biết là họ nói dối. Vài tuần lễ sau ngày đến phố Candilôgiô, tôi được cắt gác một cửa ô vào thành phố. Gần đó có một lỗ hổng lớn trong bức tường bao quanh thành phố, ban ngày người ta làm việc ở đó, ban đêm người ta đặt một người canh gác để ngăn ngừa bọn buôn lậu.

Lúc ban ngày, tôi thấy Lilát Paxtia cứ đi đi lại lại quanh trạm gác, và trò chuyện với mấy người bạn tôi; họ đều quen Lilát Paxtia và còn quen món cá và bánh rán của hắn hơn. Hắn tiến đến gần tôi và hỏi tôi có được tin tức gì về Carmen không.

- Không, tôi đáp.

- Này, người anh em sắp có tin đấy!

Hắn không nhầm. Đêm ấy, tôi được cắt gác ở nơi tường lở. Viên tiểu đội trưởng vừa đi khỏi, tôi thấy một phụ nữ đi lại phía tôi. Tim tôi thầm nhủ rằng đấy là Carmen. Song tôi cứ hô to:

- Tránh ra! Không qua được!

- Đừng ác thế anh. Nàng vừa nói vừa xưng danh với tôi.

- Ô hay! Em đấy ư, Carmen?

- Phải, người đồng hương của em ạ. Chúng ta nói ít thôi, và nói tử tế. Anh có muốn kiếm được một đồng đua-rô(71) không? Sắp có mấy người mang những bao hàng qua đấy! Anh hãy cứ để

mặc họ nhé!

- Không, tôi đáp, tôi phải ngăn họ lại. Đây là mệnh lệnh!

- Mệnh lệnh! Mệnh lệnh! Lúc ở phố Candilogiô, anh có nghĩ đến mệnh lệnh đâu.

Trong lòng điên đảo cả lên chỉ vì kỷ niệm đó, tôi trả lời:

- Chao ôi! Lúc đó thật đáng để quên mệnh lệnh, nhưng tôi không muốn nhận tiền của bọn buôn lậu...

- Được rồi, nếu anh không thích tiền, anh có muốn chúng ta lại đi ăn ở nhà mụ Đôrôtê không?

- Không! tôi cố sức nói lên tiếng đó, gần như nghẹt thở. Tôi không thể làm thế được.

- Được lắm! Nếu anh đã khó tính như vậy, tôi sẽ nhờ người khác. Tôi sẽ rủ viên sĩ quan của anh đến nhà Đôrôtê. Anh chàng ấy có vẻ dễ tính lắm, anh ta sẽ cắt gác ở đây một cậu chỉ biết nhìn thấy những gì cần nhìn thôi. Vĩnh biệt con ca-na-ri. Tôi sẽ tha hồ cười ngày nào có mệnh lệnh treo cổ anh.

Tôi đã yếu đuối đến mức độ gọi nàng lại và hứa cho toàn bộ giống người bô-hê-miêng đi qua nếu cần, miễn là tôi được thưởng công theo nguyện vọng duy nhất của tôi. Nàng liền thể thốt sẽ thực hiện lời hứa ngay hôm sau và chạy đi báo tin cho đồng bọn đang chực cách đó vài bước. Bọn này gồm có năm người, trong số đó có Paxtia, người nào người nấy vác nặng hàng hóa Anh; Carmen đứng gác. Nếu nhác thấy người đi tuần thì nàng phải dùng cát-xta-nhét báo cho đồng bọn biết. Nhưng nàng không phải báo. Chỉ thoáng một lúc bọn buôn lậu đã làm xong việc.

Hôm sau, tôi đến phố Candilogiô. Carmen bắt tôi phải chờ đợi. Khi tới, nàng ra vẻ bực mình.

- Tôi không thích những kẻ bắt người ta phải van nài, nàng nói. Lần đầu, anh đã giúp tôi một việc quan trọng hơn, mà không cần biết có được lợi gì không. Hôm qua, anh đã mặc cả với tôi. Tôi cũng không biết tại sao tôi lại đến đây, vì tôi không yêu anh nữa. Thôi đi đi, này một đồng đưa-rô đây để trả công anh.

Thiếu chút nữa thì tôi ném đồng tiền vào đầu Carmen, và tôi phải dằn lòng hết sức mới không đánh nàng. Sau khi cãi cọ nhau suốt một tiếng đồng hồ, tôi bước ra, bưng bưng tức giận. Tôi đi lang thang một lúc khắp các phố, la cà hết nơi này đến nơi khác như điên, như dại; sau cùng, tôi vào nhà thờ, chui vào góc tối nhất khóc rưng rức. Bỗng nhiên, tôi nghe thấy tiếng nói:

- Rõ thật là nước mắt ròng(72). Em muốn lấy nó làm bùa yêu đấy!

Tôi ngược mắt lên, thì ra Carmen đang đứng trước mặt tôi.

- Này, người đồng hương của em ơi, nàng nói, anh còn giận em nữa không. Em đành phải yêu anh thôi, mặc dầu em không muốn, vì từ lúc anh bỏ đi, em thấy trong người nao nao thế nào ấy. Nào, bây giờ chính em lại hỏi anh xem anh có muốn đến phố Candilogiô không?

Thế là chúng tôi làm lành với nhau. Nhưng tính khí Carmen chẳng khác nào thời tiết ở xứ tôi. Ở vùng núi của chúng tôi, không bao giờ giống tổ tới gần bằng những lúc mặt trời rực rỡ nhất. Nàng có hứa sẽ gặp lại tôi một lần khác ở nhà Đôrôtê, nhưng rồi nàng không tới. Còn Đôrôtê thì càng ra sức bảo tôi rằng nàng đã đi Lalô rô vì bận công việc Ai Cập.

Đã có kinh nghiệm nên nghĩ thế nào về tình hình đó, tôi bèn đi tìm Carmen ở khắp những nơi tôi cho là nàng có thể đến và mỗi ngày có tới hai mươi lần tôi đến phố Candilogiô. Tôi đã gần cảm hóa được Đôrôtê bằng cách thỉnh thoảng cho mụ tiền mua một cốc rượu hồi. Một buổi tối, tôi đang ở nhà mụ chợt thấy Carmen bước vào với một chàng trẻ tuổi, trung úy trong trung đoàn của tôi.

- Anh cút đi mau lên, Carmen bảo tôi bằng tiếng Baxơ.

Tôi đứng sững sờ, tức giận như điên.

- Chú đến đây làm gì? Viên trung úy bảo tôi. Bước ngay!

Tôi không thể lê đi được một bước. Tôi như người bị bại liệt. Viên sĩ quan tức giận thấy tôi không chịu bỏ đi mà còn không cất mũ chào, gã liền nắm lấy cổ áo tôi, lắc thật mạnh. Không biết tôi đã nói gì với gã, gã liền rút gươm ra và tôi cũng tuốt kiếm. Mụ già nắm lấy cánh tay tôi, thế là viên trung úy đâm vào trán tôi một nhát đến bây giờ vẫn còn sẹo. Tôi lùi lại, lấy khuỷu tay hích một cái làm Đôrôtê ngã lăn ra; rồi, vì viên trung úy có đuổi theo tôi, tôi đưa mũi kiếm vào người gã và gã lao ngấp mình vào thanh kiếm của tôi. Thế là Carmen vội tắt đèn, bảo Đôrôtê trốn đi bằng tiếng bô-hê-miêng. Còn tôi thì cũng trốn ra phố, chạy bạt mạng. Tôi thấy hình như có người chạy theo tôi. Khi hoàn hồn, tôi thấy Carmen đã không rời bỏ tôi.

- Này con ca-na-ri đại ngu ngốc! Nàng nói với tôi. Anh chỉ biết làm những việc ngu độn. Vả lại, tôi vẫn nói với anh là tôi sẽ đem tai họa lại cho anh. Thôi được! Bệnh nào có thuốc nấy, khi người ta có bạn thân là một chị bô-hê-miêng. Trước hết anh hãy lấy khăn tay này phủ lên đầu và vớt cái thắt lưng lính đi cho tôi. Anh chờ tôi ở lối này. Hai phút nữa, tôi sẽ trở lại.

Nàng biến mất và chẳng bao lâu nàng đem đến cho tôi một chiếc áo khoát rộng rọc chẳng biết nàng đào ở đâu ra. Nàng bảo tôi cởi bỏ quần, và quàng cái áo khoác ra ngoài sơ-mi. Ăn vận như thế, lại thêm chiếc khăn tay của nàng dùng để băng vết thương trên đầu, tôi lúc đó trông khá giống một anh nông dân dùng Valăngxơ, thường thấy bán nước giải khát su-pha(73) ở Xêvilơ. Đoạn, nàng dẫn tôi đến một căn nhà giống nhà Đôrôtê, ở trong cùng một ngõ con. Nàng và một người phụ nữ bô-hê-miêng khác rửa và băng vết thương cho tôi, khéo hơn cả một y sĩ giải phẫu, cho tôi uống không biết cái gì; sau cùng đặt tôi nằm lên đệm và tôi ngủ thiếp đi.

Chắc những người đàn bà ấy đã pha vào nước uống của tôi một thứ thuốc ngủ bí truyền gì nên sáng hôm sau tôi dậy rất muộn. Tôi thấy nhức đầu dữ dội và hơi sốt. Phải mất một lúc tôi mới nhớ lại được cảnh tượng kinh khủng có tôi đóng một vai hôm trước. Sau khi băng vết thương cho tôi, Carmen cùng người bạn gái ngồi xồm gần tấm đệm của tôi, nói với nhau mấy câu bằng thứ tiếng si-pơ-ca-li(74) có vẻ như đang trao đổi ý kiến về bệnh tình của tôi. Rồi cả hai đều nói chắc chắn với tôi rằng chẳng bao lâu tôi sẽ lành, nhưng phải mau mau rời khỏi Xêvilơ, vì nếu tôi bị tóm, nhất định tôi sẽ bị bắn không có cách nào thoát khỏi.

- Này anh, Carmen bảo tôi, anh cũng cần phải làm cái gì chứ! Bây giờ nhà vua không nuôi anh nữa, vậy anh phải nghĩ đến việc sinh sống! Anh thộn quá không đi ăn trộm được đâu. Nhưng anh nhanh nhẹn và có sức khỏe, anh mà dừng cảm thì nên ra bờ biển làm nghề buôn lậu. Tôi chả hứa với anh là sẽ làm cho anh phải treo cổ là gì? Thế còn hơn là bị bắn. Vả lại, nếu biết cách làm ăn, anh sẽ sống như ông hoàng, cho đến khi nào bị bọn dân vệ và gác biểu tóm được.

Chính bằng những lời bùi tai như thế mà người con gái yêu quái ấy đã chỉ cho tôi con đường sự nghiệp mới mà nàng định đưa tôi vào, thực ra đó cũng là con đường duy nhất còn lại cho tôi vì bây giờ tôi có cơ bị kết án tử hình. Tôi nghĩ chẳng cần nói ông cũng đoán được rằng nàng làm cho tôi quyết tâm chẳng khó khăn gì mấy. Tôi cảm thấy cuộc đời phiêu lưu phiến loạn đó sẽ làm cho tôi được hòa mình vào với nàng chặt chẽ hơn. Tôi tưởng rằng từ nay tôi nắm chắc được tình yêu của nàng. Tôi vẫn thường nghe chuyện mấy tay buôn lậu bôn ba khắp xứ Angđaludi, ngồi trên lưng một con ngựa tốt, súng nằm trong tay, bạn tình sau yên ngựa. Tôi đã hình dung thấy mình vượt núi trèo đèo trên mình ngựa cùng nàng bô-hê-miêng đáng yêu sau lưng... Khi tôi nói với nàng như thế, nàng ôm bụng cười và bảo rằng không có gì thú bằng những đêm cắm trại giữa trời, lúc mỗi anh rôm cùng rô-mi của mình lui về trong chiếc lều xinh xắn ghép bằng ba cái vòng tròn có chần trùm lên trên.

Tôi nói với Carmen:

- Nếu anh mang em vào núi, anh có thể yên tâm về em! Ở đó chẳng còn tên trung úy nào chia sẻ với anh được.

- Chà! anh hay ghen quá, nàng đáp. Mặc kệ anh.

Sao anh lại ngốc thế nhỉ? Anh không thấy là em yêu anh ư, vì có bao giờ em đòi tiền anh đâu?

Lúc nàng nói thế, tôi chỉ muốn bóp cổ nàng cho chết. Thừa ông, Carmen muốn cho tiện nên đã kiếm cho tôi một bộ quần áo thị dân phong lưu, với bộ quần áo đó tôi ra khỏi Xêvilơ mà không bị ai nhận ra cả. Tôi đi Giê-rê, mang theo bức thư của Paxtia gửi cho một tay bán rượu hời. Nhà tay này là nơi tụ họp của bọn buôn lậu. Tôi được giới thiệu với bọn ấy và được tên thủ lĩnh biệt hiệu là Lơ Đăngkaia cho nhập bọn. Chúng tôi cùng đi Giô-xanh. Đến đó tôi lại gặp Carmen, nàng đã hẹn tôi ở đó. Trong những chuyến làm ăn, nàng làm do thám cho chúng tôi, và thật không ai có thể tài hơn nàng. Nàng vừa từ Gibranta về và nàng đã thu xếp được với một thuyền trưởng về việc chở một số hàng Anh mà chúng tôi sẽ nhận được tại bờ biển. Chúng tôi bèn đến gần Extêpôna chờ nhận hàng, rồi chúng tôi giấu một phần hàng vào trong núi; số còn lại chúng tôi chở đi Rôngđa. Carmen đã đến đấy trước chúng tôi. Rồi cũng lại chính nàng chỉ cho chúng tôi nên vào thành phố lúc nào. Chuyển làm ăn thứ nhất ấy và mấy chuyến sau đều trót lọt. Tôi thấy cuộc đời buôn lậu lại thú vị hơn cuộc đời quân nhân. Tôi tặng nhiều quà cho Carmen. Tôi vừa có tiền, vừa có người yêu. Tôi chẳng thấy hối hận gì, đúng như người bô-hê-miêng thường nói: "Đang vui thì ghê cũng mất ngủ". Đến đâu tôi cũng được đón tiếp tử tế. Đồng bọn đối với tôi tốt lắm và còn tỏ ra kính nể tôi nữa. Là vì tôi đã có lần giết người, mà trong bọn còn có những người chưa ghi được thành tích như thế nào vào lương tâm. Nhưng trong cuộc đời mới, điều làm tôi xúc động nhất là tôi được gặp Carmen luôn luôn. Chưa bao giờ nàng tỏ ra âu yếm tôi đến thế; tuy nhiên, trước mặt đồng bọn, nàng không muốn nhận là người yêu của tôi; hơn nữa, nàng còn bắt tôi thề độc rằng tôi sẽ không hé môi kể với đồng bọn bất cứ điều gì về nàng cả. Trước con người ấy, tôi yếu đuối đến nỗi nàng đòi hỏi những nhẽo điều gì tôi cũng tuân theo. Vả lại, đây là lần đầu tôi thấy nàng có cái vẻ dè dặt của người phụ nữ đứng đắn, còn tôi thì quá khờ khạo tưởng rằng nàng đã thực sự thay đổi tính rồi.

Bọn chúng tôi gồm độ chín mười người, thường chỉ tụ họp vào những lúc quyết định còn trong lúc bình thường thì phân ra thành từng nhóm hai, ba người một vào ngụ ở các thành phố, làng mạc. Mỗi người giả vờ làm nghề: người giả làm thợ hàn nôi, người giả làm lái ngựa; còn tôi thì giả bán hàng xén, nhưng không lộ mặt ra những nơi đông đúc vì cái vụ Xêvilơ trước kia. Một hôm, hay nói cho đúng hơn một đêm, chúng tôi hẹn gặp nhau ở mé dưới Vêgiê. Lơ Đăngkaia và tôi đến đấy trước các bạn khác. Gã có dáng rất vui.

- Chúng ta sắp có thêm một bạn nữa, gã nói với tôi. Carmen vừa chơi được một trò khá nhất của ả. ả vừa mới làm cho rôm của ả thoát khỏi nhà lao Torifa. Tôi đã bắt đầu hiểu tiếng bô-hê-miêng mà hầu hết các bạn tôi thường dùng, nên tiếng rôm đó làm tôi hết sức choáng váng.

- Thế nào? Chồng cô ta ư? Thế ra cô ta đã có chồng à? Tôi hỏi tên thủ lĩnh

- Phải, gã trả lời, Carmen lấy Garxia Chột, một cậu bô-hê-miêng cũng tinh ranh chẳng thua gì ả. Thằng tội nghiệp ấy bị vào tù. Carmen đã khéo phỉnh thằng cha y sĩ nhà lao đến mức rôm của ả được thoát thân. Chà! Con bé ấy thật đáng giá nghìn vàng! Nó tìm cách cho rôm vượt ngục từ hai năm rồi đấy, nhưng chả có cách nào mãi cho đến khi người ta đổi viên y sĩ. Với anh y sĩ mới hình như ả đã tìm ngay được cách thông đồng.

Ông tướng tượng cũng biết tôi nghe tin đó thì trong lòng vui buồn ra sao. Chẳng bao lâu tôi thấy tên Garxia Chột; hần thật là con quái vật xấu xa nhất mà xứ Bôhê-mơ đã sản sinh ra: da đen mà tâm hồn lại còn đen hơn, nó là thằng đều cẳng hoàn chỉnh nhất mà tôi gặp trong đời tôi. Carmen cùng đến với hần. Phải trông thấy con mắt của nàng liếc tôi khi nàng gọi hần là rôm trước mặt tôi, và cái mặt nàng nhăn nhó khi Garxia quay đầu đi chỗ khác mới biết nó như thế nào. Tôi uất ức, và suốt tối ấy tôi không nói với nàng một câu. Sáng dậy, chúng tôi đã soạn hành lý và lên đường, thì chúng tôi thoáng thấy hơn chục lính kỵ mã đang sục tìm chúng tôi. Bọn Angđaludi khoác lác, thường ngày luôn mồm nói giết tất, bây giờ mặt mũi lập tức trở nên thiếu não. Chúng co cẳng chạy tán loạn hết cả. Lơ Đăngkaia, Garxia, một anh chàng xinh trai người ở Exiđa tên gọi là Rêmenđadô và Carmen vẫn giữ được bình tĩnh. Còn những thằng khác đã bỏ cả la và nhảy xuống khe núi là nơi mà ngựa không thể đuổi theo xuống được. Chúng tôi không thể giữ la của chúng tôi được nữa, và phải vội vàng tháo những thứ hàng quý nhất vác lên vai, đoạn tìm cách băng qua những dốc núi đá cheo leo nhất để thoát thân. Chúng tôi ném ba-lô về phía trước mặt, rồi chúng tôi cố hết sức trượt trên gót chân theo những ba-lô đó. Trong lúc ấy, bọn địch nhằm chúng tôi mà bắn; đấy là lần đầu tiên tôi nghe thấy tiếng đạn réo,

nhưng tôi chẳng sợ gì cả. Đứng trước phụ nữ, thì có coi thường cái chết cũng chẳng giỏi gì. Chúng tôi thoát thân trừ cậu Rêmendado đáng thương bị trúng đạn vào hông.

Tôi ném bọc đồ của tôi xuống và định xông cậu ta.

- Đồ ngu! Garxia hét lên với tôi, cái xác chết ấy thì còn dùng làm gì được nữa. Kết liễu hần đi và đừng để mất những đôi bít-tắt bông.

- Quăng hần xuống đi! Carmen hét bảo tôi,

Tôi mệt quá, đành đặt Rêmendado xuống một lát, khuất sau một tảng đá. Garxia tiến đến và nhả đạn vào đầu cậu ta.

- Bây giờ thì đến thánh cũng chẳng nhận ra được mặt hần, Garxia vừa nói vừa nhìn vào mặt Rêmendado vừa bị mười hai phát đạn làm cho nát bét.

Thưa ông, cuộc đời đẹp đẽ mà tôi đã sống là như vậy. Tối đến, chúng tôi tập hợp trong một khu bụi rậm, người mệt nhào vì không có miếng gì cho vào miệng, lại thêm bị phá sản vì mất hết la. Tên quý sứ Garxia làm gì? Hần rút trong túi ra một cổ bài rồi đánh bài với Lơ Đăngkaia, dưới ánh sáng mờ của ngọn lửa mà chúng tôi vừa nhóm lên. Trong lúc ấy tôi nằm dài ngắm sao, nghĩ đến Rêmendado, thầm ước được ở vào địa vị cậu ta. Carmen ngồi xồm bên tôi, thỉnh thoảng nàng vừa gõ cát-xa-nhét vừa hát se se. Rồi nàng đến sát bên tôi như để nói thầm với tôi, hôn tôi hai ba lần mặc dầu tôi gần như không đồng ý.

- Em là quý, tôi bảo nàng.

- Đúng thế, nàng đáp.

Nghỉ ngơi được vài giờ, nàng đi Gôxanh và sớm hôm sau một chú bé chăn dê mang bánh mì đến cho chúng tôi. Chúng tôi ở lại suốt ngày hôm ấy và đến đêm chúng tôi đến gần Gôxanh để chờ tin của Carmen. Biệt vô âm tín. Đến sáng, chúng tôi thấy một người cho thuê la dẫn một bà ăn mặc lịch sự che dù, đi cùng một em bé trông có vẻ là đầy tớ của bà ta.

Garxia nói với chúng tôi:

- Kìa hai con la và hai phụ nữ mà thánh Nicôla(75) đưa đến cho chúng ta. Giá là bốn con la thì càng thích biết mấy. Nhưng thôi cũng được, tứ sẽ xơi bọn này để dùng có việc.

Hần vớ cây súng ét-panh-gôn và lần xuống con đường hẻm, vừa đi vừa nấp vào bụi rậm. Lơ Đăngkaia và tôi xuống theo, cách xa hần một chút. Khi đến vừa tầm, chúng tôi mới lộ mặt ra và hét bảo người dắt la đứng lại. Trông thấy chúng tôi, người đàn bà đáng lẽ hoảng sợ - riêng cách ăn mặc của chúng tôi lẽ ra cũng đủ làm cho người đó phải kinh hoàng - thì lại cười phá lên.

- Chà! Bọn li-li-păng-di(76) này lại tưởng là một ê-ra-mi(77) kia chứ!

Đó là Carmen, nhưng nàng đã cải trang khéo đến nỗi tôi sẽ không nhận ra được, nếu nàng nói bằng một thứ tiếng khác. Nàng nhảy từ trên mình la xuống đất, thầm thì một lúc với Lơ Đăngkaia và Garxia, đoạn nàng bảo tôi:

- Này con ca-na-ri! Chúng ta sẽ còn gặp nhau trước khi anh bị treo cổ. Tôi đi Gibranta đây để giải quyết công việc Ai Cập. Chẳng bao lâu nữa anh sẽ được tin tôi. Chúng tôi từ biệt nhau, sau khi nàng chỉ cho chúng tôi một nơi có thể nướng nấu trong mấy hôm. Người con gái này thực là phúc thần cho cả bọn. Chẳng bao lâu chúng tôi nhận được ít tiền của nàng gửi cho và một tin tức còn quý giá hơn: đến một hôm nào đó, sẽ có hai nhà đại quý tộc Anh đi từ Gibranta đến Gronado theo một con đường nào đó. Nói thế là đủ hiểu ngầm với nhau rồi! Hai người này có nhiều đồng ghi-nê, vừa đẹp vừa tốt. Garxia muốn giết phăng cả hai, nhưng Lơ Đăngkaia và tôi phản đối. Chúng tôi chỉ cướp tiền, đồng hồ, ngoài áo sơ-mi là cái mà chúng tôi đang rất cần.

Thưa ông, người ta trở thành lưu manh lúc nào không biết. Một cô gái xinh đẹp làm cho đầu óc người ta quay cuồng, người ta đánh nhau vì cô gái đó, một tai họa xảy tới, thế là phải sống

trong núi, rồi từ buôn lậu chưa kịp suy nghĩ người ta đã thành trộm cướp rồi. Chúng tôi thấy không nên lớn vồn ở vùng Gibranta sau vụ cướp mấy nhà quý tộc Anh, cho nên chúng tôi lần sâu vào trong rừng núi Rôngđa.

Ông đã nói chuyện gì về Giôđê Maria với tôi. Ấy, chính tôi quen Giôđê ở đấy. Hắn ta đem người yêu đi theo trong các chuyến làm ăn. Cô ta là một cô gái xinh đẹp, khiêm tốn, đoan trang, chẳng bao giờ thốt ra một lời nói không đứng đắn, và vô cùng tận tâm... Ngược lại, hắn làm cho cô ta rất khổ, thấy cô nào là hắn cũng chạy theo, hắn bạc đãi người yêu và có khi lại còn ghen tuông nữa. Có lần hắn đâm cô ta một nhát dao, thế mà cô ta lại càng yêu hắn thêm. Phụ nữ là như thế đấy, nhất là phụ nữ xứ Angđaludi. Cô ta lấy tự hào về vết sẹo ở cánh tay và thường đem ra khoe y như là vật báu nhất đời. Ngoài ra, Giôđê Maria còn là thằng bạn xấu nhất. Trong một chuyến làm ăn chung với chúng tôi, hắn xoay xở thế nào thành ra bao nhiêu lợi lộc về phần hắn cả, còn toàn những sự đánh đấm, rắc rối về phần chúng tôi. Nhưng thôi, tôi xin kể tiếp câu chuyện của tôi: Chúng tôi biệt vô âm tín về Carmen. Lơ Đăngkaia nói:

- Thế nào một người trong bọn chúng ta cũng phải đi Gabranta để nghe ngóng tin tức Carmen. Chắc Carmen đang sửa soạn một việc gì đó. Tớ muốn đi quá, nhưng phải cái tớ đã nhắm mắt ở Gibranta rồi.

Tên Chột lên tiếng:

- Tớ cũng thế, ở đấy người ta nhắm mắt tớ, vì tớ đã từng chơi cho bọn tôm hùm(78) nhiều vỏ buồn cười và tớ chỉ có mỗi một mắt nên khó cải trang lắm.

- Thế chắc tớ phải đi? Đến lượt tôi nói thế, và chỉ nghĩ đến việc lại được gặp Carmen là lòng tôi mừng khấp khểi. Nào! Phải làm thế nào bây giờ? Những tên kia bảo tôi.

- Cậu phải làm sao để cố đáp tàu biển hay đi đường bộ vượt qua Xanh Rốc, cái đó tùy cậu. Và khi đến Gibranta, cậu phải ra bến tàu hỏi xem mục bán sô-cô-la tên là Rôlôna ở đâu. Khi tìm được mục đó, mục sẽ cho cậu biết tình hình ở đấy ra sao.

Chúng tôi hẹn với nhau là cả ba chúng tôi sẽ đi đến dãy núi Gôxanh, đến đó tôi sẽ để hai thằng bạn ở lại còn tôi thì cải trang làm người buôn hoa quả để đi Gibranta. Đến Rôngđa, tôi được một người trong bọn tôi xoay cho cái giấy thông hành; đến Gô xanh tôi được một con lừa: tôi chất cam lên lưng lừa và tôi lên đường. Đến Gibranta, tôi thấy ngay là ở đấy có nhiều người biết mục Rôlôna, nhưng mục ta đã chết hoặc đi phiêu bạt đâu rồi. Theo ý tôi, sự mất tích của mục cắt nghĩa vì sao chúng tôi mất phương tiện liên lạc với Carmen. Tôi đem lừa gửi vào một cái chuồng, rồi tôi giả mang cam đi bán khắp các phố, thực ra là để dò la xem có mặt nào quen chẳng. Ở Gibranta có rất nhiều lưu manh thuộc đủ mọi nước trên thế giới; thật đúng là một cái tháp Baben(79) vì không thể đi mười bước ngoài phố mà không nghe thấy bấy nhiêu thứ tiếng. Tôi thấy nhiều người Ai Cập, nhưng tôi không dám tin vào họ. Tôi dò họ và họ cũng dò tôi. Hai bên đều đoán biết rằng cùng là bọn vô lại cả; điều quan trọng là cần xem cùng cánh không. Sau hai ngày toàn chạy lãng nhãng vô ích, tôi vẫn chưa được tin gì về mục Rôlôna hoặc về Carmen. Tôi đã định quay về chỗ tụi bạn sau khi mua sắm ít đồ thì trong khi đang đi trong một phố vào lúc chập tối, tôi nghe có tiếng phụ nữ gọi tôi từ trên một cửa sổ: "Này anh bán cam!" Tôi ngẩng đầu lên và thấy Carmen đang tỳ tay vào một ban-công, bên một sĩ quan mặc binh phục đỏ, ngù vai vàng, tóc uốn, trông ra dáng một nhà đại quý tộc Anh. Còn Carmen thì diện rất sang: khăn quàng vai, lược vàng, áo quần toàn bằng lụa; và con bé khá thật, lúc nào cũng vẫn thế! cứ cười như nắc nẻ. Thằng cha người Anh bập bẹ mấy tiếng Tây Ban Nha, gọi tôi lên để bà lớn mua cam; Carmen thì nói với tôi bằng tiếng Baxcơ:

- Anh lên đây, đừng lấy làm lạ gì cả!

Thực ra, tôi không còn phải lạ gì về Carmen nữa. Tôi cũng không biết là trong lòng mình vui hơn hay buồn hơn khi gặp lại nàng. Ở cửa ra vào có một tên đầy tớ cao lớn người Anh tóc rắc phấn. Hắn dẫn tôi vào một phòng khách tráng lệ.

Carmen nói ngay với tôi bằng tiếng Baxcơ:

- Anh không biết một tiếng Tây Ban Nha nào, và không quen em đấy.

Đoạn nàng quay về phía người Anh:

- Có phải em đã bảo với anh rồi không, em nhận ra ngay gã ta là người Baxcơ; anh sắp được nghe cái thứ tiếng buồn cười ấy. Gã ta trông thộn lắm, phải không anh? Thật y như mèo bị tóm trong chạn.

- Còn cô nữa, tôi nói với Carmen bằng tiếng xứ tôi, cô thì trông như một con đĩ trơ tráo, tôi chỉ muốn rạch mặt cô ra trước mặt thằng tình nhân của cô thôi.

- Thành nhân của tôi! nàng nói. Này anh tự đoán thế đấy chứ? Và anh ghen với cái thằng ngu độn này à? Anh còn ngốc nghếch hơn cả trước những đêm chúng ta đến phố Cangđilôgiô kia đấy. Ngốc ơ là ngốc, anh không thấy rằng hiện giờ tôi đang tiến hành công việc Ai Cập à, và một cách xuất sắc nhất hay sao? Nhà này hiện nay là của tôi; những đồng ghi-nê của thằng tôm hùm này sẽ là của tôi; tôi xỏ mũi hăn lôi đi; tôi sẽ dẫn hăn tới một chỗ có đi mà không có về.

- Còn tôi thì tôi bảo thật cho cô biết rằng nếu cô còn tiến hành công việc Ai Cập theo cái kiểu ấy, tôi sẽ làm cho cô đến phải thôi.

- Úi dà! Gớm nhỉ! Anh có phải là rôm của tôi đâu mà điều khiển được tôi. Tên Chột thích như thế, anh có quyền gì mà can thiệp vào? Anh là người duy nhất có thể tự xưng là min-sô-rô(80) của tôi mà còn chưa vừa ý hay sao?

- Hăn nói gì thế? Người Anh hỏi.

- Hăn nói là hăn khát nước, giá được uống một hớp thì thích lắm, Carmen đáp.

Rồi nàng nằm lăn xuống đi-văng, cười rũ ra về câu mình dịch.

Thưa ông, khi người con gái ấy cười lên, thì không còn cách nào phải trái với ả được nữa! Thế là mọi người cười theo. Cả thằng cha cao lớn người Anh cũng cười, cười đúng như một thằng ngốc; rồi hăn sai người mang nước đến cho tôi.

Trong lúc tôi uống, Carmen nói:

- Anh có trông thấy chiếc nhẫn hăn đeo ở ngón tay không? Nếu anh thích, em sẽ cho anh!

Nhưng tôi đáp:

- Tôi sẵn sàng cho một ngón tay nếu có thể kéo được tên quý tộc của cô vào rừng, mỗi người cầm một ma-ki-la(81) trong tay.

- Ma-ki-la nghĩa là cái gì thế? Người Anh hỏi.

- Ma-ki-la là quả cam, Carmen vẫn cười mà trả lời. Quả cam mà gọi như thế có buồn cười không anh? Gã nói gã muốn mời anh xơi ma-ki-la đấy.

- Thế à? Người Anh nói. Vậy thì mai lại đem ma-ki-la đến nhé.

Trong lúc chúng tôi nói chuyện, người đầy tớ bước vào thưa rằng bữa ăn đã dọn xong. Thằng cha người Anh bèn đứng dậy, cho tôi một đồng bạc, rồi đưa tay cho Carmen vịn làm như cô ả không thể tự mình bước đi được. Carmen vẫn cười và nói với tôi:

- Anh yêu ơ, em không thể mời anh cùng ăn được. Nhưng đến mai, khi nào anh nghe thấy tiếng trống diễu binh thì anh mang cam đến đây ngay nhé. Anh sẽ thấy một căn phòng bày biện sang trọng hơn ở phố Cangđilôgiô, và anh sẽ biết có phải em vẫn là Carmenxita của anh không? và lúc ấy chúng ta sẽ bàn công việc Ai Cập. Tôi không trả lời một tiếng, và lúc tôi đã xuống đến đường phố, thằng cha người Anh còn kêu to bảo tôi:

- Này, mai mang ma-ki-la đến nhé! Tôi cũng nghe thấy cả những nhịp cười ròn rã của Carmen.

Tôi ra về không biết sẽ làm thế nào. Tôi không ngủ được và đến sáng tôi tức giận con người

phụ bạc đó đến nỗi tôi đã quyết định rời Gibranta không thêm gặp lại nữa, Nhưng khi hồi trống thứ nhất vừa vang lên, tất cả dũng khí của tôi vụt tiêu tan. Tôi vớ bị cam và chạy đến nhà Carmen.

Bức rèm ở nhà nàng lúc đó mở hé và tôi nhìn thấy con mắt đen to của nàng đang ngóng tôi. Tên đầy tớ tóc rắc phần dẫn tôi vào ngay tức khắc. Carmen sai hắn đi có việc, rồi khi chỉ còn hai chúng tôi, nàng liền cất tiếng cười ha hả rồi ôm choàng lấy cổ tôi. Chưa bao giờ tôi thấy nàng đẹp đến thế! Lông lầy như một bà chúa, thơm nức, lại còn những đồ trang trí trong nhà bằng lụa là, những rèm cửa thêu... Chà! Còn tôi người ngợm thì đúng là một thằng ăn cướp.

- Min-sô-rô ơ! Carmen bảo tôi, em muốn đập phá tất tật ở đây, châm lửa đốt nhà rồi trốn vào núi. Rồi thì... bao nhiêu âu yếm!... Rồi những tiếng cười!... Nàng còn múa và xé rách cả rèm áo. Không có con khỉ nào lại nhảy nhót, nhả nhở và làm những trò quỷ quái hơn. Khi nàng đã nghiêm chỉnh lại, nàng nói:

- Anh nghe kỹ đây! Đây là công việc Ai Cập! Em định bảo hắn đưa em đến Rôngđa để thăm người chị đi tu... (Đến đây nàng lại phá lên cười). Em và hắn sẽ đi qua một nơi mà em sẽ cho người báo cho các anh biết. Các anh sẽ chụp lấy hắn lao hắn vào người hắn nhé! Tốt hơn là giết phăng hắn đi, nhưng - nàng nói tiếp với một nụ cười yêu quái đôi lúc xuất hiện trên môi nàng, một nụ cười thật không ai muốn bắt chước - anh có biết anh sẽ phải làm gì không? Phải làm sao cho tên Chột xông ra đầu tiên. Anh nên đứng lùi ra sau hắn một chút. Thằng Tôm hùm can đảm, khéo léo và có súng tốt đấy... anh hiểu chưa?

Nàng ngừng lại, cười vang một lần nữa khiến tôi phải rùng mình.

- Không! Tôi bảo nàng, anh ghét Graxia nhưng hắn là bạn anh! Một ngày kia, có lẽ anh phải giải thoát cho em khỏi tay nó, nhưng anh sẽ thanh toán với nó theo kiểu xứ anh. Chỉ tình cờ mà anh thành người Ai Cập thôi, còn về một số điểm bao giờ anh cũng sẽ là một người Navarơ chính cống, như câu phương ngôn đã nói. Nàng nói tiếp:

- Anh thật là một con vật ngu ngốc lạ, đúng là một pay-ô. Anh chẳng khác nào một thằng lùn, mới nhớ được xạ đã tưởng mình cao lớn lắm(82). Anh không yêu em rồi, anh cút đi.

Khi nàng bảo tôi "cút đi" tôi không sao đi được. Tôi bèn hứa là sẽ lên đường, trở về với đồng bọn và chờ thằng cha người Anh kia. Về phần nàng, nàng hứa sẽ giả vờ ốm cho đến lúc rời Gibranta đi Rôngđa. Tôi ở lại Gibranta hai hôm nữa. Nàng đã táo bạo cải trang đến thăm tôi tại quán trọ. Tôi lên đường. Về phần tôi cũng có kế hoạch của tôi. Tôi trở về chỗ hẹn, sau khi biết rõ giờ giấc và địa điểm mà Carmen và người Anh kia sẽ đi qua. Tôi thấy Garxia và Lơ Đangkai đang chờ tôi ở đó. Chúng tôi ngủ đêm trong rừng, cạnh một đồng lửa nhóm bằng quả thông cháy sáng rực. Tôi rủ Garxia chơi bài. Hắn nhận lời. Đến ván thứ hai, tôi bảo hắn chơi gian: hắn cười. Tôi bèn ném bài vào mặt hắn. Hắn định vớ lấy cây súng ét-panh-gôn của hắn. Tôi dậm chân lên trên và bảo hắn:

- Người ta nói rằng mày chơi dao găm cừ bằng những tay anh chị nhất ở Malaga, vậy mày có dám thử sức với tao không?

Lơ Đangkai định can chúng tôi. Nhưng tôi đã cho Garxia mấy quả tổng. Tức giận làm cho hắn thành can đảm, hắn rút dao găm ra và tôi cũng tuốt dao. Tôi và hắn đều bảo Lơ Đangkai xê ra cho khỏi vướng, để chúng tôi chơi nhau được ngay thẳng. Lơ Đangkai thấy rõ không thể nào ngăn nổi, đành đứng ra xa. Garxia gập đôi người lại như mèo sắp vồ chuột.

Hắn cầm mũ trong tay trái để che đỡ, còn dao găm thì chìa ra phía trước. Đây là thế thủ của người Angđaludi. Còn tôi thì thủ thế theo kiểu Navarơ, đứng thẳng trước mặt hắn, tay trái giơ lên, chân trái đưa ra phía trước, con dao găm để dọc theo đùi phải. Tôi cảm thấy mình dũng mãnh như thần. Hắn lao vào người tôi nhanh như mũi tên; tôi xoay mình trên chân trái nên hắn đâm trượt. Nhưng tôi đã đâm trúng cổ họng hắn, con dao găm xuyên sâu đến nỗi bàn tay tôi nằm dưới cầm hắn. Tôi xoay mạnh lưỡi dao đến nỗi nó gãy. Thế là xong. Một dòng máu to như cánh tay vọt ra làm bật lưỡi dao ra ngoài vết thương. Hắn ngã sấp xuống, thẳng đơ như cây gỗ đổ.

- Cậu làm gì thế? Lơ Đăngkaia hỏi tôi.

- Để tớ nói cho mà nghe, tôi bảo gã. Tớ với nó không thể đội trời chung được. Tớ yêu Carmen và tớ muốn chỉ có một mình tớ thôi. Vả lại Graxia là một thằng đều giả, tớ còn nhớ cách hắt đối xử với cậu Rêmendado tội nghiệp kia. Bây giờ chúng ta chỉ còn có hai đứa, nhưng chúng ta đều là những con người tốt. Nào, cậu có muốn tớ với cậu là bạn sinh tử với nhau không?

Lơ Đăngkaia chìa tay cho tôi bắt. Gã là một người đã năm mươi tuổi rồi.

- Trời đất ơi! Những chuyện tình ái lãng nhãng! hắt thốt lên. Nếu cậu bảo hắt nhường Carmen cho cậu, hắt có thể bán lại một đồng bạc thôi. Bây giờ chúng ta chỉ còn có hai đứa, thì ngày mai làm thế nào?

- Cứ để tớ làm một mình cho, tôi đáp. Bây giờ tớ bất chấp thiên hạ.

Chúng tôi chôn Graxia và cắm trại cách đó hai trăm bước. Hôm sau Carmen và thằng cha người Anh của nàng đi qua với hai người chăn la và một đầy tớ. Tôi bảo Lơ Đăngkaia:

- Để tớ đảm nhiệm thằng người Anh này. Còn cậu thì hãy dọa bọn kia, chúng không có vũ khí đâu. Thằng cha người Anh quả là can đảm. Nếu Carmen không đẩy tay hắt, chắc hắt đã giết được tôi rồi. Tóm lại, ngày hôm ấy, tôi chiếm lại được Carmen và câu đầu tiên của tôi là để báo cho nàng biết rằng nàng đã góa chồng. Sau khi biết việc ấy xảy ra thế nào, nàng bảo tôi:

- Anh thì còn suốt đời là một li-li-păng-di! Lẽ ra Graxia giết được anh rồi. Cái miếng thế thủ kiểu Navarơ của anh chỉ là một trò khỉ, hắt đã từng hạ thủ nhiều tay cừ bằng mấy anh kia! Chẳng qua là hắt đến ngày tận số. Rồi sẽ có ngày đến lượt anh.

- Cả lượt em nữa, tôi đáp lại Carmen, nếu em đối xử với anh không thực là một rô-mi.

- May quá! Nàng nói, đã nhiều lần em xem bói bằng bã cà-phê, em biết thừa đi rằng rồi đây chúng ta sẽ phải cùng chết với nhau. Chà! Việc gì phải đến cứ đến! Rồi nàng gỡ Cát-xta-nhét. Hề bao giờ nàng muốn xua đuổi một ý nghĩ khó chịu là nàng lại làm như thế. Người ta thường quên mình khi nói về mình. Tất cả những chi tiết ấy chắc làm ông chán lắm, nhưng thôi tôi kể sắp xong rồi. Chúng tôi sống như thế trong một thời gian khá lâu. Lơ Đăngkaia và tôi kết bọn với mấy thằng bạn mới đáng tin cậy hơn những thằng trước kia. Chúng tôi làm nghề buôn lậu, và xin thú thật rằng chúng tôi đôi lúc phải cướp đường, nhưng chỉ khi nào đến bước đường cùng, không còn cách nào khác. Vả lại chúng tôi không đối xử tàn ác với khách đi đường chúng tôi chỉ lấy tiền bạc của họ thôi.

Trong vài tháng tôi rất hài lòng về Carmen, nàng vẫn giúp ích cho chúng tôi trong những chuyến làm ăn. Nàng báo cho chúng tôi biết những món bớ có thể làm được.

Khi thì nàng ở Malaga, khi thì ở Cordu, khi thì ở Gronađơ, nhưng hề tôi nhận một tiếng là nàng bỏ tất cả để đến gặp tôi trong một quán trọ hẻo lánh, hay có khi cả ở nơi cắm trại giữa trời. Chỉ có một lần ở Malaga là nàng làm cho tôi hơi lo ngại. Tôi biết nàng để ý đến một tay lái buôn rất giàu và chắc nàng định diễn lại câu chuyện khôi hài ở Gibranta với tên này. Mặc dầu Lơ Đăngkaia hết lời can ngăn, tôi lên đường đi Malaga giữa ban ngày, tìm Carmen rồi kéo nàng đi ngay tức khắc. Chúng tôi cãi nhau kịch liệt. Nàng bảo tôi:

- Anh có biết rằng từ ngày anh thành rôm thực thụ của tôi, tôi không còn yêu anh bằng khi anh là min-sô-rô không? Tôi không muốn bị giày vò nhất là bị chỉ huy. Điều tôi muốn là được tự do, làm gì tùy thích. Anh hãy coi chừng, đừng đẩy tôi đến chỗ cùng đường. Nếu anh làm tôi phát chán, tôi sẽ tìm được một anh chàng nào tốt nó sẽ chơi cho anh y như anh đã chơi thằng Chột.

Lơ Đăngkaia giảng hòa cho chúng tôi, nhưng chúng tôi đã trót nói với nhau những lời không tài nào quên được. Chúng tôi đối với nhau không còn được như trước nữa. Ít lâu sau, chúng tôi gặp một tai họa. Chúng tôi bị lính đánh úp, Lơ Đăngkaia bị giết cùng hai thằng bạn nữa, ngoài ra có hai thằng bạn khác bị bắt. Riêng tôi bị thương nặng, và nếu không nhờ có con ngựa hay thì tôi đã rơi vào tay bọn lính rồi. Một nhồi lại mang một viên đạn trong người, tôi trốn vào

rùng với thằng bạn duy nhất còn lại. Lúc xuống ngựa, tôi ngất đi, tưởng rồi đến chết gục trong bờ bụi như một con thỏ rừng trúng đạn. Thằng bạn tôi cõng tôi vào một cái hang quen thuộc, rồi hẩn chạy đi tìm Carmen. Lúc đó nàng đang ở Gronador, nàng vội vã đến ngay. Trong nửa tháng trời, nàng không rời tôi nửa bước, không hề chớp mắt, săn sóc tôi khéo léo và ân cần hơn bất cứ người phụ nữ nào săn sóc người đàn ông mà mình yêu thương nhất. Tôi vừa đứng lên được là nàng đưa tôi đến Gronador hết sức bí mật. Ở đâu đâu người phụ nữ bô-hê-miêng cũng tìm được nơi nương náu chắc chắn. Tôi sống sáu tuần lễ trong một ngôi nhà cách dinh ông cô-rê-gi-đô đang lòng tôi có hai nhà. Nhiều lần, tôi nhòm qua khe cửa thấy ông ta đi qua. Cuối cùng tôi bình phục. Nhưng tôi đã suy nghĩ nhiều trong khi nằm trên giường bệnh, và tôi dự định thay đổi cuộc sống. Tôi đề nghị với Carmen cùng rời bỏ Tây Ban Nha để sang Tân Thế giới⁽⁸³⁾ tìm cách sinh sống lương thiện. Carmen chế giễu tôi.

- Chúng ta sinh ra không phải để trồng bắp cải, nàng nói, số kiếp chúng ta là sống trên lưng bọn pay-ô. Nay, em đã thu xếp một số công việc với Natăng Ben Giôdép ở Gibranta rồi đấy. Hẩn có hàng bông vải sợi còn chờ anh để đưa qua thôi. Hẩn biết anh còn sống. Hẩn trông cây ở anh đấy. Nếu chúng ta không giữ lời hứa với các bạn cộng tác của chúng ta ở Gibranta thì họ còn coi chúng ta ra cái gì?

Tôi nghe theo lời dụ dỗ đó và lại tiếp tục cái nghề hèn của tôi.

Trong thời gian tôi trốn tránh ở Gibranta, Carmen có đi xem những cuộc đấu bò mộng. Lúc về nhà, nàng nói nhiều đến một tên pi-ca-đô⁽⁸⁴⁾ rất giỏi tên là Luyca. Nàng biết tên còn ngựa của hẩn và cả đến giá mua chiếc áo thêu của hẩn. Tôi không chú ý đến việc đó. Bỗng mấy hôm sau Giuyanitô, thằng bạn còn sót lại của tôi, bảo rằng hẩn thấy Carmen đi với Luyca đến một nhà hàng ở Zacatanh. Điều này làm tôi bắt đầu thấy lo ngại. Tôi hỏi Carmen đầu đuôi ra sao mà nàng lại quen với thằng pi-ca-đô ấy.

Nàng nói: Đó là một anh chàng mà chúng ta có thể cần đến. Con sông nào chảy ầm ầm, ắt có nhiều nước hoặc có nhiều sỏi. Gã vừa được giải một nghìn hai trăm đồng ê-ran trong các cuộc đấu bò mộng. Giữa hai điều sau đây chúng ta nên chọn lấy một: hoặc là chiếm lấy món tiền đó, hoặc là tuyển gã vào trong bọn vì gã cưỡi ngựa giỏi và có can đảm. Hết tay này đến tay khác chết mất rồi, anh cần có người thay thế họ. Anh hãy tuyển gã đi!

- Tiền của hẩn cũng như con người của hẩn, anh đều không muốn và anh cấm em nói chuyện với hẩn đấy. - Anh coi chừng, nàng bảo tôi. Hễ ai mà thách em làm điều gì, là em làm ngay điều đó!

Cũng may, gã pi-ca-đô đó đi Malaga còn tôi thì phải đi sửa soạn đưa chuyển hàng bông vải của thằng cha Do thái. Chuyển làm ăn đó làm cho tôi và Carmen khá vất vả, khiến tôi quên bằng Luyca; có lẽ cả Carmen cũng quên hẩn ít ra là trong lúc này. Thừa ông, chính vào dạo ấy tôi được gặp ông, lần đầu ở gần Môngtila, lần sau ở Cordu. Tôi không kể lại câu chuyện gặp ông lần sau, có lẽ ông còn biết rõ hơn tôi. Carmen đã ăn cắp chiếc đồng hồ của ông, Carmen còn định lấy cả tiền của ông nữa, và nhất là chiếc nhẫn mà tôi thấy ông đang đeo. Theo lời nàng, đó là một chiếc nhẫn thần mà nàng cần phải lấy cho bằng được. Chúng tôi cãi nhau kịch liệt và tôi đánh nàng. Nàng tái mặt đi và khóc. Đây là lần đầu tiên tôi thấy nàng khóc, làm cho tôi xúc động ghê gớm. Tôi xin lỗi nàng nhưng nàng buồn rầu suốt một ngày, và khi tôi lại khởi hành đi Môngtila, nàng không chịu hôn tôi. Tôi rất buồn, nhưng ba hôm sau nàng đến tìm tôi vui như sáo. Thế là quên tất, chúng tôi có vẻ như một cặp tình nhân mới. Lúc chia tay, nàng bảo tôi:

- Ở Cordu có đám hội, em đi xem đây và tiện thể dò la xem ai mang tiền thì em sẽ báo tin cho anh biết. Tôi đồng ý để nàng đi. Còn lại một mình, tôi nghĩ đến đám hội này và đến sự thay đổi trạng thái của Carmen. Nhất định nàng đã báo thù được tôi rồi, tôi nghĩ thầm, nên nàng mới quay về trước với tôi như thế. Một bác nông dân bảo tôi rằng trong đám hội ở Cordu có đấu bò mộng. Ấy thế là máu tôi sôi lên, tôi như điên như cuồng lên đường và đến ngay trường đấu. Người ta chỉ cho tôi thằng Luyca và trên chiếc ghế dài kê sát hàng rào, tôi nhận thấy có Carmen. Tôi chỉ cần nhìn Carmen một phút là biết chắc việc này ra sao rồi. Đúng như tôi đã dự đoán, ngay từ con bò mộng đầu tiên, Luyca đã giở ngón nịnh gái của hẩn ra. Hẩn giật chiếc nơ

màu gài trên con bò mộng rồi đem tặng Carmen⁽⁸⁵⁾ và Carmen lập tức gài nơ đỏ lên mái tóc. Con vật đã trả thù cho tôi. Luyca bị húc ngã cùng với con ngựa đè lên ngực hẳn, còn con bò mộng thì đè lên cả hai. Tôi nhìn vào chỗ ngồi của Carmen thì không thấy nàng ở đó nữa rồi. Lúc đó tôi không sao rời khỏi chỗ ngồi của tôi, và tôi phải chờ cho đến lúc cuộc đua chấm dứt. Tôi bèn về cái nhà mà ông đã tới và tôi nằm không nhúc nhích suốt buổi chiều và một phần đêm hôm ấy. Vào khoảng hai giờ sáng, Carmen về và hơi làm lạ khi thấy tôi.

- Em đi đằng này với anh, tôi bảo nàng.

- Được rồi, nàng nói, nào chúng ta đi.

Tôi dắt ngựa ra, đặt nàng lên lưng ngựa rồi chúng tôi đi suốt đêm ấy, chẳng ai nói với ai một lời. Đến sáng, chúng tôi dừng lại ở một quán trọ hẻo lánh, gần một tu viện nhỏ. Đến đấy, tôi nói với Carmen:

- Em hãy lắng tai nghe anh nói. Anh sẽ quên hết mọi chuyện. Anh sẽ không nói em một tí gì cả. Nhưng em phải thề với anh một điều: là em sẽ theo anh sang Châu Mỹ và sống ngoan ngoãn ở đấy.

- Không, Carmen nói với giọng hờn rồi, tôi không muốn sang Mỹ, tôi thấy ở đây rất vừa ý.

- Đó chính là vì em được ở gần thằng Luyca. Nhưng em nên nghĩ kỹ, nếu hẳn có khỏi vết thương thì cũng không thể sống đến già đâu. Nhưng xét cho kỹ, anh gây chuyện với hẳn làm quái gì? Giết mãi bọn tình nhân của em, anh đã chán rồi; lần này anh sẽ giết chính em kia.

Carmen chăm chăm nhìn tôi với khóe mắt man rợ rồi nói:

- Tôi vẫn biết rằng sẽ có lúc anh giết tôi. Lần đầu tiên tôi trông thấy anh, đúng là lúc tôi vừa gặp một thầy tu ở cửa nhà tôi. Và đêm qua lúc rời Cordu, anh không thấy gì ư? Một con chó chạy ngang đường, ngay dưới vó ngựa của anh. Đó là tiền định.

- Carmen, tôi hỏi nàng, em không yêu anh nữa à? Nàng không đáp. Lúc đó nàng đang ngồi xếp bằng tròn trên chiếu lấy ngón tay vạch vạch trên mặt đất.

- Chúng ta hãy thay đổi lối sống đi, Carmen ạ, tôi bảo nàng bằng giọng van nài; chúng ta hãy đến ở một nơi nào mà chúng ta không bao giờ còn phải xa nhau nữa. Em cũng biết rằng chúng ta có một trăm hai mươi lạng vàng chôn gần đây, dưới gốc cây sồi... và chúng ta lại còn vốn liếng gửi lão Do Thái Ben Giôdép. Nàng mỉm cười bảo tôi:

- Trước tiên là tôi, rồi sau đến anh. Tôi biết thế nào cũng xảy ra như thế.

- Em nên suy nghĩ kỹ, tôi nói tiếp, anh không còn nhẫn nại, anh không còn gan được nữa rồi; em phải quyết định về phần em đi, nếu không về phần anh, anh sẽ phải quyết định.

Tôi để Carmen ngồi đấy, và đi dạo về phía tu viện. Tôi thấy vị ẩn sĩ ở tu viện đang cầu nguyện. Tôi chờ cho ông cầu nguyện xong. Tôi rất muốn cầu kinh, nhưng không sao cầu được. Khi tu sĩ đứng dậy, tôi tiến đến bên ông.

- Thưa cha, tôi nói, cha có thể cầu nguyện cho một người đang lâm nguy không?

- Cha cầu nguyện cho tất cả những người đau khổ.

- Cha có thể làm lễ cho một linh hồn có lẽ sắp phải về chầu Chúa chẳng?

- Được lắm chứ, ẩn sĩ trả lời, mắt đăm đăm nhìn tôi và hình như trong khí sắc của tôi có cái gì lạ lùng lắm, nên ông định gọi cho tôi giải bay tâm sự.

- Hình như cha đã trông thấy con rồi thì phải. Tôi đặt một đồng bạc lên ghế dài của ẩn sĩ.

- Bao giờ thì Cha sẽ làm lễ ấy? Tôi hỏi tu sĩ.

- Nửa giờ nữa thôi. Con bác chủ quán ở đằng kia sẽ đến giúp lễ. Chàng trẻ tuổi ời, con hãy nói cho cha biết con có điều gì đang dày vò lương tâm không? Con có muốn nghe lời khuyên của

một người theo đạo Thiên chúa không?

Tôi cảm thấy sắp bật lên tiếng khóc. Tôi nói với ẩn sĩ là tôi sẽ quay lại, rồi tôi bỏ chạy. Tôi nằm lăn ra bãi cỏ cho đến lúc nghe thấy tiếng chuông. Thế là tôi mon men lại gần, nhưng dừng lại ở bên ngoài nhà nguyện. Lúc lễ mi-xa chấm dứt tôi quay về quán trọ. Tôi hy vọng Carmen đã trốn đi, nàng có thể lấy ngựa của tôi để chạy trốn... Nhưng tôi vẫn thấy nàng ở đó. Nàng không muốn để cho người ta có thể bảo rằng tôi đã làm cho nàng sợ. Trong thời gian tôi vắng mặt, nàng đã tháo gấu áo để lấy hòn chì ra. Bây giờ nàng đang ngồi trước mặt bàn, mắt nhìn một cái chậu đầy nước trong đó có hòn chì của nàng đúc ra và vừa ném vào. Nàng làm ma thuật một cách chăm chú đến nỗi thoát tiên nàng không thấy tôi về. Lúc thì nàng cầm hòn chì xoay tứ phía, dáng điệu buồn bã, lúc thì nàng hát một bài phù chú cầu khẩn Mari Padila, người yêu của Đông Pêdrô và theo lời người ta kể chính là Bari Gralixa, bà Chúa Nhất của người bô-hê-miêng.

- Carmen, tôi bảo nàng, em đi đằng này với tôi. Nàng đứng dậy, ném chiếc chén gỗ đi rồi trùm khăn lên đầu, ra vẻ sẵn sàng khởi hành. Người ta dắt ngựa đến cho tôi, nàng ngồi lên sau yên và chúng tôi ra đi.

- Thế em nhất đi với anh chứ, em Carmen của anh? tôi nói với nàng sau một đoạn đường.

- Tôi theo anh đến chỗ chết, đúng thế, nhưng tôi không thể sống với anh được nữa.

Lúc đó chúng tôi đi đến một khe núi quanh hiu; tôi dừng ngựa lại.

- Có phải chỗ này không? nàng nói. Và nàng nhảy vọt từ trên mình ngựa xuống đất. Nàng tháo khăn trùm đầu ném xuống chân và đứng chống nạnh không nhúc nhích, mắt nhìn tôi chăm chăm.

- Anh muốn giết tôi, tôi biết rõ lắm, nàng nói: chẳng qua số trời như thế! Nhưng anh không khuất phục được tôi đâu!

- Anh van em, tôi nói với nàng, em nên biết điều, em ạ. Em hãy nghe anh! Tất cả dĩ vãng quên đi hết. Nhưng em cũng biết đấy, chính em đã làm hại đời anh, chính vì em mà anh thành một tên trộm cướp, một kẻ sát nhân. Carmen! Em Carmen của anh! Em hãy để anh cứu vớt em, và đồng thời cứu vớt cả anh nữa!

- Giôđê! Nàng đáp lại, anh đòi hỏi tôi một điều mà tôi không thể nào nhận được! Tôi không yêu anh nữa, còn anh thì vẫn yêu tôi và chính vì thế mà anh muốn giết tôi. Tôi còn có thể nói dối anh, nhưng tôi chả muốn làm thế làm quái gì. Giữa hai chúng ta không còn gì nữa. Anh là rôm của tôi, anh có quyền giết rôm-mi của anh; nhưng Carmen bao giờ cũng là một con người tự do. Sinh ra là người bô-hê-miêng, Carmen chết đi vẫn sẽ là người bô-hê-miêng.

- Vậy em yêu Luyca à? Tôi hỏi nàng.

- Phải, tôi đã yêu Luyca cũng như đã yêu anh, trong một lúc, và có lẽ còn kém anh! Nhưng bây giờ tôi không yêu gì nữa hết, tôi còn tự giận mình vì đã yêu anh.

Tôi gục xuống chân nàng, tôi cầm lấy tay nàng, hai dòng nước mắt của tôi chảy đầm đìa lên đôi bàn tay ấy. Tôi nhắc lại với nàng tất cả những giờ hạnh phúc mà chúng tôi đã sống với nhau. Tôi hứa sẽ vẫn đi ăn cướp cho nàng vui lòng. Thừa ông, tôi đã hứa tất cả mọi thứ, tất cả mọi thứ, miễn là nàng vẫn còn muốn yêu tôi.

Nàng nói:

- Không thể nào yêu anh được nữa. Tôi không muốn sống với anh.

Tôi dùng dùng nỗi giận, rút dao ra. Tôi mong nàng sợ và xin tha mạng, nhưng con đàn bà ấy thật là một con quỷ.

Tôi hét lên:

- Ta hỏi em lần cuối cùng, em có muốn ở lại với ta không?

- Không! Không! Không! Nàng dậm chân kêu lên. Và nàng rút khỏi tay chiếc nhẫn của tôi tặng, ném nó vào bụi.

Tôi đâm nàng hai nhát. Bằng chính con dao mà tôi đã lấy của tên Chột, sau khi con dao của tôi bị gãy. Đến nhát thứ hai, nàng ngã xuống không kêu một tiếng. Ngày nay tôi vẫn như còn trông thấy con mắt đen to của nàng nhìn tôi chăm chăm rồi mờ đi và nhắm lại. Tôi đứng mê mẩn rụng rời trước xác nàng đến một tiếng đồng hồ. Rồi tôi nhớ lại rằng Carmen có lần bảo tôi rằng nàng muốn khi nào chết thì được chôn trong rừng. Tôi dùng con dao đào huyết cho nàng rồi đặt nàng vào đó. Tôi tìm mãi mới thấy cái nhẫn. Tôi bỏ nó với một cây thánh giá vào trong huyết bên mình nàng. Có lẽ tôi đã sai lầm. Sau đó tôi nhảy lên ngựa phóng mãi tới Cordu. Gặp đội lính gác đầu tiên, tôi xưng danh. Tôi khai rằng tôi đã giết Carmen, nhưng tôi không chịu nói xác nàng ở đâu. Vị tu sĩ ẩn dật là một bậc thánh. Ông đã cầu nguyện cho nàng. Ông đã làm lễ cho linh hồn nàng... Tội nghiệp con người bé bỏng đó! Chính bọn Calê là thủ phạm vì đã nuôi dạy nàng thành như vậy.

(*) Chữ Thần (Chén) trong tên Phong Bính Thần âm Hán Việt có hai cách đọc: Thần và Thìn. Trong cuốn Nữ hoàng tin đồn là Phong Bính Thìn, còn trong 1.000 nụ hôn nồng cháy là Phong Bính Thần vì theo như cách giải thích của chính nhân vật ở trang 32 là Phong trong xuân phong (gió xuân), Bính trong bính trú (sáng ngời) chứ không phải chữ Bính (ngôi thứ ba trong mười can), bởi vậy chữ Chén (Thần, Thìn) chúng tôi chọn chữ Thần (ngày) tên Phong Bính Thần với nghĩa là “Ngày gió xuân tươi sáng”. (*) Good Will Hunting là một bộ phim tâm lí tình cảm kể về một thanh niên tên Will mồ côi, ham đọc sách, có trí nhớ tốt, là một thiên tài về toán học, lớn lên trong một xóm xỉnh của thành phố Boston, đánh bạn với những thanh niên không có tương lai, suốt ngày chỉ biết cong lưng với công việc phụ hồ, vào quán bar rồi quây phá và phạm tội. (**) Oliver Twist (1838) của Charles Dickens là câu chuyện kể về cậu bé mồ côi, lớn lên trong trại tế bần, sau đó có một cuộc đời lang bạt nay đây mai đó, cho đến khi gặp được một tấm lòng cao cả nhận cậu về nuôi. (*) Đây là câu thơ trong bài thơ Vọng Lư sơn bộc bố (Xa ngắm thác núi Lư) của Lí Bạch - một trong những nhà thơ danh tiếng nhất thời thịnh Đường nói riêng và Trung Hoa nói chung, được hậu bối tôn làm Thi Tiên. Dịch nghĩa: Tưởng dải Ngân Hà tuột khỏi mây. (**) Josef von Sternberg (1894-1969) là đạo diễn người Mỹ gốc Áo nổi tiếng ở Hollywood. (***) Marlene Dietrich (1901-1992) là một diễn viên, ca sĩ người Mỹ gốc Đức từng được đề cử giải Oscar. Bà được coi là diễn viên Đức đầu tiên thành công ở Hollywood. (****) Greta Garbo (1905-1990) là một diễn viên người Mỹ gốc Thụy Điển và là một trong những diễn viên nổi tiếng nhất trong thời kì vàng son của Hollywood. (*) 'Shanghai Express' là bộ phim Mỹ nổi tiếng của đạo diễn Josef von Sternberg, do nữ diễn viên tài sắc Marlene Dietrich thủ vai chính. (**) 'Đây là câu thành ngữ có nghĩa đen là: Một vị tướng khi đã tấn công vào thành trì thì sẽ dẫn đến cả vạn người chết. Ở đây được dùng để ví với tướng mao của Phong Bính Thần đã đánh gục biết bao trái tim các cô gái. (***) 'Runaway Bride (Cô dâu chạy trốn) là một bộ phim hài Mỹ của đạo diễn Garry Marshall, được công chiếu năm 1999. (*) Raúl González Blanco (1977) là một cầu thủ bóng đá người Tây Ban Nha chơi ở vị trí tiền đạo. Raúl có một kiểu ăn mừng bàn thắng riêng biệt. Sau mỗi bàn thắng anh đều hôn lên chiếc nhẫn cưới, với ý dành tặng bàn thắng cho vợ anh, Mamen Sanz. (*) Tuyết liên hoa (hoa sen tuyết) là một loại dược thảo truyền thống quý hiếm của Trung Quốc, xuất xứ từ Tân Cương. Nó phát triển trong các vách đá và giữa các kẽ nứt băng giá, nơi vô cùng lạnh và được bao phủ trong tuyết quanh năm. (**) Michelin là một hãng sản xuất vỏ (lốp) xe và nhiều thiết bị khác trong ngành giao thông của Pháp từ cuối thế kỷ 19. Từ đầu thế kỷ 20, vào tháng ba mỗi năm họ cho xuất bản một cuốn guide rouge (cuốn sách hướng dẫn có bìa màu đỏ) nổi tiếng về các khách sạn và tiệm ăn. Nhờ lối làm việc rất nghiêm túc và nhất là nhờ sự sắp hạng tương đối “chí công vô tư”, cuốn guide rouge từ lâu đã nghiêm nhiên trở thành một thứ “thánh kinh về nghệ thuật ẩm thực” ở Pháp và một số nước trên thế giới. (*) Đây là một bộ phim hành động hài rất nổi tiếng của Mỹ do David Shore đạo diễn. (**) U2 là một ban nhạc rock đến từ Dublin, Ireland, được thành lập năm 1976 khi các thành viên còn ở tuổi vị thành niên với một kiến thức âm nhạc còn nhiều giới hạn. U2 đã bán được hơn 140 triệu album trên toàn thế giới và đã giành được nhiều giải Grammy hơn bất kì ban nhạc nào khác. (***) Marguerite Duras (1914-1996) là một nhà văn, đạo diễn người Pháp nổi tiếng. (*) 'Sidney Sheldon (1917-2007) là một tiểu thuyết gia người Mỹ từng đoạt giải của Viện Hàn Lâm nghệ thuật Mỹ, là một kịch

gia và một người viết kịch bản phim và chương trình truyền hình chuyên nghiệp. (**)' OMG - Oh my God. (*) Na Tra là một vị thần trong thần thoại dân gian của Trung Quốc, do đánh chết Ngao Bính của Đông Hải Long Vương, nên gia đình Na Tra bị bắt, ép phải đền mạng để giữ trọn đạo hiếu, và không làm liên lụy tới gia đình, Na Tra đã lóc thịt trả mẹ, lóc xương trả cha. (*) Alfred Hitchcock (13/8/1899-29/4/1980) một nhà làm phim nổi tiếng người anh. Ông được xem như một trong những đạo diễn lớn nhất của lịch sử điện ảnh. (**) William Hogarth (10/11/1697-26/10/1764) họa sĩ nhà phê bình và nghệ sĩ biếm họa người Anh. Hogarth được coi là người khởi xướng nghệ thuật biếm họa trong hội họa phương Tây. (*) Vì chim trống và chim mái rất chung thủy nên người xưa gọi là chim tương tư. Chúng còn có biệt danh là Hồng Chủy Ngọc, Hồng Chủy Lục Quan Âm, Liên Điếu. Người phương Tây gọi chúng là chim tình yêu. Chúng thuộc bộ Sẻ, họ Họa mi. Khu vực cư trú của chúng trải rộng từ lưu vực sông Trường Giang đến Giang Nam. (*) Dịch nghĩa: Một nhánh hoa lê đề lên hải đường. Đây là câu thơ trong bài thơ Nhất thụ lê hoa áp hải đường của Tô Đông Pha làm để nói đùa Trương Tiên lấy vợ trẻ. Trương Tiên đã tám mươi tuổi, lấy một người thiếp mười tám tuổi. “Lê hoa” là chỉ Trương Tiên, “hải đường” là chỉ thiếp phụ mười tám tuổi, “áp” là đề lên, áp cũng là áp đảo, vượt trội hơn hẳn. (**) Phong tao: Lả lơi, làm đóm, làm dáng. (*) Taobao.com là trang web bán lẻ trực tuyến lớn nhất Trung Quốc. Được tập đoàn Alibaba Group đầu tư thành lập năm 2003. (**) Tên Việt là Người đàn bà đẹp của đạo diễn Garry Marshall do diễn viên Julia Roberts thủ vai chính. Bộ phim là câu chuyện Lọ Lem thời hiện đại. Bối cảnh chính của phim là Hollywood thập niên 1990. (***) EQ là viết tắt của cụm từ Emotional Quotient - chỉ số cảm xúc. (*) Milan Kundera (1929) là một nhà văn Tiệp Khắc, hiện mang quốc tịch Pháp. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là tiểu thuyết Đời nhẹ khôn kham. (*) Michelangelo (1475-1564) là một họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhà thơ và kỹ sư thời kỳ Phục hưng ở Ý. (**) Keith Rupert Murdoch (1931), thường được biết đến với cái tên Rupert Murdoch, là một ông trùm truyền thông toàn cầu người Úc-Mĩ. (**) Cristiano Ronaldo dos Santos Aveiro (1985) là cầu thủ bóng đá người Bồ Đào Nha, hiện đang thi đấu ở giải vô địch Tây Ban Nha cho câu lạc bộ Real Madrid với vị trí tiền đạo và là đội trưởng của đội tuyển bóng đá Bồ Đào Nha. Cầu thủ này thích cời trần, được coi là thành viên của đội cời trần đẹp nhất Euro 2008. (****) Diệt Tuyệt Sư Thái là một nhân vật trong tiểu thuyết kiếm hiệp Ý Thiên Đồ Long Ký của nhà văn Kim Dung. .sup (*) “Dục tốc tắc bất đạt” là một vế trong câu nói nổi tiếng của Khổng Tử trích trong “Tứ lộ” của Luận ngữ: “Vô dục tốc, vô kiến tiểu lợi. Dục tốc tắc bất đạt, kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành”. Nghĩa là: Chớ muốn mau, chớ thấy lợi nhỏ. Muốn mau thì không đạt, thấy lợi nhỏ thì việc lớn không thành. Ý này được đúc kết trong câu thành ngữ “Dục tốc bất đạt”. (*) Chu Khải Hoàn là một trong mười phụ nữ châu Á được tôn vinh trong lĩnh vực kinh doanh năm 2006. 1. Swimmy: Tên tác phẩm của nhà văn Leo Lionni (ND) 2. Khanh Khanh phiên âm tiếng Trung là QingQing, nhưng vì người ngoại quốc phát âm không chuẩn nên QingQing biến thành Qi Qi, giống với phiên âm số 7 trong tiếng Trung. (ND) 3. Nọa Mễ (Nuomi) tên thật là Cầu Nặc (QiuNou) nhưng chữ Nặc và Nọa có cùng phiên âm là 'nuo', hơn nữa trông cô có vẻ béo trắng giống như hạt gạo nếp nên mọi người gọi cô là 'Nọa Mễ' - gạo nếp (ND). 1. Là phản ứng quá mức của cơ thể đối với một protein lạ (kháng nguyên) xâm nhập vào cơ thể và tạo ra sự xung khắc kháng nguyên - kháng thể (BTV). 1. Một đoạn trong bài The twelve

days of Shakespeare của Zane và Gabriel (nguồn: trang Folger Shakespeare Library), (BTV). 2. Lysander và Hermia là hai nhân vật chính trong vở Giấc mộng đêm hè của Shakespeare (BTV). 3. Thái Thượng Lão Quân là một tôn hiệu một trong ba vị tiền tối cao trong Đạo giáo của Trung Quốc (BTV). 4. Nhana Chân Khanh (709 - 785) là nhà thơ pháp hàn đầu và là quan thái thú trung thành của nhà Đường (BTV). 5. Tên gốc của cuốn sách là :Tippi of Africa (BTV). 1. Một bộ phim truyền hình của Mỹ sản xuất năm 1982 (BTV). 1. Hắc hương chính khí - một loại thuốc giải nhiệt trong Đông Y (ND). 1. ACDSee là phần mềm quản lý và chỉnh sửa ảnh thông minh (ND). 2. Lạc vào chốn hoang dã (ND). 3. Có cơn ác mộng trong tử vách của tôi (ND). 4. Một khu phát triển ngoại ô của nhóm phát triển Trung Quốc (ND). 1. Charlotte và Wilbur: Cuốn sách thiếu nhi nổi tiếng của nhà văn Mỹ E.B.White (1899 - 1958) (BTV). 2. Maria Montessori (1870 - 1952) 3. Crush (từ lóng): Phải lòng ai, mê ai (BTV) 4. Mục Tuần là cháu thứ sáu trong gia đình, vì thế được người lớn gọi là Tiểu Lục Tử (ND). 5. Bộ truyện thiếu nhi nổi tiếng của nhà văn Anh Beatrix Potter (BTV). 6. Adrenaline là một hormone do tuyến thượng thận tiết ra, chất này có tác dụng gây cho người ta sự kích thích cao độ (ND). 1. Hoàng Lập Hành: Hoa kiều Mỹ, ca sĩ, nhạc sĩ Đài Loan (BTV). 2. Thế hệ thứ hai hoặc thứ ba của Hoa kiều. Họ đều là người tóc đen da vàng nhưng không biết tiếng Trung (ND). 3. Tiramisu; Một loại bánh ngọt tráng miệng nổi tiếng của ý (BTV). 1. Teletubbies: tại Việt Nam còn gọi là các em bé rồi Teletubbies;, là một series chương trình dành cho trẻ em, chủ yếu dành cho trẻ em mầm non (BTV). 1. Schindler's List: Bản danh sách của Schindler là một bộ phim truyện sản xuất năm 1993 của Mỹ về Oskar Achindler, một doanh nhân người Đuucs đã bảo vệ cuộc sống của hơn một nghìn người Do Thái Ba Lan trong nạn diệt chủng trong Thế chiến thứ hai bằng cách đưa họ vào làm việc trong các nhà máy của mình (BTV). 2. Giấc mơ của thiên hà Andromeda, (ND). 1. Thăng Gù ở nhà thờ Đức Bà (ND). 1. Chuyện về chú cá nhỏ Swimmy Khanh Khanh đọc ở chương đầu (BTV). 1. Chỉ những nhà dòng dõi Nho học. 1. Vải nhuộm sáp là sản phẩm thủ công mỹ nghệ in nhuộm truyền thống của Trung Quốc. 1. Khu bảo tồn thiên nhiên nằm ở độ cao 4.000 mét so với mực nước biển, thuộc miền Bắc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc. 2. Audrey Hepburn (1929 - 1993): diễn viên điện ảnh huyền thoại thập niên 1950, 1960 của Anh. Qua các cuộc bầu chọn, bà thường được xem là một trong những phụ nữ đẹp nhất thế kỷ XX. 1. Trích trong bài thơ Gặp Lý Quy Niên tại Giang Nam của Đỗ Phủ. Trần Trọng San dịch. 1. Sakai Noriko, sinh năm 1971, nữ diễn viên, ca sĩ người Nhật nổi tiếng một thời. 1. Trích trong bài thơ Sương thiên hiếu giác của Phạm Thành Đại - thi nhân đời Nam Tống. 1. Một nhân vật trong huyền sử Trung Quốc. Tương truyền là một mỹ nhân nổi tiếng và là một trong những nguyên nhân chính gây nên sự sụp đổ của nhà Thương trong lịch sử Trung Quốc. 1. Dịch nghĩa: “Đêm qua sao đầy trời, đêm qua gió nổi; Bên tây lầu hoa, phía đông nhà quế; Thân ta không có đôi cánh phượng lông lấy bay cao; Nhưng trong lòng có điểm sừng tê để cảm thông”. (Các chú thích trong cuốn sách này là của người dịch.) 2. Trắng mới mọc, sương thu mỏng. 1. Đó là tên một website mua bán nổi tiếng của Trung Quốc. Con gái lớn, con vợ cả. Con gái thứ, con vợ lẽ. Thầy mo, thầy phù thủy. Lầu hái sao. Nơi cao không chịu nổi giá lạnh. Con người một khi đã lên tới những vị trí quá cao sẽ phải chịu nổi cô độc hơn hẳn người thường. Bĩ ối Nguyên văn: “Sơn hữu mộc hề mộc hữu chi, tâm duyệt quân hề quân bất tri” - Trích Việt nhân ca, bài ca dao lưu truyền ở nước Sở thời Xuân Thu. Nguyên văn: “Kiêm hà thương

thương, bạch lộ vi sương, sở vị y nhân, tại thủy nhất phương”, dịch nghĩa: “Rừng lau bạt ngàn, sương giăng trắng tinh. Người đẹp kia đó, bên bờ sông kia” - trích bài “Kiêm gia” trong Kinh Thi. Trong tiếng Trung, “càn rỡ” và “xòe bốn ngón tay” có cách phát âm giống nhau. Nguyên văn: “Thiên trường địa cửu hữu thì tận, dĩ hân miên miên thử tuyệt kỳ”, hai câu cuối trong bài Trường hận ca của Bạch Cư Dị – nhà thơ đời Đường. Lấy ý từ câu thơ “Lê hoa nhất chi xuân đài vũ” - cảnh hoa lê lấm tấm vài hạt mưa xuân, một câu thơ trong Trường hận ca của Bạch Cư Dị đời Đường, miêu tả vẻ đẹp của mỹ nhân khi khóc. Triều Dương: Ánh mặt trời buổi sớm. Ngoài ra chữ Triều trong hiệu Triều Dương có cùng âm đọc và chữ viết với chữ Triều trong họ của Triều Triệt. Trong tiếng Trung, từ “Hồ Lô” - tên nhân vật và “hồ lô” - một thứ đồ vật có âm đọc giống nhau, khó phân biệt nên Diệp Khuynh Thành đầu óc đơn giản đã hiểu nhầm. Từ “thụ” và từ “thú” có âm đọc giống nhau nên Diệp Khuynh Thành nghe nhầm. Hay còn gọi là đèn chong, loại đèn được thắp sáng liên tục, thường dùng cho việc thờ cúng. Tinh linh của cây đèn Vui đùa giải trí để trút bỏ phiền muộn. Chơi chữ, “tiêu khiển” và “Tiểu Thiển” đồng âm, “Cục thịt” hiểu nhầm. Ý chỉ “nhục kế” hay “đỉnh kế” hoặc “Ushnisha” - búi tóc xoắn trên đỉnh đầu của Đức Phật Thích Ca. Thuật “tâm ý tương thông”. Sau khi Tiểu Thiển uống máu Thương Hạo, hai người có thể liên hệ với nhau bằng ý nghĩ. Lấy ý từ hai câu thơ trong bài Sử chí tái thương của Vương Duy – người được mệnh danh là Phật Thi đời Đường. Câu thơ đại ý: Tại phong hỏa đài đốt một cột khói, bốc thẳng lên trời cao trên sa mạc rộng lớn. Con sông Hoàng Hà uốn khúc quanh co, càng làm nổi bật ánh chiều tà đỏ như máu. Trong tiếng Trung, từ “Tiểu Tiểu” – tên người, và “tiểu tiểu” tức là “cười lên” có âm đọc giống nhau, ban đầu Thiên Thiên hiểu nhầm. Lấy ý từ trong Kinh Thi, Bân Phong. Tháng Năm, Đại hỏa (tinh) (sao Antares) mọc ở giữa trời vào lúc hoàng hôn, sau đó hạ dần xuống hướng Tây trong suốt tháng Sáu, cũng là tương ứng với thời điểm thời tiết đã dần bớt đi cái nóng của mùa hạ, bắt đầu bước vào mùa thu mát mẻ. Kinh Thi viết: “Thất nguyệt lưu hỏa” ý nói: sang tháng Bảy (thất nguyệt) trời mát dần, sao Đại hỏa xuống thấp, trời đất vào thu thôi. Trong tiếng Trung “Chiêu Sài” (tên nam chính) và “Chiêu Tài” có âm đọc giống nhau nên cô bé này nghe nhầm. Thuật ngữ Phật giáo, ý chỉ người lúc nào cũng từ bi đối đãi với tất cả chúng sinh. Sau cơn mưa trời lại sáng. Sống. (1) Henry Ford - Nhà sáng lập hãng ô tô Ford, Thomas Edison - Nhà phát minh vĩ đại của thế kỷ XX, Andrew Carnegie - “vua” ngành công nghiệp thép Mỹ, Wilbur và Orville Wright - hai ông tổ của ngành hàng không. (2) Cuộc Đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933. (3) Mahatma Gandhi (1869-1948): Còn được người dân Ấn gọi là Thánh Gandhi, người chủ trương giành độc lập từ tay Anh quốc bằng con đường bất bạo động. (4) Albert Schweitzer (1875-1965): nhạc sĩ, triết gia, lý thuyết gia, nhà hóa học người Đức được giải Nobel Hòa Bình 1952 với công trình triết học 'Reverence for Life', tạm dịch 'Sự kính trọng cuộc sống'. (5) inch: đơn vị đo chiều dài thông dụng ở Anh, Mỹ, 1 inch = 2,54 cm. (6) F. W. Woolworth (1852-1919): Cha đẻ của ngành bán lẻ thông qua hệ thống chuỗi cửa hiệu giá rẻ. Nhà sáng lập tập đoàn bán lẻ Woolworth trị giá 65 triệu đô la với hơn 1.000 cửa hiệu vào năm 1919. (7) Trong tiếng Anh: 'a can do attitude' có thể ví với câu 'nothing is impossible', tạm dịch 'không có gì là không thể'. (8) Boomerang: một loại vũ khí của thổ dân Úc, có hình bán nguyệt, khi được ném đi sẽ bay theo hình vòng cung và quay trở lại vị trí của người ném. (9) O. Henry: Bút danh của tác giả người Mỹ chuyên viết chuyện ngắn William Sydney Porter (1862-1910).

(11) Jack London (1876-1916): Nhà thám hiểm, thủy thủ, tiểu thuyết gia lừng danh thế giới người Mỹ, nổi tiếng với tác phẩm Tiếng gọi nơi hoang dã (The Call of the Wild - 1903), Tình yêu Cuộc sống (Love of Life - 1905),... (12) Charles Dickens (1812 - 1870): Tiểu thuyết gia người Mỹ lừng danh thế giới với các tác phẩm David Copperfield (1849-1850), Little Dorrit (1857), A Tale of Two Cities (1859), Great Expectation (1861),... (13) Harry Truman (1884 - 1972): Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ qua hai nhiệm kỳ (1945-1949; 1949-1953). (14) Những nhà tư tưởng, triết gia lớn của thế giới. (8) Civil War: Cuộc Nội chiến Mỹ 1861 - 1865. Maupassant (1850-1893), nhà văn hiện thực Pháp. Túc Napôlêông III (1808-1873), người đã theo đuổi cuộc chiến tranh can thiệp vào Mêhicô (1862) Nguyên văn Nguyên văn: lính bổ sung, ý khinh miệt Nguyên văn: đã hơi bị sút mẻ Trong hai chương này Pauptopxki đặc biệt nói về ngôn ngữ Nga, sự giàu có của nó, xuất xứ của các từ, liên quan về âm của các từ và ngôn ngữ nói chung đối với nghề văn. Chúng tôi không dịch, vì khó mà truyền đạt được cái vẻ đẹp trong sáng, cái đặc thù của tiếng Nga. Nhà thơ lớn Xô Viết. José Maria de Herédia, nhà thơ Pháp, sinh ở Cu ba (1842-1905). Sarah Bernhart, nữ diễn viên kịch nổi tiếng của Pháp (1844-1923). Chopin, nhạc sĩ thiên tài Ba Lan (1810-1849). Một loại đường hóa học phổ biến trong thời gian xảy ra câu chuyện. Nguyên văn: đen như chè, ý so sánh với chè đen. Phiêu nham là đá lẫn không có chân ăn liền với đá gốc (thuật ngữ địa chất) Dịch theo nghĩa gốc từ zov (tiếng gọi) và prizvanie (sứ mệnh, thiên chức) Edouard DouZes Dekker, biệt hiệu là Multatuli (1820-1887) Nhân vật trong các truyện dân gian Hà-lan Nhân vật trong các truyện dân gian Hà-lan Nhân vật trong các truyện dân gian Hà-lan Vincent Van Gogh, họa sĩ Hà-lan (1853-1890) Antonio de Canaletto, nhà danh họa người Ý (1697-1786). Ngài thi sĩ, tiếng Ý, tỏ vẻ kính trọng. Bức họa ghép bằng các mảnh đá màu hoặc sứ màu. Nữ thần săn bắn, bà chúa rừng, theo thần thoại La-mã. Antonio Canova (1751-1822), nhà điêu khắc nổi danh người Ý Emile Zola (1818-1892), nhà văn lớn, tiến bộ của Pháp, tác giả cuốn tiểu thuyết Germinan nói về cuộc đấu tranh của công nhân mỏ. Phần xây trên cao của những thành phố cổ Hy-lạp dùng làm nơi phòng thủ, chống giặc. Khi viết hoa là để chỉ riêng cho thành phố Athènes. Jean Paul Marat (1743-1793), nhà hoạt động xã hội, học giả, chiến sĩ cách mạng trong cuộc Cách mạng Tư sản Pháp 1789. Một tước của các nhà quý tộc Tây Ban Nha trước thế kỷ thứ 19. Crixtop Côlông (1451-1506), nhà thám hiểm, người đã tìm ra châu Mỹ. Một đạo diễn bậc thầy của nền điện ảnh Xô Viết và thế giới. Nhà văn Nga chuyên viết về cuộc sống của thủy thủ. Mark Twain (1835-1901), nhà văn trào phúng, tiến bộ Mỹ, tác giả cuốn 'Chuyện phiêu lưu của Tôm Xoayơ', 'Chuyện phiêu lưu của Hắcơnbêri Fin'. Một truyện thơ của Puskin. Một bài ca cách mạng do nhạc sĩ Pháp Rouget de Lisle sáng tác năm 1792, sau lấy làm quốc ca Cộng hòa Pháp. Dante, nhà thơ vĩ đại, người thầy của nền thi ca Ý. Nhà văn Pháp (1840-1897) Nhà văn Pháp (1822-1896) Nhà văn Pháp (1864-1910) Nguyên văn là 'trở nên', 'thôi trở nên' hoặc 'bắt đầu' 'thôi' Ý nói những chữ rườm rà, lủng củng như những chữ 'thì', 'là', 'mà'. (N.D) Ý nói những từ nước ngoài. Những từ này tuy vậy ngày nay vẫn thường dùng trong văn Nga. Chỉ nhà văn Tsêkhốp. Nguyên văn có gạch nối ở hai chữ tình yêu – đau khổ và tình yêu – sung sướng. Nhà văn Pháp (1852-1935). Những nhân vật chính trong tiểu thuyết Những người khốn khổ của Vichto Huygô. Những tên tuổi lớn của nền văn học Pháp. Henri Murugot (1617-1682) nhà văn Pháp. Nhà văn lớn Xô Viết, nổi tiếng về mô tả thiên nhiên. Một thác nước ở châu Mỹ. Một thứ nhạc cụ của nông

dân Nga thời trước làm bằng sừng bò. Kôtopxki (1881-1925) anh hùng Hồng quân Liên Xô, sư trưởng một sư đoàn kỵ binh nổi danh trong thời kỳ Nội chiến 1918-1920. Robert Burns (1759-1796), nhà thơ lớn của Ecốt. Natxon X.Ia (1862 – 1887) nhà thơ Nga. Xenvinxki I.L. Nhà thơ Xô Viết (1899-1968). Truyện lịch sử bằng thơ nói về Hoàng thân Igô Xviatôxlavich đẩy quân chống lại giặc Thổ Nhĩ Kỳ lúc ấy đang xâm chiếm nước Nga-Kiếp. Người anh hùng này, không nhờ vả sự giúp đỡ của các hoàng thân khác cùng cát cứ trên đất Nga (Thế kỷ thứ 12). Nhà thơ vĩ đại Ukraina. Kant, nhà triết học duy tâm Đức (1724-1804). Nhà văn Nga (1826-1889) Nhà văn Pháp (1799-1850) Mùa đông ở xứ lạnh, người ta thường dán kín các khe hở của cửa kính. Những ngày cực lạnh tuyết đóng thành băng nhỏ như bụi. Một họa sĩ danh tiếng Nga. Monet (1840-1926), một danh họa Pháp thuộc phái ấn tượng. Một trong những danh họa lớn nhất của thế giới người Ý (1483-1520). Những nhà đại danh họa của thế giới cận đại và hiện đại. Những nhà đại danh họa của thế giới cận đại và hiện đại. Những nhà đại danh họa của thế giới cận đại và hiện đại. Đất nước mà theo kinh thánh chúa Trời đưa người Do Thái từ Ai-cập về đây theo lời hứa của Chúa (Palestin). Câu thơ có nhiều chữ cùng một mẫu tự (alliteration) Nơi ở và làm việc của Lép Tônxtôi Saadi (hoặc Sadi), nhà thơ lớn Ba tư, tác giả 'Vườn hồng', (khoảng 1184-1291) Diderot, nhà văn, nhà triết học duy vật Pháp thế kỷ 18. Một nhà chỉ huy quân sự lỗi lạc của Hồng quân Nga, thời kỳ Nội chiến. R.L. Stevenson (1850-1894), nhà văn Anh, tác giả Đảo giấu vàng. Tên một làng Nga, nơi xảy ra trận đánh lớn giữa quân Nga và quân Napôlêông (1812). Nhân vật trong truyện của nhà văn Anh Rudyard Kipling. Người Nga tin rằng ai có bàn tay lạnh tức là có trái tim (tâm hồn) nóng. Nhà văn Xô Viết (1880-1932). Nhà văn Anh (1812-1870). Nhà văn Pháp (1783-1842). Tam biệt, ông nhà văn Nga Xô Viết (tiếng Pháp). Nhà văn Pháp, thế kỷ 18. Nhà thơ lãng mạn Anh (1788-1824). Nhà văn Nga (1822 – 1881) Ivan Pêtrôvich Pôgiatôxtin (18-7-1909), nhà khắc gỗ xuất thân nông dân, viện sĩ hàn lâm từ 1871. Họa sĩ Nga (1837 – 1887). Ioócđan P.I., nhà khắc gỗ Nga (1803 – 1882). Thorvaldsen (1779 – 1884). Hans Christian Andersen (1805 – 1875), nhà văn Đan Mạch, chuyên viết truyện cổ tích. Nhà văn lớn Ukraina (1876-1916). Nhà văn Tây Ban Nha, thế kỷ 17. Nhà văn lớn Đức. Nhà khoa học lớn Đức (1879-1955) sống lưu vong và chết ở Mỹ. Nhà văn lớn Đức. Nhà văn lớn Áo. Nhà văn Xô Viết, chuyên viết truyện thiếu nhi (1904-1911). Chủ đề quán xuyến, khúc điệu chính trong một bản nhạc. Thừa quý ông và quý bà! Xin chào! (tiếng Ý) Một loại đá vôi trong bảng phân chia địa tầng của ngành địa chất. Loại từ đầu lấy theo chữ cái G, loại từ thứ hai lấy theo chữ cái L Bọn phiến loạn ở vùng Trung Á trong thời gian xảy ra câu chuyện Lối trị bệnh bằng cách dùng dần dần những liều cực nhỏ của chính những chất gây ra bệnh (ND) Tên Sátxki, gọi thân mật trong gia đình Nhà soạn nhạc Nga, thế kỷ 19. Một thành ngữ trong tiếng Nga chỉ sự khoái trá ngây ngô thậm chí ngu xuẩn. Nguyên văn: một con bò đực thiến. Nguyên văn: cái thêm vào. Jeanne d'Are, nữ anh hùng dân tộc Pháp, lãnh đạo nhân dân chống xâm lược Anh. (1412-1431). Ở đây: bác đánh xe được gọi theo tên thánh. (Igônachi Lôiôla là người sáng lập ra giòng Giêduýt (Jésuites), năm 1622 được Giáo hoàng La-mã phong Thánh). Một thứ thuốc lá rất nặng. Nguyên văn – Đùng như vua Đavít ngồi trên ngai vàng mà nhiều họ. Một chức trong cộng đồng những người Do Thái, chuyên trách về đời sống tinh thần, phong tục, tập quán của những người này. 1. Một tờ báo nổi tiếng của Nhật (ND). 2. Trong nguyên tác, từ này là Enca, một loại nhạc truyền thống

của Nhật có âm điệu hoài cổ giống nhạc vàng của Việt Nam nên người dịch tạm để là nhạc vàng (ND). 3. Tư lệnh quân đoàn Liên hợp quốc tại Nhật: Tổ chức được thành lập sau Thế chiến thứ hai và đóng quân tại Nhật để thực hiện Tuyên ngôn Potsdam về kết thúc chiến tranh Thái Bình Dương (ND). 4. Edward Bach (1886-1936) là một bác sĩ, nhà vi khuẩn học người Anh. Ông nổi tiếng với việc phát triển phương pháp chữa bệnh gọi là "Liệu pháp hoa" để thay thế thuốc thông thường (BT). 5. Reiki ('Rei' nghĩa là Trí tuệ của Thượng đế hay Sức mạnh cao hơn, 'ki' nghĩa là năng lượng lực sống) là một kỹ thuật "đặt bàn tay" nhằm giảm căng thẳng, thư giãn, do đó có thể chữa bệnh. Reiki dựa trên quan điểm có một "năng lượng lực sống" chảy qua mỗi con người và khiến chúng ta sống. Nếu "năng lượng lực sống" thấp, con người dễ bị ốm hoặc cảm thấy stress; nếu "năng lượng lực sống" cao, chúng ta có khả năng cảm thấy hạnh phúc và khỏe mạnh hơn (theo www.reiki.org - BT). Nguyên văn bằng tiếng Tây Ban Nha. Tên một mục mỗi trong hai kịch 'Người keo kiệt' của Molière. Một thứ bài lá, xuất xứ từ nước Anh, đánh bốn người chia làm hai phe. Nhân vật chính trong vở hài kịch cùng tên của Molière. Táctúp đã thành một danh từ chung chỉ những kẻ giả đạo đức bịp bợm. Ở nước Pháp, vào những năm 20 của thế kỷ XIX, những tiểu thuyết lịch sử của nhà văn Anh Oantơ Xcốt rất phổ biến. Cuốn truyện cuối cùng nói đây là cuốn Quentin Durward xuất bản năm 1823, sau đó được dịch ngay ra tiếng Pháp. Tiểu thuyết triết lý của nhà văn Pháp Môngtexkiơ ở thế kỷ XVIII, viết dưới hình thức thư. Lilibulơrô là một bài hát có thể, tùy theo cách hát, diễn tả được mọi khía cạnh của tính tình ông chú Tôbi. Chú Tôbi là nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết của Lơrenxơ Xton, nhà văn Anh ở thế kỷ XVIII. Giuyli muốn nói đến vở ca vũ kịch 'Mahômét đệ nhị' (1820) của Rốtxi-ni. Những cuộc khiêu vũ quý phái do em dâu hoặc nàng dâu cả của vua tổ chức. Sarlơ Pôchiê (1775 - 1838) là một anh hề nổi tiếng của Nhà Hát Tạp kỹ ở Pari. Trong thế kỷ XIX, con gái nhà quý tộc ở Pháp thường được gửi vào nhà tu để được giáo dục. Nhân vật trong anh hùng ca Enêiđơ, người bạn trung thành nhất của Êuê. Loại kịch lấy phương ngôn làm chủ đề. Tiếng người nhắc vở cho các diễn viên. Tên một bài thơ của nhà thơ Anh Bairan, trong đó ông làm thức tỉnh cảm tình của Âu Châu đối với người Hy Lạp đang bị áp bức (1813). Bài thơ đó thuật chuyện một phụ nữ tên là Lây-la vì phản bội chồng nên bị bỏ vào một cái bao và vứt xuống biển. Hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ (1785-1839), lên ngôi năm 1808. Tên chung chỉ người Âu ở Trung Cận Đông, trong thế kỷ XIX. Tiếng đệm tên, chỉ người quý phái Anh. Một thứ dao hình cong của người Thổ Nhĩ Kỳ. Cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ Pháp hồi bấy giờ. Thống lĩnh quân đội hoặc tỉnh trưởng ở Thổ. Thuộc vùng Giêorgi, ở phía Tây Nam dãy núi Côcaxơ. Cho mãi đến thế kỷ XIX, Mangrêli phụ thuộc nước Thổ nên phải cống con gái cho hoàng đế Thổ. Một hòn đảo trong quần đảo Iônien (Hy Lạp). Trong cuốn 'Nhật ký của Xêda', nhà sử gia cổ đại Hy Lạp Plutarcơ thuật rằng một hôm thuyền của Xêda bị bão đánh giạt ra cửa sông Alô, người chèo thuyền không chịu chèo nữa và muốn lên bờ, Xêda bèn bảo: 'Chú ơi! hãy can đảm lên và đi về phía trước, không sợ gì cả. Chú đang chờ Xêda và vận mệnh của Ngài đấy!' Nhân vật trong tiểu thuyết Pôn và Virgini của nhà văn Pháp Bernadanh Đơ Xanh Pie tả một mối tình lãng mạn ngây thơ (1787). Nhân vật trong thần thoại Hy Lạp. Prômê-tê đánh cắp lửa Trời đem cho loài người. Để trừng phạt, Trời sai xiềng Prômê-tê vào núi Côcaxơ và cho chim kền kền ngày ngày mổ gan Prômê-tê. Mỗi đêm gan đó lại mọc lại khiến Prômê-tê bị hình phạt ấy mãi mãi. Tên một thung lũng ở gần Côngxtăngtinôp, nơi nghỉ mát của kiều dân Châu Âu ở đó.

Một công trình bất hủ của nền kiến trúc Bidăngranh ở vùng Côngxtăngtinôp. Nhân vật trong truyện thần thoại Hy Lạp. Nàng yêu Lêăngđơ, một thanh niên Hy Lạp, nhưng sau Lêăngđơ chết đuối. Tên một báo của phe phản đối tự do ở Pháp và thời kỳ Phục hồi nền Quân chủ (1814 - 1830). Một giáo phái xuất hiện từ thế kỷ XVII, lấy tên của Corneliúyt Giăngxen. Đặc điểm của phái này là quan niệm khe khắt về luân lý. Thị trấn có nhiều vườn hoa ở Pari, xưa kia là nơi ở mùa hè của các vua nước Pháp. Vào thời kỳ đó ở ngoại ô Pari, nhiều chủ nhà hay sửa lại mặt trước biệt thự của mình thành cửa hàng để cho thuê kiếm lời. Rào chắn dựng ở đầu thành phố Pari hồi bấy giờ. Giống câu tục ngữ 'Chở củi về rừng' của ta. Trong hài kịch 'Người yếm thế' của Moliê, hai thanh niên quý tộc là Anxét và Ôrông cùng đến nhà Xêlimen yêu cầu nàng phải chọn một trong hai người làm chồng. Tên một ngọn núi ở phía Đông dãy núi Pyrênê nằm giữa nước Pháp và Tây Ban Nha. Nguyên văn: 'en terre' nghĩa là 'ở dưới đất', nhưng lại còn có nghĩa là 'bằng đất', do đó mới có sự hiểu lầm ở câu sau. Charlemagne (742-814), vua Pháp, người đầu tiên đã thành lập một đế quốc lớn gồm lãnh thổ của nhiều nước Tây Âu hiện nay. Louis Philippe (1773-1850), vua Pháp, lên ngôi năm 1830 và thoái vị năm 1848. Một trò chơi gần giống quần vợt. Tên một cung điện thời xưa ở Pari. Tên một nhà điêu khắc nổi tiếng của Pháp hồi cuối thế kỷ XVII, đã tạc nhiều tượng rất đẹp để ở cung Tuylôri. Một nhà điêu khắc nổi tiếng thời cổ Hy Lạp. Đơn vị đo chiều dài cổ bằng 1,949m. Một thành phố lớn ở Tây Ban Nha. Tượng người chơi một trò chơi cổ của La-mã; hai người chơi đồng thời xòe ra một số ngón tay và nói một số nào đó, người nào nói đúng tổng số ngón tay là người thắng cuộc. Tướng La-mã nổi tiếng về những chiến thắng chống các bộ lạc German, vì thế được Thượng nghị viện La-mã tặng danh hiệu là Biermanicux. Chỉ Đế quốc La-mã từ thời vua Côngxtăngtanh và Đế quốc Đông La-mã từ thời vua Thêôđôđơ đến năm 1453 là năm người Thổ đánh chiếm được thành Côngxtăngtinôp. Ở đây và ở một số chỗ sau này, chúng tôi không phiên âm ra tiếng Việt những chữ cổ trong truyện này, cốt để bạn đọc hiểu việc phân tích ngữ nguyên của những chữ cổ đó. Tiếng La-tinh trong nguyên văn, nghĩa là: 'Nhà bác học nói sao'? Theo thần thoại La-mã, là thần lửa và luyện kim. Một số nhà thơ La-mã ở thế kỷ I đã gọi Vuncanh là chồng của Vệ-nữ. Một thành phố lớn ở Phê-ni-xi thời Nô lệ, sau trở thành một thương cảng quan trọng vào bậc nhất hồi đó; từ thế kỷ XII trước C.N. dân thành Tyr bắt đầu đi chiếm nhiều nơi ở Địa trung hải làm thuộc địa. Ngày trước ở phương Tây, các ông già bà già thường có thói quen lấy thuốc lá vụn cho vào mũi hít. Lối nghiện này ngày nay gần như không còn nữa. Nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, và vua xứ Argô, một anh hùng trong trận Troa. Trong khi chiến đấu với Ênê con của Aphorôđít, tức là thần Vệ-nữ, Điômét đã làm Ênê bị thương, Aphorôđít lúc đó đến cứu con, đã hóa phép làm ra một đám mây bao bọc lấy người Điômét. Sau vì một người bạn của Điômét xúc phạm đến Aphorôđít, nữ thần bèn làm phép biến tất cả những người đi theo Điômét thành chim trắng. Ngày thứ ba đầu tiên sau lễ Tro trong đạo Thiên Chúa, kết thúc một đợt lễ có tổ chức vui chơi và trò trá hình. Ở các nước theo đạo Thiên Chúa, người ta cho lễ cưới vào ngày thứ sáu sẽ mang lại tai họa cho chú rể. Là ngày của sao Kim, còn gọi là sao Vệ-nữ (tức là Sao Hôm, Sao Mai hay Sao Thái Bạch). Tiếng La-tinh trong nguyên văn, trích ở tác phẩm Enêidơ của Virgilơ, nghĩa là 'Hãy dâng những bông huệ bằng một bàn tay hào hiệp'. Tên một thành phố cổ ở vùng Bankăng trên bờ biển Adriatie. Tiếng Tây Ban Nha là 'Thù này có ngày mày phải trả'. Theo truyền thuyết là tên một bộ lạc ở cạnh thành La-mã thời xưa. Dân thành

La-mã toàn đàn ông: bộ lạc Xabin khinh họ là hạng người hạ cấp không chịu gả con gái cho. Người La-mã bèn tổ chức hội hè mời nhân dân xung quanh đến dự, nhân đó cướp con gái của bộ lạc Xabin về làm vợ. Văn hào Pháp ở thế kỷ thứ XVI. Nữ văn hào Pháp ở thế kỷ XVII. Tên gọi các giáo sĩ của người Gô-loa, thủy tổ người Pháp. Nguyên văn tiếng Hy Lạp. Đây là lời nói của Hecto lúc sắp chết hương án(2), những điện thờ, những bình đựng nước phép, với Asin, trong thiên anh hùng ca Iliat của Ômerơ. Asin là nhân vật Hy Lạp anh hùng nhất trong Iliat; trong cuộc vây đánh thành Troa, chàng giết được Hecto, dũng tướng số một của thành này, nhưng sau chàng chết vì bị Parixơ, em trai của Hecto, bắn trúng một mũi tên độc vào gót chân. Còn Fêbuxơ - Apôlông là tên một vị thần trong thần thoại Hy Lạp; theo Iliat, thần Apôlông đã giúp Parixơ giết Asin. Vợ công tước Angulêm con trai cả và thừa kế của vua Sácơ X nước Pháp. Bà ta có tư tưởng rất bảo thủ phản động và có nhiều ảnh hưởng đối với vua Luy XVIII và Sácơ X. (1778 - 1851). Vách gỗ hoặc tường gạch phía sau hương án, chạm trổ hoặc đắp nặn đẹp để dùng để trang trí nhà thờ. Chỉ bạn đọc. Đây chỉ thứ khám thờ thường thấy trong các ngôi đền Hồi giáo. Khi vào đền, người Hồi giáo dựa theo vị trí của cái khám đó là có thể nhận biết đâu là hướng đông, vì cách bố trí của nó làm cho người lễ bái bao giờ cũng quay mặt về hướng đông. Đơn vị đo chiều dài bằng 1m188. Một Li-vơ bằng 0kg453. Đây là một loại bánh mì lớn. Một loại tiền cổ ở Pháp, bằng 5 phơ-răng. Tiếng La- tinh sanotum sanctorum trong nguyên văn nghĩa là thần thánh nhất trong những nơi thần thánh. Tê-ta-nốt: bệnh uốn ván. tên người lái đò trên sông Xtic, chở linh hồn của những người mới chết từ dương gian qua âm phủ. (Thần thoại Hy Lạp). Giường làm bằng hai cái gọng căng những sợi dây da hoặc một mảnh vải thô thay ván, nệm của những người mộ đạo dùng để tự hành xác chuộc tội. Một loại cây thờ của người theo đạo Thiên Chúa. (1) Tên một thứ thuốc an thần bằng thảo mộc. Tên mà người Âu Châu đặt cho những con chó yêu của mình. Một thứ tiền vàng ở nước Pháp thời xưa. Tên mà người Âu Châu đặt cho những con chó yêu của mình. Comédie Francaise hoặc còn gọi là Théâtre Francaise, một rạp hát nổi tiếng chuyên diễn những vở kịch cổ điển, thành lập năm 1680 do lệnh của vua Lu-y XIV. Variété, tên một rạp hát ở Pari. Câu này, trích trong tác phẩm Những bức thư Ba- Tư của Môngtexkiơ, xuất bản năm 1721 ở Pari, trong đó tác giả giễu tính hiếu kỳ lỗ lã của giới thượng lưu Pháp. Khi thấy một người Ba-Tư đến Pari, họ nói: 'Sao người ta lại có thể là người Ba-Tư nhỉ?' Jacques Amyot (1513-1593) tăng chức Pháp, dịch tác phẩm của Pluytaco, sử gia kiêm luân lý gia và của Lôngut, tiểu thuyết gia cổ đại Hy Lạp, Amyot có công trong việc trau dồi ngôn ngữ văn học Pháp trong thế kỷ XVI. Tên một rạp Ôpêra ở Pari, thành lập năm 1820, còn gọi là Rạp Quận Chúa. Gôngra (1603-1675) là một nhà văn Pháp sáng tác rất ít, khiến nhà phê bình văn học Boslô đã viết câu thơ chế giễu nổi tiếng như sau: 'Tôi bắt chước thái độ im lặng khôn ngoan của Gôngra' (J'imite de Conrart le silence prudent). Tiếng Ý trong nguyên bản, nghĩa là: Từ già em Têrêxa, em Têrêxa từ già nhé! Khi nào anh về, anh sẽ lấy em. Thực ra đây không phải là một bài hát chèo thuyền xứ Naplơ (Ý) là l' diệp khúc trong một bài hát của những tân binh nghĩa vụ. Nhân vật chính trong vở kịch Ôtelô của Sếchxpia. Đây ám chỉ mấy lời Ôtelô nói một mình trong vở kịch đó. Tên một khách sạn nổi tiếng hồi bấy giờ ở Pari. Tức là Mác. Chỉ quỹ Xatăng. áp dụng, không tìm ra được câu nào để nói, nhưng nàng Theo truyền thuyết, Arguyt là một hoàng tử có 100 mắt, lúc nào cũng có 50 mắt mở. Từ Arguyt nay dùng để chỉ những người kiểm soát cực kỳ tinh tế và hay dòm ngó phiền phức. Tên một đô

đốc Pháp (1782-1835). Thống lĩnh quân đội hoặc tỉnh trưởng ở Thổ. Đại thi hào Anh, tác giả của những tập thơ Chayđơ Harôn, Đông Gioăng, v.v. (1788-1824). Một tỉnh trước thuộc Thổ, nay thuộc Bungari. Một tướng nổi danh dưới thời Napôlêông đệ nhất. Ở nghĩa trang Cha Lasedơ (Pari) có mộ và tượng ông (1775-1825). Tiếng Hy-Lạp trong nguyên văn. Đây là mấy câu thơ của nhà thơ Hy-Lạp cổ đại Paladát sống vào thế kỷ V trước C.N. Súng ngắn nòng loe từ giữa, một vũ khí cổ, thường làm bằng đồng. Tiếng Tây Ban Nha nghĩa là quán trọ. Chỉ những tỉnh Tây Ban Nha hồi bấy giờ được hưởng một số đặc quyền là: Alava, Bixcay, Guypuycôa và một phần xứ Navarơ. Ở những nơi đó, nhân dân nói tiếng Baxcơ. Lực lượng công an vũ trang cuối ngựa cầm giáo. Thẩm phán ở các thành phố Tây Ban Nha hồi đó. Trong thần thoại Hy Lạp, Artêông là một chàng đi săn gặp nữ thần Dianơ đang tắm. Nữ thần tức giận hóa phép biến chàng thành hươu và lập tức chàng bị những con chó săn của chàng cắn chết. Tiệm giải khát có tủ ướp lạnh, hay nói cho đúng hơn là có tủ giữ tuyết. Làng nào ở Tây Ban Nha lúc bấy giờ cũng có tiệm giải khát như thế. (Chú thích của tác giả). Ở Tây Ban Nha, người ta tưởng rằng tất cả những người khách không mang theo những mẫu vải chúc bầu hay lụa đều là người Anh. (Chú thích của tác giả). Tiếng Tây Ban Nha nghĩa là phụ nữ bô-hê-miêng. Nhà văn Pháp ở thế kỷ thứ XVIII hay quan sát về phái đẹp. Một loài rắn mối, có bộ da thay đổi màu sắc theo chỗ nó nằm. Chức thẩm phán hàng tỉnh ở Tây Ban Nha thời bấy giờ. Người thuộc dòng dõi quý phái ở Tây Ban Nha. Giai cấp quý tộc ở Tây Ban Nha dưới thời Mêrimê được hưởng 'đặc ân' ấy. Người ta đưa phạm nhân vào nhà nguyện để người đó xám hối trước tượng Chúa trước khi bị hành hình. Gậy đầu bịt sắt của người Baxcơ. Viên phụ trách cảnh sát và cai trị ở thành phố Tây Ban Nha thời bấy giờ. Y phục thông thường của nữ nông dân xứ Navarơ và các tỉnh Baxcơ. Cô gái bô-hê-miêng. Thời xưa ở Tây Ban Nha, người đàn bà nào bị kết tội làm phù thủy thì bị đem đi giễu ở ngoài đường, đặt trên lưng một con lừa đi trước và ông co- rê- gi- do, đi sau là hai tên hầu của ông ta. Thừa ông, vâng (tiếng Baxcơ). Tiếng Baxcơ nghĩa là vườn cây, mảnh đất. Tiếng Baxcơ nghĩa là anh chàng khoác lác, anh hùng rơm. Tất cả các kỵ binh Tây Ban Nha hồi đó đều được trang bị bằng dáo. Chào bạn. Sân trong nhà. Một thứ phách. Lòng đỏ trứng trộn đường. Một thứ kẹo nu-ga. Vua Đông Pêđrô hay đi chơi đêm trong các phố ở Xêvilơ. Một đêm, nhà vua gây chuyện với một thanh niên đang chơi đàn trước cửa sổ nhà một cô gái. Hai người đấu gươm và vua giết chết người kia. Nghe tiếng xô xát, một bà già ló đầu ra cửa sổ và cầm đèn soi. Nhà vua có tật ở chân, nên bị bà già nhận ra ngay. Hôm sau, quan án tâu vua: \- Tâu bệ hạ, đêm qua trong phố nọ có một vụ đấu gươm khiến một người chết. \- Khanh đã tìm ra ai là hung thủ chưa? \- Tâu bệ hạ, đã. \- Thế sao người đó chưa bị trừng trị? \- Tâu bệ hạ, thần đang chờ thánh chỉ. \- Khanh hãy thi hành pháp luật. Khi đó, vua vừa mới ra lệnh chém đầu bất cứ ai dám đấu gươm, và đầu người đó sẽ bị bêu ở nơi đánh nhau. Viên quan án đã giải quyết vấn đề gay go này một cách tuyệt khéo. Ông ta sai cửa đầu một pho tượng nhà vua, rồi đem bêu giữa cái phố đã xảy ra thảm kịch. Tiếng bô-hê-miêng, rôm nghĩa là chồng; rômi nghĩa là vợ. Tiếng bô-hê-miêng chỉ đàn bà bô-hê-miêng. Tên một giống chim màu vàng giống loại hoàng yến, nghĩa bóng là chàng ngốc. Lĩnh long kỵ binh Tây Ban Nha hồi đó mặc quân phục màu vàng. Phần lớn người bô-hê-miêng cho rằng họ gốc ở Ai Cập. Tục ngữ bô-hê-miêng. Đức bà đồng trinh. Ý nói cái giá treo cổ, vì nó là 'quả phụ' của người bị treo cổ cuối cùng. Tiền Tây Ban Nha. Carmen có ý chế giễu Giô-dê, vì anh này là long kỵ binh còn gọi là lính đầu rồng. Một thứ

rễ cây giống củ đậu. Tiếng bô-hê-miêng. Ông thánh mà bọn trộm cướp coi như thánh hộ mệnh của mình. Ngốc. Phụ nữ lịch sự. Người Tây Ban Nha hồi đó hay gọi người Anh là tôm hùm, vì màu binh phục Anh giống màu vỏ con tôm hùm (Chú thích của tác giả). Chỉ nơi hỗn độn có nhiều người nói tiếng khác nhau nên không hiểu nhau. Người tình. Cây gậy bịt sắt. Phương ngôn bô-hê-miêng: kỳ tích của anh lùn là nhổ được xạ. (chú thích của tác giả). Chỉ Châu Mỹ. Kỵ sĩ đấu bò mộng bằng dao. Đối với một người pi- ca- do không có gì lịch sự hơn là giật được chiếc nơ ấy trong lúc con vật đang còn sống, rồi đem nơ ấy tặng một phụ nữ. Trận này diễn ra ngày 21-10-1805 ở gần mũi đất Trafanga (eo biển Gibranta), trong đó hạm đội Anh do đô đốc Nénxon chỉ huy, đánh tan hạm đội liên hợp Pháp-Tây Ban Nha. Tên một hòn đảo thuộc Anh ở bể Măngơ. Đây muốn nói đến hòa ước ký kết giữa Pháp và Anh sau khi nền đế chính của Napôlêông sụp đổ (1815). Tên bọn con buôn người da đen tự đặt cho mình. Đơn vị đo chiều dài ở Châu Âu thời xưa bằng khoảng 32 cm. Còn pu-xơ thì bằng 2,5 cm. Tên một hải cảng lớn ở bờ biển phía Tây nước Pháp. Tên một thuộc địa cũ của Pháp ở Tây Phi. Một loại tiền cổ ở Pháp, bằng 5 phơ-răng. Tên một đảo thuộc Pháp ở Trung Mỹ. Hồi đầu thế kỷ XIX ở các đồn điền trồng mía ở Martinich, phần lớn công việc trồng trọt đều do người da đen nô lệ bị buôn từ Châu Phi sang làm. Tên của một trong những bộ lạc lớn nhất ở Xê-nê-gan. Bi kịch của thi sĩ Pháp Cadimia Đơ Lavinơ (1793 - 1813), dả kích phong kiến. Tiếng Bồ Đào Nha trong nguyên văn, nghĩa là trò giải trí. Danh từ này đã đi sâu vào ngôn ngữ của bộ lạc da đen Vô-lô-phơ. Thứ đàn của người da đen, gồm 20 miếng gỗ rất rắn, ở phía dưới có buộc những nửa quả bầu già phơi khô để làm cho tiếng kêu to. Tiếng gọi đùa người cầm gậy, cầm roi, đây ý nói sợ đòn. Roi làm bằng giầy thừng bện lại, hồi trước dùng để trừng trị thủy thủ. Tên một bộ lạc da đen ở Xê-nê-gan. Đội trưởng da đen nào cũng có chiến ca riêng. Một người quý tộc thời xưa vì xung đột với thứ dân, bị buộc phải rời khỏi La Mã. Về sau ông mang quân về vây thành, khẳng khái cự tuyệt mọi đề nghị giảng hòa của nghị viện La Mã; mãi sau có một phái đoàn phụ nữ trong đó có mẹ, vợ và con gái ông đến xin cầu hòa, ông mới chịu. Thủ đô đảo Giamaica ở Trung Mỹ, nguyên trước là thuộc địa Anh. Thủ đô đảo Giamaica ở Trung Mỹ, nguyên trước là thuộc địa Anh. Tên hai thứ rượu mía. (1) Kiểu lều truyền thống của người Mông Cổ. (*) "Phân vườn" đồng âm với "duyên phận". (1) Trong tiếng Trung phiên âm của chữ "tình" là "qíng" và "cầm" là "qín" đọc gần giống nhau. (2) Chữ "cầm" có chữ "kim" bên trên, chữ "y" bên dưới. (3) Niệm Cầm có nghĩa là nhớ đến, hoài niệm cái chán. (4) Bản dịch của Trác Văn Quân@thivien.net. (5) Tương truyền nhà thơ pháp thời Đông Tấn Vương Hiến Chi có một ái thiếp tên gọi Đào Diệp. Mỗi khi nàng qua lại hai bờ Tần Hoài, Vương Hiến Chi đều rất lo lắng, thường ra tận bến phà tiễn nàng, còn làm bài thơ Đào Diệp ca. Từ đó bến phà trở nên nổi tiếng, lâu dần được gọi là bến Đào Diệp. (1) Khẩu hình của từ "khung ảnh" và "nhớ tôi" khá giống nhau. (1) Chữ "nhất" và chữ "y" phát âm giống nhau. Gia đình Farkle: là gia đình nhân vật chính trong một show truyền hình của Mỹ bao gồm những mẫu truyện hài ngắn có tên Rowan & Martin's Laugh-In. Trong đó, ông bố và bà mẹ Farkle có mái tóc sẫm và thị giác rất tốt, nhưng thật đáng ngạc nhiên khi tất cả những đứa con lại đều có mái tóc màu đỏ và đeo kính cận, giống hệt "người bạn hàng xóm tốt bụng và đáng tin". Điều này ám chỉ giữa bà vợ nhà Farkle và ông hàng xóm có gì đó hơn là tình bạn, nhưng lại không bao giờ có lời giải thích nào về chuyện này. Chứng hưng trầm cảm: một bệnh có 2 biểu chứng xuất hiện cùng một lúc ở người bệnh: hưng cảm và trầm cảm.

Người mắc bệnh này thần kinh rối loạn, lúc thì quá hưng phấn, vui đến phát cuồng, lúc thì quá ưu sầu, quá suy sụp. Amaretto: Một loại rượu của Ý làm từ quả hạnh nhân. Enchilada: Món ăn Mexico, bao gồm bánh mì ngô cuộn thịt gà, pho mát, đậu... phủ bên ngoài là sốt cà chua, ớt hoặc sô-cô-la rồi nướng lên. Mel Gibson: Diễn viên kiêm đạo diễn, nhà biên kịch, nhà sản xuất phim nổi tiếng của Mỹ. Hannibal Lecter: Nhân vật phản diện trong bộ phim kinh dị Sự im lặng của bầy cừu. Lecter là một bác sĩ, bị giam giữ trong bệnh viện tâm thần Maryland vì tội ăn thịt người. Nhờ sự giúp đỡ của hắn mà sinh viên tập sự FBI là Claire Starling đã bắt được tên sát nhân giết người hàng loạt Buffalo Bill và giải thoát cho con gái bà Nghị sĩ. Kết thúc phim, Lecter thoát khỏi bệnh viện tâm thần và trở thành mối nguy hiểm cho xã hội. một trong những kỳ thi chuẩn hóa cho việc đăng ký vào một số trường Đại học ở Mỹ Một loại thuốc mọc râu, tóc Nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, vị vua đầy bi kịch của Thebes, đã vô tình giết chết cha đẻ và kết hôn với mẹ Nguyễn văn "short-sheet a bed": một cách trải ga giường nhằm bẫy người nằm bằng cách gấp đôi tấm khăn trải giường lại sao cho nhìn từ bề ngoài thì giường đã được soạn sửa xong, nhưng thực ra người nằm không thể duỗi thẳng chân. Alex chơi chữ. Nguyễn văn Nina dùng từ "Turgid", từ này phát âm có âm điệu giống tiếng Nga nhân vật chính trong cuốn truyện Những cuộc phiêu lưu của Peter Pan, một truyện nổi tiếng trong mảng truyện thiếu nhi của Mỹ. Peter Pan là một cậu bé không bao giờ muốn lớn lên, lúc nào cũng chỉ muốn mình vẫn còn là trẻ con để được chơi đùa thỏa thích và không phải lo nghĩ thuật ngữ y khoa, là triệu chứng ban đầu cho thấy tim có vấn đề chất Liti, một loại kim loại. Theo khoa học, pha liti vào nguồn nước uống sẽ có tác dụng điều hòa chứng rối loạn tinh thần cho những người mắc bệnh trầm cảm. Charity: có nghĩa là Từ thiện. Đẳng cấp Hướng đạo Đại bàng là cấp hiệu danh dự cao nhất dành cho các hướng đạo sinh căn cứ vào các thành quả đạt được về nghệ thuật chỉ huy, nghĩa vụ công dân, phát triển những đức tính tinh thần và rèn luyện thể chất. Paul Gauguin: là họa sĩ người Pháp, thuộc hàng đầu của trào lưu hậu ấn tượng. Ông là người rất thích phiêu lưu, mạo hiểm và yêu hội họa. Thời còn trẻ, khi còn ở trong hải quân, ông đã đi vòng quanh thế giới trong vòng 13 tháng. Về sau ông đã bỏ nhiều công việc quan trọng ở hải quân, ngân hàng, chứng khoán để cuối cùng có thể tập trung hoàn toàn vào hội họa. Chơi chữ, trong tiếng Anh "guy" có nghĩa là "gã", chỉ người đàn ông trong cách nói không trang trọng. Loại mũ học sinh nam hoặc sinh viên năm nhất đại học thường hay đội. "Mày gầm gừ tao á?" là câu thoại của diễn viên nổi tiếng Robert De Niro trong phim kinh dị Tài xế Taxi (Taxi Driver). Nguyễn văn là "Terrible Twos": Một giai đoạn phát triển của trẻ nhỏ thường xuất hiện quanh độ tuổi lên hai, có khi là sớm hơn, biểu hiện là trẻ không chịu nghe lời và quậy phá. Jell-O: một thương hiệu đồ tráng miệng vị trái cây của Mỹ được làm từ bột gelatin (dạng rau câu) Du Pont: một công ty hóa chất nổi tiếng ở Mỹ (ở đây ám chỉ bộ ngực đã được phẫu thuật thẩm mỹ). Nguyễn văn là "play the devil's advocate": xảy ra trong tranh luận, khi một người giả làm người phe địch tấn công bạn mình, để bạn mình nghiên cứu cách chống đỡ. Các luật sư luôn làm việc này hàng ngày để xây dựng hệ thống lý luận vững chắc cho mình. Sigmund Freud: nguyên là một bác sĩ về thần kinh và tâm lý người Áo. Ông được công nhận là người đặt nền móng và phát triển nghiên cứu về lĩnh vực phân tâm học. Carl Jung: một bác sĩ tâm thần, một nhà tâm lý học người Thụy Sĩ. Ông là nhà tâm lý học hiện đại đầu tiên cho rằng: tinh thần con người là nền tảng của mọi tôn giáo. Tư tưởng của ông gây ảnh hưởng lớn đến nhiều

nhà tâm lý học và các phong trào tâm linh hiện đại. Chơi chữ. Trong tiếng Anh, trẻ trung là “young”, phát âm giống như Jung. Lassie là một chú chó – nhân vật chính trong bộ phim Lassie Come Home (Lassie về nhà). Đây là con chó rất thông minh, đã làm rất nhiều việc giúp chủ của mình (trong đó có cậu bé Timmy) vượt qua nhiều hoàn cảnh khó khăn và nghèo khó. Alcoholics Anonymous: một tổ chức quốc tế cung cấp các dịch vụ hỗ trợ những người muốn cai rượu bia. 1\ Tên một điệu waltz của nhà soạn nhạc nổi tiếng người Áo Johann Strauss II (1825 - 1899), dịch ra tiếng Anh là Tales from the Vienna Woods (BTV). 1\ Trang web bán hàng online của Trung Quốc (BTV). 2\ Trong tiếng Trung, Lý và Lễ đồng âm. Phi Lễ, Mạc Sầu có nghĩa là vô lễ, đừng buồn (ND). 3\ Sadako là nhân vật trong bộ phim kinh dị có tên là 'The ring' của Nhật (ND). 1\ Trong tiếng Trung, Tạ Ý có nghĩa là lòng biết ơn. Vì thế Tiêu Tinh nói để bày tỏ lòng biết ơn của mình cũng có nghĩa là bày tỏ 'tạ ý' của mình (ND). 1\ Kế thứ nhất trong ba mươi sáu kế binh pháp Tôn Tử, có nghĩa là dùng những lời nói dối và sự nguy trang để che giấu ý định thực sự của mình (BTV). 1\ Hoá thân của Lý Vũ Xuân, ca sĩ nhạc Pop nổi tiếng Trung Quốc, từng giành ngôi quán quân trong cuộc thi tiếng hát Super Girls năm 2005 (ND). 1. Con hoẵng 3. (Từ cổ) chỉnh sửa. 2. Ba cái lò sưởi. 3B: Cách gọi tắt của Bông Bờm Bách.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>